



Yukio Mishima
**The Temple of
the Golden Pavilion**

translated by Ivan Morris



Sack.info

KIM CÁC TỰ

YUKIO MISHIMA

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Ngay từ khi tôi còn thơ ấu, Ba vẫn thường kể câu chuyện về Kim Các Tự cho tôi nghe.

Tôi ra đời trên một mũi biển hiu quạnh nhô ra ra biển Nhật Bản ở phía đông bắc Maizuru. Tuy nhiên, nguyên quán của Ba không ở đây mà ở Shiraku, miền ngoại ô phía đông thành phố Maizuru. Ba được thúc đẩy gia nhập giáo hội và trở nên tu sĩ trụ trì một ngôi chùa tên một mỏm đất xa xôi. Ba lập gia đình ở nơi này và sinh ra một đứa con trai, ấy chính là tôi vậy.

Trong khắp miền lân cận ngôi chùa, trên mỏm đất Nariu, không hề có một trường trung học nào thích hợp cho tôi. Kết cục, tôi phải rời cha mẹ đến ngụ ở nhà chú tôi tại sinh quán của Ba ngày trước; trong thời gian sống ở nơi này, tôi theo trường trung học Đông Maizuru, cuộc đi học cũng như lúc về nhà.

Bầu trời nơi quê cũ của Ba rất trong sáng. Nhưng mỗi năm vào tháng mười một và mười hai ngay trong những ngày trên trời dường như không có lấy một cụm mây, mỗi ngày chúng tôi vẫn bị bốn năm trận mưa rào đột ngột đổ ụp xuống đầu. Tôi nghĩ là chính vì miền đất này mà tôi đã có cái tâm tính thực là hay thay đổi.

Vào những chiều tháng Năm, sau khi đi học về, tôi thường ngồi trong phòng học trên tầng gác thứ nhì trong căn nhà chú tôi và mơ màng ngắm nhìn những vì ngọn đồi trước mặt. Ánh chiều tà lấp lánh trên các cành lá non bao phủ sườn đồi trông như giữa những cánh đồng người ta đã dựng lên một bức bình phong bằng hoàng kim óng ánh. Mỗi khi trông thấy cái này, tôi lại tưởng tượng đến hình ảnh Kim Các Tự.

Mặc dù thỉnh thoảng tôi vẫn nhìn thấy Kim Các Tự thật sự trong các tấm ảnh và các sách giáo khoa, song hình ảnh chế ngự tâm hồn tôi vẫn là hình ảnh Kim Các Tự theo lời Ba miêu tả. Ba chưa bao giờ kể cho tôi nghe là Kim Các Tự thật sự óng ánh hoàng kim hoặc có một vẻ gì náná như thế; tuy vậy, theo Ba, trên khắp trái đất này chẳng có gì đẹp đẽ cho bằng Kim Các Tự hết. Và lại, chính mặt chữ và chính âm ận của từ ngữ đã gán cho Kim Các Tự một vài tính chất hoang đường nào đó in sâu trong tâm khảm tôi.

Khi nhìn ánh mặt trời, tôi cảm thấy chắc chắn đó là một ánh hoàng kim do ngôi chùa vô hình rọi đến. Hiệp lộ Yoshizaka, ranh giới giữa huyện Fukui và phủ Kyoto thực sự nằm ở hướng đối nghịch, tôi vẫn quen nhìn thấy Kim Các Tự hiện hình vụt lên bầu trời buổi sớm giữa những ánh triêu dương trong khi mặt trời lên sau những rặng đồi chập chùng ở phía đông.

Như thế là Kim Các Tự hiển hiện ở khắp mọi nơi. Chừng nào mà tôi chưa được thực sự để mắt ngắm nhìn, Kim Các Tự vẫn còn giống như bể cả. Vì mặc dù vịnh Maizuru chỉ cách làng Shiraku nơi tôi cư ngụ có ba dặm rưỡi về phía Tây, những ngọn đồi vẫn chặn lấp không cho người ta nhìn thấy nước bể; tuy vậy trong không khí luôn luôn phảng phất một thứ dự cảm về bể cả; một đôi khi gặp thời tiết xấu, từng đàn chim hải âu bay xà xuống những cánh đồng kế cận để tìm chỗ ẩn náu.

Tôi vốn yếu đuối và tôi vẫn luôn luôn bị những thằng bạn khác đánh bại trong những cuộc chạy đua hay là đánh thiết bóng. Ngoài ra, ngay từ khi lọt lòng tôi đã mắc tật nói lắp và cái tật

này lại càng làm cho tôi có khuynh hướng khép kín không ưa giao tế hơn. Và ai nấy đều biết tôi là con một thầy tu ở chùa. Một vài thằng bé tai ác vẫn thường chế nhạo tôi bằng cách bắt chước một tu sĩ nói lắp trong khi ông ta đang khó nhọc mà lắp bắp từng câu kinh. Trong một quyển sách của chúng tôi có một câu truyện trong đó xuất hiện một nhà trinh thám nói lắp và mấy thằng kia thường đặc biệt cao giọng đọc những đoạn đó cho tôi nghe.

Chẳng cần phải nói là tật nói lắp của tôi đã dựng một chướng ngại vật giữa tôi và ngoại giới. Tôi vẫn thường vấp vấp khi phát ra âm thanh đầu tiên. Cái âm thanh đầu tiên này giống như một cái chìa khóa của cánh cửa ngăn cách thế giới nội tâm của tôi và thế giới và thế giới ngoại tại, và tôi chưa bao giờ được thấy cái chìa khóa này xoay vặn trơn tru trong ổ khóa. Phần lớn người đời nhờ tài nói năng trôi chảy có thể giữ cho cánh cửa giữa thế giới bên trong và thế giới bên ngoài luôn mở rộng để cho không khí tự do qua lại giữa hai thế giới này, nhưng với tôi thì điều đó hoàn toàn không thể có được. Trên chìa khóa đã có một lớp rỉ sắt dày đặc mất rồi.

Khi một kẻ nói lắp vật lộn một cách tuyệt vọng để thốt ra được âm thanh đầu tiên, hẳn ta thực giống như một con chim bé nhỏ đang cố gắng gỡ mình ra khỏi một vũng bùn dày đặc. Cuối cùng khi nó xoay xỏa để tự giải thoát thì đã quá muộn mất rồi. Tất nhiên là có những lúc mà thực tế của thế giới bên ngoài dường như đã chờ đợi tôi, khoanh tay nơi nó đứng trong khi tôi đang cố gắng vật lộn để tự giải thoát. Nhưng cái thực tại đang đợi chờ tôi không phải là một thực tại tốt tươi. Khi mà cuối cùng sau biết bao cố gắng mới tới được thế giới bên ngoài tôi chỉ còn thấy một thực tại vừa mới tức thời thay đổi màu sắc và vượt ra ngoài tiêu điểm - một thực tại đã mất hết các màu sắc mới mẻ mà tôi coi là thích hợp với chính mình, và đến lúc đó đã bốc ra một mùi hôi hôi ung ung.

Như ai nấy có thể tưởng tượng dễ dàng, một thiếu niên như tôi sẽ đi tới chỗ ôm ấp hai hình thức tương phản về ước vọng quyền lực ý chí. Trong sử học, tôi thích thú những đoạn kể lại truyện cá bạo quân. Tôi tự thấy mình như là một bạo chúa lắm lì nói lắp: những kẻ thị tòng của tôi sẽ dán mắt theo dõi từng sắc diện của tôi và sẽ sống cả ngày lẫn đêm trong hải hùng run rẩy kinh sợ tôi. Không cần phải biện minh cho sự tàn ngược của tôi bằng những lời nói rõ ràng trơn tru. Chỉ riêng sự lắm lì ít nói của tôi cũng thừa đủ để biện minh tất cả mọi cung cách tàn ngược. Một mặt tôi thường thích thú tưởng tượng xem mình sẽ lần lượt trừng trị từng người một, gieo rắc hình phạt lên đầu các giáo sư và các bạn học vẫn hằng day dọa tôi mỗi ngày làm sao, một mặt tôi lại tưởng tượng ra mình là một đại nghệ sĩ được trời phú cho một thị lực quang minh tột độ - một vị vương giả chân thực của thế giới nội tại. Dáng vẻ bên ngoài của tôi không ra gì, nhưng chính vì thế mà thế giới nội tại của tôi lại phong phú hơn của bất kỳ một ai khác. Với một thiếu niên phải chịu một cố tật không sao sửa chữa được như tôi, kết cục đi đến chỗ nghĩ rằng mình như là một con người được bí mật lựa chọn, há chẳng phải là một điều tự nhiên hay sao? Tôi cảm thấy như là ở một nơi nào đó trên cõi đời này có một sứ mệnh đang chờ đợi chờ tôi mà cho đến nay tôi vẫn chưa hề hay biết gì cả.

Tâm trí tôi vẫn còn ghi nhớ mãi một biến cố suốt từ lúc đó đến nay. Trường trung học Đông Maizuru có những bãi đất rộng rãi chung quanh có những ngọn đồi thực là ngoạn mục và những tòa nhà sáng sủa tân kỳ.

Vào một ngày trong tháng năm, một cựu học sinh đã tốt nghiệp ở trường chúng tôi ngày trước bây giờ là sinh viên trong Hải Quân Cơ Khí Học Hiệu tại Maizuru được nghỉ lễ một ngày và trở về thăm lại trường cũ.

Anh ta có nước da xạm nắng thật là quyến rũ và cái mũi thực là to lớn mạnh mẽ nhô ra từ dưới cái mũi lưỡi trai mà anh ta kéo sụp xuống tận mắt; từ đầu tới chân anh ta thật là một trang anh hùng hoàn toàn. Bây giờ anh ta đứng lại kể cho các đàn em nghe cuộc sống khắc khổ trong hiện tại của anh ta với tất cả những quy luật nhà binh khe khắt. Tuy nhiên, mặc dù dụng tâm miêu tả một cuộc đời đầy những gian khổ, anh ta vẫn nói với một giọng như thể là anh ta đang kể cho chúng tôi nghe những truyện về một cuộc đời xa hoa cực độ. Mỗi cử chỉ của anh ta đều đầy vẻ ngạo mạn kiêu căng, nhưng dù còn ít tuổi, anh ta cũng thấy cần phải làm dáng khiêm nhường. Khung ngực anh ta trong bộ đồng phục có viền hoa uốn ra như là khung ngực của một hình người nơi mũi tàu khi con tàu đang rẽ sóng lướt gió trên mặt biển. Anh ta lúc đó đang ngồi trên một bậc đá thoải thoải chạy xuống sân chơi nhà trường. Chung quanh anh ta một nhóm học sinh xúm xít hăm hở lắng nghe từng lời anh ta nói, và trong những thửa vườn trên dốc đồi, những bông hoa tháng Năm đang nở rộ - nào hoa mã lan, hoa thượng uyển đâu, nào hoa dã tràng nhân, hoa sồ bạch cúc; và trên đầu họ rủ buông những nụ hoa mộc lan trắng đang nở tung bùng.

Cả người nói lẫn những người nghe đều bất động như những pho tượng kỷ niệm. Tôi không ngồi riêng một mình trên sân đất cách xa họ một vài thước. Tôi vẫn có cái cung cách như thế. Đó là cung cách của tôi đối với những bông hoa tháng Năm và đối với với bộ đồng phục đầy kiêu hãnh cùng những chuỗi cười trong trẻo vang vang của họ.

Lúc này anh chàng hùng trẻ tuổi lại quan tâm đến tôi hơn là đến những kẻ sùng bái anh ta. Chỉ có riêng tôi là không có vẻ cúi mình trước cái oai phong của anh chàng và điều đó làm cho anh chàng thấy lòng tự ái bị xúc phạm. Anh ta hỏi những thằng khác xem tên tôi là gì.

“Hãy, Mizoguchi!” Anh ta gọi to; đó là lần thứ nhất anh ta để mắt nhìn tới tôi. Tôi trừng trừng nhìn lại anh ta, không nói lấy một lời. Trong cái nụ cười mà lúc này anh ta hướng về phía tôi, tôi có thể khám phá một cái gì giống như sự hóm hỉnh phỉnh phờ của một người có quyền lực.

“Tại sao chú mày không trả lời ta câu nào vậy? Câm đấy ư?”

“Ờ... ờ... ờ... tôi nói lắp,” một trong những thằng ngưỡng mộ anh ta thay tôi mà trả lời và tất cả bọn đều phá ra cười ha hả. Cái tiếng cười chế nhạo này làm tôi lóa mắt làm sao! Đối với tôi, có một cái gì rực rỡ - rực rỡ như ánh sáng phản chiếu từ các chòm lá cây - trong cái tiếng cười vang vang ác độc của lũ bạn học vốn là cái đặc điểm của những thiếu niên cùng lớp tuổi chúng nó.

“Sao, chú mày nói lắp ư? Tại sao không vào Hải Quân Cơ Khí Học Hiệu? Họ sẽ dùng roi quất cho chú mày hết hẳn nói lắp chỉ trong một ngày thôi!”

Tôi không biết mình xoay xỏa ra sao nhưng tức thời vọt miệng trả lời được một câu rõ

ràng. Những lời nói trôi chảy tuôn ra chẳng hề do ý chí của tôi lấy một mảy may.

“Tôi sẽ chẳng vào trường ấy. Tôi sắp trở thành tu sĩ”.

Tất cả mọi người đều im lặng. Anh chàng anh hùng trẻ tuổi cúi đầu, nhặt một cọng cỏ và đưa lên miệng.

“Vậy thì,” anh ta nói, “một năm nào đó, đến lúc nằm xuống mồ, tôi sẽ cho anh một việc gì đó để mà làm.”

Cuộc chiến Thái Bình Dương đã thực sự bùng nổ. Vào lúc này chắc chắn là tôi đã trải qua kinh nghiệm của một sự tự giác nào đó - ý thức rằng tôi sẽ gior cả hai tay đứng đợi chờ trong một thế giới đen tối. Rằng một ngày nào đó những bông hoa tháng Năm, những bộ đồng phục, những thằng bạn học xấu tính nết của tôi, tất cả sẽ tìm đến những bàn tay giang ra của tôi. Chợt có ý thức là chính tôi đương nắm chặt thế giới, đang ép nó xuống tận dưới đáy... Nhưng một ý thức như vậy thì quá nặng nề để có thể trở nên một nguồn kiêu hãnh cho một thiếu niên như tôi.

Niềm kiêu hãnh phải là một cái gì nhẹ nhàng hơn, tươi vui hơn, sáng sủa hơn, rục rờ hơn. Tôi muốn một cái gì đó có thể thấy được. Tôi muốn niềm kiêu hãnh của mình phải là một cái gì mà tất cả mọi người đều có thể trông thấy được. Chẳng hạn như thanh đoản kiếm mà *hắn* đeo lưng lẳng ngang lưng đúng là một vật như thế.

Cái loại kiếm này mà tất cả học sinh trung học đều trầm trồ ca ngợi ngắm nghía thực là một đồ trang sức đẹp đẽ. Người ta bảo các sinh viên trong Hải Quân Học Viện vẫn thường lén lút dùng các thanh kiếm của mình để vót nhọn bút chì. Tôi nghĩ thực là thanh lịch biết bao khi dùng một biểu tượng trang nghiêm như thế vào những việc tầm thường đại loại như vậy.

Chàng thanh niên lúc đó đã cởi bỏ bộ đồng phục Cơ Khí Học Hiệu ra và đem treo lên cái hàng rào sắt sơn mà trắng. Cái quần dài và áo sơ mi trắng treo ngay đó gần sát tất cả những bông hoa - phải, đúng là chúng tỏa ra mùi mồ hôi lấm tấm trên làn da của anh chàng thanh niên ấy. Một con ong lằm lằm hạ cánh đậu trên cái áo chen hoa trắng tinh chói rạng. Cái mũ lưỡi trai có viền thêu vàng óng nằm trên một phần bờ rào; thực là nghiêm chỉnh y như là trên đầu người đội, kéo sụp xuống tận mắt. Chủ nhân của nó được một thằng đàn em mời ra thử sức và đã đi đến đài đấu vật ở phía sau để tỉ thí một keo.

Nhìn vào những đồ vật mà anh ta đã để ra một chỗ, tôi có ấn tượng là đang nhìn một thứ mộ phần danh dự. Những bông hoa xum xuê của tháng Năm càng làm tăng cảm giác này. Cái mũ phản ánh sắc đen huyền của vành lưỡi trai, và thanh kiếm cùng cái thắt lưng da treo ngay bên cạnh, tất cả đều đã tách rời khỏi thân mình anh ta ra một vẻ đặc biệt trữ tình. Chính tự chúng cũng hoàn toàn như là ký ức của tôi về chàng sinh viên ấy - thật vậy, đối với tôi chúng trông giống như những di vật của một trang thanh niên anh hùng sau khi đã lên đường ra trận.

Tôi để ý canh chừng chắc chắn là không có ai quanh quẩn gần đó. Tôi nghe thấy tiếng hoan hô từ phía bãi đấu vật vọng lại. Tôi móc từ trong túi quần ra một con dao díp mà tôi vẫn dùng

để gọt bút chì; rồi tôi leo lên hàng rào và khắc lên bao kiếm đẹp để màu đen nhiều vết dao nham nhở...

Nghe tôi kể chuyện như thế thiên hạ có thể vội vàng phán đoán là tôi phải có cơ chất cả một thanh niên thi sĩ. Nhưng cho đến ngày hôm nay, chẳng những tôi chưa hề viết một bài thơ nào mà còn chưa viết ngay cả một đoạn nhật ký trên cuốn sổ tay nữa. Tôi không hề cảm thấy một thôi thúc đặc biệt nào muốn vượt qua người khác bằng cách vun bồi năng lực nào mới để nhờ đó có thể bù đắp lại những điểm mà tôi thua kém hẳn thiên hạ. Nói cách khác, tôi quá ngạo mạn để có thể trở thành một nghệ sĩ. Ước mơ muốn trở thành một bạo quân hay một đại nghệ sĩ của tôi không bao giờ vượt quá giai đoạn của một mộng mơ, và tôi chẳng hề thấy có một may mắn ước muốn thực hiện một cái gì bằng cách thực sự mót tay vào công việc.

Vì rằng việc không được người khác hiểu mình đã trở nên nguồn gốc kiêu hãnh duy nhất và thực sự của tôi, nên tôi không bao giờ cảm thấy một xung động muốn biểu hiện các sự vật và làm cho người khác hiểu được một điều gì mà tôi biết rõ. Tôi nghĩ những điều mà kẻ khác có thể nhìn thấy thì không phải những điều được số mệnh dành riêng cho tôi. Sự cô độc của tôi ngày càng béo phì ra giống hệt một con lợn.

Đột nhiên tôi hồi tưởng tới một bi kịch xảy ra trong làng tôi. Mặc dù không ai tưởng tượng là tôi thực sự có một chút liên hệ nào với biến cố này, đến bây giờ tôi vẫn còn không làm sao gạt được cảm giác rõ rệt là mình có tham gia vào biến cố đó.

Qua biến cố này đột nhiên tôi thấy mình đối diện với tất cả mọi sự. Với cuộc đời, với thú vui xác thịt, với lương gặt phản trắc, với thù hận và tình yêu - phải, với tất cả những sự có thể có trên đời. Và ký ức của tôi vẫn ưa phủ nhận cái yếu tố sùng cao trong tất cả những sự vật này.

Có một thiếu nữ xinh đẹp sống trong căn nhà cách nhà chú tôi hai căn. Tên nàng là Uiko. Mắt nàng to và trong sáng. Có lẽ gia đình nàng giàu có nên nàng có thái độ kiêu kỳ. Mặc dù thiên hạ có thói quen đề cao cô nàng, người ta không thể tưởng tượng cô nàng nghĩ gì khi chỉ có một mình. Có lẽ Uiko hãy còn là một trinh nữ, nhưng những mục đàn bà ghen tị vẫn thường nhỏ to tán gẫu với nhau về nàng và bảo rằng này có cái tướng vẻ của một thạch nữ chẳng sinh đẻ gì được.

Ngay sau khi tốt nghiệp trường Nữ Trung Học, Uiko trở nên một nữ khán hộ tình nguyện tại Y Viện Hải Quân Maizuru. Y viện gần nhà nên nàng có thể đi làm bằng xe đạp. Nàng phải có mặt ở sở vào sáng sớm tinh sương, nên phải ra đi từ lúc trời còn mờ sáng, khoảng chừng hai giờ trước khi tôi đi học.

Một tối, tôi nằm đắm mình trong những tư tưởng mịt mù, nghĩ đến thân hình Uiko. Đêm đó tôi ngủ không yên và khi trời còn tối, tôi lén ra khỏi giường xỏ chân vào đôi giày tập thể dục và mò ra ngoài bóng tối của một bình minh mùa hạ.

Đêm đó chẳng phải là đêm đầu tiên mà tôi tự họa ra cho mình hình ảnh của thân hình Uiko. Có một cái gì thỉnh thoảng len lỏi qua tâm trí tôi dần dần kết hợp vào hình ảnh đó. Thân mình Uiko dường như là một sự kết tụ những ý nghĩ của tôi, chìm đắm trong một bóng tối mịt mù,

vừa trắng trẻo mà vừa mềm mại, cuối cùng kết tụ lại thành hình thịt da ngọt ngào hương thơm. Tôi thường hay nghĩ tới sự nồng ấm mà những ngón tay tôi sẽ cảm thấy khi sờ vào làn da thịt này. Tôi cũng nghĩ tới cảm giác mềm mại dẻo dai dưới đầu ngón tay và làn hương thơm có lẽ giống như hương thơm của phấn hoa vậy.

Tôi chạy thẳng theo con đường còn tối mịt mù. Những cục đá không làm cho tôi chệch choạng bước chân và màn tối mở rộng trên con đường trước mặt.

Tôi tới một nơi mà con đường mở rộng sau khi chờ đợi. Tôi đã chạy hết hơi tới đây, nhưng bây giờ đã nghỉ ngơi dưới bóng cây cử; chính tôi cũng không biết mình định làm gì nữa. Tuy nhiên, tôi đã biết sống cách biệt thế giới bên ngoài quá nhiều và do đó đã ôm ấp ảo tưởng rằng một khi nhảy vọt ra thế giới bên ngoài, việc gì cũng trở nên dễ dàng, việc gì cũng có thể làm được.

Mấy con muỗi xúm nhau lại đốt hai chân tôi. Tôi nghe thấy tiếng gà gáy ở nơi này nơi nọ. Tôi nhìn lên con đường. Tôi thấy ở phía xa một cái gì trắng trắng và mịt mờ. Tôi nghĩ đó là màu sắc bình minh, nhưng thực ra đó là Uiko.

Nàng đang đạp xe. Đèn xe bật sáng. Chiếc xe đạp lạng lế lướt trên mặt đường. Tôi rời gốc cây cử lao đầu chạy ra đứng ngay trước mũi xe. Chiếc xe nghiêng ngả mãi mới cấp tốc dừng lại được.

Và rồi tôi cảm thấy mình hóa đá. Ý chí của tôi, dự vọng của tôi - tất cả đều biến thành đá hết. Thế giới bên ngoài đã mất hết tương quan với thế giới bên trong của tôi, và một lần nữa, lại bao vây lấy tôi và khoắc lấy tấm áo hiện hữu tích cực. Cái "Tôi" đã lén lút lén khỏi nhà ông chú, đã xỏ chân vào đôi giày tập thể dục màu trắng và đã chạy theo con đường còn tối mịt mờ cho đến lúc tới cây cử này - cái "Tôi" này chỉ thúc đẩy con người bên trong của mình xả hết tốc lực mà chạy đến đây. Trong những mái nhà trường nét mịt mờ của thôn làng mới nhô khỏi bóng tối của bình minh, trong những lùm cây tối đen, trong những mỏm núi đen xì của rừng Thanh Diệp Sơn, phải, và ngay cả trong Uiko lúc này đang đứng trước mặt tôi, hoàn toàn không có một ý vị nào hết. Có một cái gì đó đã ban cho tất cả những cái này một thực tại to lớn, vô nghĩa, đen ngòm đã được đem cho tôi, đè nén lên tôi với một sức nặng từ xưa đến giờ tôi chưa từng thấy.

Như thông lệ, tôi nghĩ chỉ có lời nói là có thể cứu thoát tôi khỏi tình trạng này. Đó là một ngộ nhận đặc biệt của tôi. Khi cần phải hành động, tôi luôn luôn chuyên chú đến ngôn từ, và vì ngôn từ chui ra khỏi miệng tôi một cách khó khăn như thế nên tôi chỉ chuyên tâm nghĩ đến chúng và quên hết mọi hành động. Tôi thấy đường như hành động vốn là những việc chói lòa, rực rỡ, luôn luôn phải có những ngôn từ cũng chói lòa, cũng rực rỡ như thế đi kèm.

Tôi chẳng nhìn đến cái gì hết cả. Như tôi nhớ lại, ban đầu Uiko hoảng sợ; nhưng khi thấy rõ là tôi, nàng chỉ chăm chú nhìn vào miệng tôi mà thôi. Tôi phỏng đoán là nàng đang nhìn vào cái lỗ hồng đen sì hư hồng này, cái lỗ hồng bé nhỏ méo mó này vấy đất bẩn như là cái tổ của một con vật nhỏ bé ngoài ruộng đồng, và bây giờ đang vắn vẹo một cách vô nghĩa trong ánh sáng

ban mai - nàng chỉ nhìn đến cái miệng của tôi mà thôi. Và nàng đã đặc ý thấy rằng nàng không hề có một mảy may sức lực nào sắp sửa phát ra từ cái miệng này để móc nối tôi với thế giới bên ngoài, nàng cảm thấy yên lòng.

“Trời đất ơi!” Nàng nói. “Thực là một điều kỳ cục quá chừng. Mà anh chỉ là một thằng nói lắp”.

Trong giọng nói Uiko có cái vẻ tươi mát của một làn gió nhẹ sớm mai. Nàng bấm chuông xe đạp kêu vang và một lần nữa lại đặt chân lên bàn đạp. Nàng vòng xe quanh tôi, làm như là muốn tránh một tảng đá trên đường đi vậy. Mặc dù chẳng có một ma nào quanh đó, Uiko vẫn nhấn đi nhấn lại cái chuông xe một cách chế giễu và trong khi nàng đạp xe ra xa, tôi còn nghe thấy tiếng chuông xe vọng lại từ những cánh đồng phía xa.

Tối hôm đó, và Uiko về mách nhà, mẹ nàng đã sang nhà chú tôi. Chú tôi lúc thường vốn ôn hòa là thế, vậy mà hôm đó cũng mắng tôi như tát nước vuốt mặt không kíp. Tôi nguyên rửa Uiko và rồi cầu mong sao nàng lăn ra mà chết; và một vài tháng sau lời nguyên rửa của tôi biến thành sự thật. Từ đó đến giờ tôi vững tin vào sức mạnh của những lời nguyên rửa.

Khi ngủ cũng như khi thức lúc nào tôi cũng cầu mong Uiko chết đi. Tôi ước ao con người đã chứng kiến sự sỉ nhục của tôi phải tiêu tan đi mất. Chỉ khi không còn một nhân chứng nào nữa niềm sỉ nhục của tôi mới có thể tuyệt diệt trên mặt đất này. Những người khác đều là chứng nhân. Nếu không còn một người nào nữa tồn tại thì trên đời này không có sự xấu hổ nào nữa. Điều mà tôi đã nhìn thấy trên nét mặt Uiko, sau cặp mắt nàng long lanh như mặt nước trong ánh sáng mịt mờ của buổi bình minh, thuộc về thế giới của những kẻ khác - nghĩa là thế giới của những kẻ khác, những kẻ không bao giờ để chúng ta yên thân, những kẻ đứng sẵn sàng làm kẻ tiếp tay, kẻ làm chứng cho những tội ác của chúng ta. Cần phải tiêu diệt hết tất cả những người khác. Nếu muốn tôi có thể thực sự đối diện với mặt trời, thì chính cái thế giới này phải được hủy diệt...

Hai tháng sau khi về nhà mách lỗi của tôi, Uiko từ bỏ việc làm ở Bệnh Viện Hải Quân và nằm lì ở nhà. Trong xóm người ta thì thảo bàn tán đủ mọi thứ truyện. Rồi tới cuối thu xảy ra biến cố.

Chúng tôi chẳng bao giờ có thể nghĩ là một tên đào ngũ khỏi Hải Quân đã đến ẩn náu ở trong thôn làng. Một hôm vào khoảng giữa trưa, một nhân viên hiến binh tới trụ sở hội đồng xã. Tuy nhiên việc một nhân viên hiến binh tới làng không phải là một điều hiếm thấy, vì thế cũng chẳng làm chúng tôi quan tâm gì nhiều.

Đó là một ngày trong sáng gần cuối tháng mười. Tôi đã đi học như thường lệ, đã làm xong các bài buổi tối ở nhà và sửa soạn leo lên giường đi ngủ. Khi sắp sửa tắt đèn, tôi đưa mắt nhìn qua cửa sổ và nghe thấy tiếng người chạy rầm rập dọc theo đường xá trong thôn; họ thở hổn hển như một bầy chó. Tôi đi xuống cầu thang. Chú thím tôi đã thức dậy và chúng tôi cùng bước ra ngoài. Một trong những thằng bạn học cùng trường với tôi đang đứng trước cổng lớn vào nhà. Nó trợn tròn đôi mắt vì kinh ngạc.

“Hiến binh vừa mới bắt Uiko.” Nó réo lên cho chúng tôi nghe. “Họ đã dẫn cô nàng đến đằng kia kia. Chúng ta hãy tới đó xem đi!”

Tôi vội vã xỏ chân vào đôi dép và bắt đầu chạy. Đó là một đêm trăng sáng nên thơ, và đó đây những cánh đồng vừa gặt, những cọng gĩa in bóng lơ lửng trên mặt đất.

Sau một khóm cây, tôi có thể thấy những bóng người đen xì đang chuyển động. Uiko mặc một cái áo đen đang ngồi bệt ngay trên đất. Khuôn mặt nàng trắng bệch. Đứng xung quanh nàng là bốn năm người hiến binh cùng song thân của nàng. Một người hiến binh đang cầm một cái gì trông giống như một hộp đồ ăn và đang giận dữ quát tháo. Thân phụ nàng quay đầu hết bên này tới bên nọ, lúc thì xin lỗi người hiến binh, lúc thì trách móc con gái mình. Thân mẫu nàng ngồi sụp trên mặt đất và đang khóc thút thít.

Chúng tôi đứng chăm chú theo dõi quang cảnh đó từ cuối một thửa ruộng lúa. Số người đứng xem mỗi lúc một gia tăng, và trong đêm họ lặng lẽ đứng sát vào nhau vai người này chạm vai người khác. Trên đầu chúng tôi mặt trăng treo lơ lửng nhỏ bé như là đang teo lại.

Thằng bạn học thì thào vào tai tôi mà giải thích. Dường như là Uiko đã lấy trộm hộp đồ ăn đem ra khỏi nhà và đang đi sang làng bên thì bị nhân viên canh bị, đã nằm phục kích từ trước, tóm được. Hiến nhiên là nàng định đem hộp đồ ăn cho người đào ngũ. Uiko đã giao du thân mật với người đào ngũ này trong khi nàng làm việc ở Bệnh Viện Hải Quân. Kết cục nàng có thai và bị sa thải. Người hiến binh lúc này đang cật vấn nàng về chỗ ẩn náu của kẻ đào ngũ, nhưng Uiko chỉ ngồi trơ ra đó không hề nhúc nhích mấy may và nhất định giữ im lặng một cách ngoan cố.

Về phần tôi, tôi chỉ có thể chăm chăm nhìn vào khuôn mặt Uiko, không chớp mắt. Trông nàng giống như một người đàn bà điên vừa bị bắt. Khuôn mặt nàng hoàn toàn bất động dưới ánh trăng.

Cho đến lúc đó, chưa bao giờ tôi thấy một khuôn mặt lại tràn đầy dáng vẻ cự tuyệt đến như thế. Tôi nghĩ khuôn mặt tôi là một khuôn mặt đã bị thế giới cự tuyệt, nhưng khuôn mặt Uiko thì đang cự tuyệt thế giới. Ánh trăng chan hòa trên trán nàng, trên mắt nàng, trên má nàng, trên sống mũi nàng; nhưng trên khuôn mặt bất động của nàng chỉ có ánh trăng tràn ngập. Nếu như nàng chỉ đưa mắt hay chỉ nhếch miệng lấy một chút xiu mà thôi, cái thế giới mà nàng đang nỗ lực cự tuyệt đó sẽ coi là một dấu hiệu để ào ào tràn ngập vào trong con người nàng.

Tôi nín thở giương mắt nhìn. Nhìn vào cái khuôn mặt mà lịch sử đã bị đứt đoạn vào đúng điểm này và sẽ không chịu nói lấy một điều nào hoặc tới quá khứ hoặc tới tương lai. Một đôi khi chúng ta nhìn thấy một khuôn mặt như thế trên một khúc cây vừa mới bị đốn xuống. Mặt dù khúc cây bị chặt ngang ngoài mặt hãy còn màu sắc tươi mát, nhưng ở điểm này tất cả mọi sự tăng trưởng đã ngưng hẳn lại; nó bị bất chợt phơi bày ra một thế giới vốn không phải là một thế giới của nó - và ở trên mặt khúc cây bị chặt ngang này. Chúng ta thấy một khuôn mặt lạ lùng do những mắt gỗ đẹp dễ vẽ nên. Một khuôn mặt chường ra thế giới này chỉ để mà cự tuyệt...

Tôi không sao ngăn được cái ý nghĩ là chẳng còn bao giờ, hoặc trong đời Uiko hoặc trong đời chính tôi, người đứng xem, lại có một lúc nào nữa được thấy khuôn mặt nàng xinh đẹp cho bằng lúc này. Nhưng cái đó không kéo dài như là tôi mong đợi. Vì đột nhiên khuôn mặt đẹp dễ của nàng bị biến dạng.

Uiko vụt đứng dậy. Tôi có cảm tưởng là trong lúc đó tôi thấy nàng mỉm miệng cười. Tôi có cảm tưởng là tôi thấy hàm răng trắng bong của nàng lóng lánh dưới ánh trăng. Tôi không thể nói gì hơn về sự biến dạng này, vì khi Uiko đứng lên khuôn mặt nàng chìm dưới bóng cây chứ không ở ngoài ánh trăng sáng nữa.

Thực ra đáng tiếc cho tôi không nhìn thấy được sự thay đổi trên khuôn mặt Uiko vào lúc mà nàng quyết định phản bội. Giả như tôi đã thực sự nhìn thấy tất cả mọi chi tiết sự đổi thay

trên khuôn mặt nàng thì rất có thể trong con người tôi đã nảy nở một tinh thần khoan dung tha thứ cho tất cả mọi thứ xấu xa trên đời.

Uiko chỉ tay về phía hốc núi Kahara ở làng bên.

“A! vậy ra nó ở trong Kim Cương Viện!” Người hiến binh kêu to.

Lúc đó tôi thấy trong lòng mình nảy sinh một niềm thích thú rộn rã thực là trẻ con. Toán hiến binh quyết định chia ra làm nhiều tốp riêng rẽ và bao vây kín cả Kim Cương Viện. Người ta kêu gọi dân làng đến trợ lực. Vì một hứng thú đầy ác ý, tôi gia nhập toán thứ nhất cùng với năm sáu thiếu niên khác. Uiko đi trước toán chúng tôi làm người hướng đạo. Tôi phải ngạc nhiên khi thấy những bước chân vững vàng tin tưởng của nàng trong khi nàng cất bước đằng trước chúng tôi trên con đường sáng trắng, có hiến binh kèm theo hai bên.

Kim Cương Viện vốn vẫn lừng danh. Viện được xây trong một hốc núi cách xa thôn làng Yasuoka chừng mười lăm phút đi bộ và được người ta biết đến vì cây cử do Thân vương Takaoka trồng và ngọn tháp ba tầng trang nhã mà người ta vẫn cho là công trình tạo tác của Hidari Jingoro. Vào mùa hè chúng tôi thường đến đó tắm ở thác nước đằng sau dãy đồi.

Bức tường ngôi chánh điện dựng ngay sát bên cạnh dòng sông. Cỏ hoang mọc đầy trên những tảng đất long lở, bông cỏ trắng phau lấp lánh trong đêm. Gần cổng vào chính điện cây sơn trà đang tung bùng nở hoa. Toán chúng tôi lặng lẽ cất bước dọc theo bờ sông.

Ngự đường của Kim Cương Viện nằm ngay trên đầu chúng tôi. Khi bước qua cái hoàn mộc kiêu, người ta thấy ngôi tháp ba tầng nằm bên tay phải: rừng cây với la thu đỏ rực trải dài bên tay trái, và ở sâu tít trong các lùm cây là một trăm lẻ năm bậc thềm đá rong rêu phủ đầy nằm cao ngất ngưỡng. Các bậc thềm đều bằng đá vôi và thực là trơn trượt.

Trước khi đi ngang qua cái hoàn mộc kiêu, những người hiến binh quay nhìn lại phía sau đưa tay ra hiệu cho toán chúng tôi dừng bước. Người ta bảo rằng ngày xưa vẫn có một cái cổng Nhân Vương Môn do hai nhà điêu khắc lừng danh Unkei và Tankei dựng lên ở nơi này. Phía ngoài là những ngọn đồi trên thung lũng Kujuku thuộc về vùng đất Kim Cương Viện.

Chúng tôi nín thở.

Những người hiến binh thúc giục Uiko tiếp tục tiến bước. Nàng một mình băng qua cây hoàn mộc kiêu, và một lúc sau chúng tôi đi theo nàng. Phần dưới các bậc thềm đá vẫn đắm chìm trong bóng tối những phần trên lại chan hòa ánh trăng. Chúng tôi ẩn mình đó đây phía dưới các bậc thềm. Lá cây bắt đầu nhuộm màu hung hung đỏ vào mùa thu, nhưng dưới ánh trăng trông lại như ngã sang màu đen.

Căn chính điện của Kim Cương Viện ở phía trên các bậc thềm đá. Một độ điện chạy xiên từ đó tới một không ngự đường có lẽ như để trình diễn các điệu vũ thần nhạc. Căn không ngự đường này đã được xây dựng theo kiểu mẫu vũ đài Thanh Thủy, vươn ra ngoài không trung và có những cây cột gỗ bắc dọc bắc ngang nâng đỡ cho tựa vào vách núi. Cả căn ngự đường, độ điện lẫn tổ hợp kèo cột bằng gỗ đều phơi mình cho mưa gió dập vùi, đều bóng lộn trong sạch trắng tinh như một bộ xương. Khi mà lá cây nhuộm sắc thu đỏ rực, màu đỏ của lá cây pha trộn thực là đẹp mắt với màu trắng của tòa kiến trúc trắng toát như bộ xương này; nhưng về đêm cái khung gỗ nhuộm trắng loang lổ ánh trăng trông lại có vẻ huyền bí và ma quái.

Đường như kẻ đào ngũ đang ẩn núp trong căn ngự đường bên trên vũ đài. Những người hiến binh muốn dùng Uiko làm mồi nhử để bắt hắn.

Là những nhân chứng của sự bắt bớ sắp xảy ra trước mặt, chúng tôi núp mình và nín thở. Mặc dù khí đêm lạnh đến cuối tháng mười đang bao phủ thân mình, tôi vẫn thấy hai má nóng

bùng.

Uiko một mình leo lên một trăm lẻ năm bậc thềm đá vôi. Kiêu hãnh như một mục đàn bà diên khùng. Nét mặt nàng nhìn nghiêng trắng trẻo đẹp đẽ nổi bật lên giữa tấm áo đen và mái tóc huyền.

Giữa những vì sao, giữa những áng mây êm, giữa những núi đồi viền lấy bầu trời với nhiều hình bóng trắng lợt của các chòm cây tùng bách nhọt hoắt, giữa những đốm trắng lợt qua lá cành, giữa những tòa kiến trúc sừng sững long lanh trắng toát - giữa tất cả những cái đó, vẻ đẹp tươi sáng trong sự phản trắc do Uiko làm tôi say mê. Người con gái này một mình bước lên những bậc thềm đá trắng tinh, kiêu hãnh uốn ngực ra đằng trước. Sự phản trắc của nàng cũng giống như sự phản trắc của các vì sao và những chòm tùng bách nhọt hoắt. Nói cách khác, nàng đương ở trong cùng một thế giới với chúng tôi, những nhân chứng, và nàng đương chấp nhận cái thiên nhiên đang vây quanh tất cả chúng tôi. Nàng đương bước lên những bậc thềm ấy, như là đại biểu của chúng tôi. Và tôi không sao ngăn được mình ghen thờ mà nghĩ rằng: "Do sự phản trắc của nàng, cuối cùng nàng cũng chấp nhận tôi. Bây giờ nàng là của tôi!"

Tới một điểm nào đó, cái mà chúng ta gọi là biến cố sẽ biến mất khỏi ký ức. Cái con người Uiko đang leo lên một trăm lẻ năm bậc thềm rong rêu phủ đầy ấy đến bây giờ hãy còn hiển hiện trước mắt tôi. Đối với tôi dường như nàng cứ vĩnh viễn cất bước leo lên không bao giờ ngừng.

Nhưng từ điểm này trở đi, nàng trở nên một con người hoàn toàn khác biệt. Có lẽ là cái con người Uiko đang leo lên những bậc thềm ấy một lần nữa lại phản bội tôi, phản bội chúng tôi. Từ điểm này trở đi nàng không còn cự tuyệt thế giới trong cái toàn thể của nó nữa. Mà nàng cũng không hoàn toàn chấp nhận nó. Nàng tự cúi mình theo mệnh lệnh riêng lòng đam mê ái dục; nàng tự hạ mình xuống hàng ngũ một người đàn bà đã trao thân cho riêng một người đàn ông mà thôi.

Vì lẽ đó mà tôi chỉ còn nhớ được những gì xảy ra tiếp theo như là quang cảnh trong một bức thạch ấn xưa cũ nào đó. Uiko bước dọc theo độ điện và cất tiếng gọi vào căn ngự đường tối om. Bóng một người đàn ông hiện ra. Uiko nói điều gì đó với người này. Người đàn ông chìa khẩu súng lục về phía các thềm đá và nổ súng. Từ một bụi cây gần đó những người hiến binh chìa súng tay mà bắn trả lại. Người đàn ông đang sửa soạn nổ súng một lần nữa thì Uiko quay mình về phía độ điện và bắt đầu co giò chạy. Người ấy bắn hết phát nọ đến phát kia vào lưng nàng. Uiko ngã lảo ra. Người ấy chìa họng súng lục vào thái dương mình và nổ súng lần nữa.

Trước tiên các hiến binh, rồi sau tất cả những người khác, chen nhau chạy lên các bậc thềm và đổ xô về phía hai xác chết. Tôi vẫn im lặng ẩn mình dưới bóng các lá thu đỏ ối. Những khung cột gỗ bắc dọc bắc ngang của ngôi chùa chồng chất lên nhau ở phía trên đầu tôi. Tiếng giầy của mọi người, trong khi họ cất bước dọc theo những tấm ván độ điện trên đầu tôi, nhẹ nhàng từ trên vang xuống. Ánh vài ba ngọn đèn bấm chạy dọc ngang chiếu rọi từ lan can độ điện tới những cành cây lá hung hung đỏ.

Tôi chỉ nghĩ là tất cả những việc này đã xảy ra trong một quá khứ xa xôi. Những người kém nhạy cảm chỉ bị nhiễu loạn khi nào trong thấy máu đổ thực sự. Tuy nhiên, lúc máu đã đổ ra rồi thì tấn bi kịch cũng đã chấm dứt. Tôi ngủ thiếp đi. Khi thức dậy, tôi thấy ai nấy đều đã bỏ đi nơi khác cả rồi. Hiển nhiên họ đã quên tịt mất tôi. Không gian đầy tiếng chim ríu rít và ánh mặt trời buổi sáng chiếu rọi qua cành lá đỏ hung trên những cây xung quanh. Tòa kiến trúc như bộ xương trắng trên đầu tôi dường như sống lại khi được mặt trời rọi sáng từ phía dưới. Lặng lẽ

và kiêu hãnh, cần không ngờ đường hắt bóng vào thung lũng lá cành nhuốm đỏ.

Tôi đứng dậy, run rẩy, tự chà sát thân mình để kích thích sự tuần hoàn. Trong thân xác tôi chỉ còn sự giá lạnh. Tất cả chỉ còn là sự giá lạnh mà thôi.

Trong những ngày nghỉ mùa xuân năm kế Ba tới chơi nhà chú tôi. Trên bộ đồng phục dân sự thời chiến, cha tôi choàng chiếc áo cà sa. Ông nói là ông sẽ đưa tôi đi Kyoto trong vài ba ngày. Bệnh phổi của Ba đã trầm trọng hơn nhiều và tôi buồn lòng khi thấy Ba suy sút đến thế. Chẳng phải chỉ riêng tôi mà chú thím tôi, tất cả đều cố gắng can Ba đừng đi Kyoto nữa, nhưng ông không chịu nghe theo. Sau này khi nghĩ tới việc đó tôi mới biết là Ba muốn tự mình dẫn tôi tới ra mắt viện chủ Kim Các Tự trong khi Ba còn sống trên thế gian này.

Tới thăm Kim Các Tự đối với tôi dĩ nhiên đã là một mơ ước từ bao nhiêu lâu, nhưng nghĩ tới việc thực hiện một cuộc hành trình với Ba dù Ba đã cố gắng hết sức vẫn khiến bất cứ ai nhìn ông phải thấy ngay là Ba đang ốm rất nặng - tôi không thấy gì làm thích thú. Khi mà thời gian đối mặt với Kim Các Tự tới gần, cái Kim Các Tự mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy tận mắt, lòng tôi mỗi lúc lại thêm trù trừ. Dù thế nào đi nữa, điều cốt yếu là Kim Các Tự phải thật đẹp đẽ. Do đó, tôi đem đánh cá tất cả không phải lên cái đẹp khách quan của chính ngôi chùa cho bằng cái khả năng tưởng tượng ra vẻ đẹp của nó nơi riêng tôi.

Tôi hoàn toàn thông hiểu về những điều liên hệ tới Kim Các Tự, ít nhất là trong phạm vi hiểu biết của một thiếu niên vào tuổi tôi. Qua một cuốn sách nghệ thuật, tôi đã học lời giải thích sơ lược sau đây về lịch sử Kim Các Tự.

“Ashikaga Yoshimitsu (1358-1408) được gia đình Saionji nhượng lại Bắc sơn điện và biến nó thành một biệt thự rộng lớn. Những tòa kiến trúc chủ yếu là Xá Lợi điện, Hộ Ma đường, Sám Pháp đường và Pháp Thủy viện xây dựng theo kiến trúc Phật giáo cùng Thần điện. Công Khanh gian Hội Sở, Thiên Kính các, Truyền điện và Khán Tuyết đình theo lối kiến trúc có quan hệ với các trú xá. Xá lợi điện là kiến trúc được xây dựng cẩn thận nhất và về sau được gọi là Kim Các Tự. Thực khó mà xác định nó đã mang cái tên này lần đầu tiên vào lúc nào, nhưng có vẻ sau cuộc biến loạn Ojin (1467-77). Trong thời đại Bummei (1469-87) tên này được phổ biến và trở nên thông dụng.

“Kim Các Tự là một kiến trúc ba tầng hình tháp nhìn xuống một uyển trì (Kính Triều trì). Có lẽ đã được hoàn tất vào khoảng năm thứ năm đời Oei (1389). Hai tầng dưới được xây theo kiểu tấm điện với lối kiến trúc cổ truyền và có những cánh cửa chớp có thể xếp lại, nhưng tầng thứ ba là một căn phòng sáu thước vuông xây theo kiểu Thiên đường thuần túy của nhà Phật ở giữa có sạn đường hộ, hai bên phải và trái có hoa đầu song. Mái lợp bằng vỏ cây trắc bách diệp dựng theo kiểu bảo bình, bên trái có một con chim phượng hoàng bằng đồng thau đứng cao chót vót. Điều điện với cái mái nhấp nhô vươn ra ngoài đối diện cái ao làm cho các kiến trúc chung quanh bớt phần đơn điệu. Mái Kim Các Tự làm bằng gỗ mịn thoai thoải dốc xuống. Đường nét kiến trúc vừa nhẹ nhàng vừa đẹp đẽ. Đó là một kiệt tác phẩm của lối kiến trúc đình viên, điều hòa hai lối trú xá và Phật đường. Như thế ngôi thần điện này đã biểu lộ thị hiếu của Ashikaga Yoshimitsu, con người từng hết lòng thâm nhập văn hóa Hoàng triều và diễn tả trung thực khí vị của đương thời.

“Sau khi Yoshimitsu qua đời, theo di mệnh của ông, Bắc Sơn điện được biến thành một Thiền sát và được gọi là Lộc Uyển tự. Sau đó, những kiến trúc này được chuyển đi nơi khác hoặc bị bỏ mặc cho hoang phế. May mắn là còn lại Kim Các Tự...”

Như một vầng trăng lơ lửng trong bầu trời ban đêm, Kim Các Tự đã được xây dựng để

tượng trưng cho những thời đại đen tối. Như thế cái Kim Các Tự trong mộng tưởng của tôi tất phải có bóng tối làm bối cảnh. Trong cái bóng tối âm u này, những cây cột đẹp đẽ, mảnh mai của tòa nhà đứng lặng lẽ và vững vàng tỏa từ bên trong ra một ánh sáng lắt leo. Dù cho thiên hạ có nói gì về Kim Các Tự chẳng nữa, nó vẫn phải tiếp tục đứng đó lặng lẽ phơi bày công trình kiến tạo mỹ lệ, tiêm tể của mình trước mặt thế giới và chịu cho bóng tối vây kín khắp chung quanh.

Tôi cũng thường nghĩ đến con phượng hoàng bằng đồng thau nhựt trên mái Kim Các Tự và đã đứng đó mãi mãi phơi mình trong mưa nắng gió sương với năm tháng. Con chim vàng óng thần bí này chẳng bao giờ cất tiếng gaysáng, chẳng bao giờ vỗ cánh - thực vậy, hiển nhiên tự nó đã quên phứt mình là một con chim. Tuy nhiên, nếu bảo rằng trông nó không có vẻ như đang bay thì thật là không đúng sự thực. Những con chim khác bay trong không gian, nhưng con phượng hoàng vàng óng này vĩnh viễn bay qua thời gian trên đôi cánh chói rạng. Thời gian đập vào đôi cánh ấy và bành bồng trôi lại đằng sau. Để tung cánh bay, con phượng hoàng đứng yên bất động, với ánh nhìn giận dữ trong cặp mắt, giương đôi cánh giữa trời, ve vẩy lông đuôi và kêu hùng giăng đôi chân oai nghi vàng óng.

Trong những khi nghĩ ngợi mông lung như thế tôi thấy Kim Các Tự giống như một con tàu đẹp đẽ nào đó đang vượt qua mặt biển thời gian. Cuốn sách mỹ thuật nói đến “những tòa nhà lộng gió thiếu tường”, và cả điều này nữa cũng đem hình dạng một con tàu vào trong trí tưởng tượng của tôi. Cái ao nơi tòa nhà ba tầng hình chiếc tàu này soi bóng có thể được coi là tượng trưng cho bể cả. Kim Các Tự đã băng mình qua một đêm vô tận. Một chuyến vượt biển mà người ta đoán trước được kết quả. Ban ngày, con tàu kỳ dị này hạ neo với một dáng vẻ thơ ngây và chịu phơi mình cho người ta ngắm nhìn; nhưng khi đêm đến, bóng tối bao quanh làm cho nó có một thể mới và nó bồng bênh trôi xa với cái mái như một cánh buồm lớn căng phồng.

Thực không phải nói quá lời khi bảo rằng vấn đề tối sơ mà tôi thực sự phải đối phó trên đời là giữa hai con người này. Chẳng bao lâu nữa, khi đến tuổi, tôi sẽ bị gọi vào lính. Tuy nhiên, tôi vẫn không tin chắc là ngay khi đã ở trong binh đội, tôi lại có thể sống trung thành với nhiệm vụ của mình như chàng hạ sĩ quan ngồi trước mặt tôi đây. Dù sao đi chẳng nữa, trong hiện tại hiển nhiên tôi đang chễm chệ ngồi giữa hai thế giới. Mặc dù hãy còn ít tuổi như thế này, tôi vẫn ý thức, dưới vầng trán xấu xí buống bình của mình, rằng chiến tranh đang làm môi giới đem lại gần nhau thế giới của sự chết mà cha tôi coi sóc thế giới của sự sống mà những thanh niên chiếm giữ. Chính tôi cũng có thể trở nên một người móc nối giữa hai thế giới này. Nếu tôi bị giết trong cuộc chiến, thực rõ rệt là trước con đường rẽ ngang đang nằm trước mặt, dù tôi có chọn con đường nào đi nữa thì kết cục cũng vẫn là một chẳng có mấy may khác biệt nào hết.

Tôi cố gắng chăm sóc Ba mỗi khi ông ho. Thỉnh thoảng tôi nhìn thấy dòng sông bên ngoài khung cửa sổ toa tàu. Dòng sông xanh đậm hầu như sẫm màu giống hệt màu sulfat đồng dùng trong những thí nghiệm hóa học. Mỗi lần con tàu chui khỏi một đường hầm, thung lũng Hozu lại hiện ra trước mặt có lúc ở khá xa đường tàu có lúc lại bất chợt ở sát ngay bên. Dòng nước xanh đậm uốn khúc như một cái dòng dọc bốn bên có những tảng đá nhẵn nhụi bao quanh.

Ba có đem một vài nắm cơm gạo trắng trong hộp đựng bữa ăn và ông thấy xấu hổ khi mở hộp ra trước mắt mọi người trong toa tàu.

“Không phải là gạo chợ đen đâu,” ông nói cho tất cả mọi người đều nghe biết. “Đó là đồ cúng dường của các đạo hữu. Mình có thể vui sướng và biết ơn mà ăn thứ cơm gạo này.”

Ba nói để cho tất cả mọi người trên toa tàu ai ai cũng có thể nghe thấy, nhưng khi bắt đầu ăn thực sự thì ông chỉ ăn được có một nắm nhỏ xíu.

Tôi không nghĩ là đoàn tàu cổ lỗ đầy mỡ hóng này thực sự chạy tới đô thị. Tôi nghĩ nó đang chạy đến nhà ga của tử thần. Một khi tư tưởng này đã lặn vào đầu óc tôi, mỗi lần con tàu chui qua một đường hầm, tôi lại thấy có cái mùi của một lò đốt xác người.

Dù sao cuối cùng khi đứng trước tổng môn của Lộc Uyển tự, tôi vẫn thấy tim nện thành thịch trong lồng ngực. Bây giờ tôi sắp sửa được thấy một trong những cái đẹp vào hạng nhất trên đời.

Mặt trời đã bắt đầu lặn xuống và sương mù đã phủ kín núi đồi. Có nhiều du khách khác bước chân qua cổng vào khoảng cùng một lúc với cha con chúng tôi. Gác chuông đứng bên trái cổng vào, xung quanh có cả một rừng mai còn đầy những cánh hoa tàn.

Một cây lịch lớn mọc trước huyền quang của chính điện. Ba đứng trước cửa và nói với người đưa đường xin phép đi vào. Viện trưởng viết mấy chữ cho biết ông ta đang bận tiếp một lai khách và yêu cầu chúng tôi vui lòng chờ đợi chừng hai ba mươi phút nữa.

“Mình hãy dùng thời gian này đi một vòng mà ngắm Kim Các Tự,” Ba nói.

Hiển nhiên, Ba muốn cho tôi thấy rằng ông được nể nang đôi chút ở nơi này nên ông thử cố đi qua tham quan môn, cái cổng dành cho du khách mà không trả tiền mua vé vào cửa.

Nhưng từ thời gian mười mấy năm trước lúc ba thường hay tới thăm nơi này, cả người bán vé và vừa lẫn người thu vé vào cửa tự đạo đó đều đã đổi hết cả rồi.

“Lần sau mình tới đây,” Ba nói với một giọng lạnh lùng, “chắc là họ lại thay đổi nữa mất”.

Nhưng tôi cảm thấy là Ba không còn thực sự tin tưởng vào cái “lần sau” ấy nữa.

Tôi vội vã cất bước gần như chạy lên hàng trước Ba. Tôi cố ý hành động như một thằng bé con vui mừng hơn hở. (Chỉ trong những trường hợp cố làm ra vẻ như thế tôi mới có được dáng vẻ của một thiếu niên.) Rồi Kim Các Tự mà tôi vẫn hằng mơ tưởng bấy lâu phơi bày trọn vẹn hình dáng trước mặt tôi làm cho tôi thất vọng hết chỗ nói.

Tôi đứng bên bờ ao Kính Hồ, và bên kia bờ nước, Kim Các Tự phơi bày chính diện của mình dưới ánh chiều tà. Thấu Thanh bị che khuất một nửa xa về một chút về phía bên trái. Kim Các Tự rọi bóng hình tuyệt đẹp trên mặt ao, nơi những cây hoa súng và lá những cây thủy thảo đang nổi bồng bênh. Bóng hình này còn đẹp hơn chính Kim Các Tự nữa. Ánh mặt trời đang ngả về Tây phản chiếu trên mặt ao rập rờn phía dưới các mái hiên của cả ba tầng lầu. So sánh với ánh sáng bao quanh, ánh sáng phản chiếu dưới các mái hiên thực quá rực rỡ, chói chan; Kim Các Tự cho tôi cảm tưởng là nó đang kiêu hãnh uốn mình ra đằng sau.

“Thế nào,” ba hỏi “thực là đẹp phải không?” Tầng thứ nhất gọi là Pháp Thủy viện, tầng thứ nhì là Triều Âm động và tầng thứ ba là Cứu Cánh đình. Ba đặt bàn tay gầy guộc ôm yếu trên vai tôi.

Tôi thay đổi vị trí một vài lần và nghiêng đầu ngắm nhìn theo nhiều góc cạnh khác nhau; tuy nhiên, Kim Các Tự chẳng hề gây nên một cảm xúc nào trong lòng tôi hết. Nó chỉ là một tòa kiến trúc ba tầng cổ kính, tối tăm và nhỏ bé. Con phượng hoàng trên nóc mái giống như một con quạ khoang hạ cánh xuống đó để nghỉ ngơi. Chẳng những tòa nhà đã không làm tôi xúc động mạnh mẽ vì vẻ đẹp mà còn làm tôi có ý niệm là nó thật lạc điệu và bất điều hòa nữa. Tôi ngạc nhiên tự hỏi có thể nào cái đẹp lại là một sự vật không đẹp dễ như thế này sao?

Nếu là một thiếu niên khiêm nhượng và chuyên cần có lẽ tôi đã thấy tiếc là mình không có đủ khả năng thẩm thức nghệ thuật trước khi tỏ ra chán nản một cách vội vã như thế. Nhưng

đau xót vì thất vọng ở cái mà mình kỳ vọng quá nhiều đã làm cho tôi mất hết mọi ý thức phản tỉnh.

Tôi chợt nghĩ có thể Kim Các Tự đã hóa trang để che giấu vẻ đẹp chân thực của mình. Để tự vệ chống lại con người, có thể nào cái đẹp đã lừa gạt con mắt người nhìn mình hay không? Tôi phải đến gần Kim Các Tự hơn nữa; tôi phải loại bỏ những trở ngại đối với tầm mắt mình; tôi phải xem xét lại toàn bộ từng li từng tí với đôi mắt của mình nhìn tới tận hạch tâm của cái đẹp. Vì rằng tôi chỉ tin vào cái đẹp mà người ta có thể nhìn thấy bằng mắt, thái độ của tôi trong lúc đó thực là đương nhiên.

Với vẻ tôn kính, bây giờ Ba dắt tôi đi lên hành lang trống tung của Pháp Thủy viện. Trước hết tôi nhìn tới mô hình Kim Các Tự, thực hiện một cách khéo léo, nằm trong một lồng kính. Tôi thích mô hình này lắm. Nó gần với Kim Các Tự trong mộng tôi hơn. Quan sát hình ảnh nhỏ bé hoàn hảo của Kim Các Tự trong chính ngôi thần điện này tôi nhớ đến hàng loạt những sự chiếu ứng vô hạn khi một tiểu vũ trụ được đặt trong một đại vũ trụ và rồi một tiểu vũ trụ nhỏ hơn nữa đặt trong một tiểu vũ trụ nhỏ bé kia. Đó là lần đầu tiên tôi có thể mơ mộng. Mơ đến Kim Các Tự nhỏ bé nhưng hoàn hảo còn nhỏ hơn cả mô hình này nữa; và đến Kim Các Tự rộng lớn hơn tòa nhà thực sự không biết bao nhiêu lần mà kể cho xiết - thực vậy, rộng lớn đến độ hầu như bao trùm cả thế giới.

Tuy nhiên, tôi không đứng ì mãi một chỗ trước mô hình. Kế đó Ba dẫn tôi tới bức tượng gỗ của Yoshimitsu vốn lưng danh là Bảo Vật Quốc Gai. Bức tượng được gọi là Lộc Uyển Viện Điện Đạo Nghĩa, gọi theo cái tên của Yoshimitsu lúc ông cắt tóc đi tu.

Bức tượng này nữa, tôi cũng chẳng thấy nó đẹp chỗ nào cả, chỉ là một hình ảnh kỳ cục nhuộm đầy mồ hóng. Sau đó, chúng tôi lên Triều Âm động tầng thứ nhì ngắm nhìn những bức họa trên trần mà người ta bảo là tác phẩm của Kano Masanobu, vẽ những thiên thần đang tấu nhạc. Trên tầng thứ ba Cứu Cánh đình, tôi thấy những dấu vết đáng buồn của lá cây bằng vàng ban đầu phủ kín khắp bên trong tầng này. Nhìn tất cả những thứ này tôi chẳng thấy đẹp ở chỗ nào cả.

Tôi dựa mình vào hàng lan can mảnh mai và lơ đãng nhìn xuống cái ao đang lấp lánh ánh mặt trời chiều. Mặt nước trông như một tấm gương, như một tấm gương cổ bằng đồng nhẵn thín; và Kim Các Tự rọi thẳng bóng mình trên mặt gương này. Bầu trời buổi chiều phản ánh trên làn nước, ở tí dưới những cây hoa súng và những cây thủy thảo. Bầu trời này khác hẳn bầu trời trên đầu chúng tôi. Trong trẻo và sáng sủa, từ phía dưới và từ bên trong, nó nuốt trọn thế giới trần tục của chúng tôi, và Kim Các Tự đắm chìm trong đó như là một cái neo tàu thực lớn bằng vàng ròng đã biến sắc thành đen tuyền vì rỉ sắt.

Hòa thượng Tayama Dosen, viện chủ Kim Các Tự, vốn là bạn của Ba từ khi hai người cùng học trong một thiền đường nào đó. Cả hai đều đã sinh hoạt ba năm tại thiền đường này và sống chung với nhau trong thời gian đó. Cả hai thanh niên đều tham dự chuyên môn đạo trường tại Tướng Quốc Tự (cũng được kiến tạo dưới thời tướng quân Yoshimitsu) và sau khi qua một vài thủ tục cổ xưa của Thiền phái, cả hai đều gia nhập hàng ngũ tăng sĩ. ngoài tất cả những cái đó, mãi về sau, tôi còn được sư phụ Dosen cho biết, trong một ngày mà ông vui vẻ trò chuyện với tôi, rằng ông và ba chẳng những đã cùng nhau chia xẻ những tháng ngày huấn luyện khắc khổ, trong một vài buổi tối, sau khi đã đến giờ đi ngủ, hai người còn cùng nhau leo tường ra ngoài và tìm mua vui thú nơi những cô gái bán phấn buôn hương nữa.

Ba và tôi đã đi một vòng bái kiến Kim Các Tự rồi trở lại huyền quan của ngôi chánh điện.

Người ta dẫn dắt chúng tôi đi xuống một hành lang rộng dài và chỉ lối đi vào phòng viện chủ, nằm trong Đại Thư Viện, nhìn xuống hoa viên có cây lục chu tùng lừng tiếng.

Tôi ngồi đó thẳng người cứng nhắc trong bộ đồng phục học sinh, nhưng ba lúc đó lại có vẻ dễ chịu bất ngờ. Mặc dù Ba và Viện chủ đã cùng xuất thân từ một Thiền đường, song về ngoại diện, thực khó lòng mà hai người lại có thể khác biệt nhau hơn. Ba thì quéo quắt vì bệnh tật, trông nghèo nàn, làn da có vẻ khô khan, trắng bệch. Hòa thượng Dosen, trái lại, trông giống như một cái bánh ngọt hồng đào. Trên chiếc kỷ của ông chõng chất những gói hàng chưa mở, tạp chí, sách vở, thư từ từ nhiều nơi trong nước gửi tới và có vẻ như biểu hiện sự trù phú của ngôi thần điện. Ông đưa những ngón tay tròn trặn múp míp nhặt cái kéo và khéo mở tung một trong cái gói đồ.

“Đó là cái bánh ngọt từ Đông Kinh gửi đến,” ông giải thích. “Trong lúc này ít khi anh thấy được một cái bánh như thế. Người ta cho tôi hay họ không còn phân phát loại bánh này cho các cửa hiệu nữa mà đem nạp hết cho quân đội hay công sở.”

Chúng tôi uống thứ trà Nhật Bản thực ngon và ăn một cái bánh ngọt Tây Phương mà từ trước đến giờ tôi chưa hề được nếm mùi bao giờ. Tôi càng thấy căng thẳng bao nhiêu thì những mẩu bánh vụn càng rơi trên cái quần nỉ đen bóng của tôi nhiều bấy nhiêu.

Ba và Viện chủ đang tỏ bày sự bất bình phần nộ về việc giới quân đội và quan liêu chỉ kính trọng những Thần Xã và coi rẻ những ngôi chùa Phật giáo - thực ra không những chỉ coi nhẹ mà còn thực sự áp chế nữa; rồi hai người thảo luận về phương cách quản trị hay nhất cho các ngôi chùa trong tương lai.

Viện chủ là một người mập mạp. Dĩ nhiên, khuôn mặt ông có những nếp nhăn, song mỗi nếp nhăn có vẻ như đã được lau đi hết sạch. Khuôn mặt ông tròn trặn, nhưng ông ta có cái mũi dài khiến người ta có cảm tưởng là nhựa cây chảy ra kết đặc lại ở đó. Tuy nét mặt ông có dáng vẻ khá dễ dãi, song hình dáng cái đầu cạo nhẵn - dường như là nơi tập trung tất cả tinh lực của ông - lại có dáng vẻ dữ dằn của một con vật.

Câu truyện của hai người tu sĩ xoay về những ngày họ cùng sống với nhau trong tăng đường. Tôi đang ngắm nhìn cây lục chu tùng trong hoa viên. Người ta uốn thấp các cành lá của một cây thông lớn và cuốn lại với nhau thành hình một con thuyền với những cành lá ở đằng mũi được nâng cao lên hơn ở các phần còn lại. Hiển nhiên là có một đoàn thể đã đến vãng cảnh ngay trước giờ đóng cửa vườn và tôi nghe thấy tiếng người ồn ào từ phía Kim Các Tự ở bên kia bờ đường vọng lại. Tiếng chân và tiếng nói của họ tan chìm trong làn không khí buổi chiều mùa xuân: tiếng động họ gây ra êm nhẹ và tròn trặn, chẳng hề có dấu vết gì đặc sắc nhọn. Rồi thì bước chân họ lùi xa như làn sóng thủy triều, tôi thấy thật đúng là tiếng chân của chúng sinh băng qua trái đất này. Tôi ngược mắt nhìn con phượng hoàng trên nóc Kim Các Tự; nó đang thu hút tất cả ánh sáng tàn lụi của chiều hôm.

“Anh ạ... cái thằng bé này.” Nghe thấy Ba nói, tôi quay lại nhìn. Trong căn phòng hầu như tối om, Ba đang sắp sửa đem pho thác cả tương lai tôi cho sư phụ Dosen.

“Tôi nghĩ chẳng còn sống được bao lâu nữa,” Ba nói, “tôi muốn xin anh đến lúc ấy trông nom cho thằng bé này.”

Mặc dù là một tu sĩ và quen an ủi người khác trong những dịp tương tự, thượng tọa Dosen không có một lời an ủi êm dịu nào trong dịp này, nhưng chỉ trả lời “Được lắm, tôi sẽ trông nom nó.”

Điều làm tôi thực sự ngạc nhiên là sau đó hai người vui vẻ quay sang kể cho nhau nghe

những giai thoại về cái chết của những tu sĩ nổi tiếng. Một vị đã nói lúc sắp qua đời “Ôi ta không muốn chết.” Một vị khác kết thúc cuộc đời mình bằng chính những lời của Goethe: “Cho thêm ánh sáng.” Lại còn một tu sĩ lừng danh nữa vẫn còn tự mình xem xét lại tiền quỹ của chùa cho đến lúc nhắm mắt lìa đời.

Người ta mời chúng tôi ăn cơm tối, mà người theo đạo Phật gọi là “dược thạch” và sắp đặt để chúng tôi ngủ lại đêm đó ở trong chùa. Sau bữa cơm, tôi Ba đi ngắm Kim Các Tự một lần nữa. Vì mặt trăng lưng trời đã ló dạng.

Ba bị kích động quá nhiều vì cuộc tái ngộ với vị viện chủ sau bao nhiêu năm xa cách nên hết sức mệt mỏi, nhưng khi nghe tôi nói đến Kim Các Tự ông liền ra ngay, dựa mình trên vai tôi mà thở hổn hển.

Mặt trăng mọc lên sau riềm núi Fudo. Ánh trăng chiếu rọi phía sau Kim Các Tự. Ngôi chùa hình như đã xếp hình ảnh tối om phức tạp của mình lại và lặng lẽ chìm xuống; chỉ còn những khung cửa hoa đầu song trên Cửu Cánh đỉnh là để cho bóng trăng êm ả len vào. Tầng Cửu Cánh đỉnh không có tường riêng, và vì thế nóc vể là ánh trăng mờ nhạt đã chọn nơi này làm chỗ cư ngụ.

Từ phía đảo Ashiwara có tiếng chim đêm vọng lại trong khi chúng bay về phía xa. Tôi thấy rõ sức nặng những bàn tay quắt quéo của Ba tỳ trên vai mình. Khi liếc nhìn lên vai, tôi thấy dưới ánh trăng một bộ xương bàn tay trắng hếu.

Sau khi tôi trở về Yasuoka, Kim Các Tự đã làm tôi thất vọng biết bao nhiêu khi nhìn thấy lần đầu, đến lúc này lại gọi lại vẻ đẹp của nó trong lòng tôi càng ngày càng sâu đậm hơn cho đến lúc trở thành một Kim Các Tự còn đẹp dễ hơn là trước khi tôi được nhìn tận mắt nữa. Tôi không nói được vẻ đẹp đó nằm ở chỗ nào. Dường như những gì được nuôi dưỡng trong các cơn mộng tưởng của tôi một sớm đã trở thành thực sự và bây giờ lại có thể được dùng làm động lực thôi thúc các cơn mộng tưởng khác nữa.

Bây giờ tôi không còn đeo đuổi cái huyền ảnh của Kim Các Tự trong phong cảnh và trong các sự vật nữa. Dần dà Kim Các Tự càng ngày càng hiện diện trong tôi một cách sâu xa và vững chắc hơn trước. Mỗi một cây cột, một khung cảnh hoa đầu song, cái mái nhà, con chim phượng hoàng ở trên nóc đều bình bồng rõ rệt trước mắt tôi như là tôi có thể giơ tay sờ mó chúng được. Phần nhỏ bé nhất của ngôi chùa cũng hòa hợp hoàn toàn với toàn bộ kiến trúc phức tạp của nó. Giống hệt như là nghe một vài nốt nhạc và thấy toàn thể khúc nhạc tuôn trào qua tâm trí: bất kỳ bộ phận nào của Kim Các Tự mà tôi nhặt ra cũng làm cho toàn bộ kiến trúc vang âm trong con người của tôi cả.

“Khi Ba bảo con rằng trên mặt đất này không có gì đẹp bằng Kim Các Tự thì quả thật là đúng.” Đó là lời lẽ trong lá thư đầu tiên tôi viết cho Ba. Sau khi đưa tôi trở lại nhà chú, Ba tức thời trở về chùa của ông trên mỏm đất xa xôi. Và như để trả lời lá thư của tôi, một bức điện tín do má gửi đến báo tin là Ba bị một trận thổ huyết kinh khủng và ông đã lìa đời.

2

Vì Ba qua đời, nên quãng đời niên thiếu thực sự của tôi đã chấm dứt. Tôi vẫn thường ngạc nhiên khi thấy rằng quãng đời thơ ấu của mình làm sao lại có thể hoàn toàn thiếu sót cái mà người đời gọi là mối quan tâm tới nhân gian cho đến thế. Tới khi nhận ra rằng mình chẳng hề đau buồn chút nào về việc Ba qua đời, sự ngạc nhiên này biến thành mối cảm hoài thờ thẩn nào đó không còn được gọi là kinh ngạc nữa.

Tôi vội vã trở về làng, và khi tôi tới nơi, Ba đã nằm yên trong quan tài rồi. Tôi đã đi bộ đến tận Uchiura và từ đó đi thuyền dọc theo vịnh tới Nariu mất trọn một ngày. Đó là thời kỳ nóng nực trong ngay trước mùa mưa và mặt trời rọi nắng hừng hực hết ngày này sang ngày khác. Ngay sau khi tôi nhìn thi hài Ba lần cuối, người ta đem chôn quan tài tới hỏa trường tên mỗm đất để hỏa táng bên bờ biển.

Cái chết của người tu sĩ trụ trì một ngôi chùa miền quê thực là một việc dị kỳ. Dị kỳ bởi vì quá thích thiết. Có thể nói vị tu sĩ ấy vẫn là trung tâm tinh thần cho toàn thể địa phương, là người trông nom cuộc sống của đạo hữu trong vùng, là người mà họ ủy thác trọn vẹn cuộc đời sau khi họ nhắm mắt. Ấy thế mà chính con người này lại chết trong ngôi chùa của mình. Như thể ông đã hoàn tất chức vụ của mình một cách quá trung thực, như thể chính con người vẫn hằng đi đó đi đây giảng dạy cho thiên hạ nên nhắm mắt lìa đời như thế nào, đã tự mình thực hiện một cuộc biểu diễn cho mọi người xem và do một sự lầm lẫn nào đó đã nhắm mắt lìa đời thực sự.

Thực vậy, quan tài của Ba có vẻ như đã được đặt ở một chỗ quá ư thích hợp, trong đó người ta đã dụng ý xếp đặt đủ mọi thứ để đón nhận. Má tôi, người tu sĩ trẻ tuổi cùng các đạo hữu trong vùng đều đứng khóc trước quan tài. Người tu sĩ trẻ tuổi ấp úng tụng kinh có vẻ như vẫn còn phải tùy thuộc vào chỉ thị của Ba, lúc đó đang nằm trong quan tài trước mặt anh ta.

Khuôn mặt Ba chìm trong những đóa hoa đầu mùa hạ. Có cái gì đáng sợ trong sắc cực kỳ tươi tắn của những bông hoa này. Trông như là chúng đang ghé mắt nhìn xuống đáy một cái giếng. Vì khuôn mặt một người chết chìm xuống một mực sâu vô hạn dưới cái bề mặt lúc sinh thời, chẳng để lại chút gì cho những người còn sống nhìn thấy ngoại trừ khuôn hình của một mặt nạ; thực thể nó chìm sâu đến nỗi chẳng bao giờ người ta có thể lôi được nó lên trên mặt nước nữa. Khuôn mặt một người chết có thể cho chúng ta thấy rõ hơn bất kỳ cái gì khác trên cõi đời này là chúng ta bị tách xa khỏi cuộc sống thực sự của vật chất đến như thế nào và chúng ta đã không thể nắm được phương cách hiện hữu của vật chất đến mức độ nào. Đó là lần đầu tiên tôi phải đương đầu với một cảnh huống như thế, trong đó tinh thần đã bị cái chết biến thành một vật thể thực sự và bây giờ tôi cảm thấy là mình dần dà bắt đầu hiểu được lý do vì sao mà hoa xuân, mặt trời, bàn học, nhà trường, bút chì - tất cả đều là vật chất, thực vậy - vẫn luôn luôn có vẻ lạnh lùng đến thế đối với tôi, vẫn luôn luôn có vẻ hiện hữu ở một nơi nào thực xa cách với chính thân tôi.

Má và nhiều đạo hữu khác lúc này đang đưa mắt nhìn tôi trong khi tôi đối diện với Ba lần cuối. Tính ngang bướng của tôi, tuy vậy, sẽ không chịu chấp nhận lối loại suy với thế giới của người sống mà từ ngữ “đối diện” ám chỉ. Bởi vì đó thực không giống một cuộc đối diện may mắn nào hết, tôi chỉ *đưa mắt nhìn* khuôn mặt vô hồn của Ba mà thôi.

Người ta chỉ đưa mắt nhìn thi hài. Tôi chỉ đưa mắt nhìn mà thôi. Biết rằng việc *đưa mắt nhìn* (nghĩa là việc nhìn vào một người nào đó như người ta vẫn thường làm không hề có một ý thức đặc biệt nào) là một chứng cứ cho thấy những ai còn sống vẫn còn quyền lợi và rằng việc *đưa mắt nhìn* này có thể là biểu lộ sự ác độc - tất cả những điều này bây giờ đến với tôi như một thể nghiệm mới mẻ. Như vậy, đứa thiếu niên, chưa bao giờ cao giọng cất tiếng hát, chưa

bao giờ chạy quanh la hét đến vỡ lồng ngực, lúc này đang tự mình xác định sự hiện hữu của chính mình.

Mặc dù thiếu can đảm về nhiều phương diện trong lúc này tôi không hề cảm thấy xấu hổ chút nào khi quay khuôn mặt sáng sủa ráo hoảnh không một giọt lệ về phía những người đang đến dự đám tang. Ngôi chùa ở trên một mỏm núi trên bờ biển. Phía sau những người đưa đám, những đám mây mùa hè đang cuộn cuộn trên mặt nước menh mông của biển Nhật Bản và ngăn chặn tầm mắt tôi lại. Bây giờ người tu sĩ bắt đầu tụng bài kinh trước khám thờ Phật, bài kinh vẫn thường được đọc khi chuyển cữu và tôi đọc theo. Căn chính điện tối om. Lá phướng treo giữa hàng cột, những đồ vàng mã lấp lánh trên bàn thờ, chiếc lư trầm và những bình hoa tất cả đều chói sáng lung linh dưới ánh những ngọn bạch lập. Thỉnh thoảng một làn gió biển lùa vào bên trong, thổi phồng tay áo tăng y của ôi. Trong khi tụng kinh tôi vẫn thường xuyên cảm thấy được đáng về các đám mây mùa hạ trong lúc chúng chiếu hắt ánh sáng chói lòa vào khoe mắt tôi.

Ánh sáng chói chang bên ngoài luôn luôn rơi vào một bên mặt tôi. Nó mới chói chan, rạng rỡ làm sao - cái sự khinh nhờn lấn ép này!...

Khi đám tang chỉ còn cách hỏa trường chừng hơn hai trăm thước đột nhiên một trận mưa rào đổ ụp xuống đầu chúng tôi. May thay chúng tôi vừa đi ngay trước cửa căn nhà của một đạo hữu khá giả trong vùng nên chúng tôi có thể tìm chỗ trú mưa cùng với cả cái quan tài, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành trình tới bãi đất hỏa thiêu.

Lò hỏa táng nằm trên một bãi nhỏ đầy đá của một mỏm đất nhô ra biển ở phía đông nam ngôi làng. Hiển nhiên nơi này đã được dùng để hỏa táng từ những thời xa xưa, vì khói không lan từ chỗ này về các ngôi nhà trong thôn.

Xa khỏi nơi này biển động dữ dội trong khi các làn sóng lớn cuộn cuộn thi nhau xô lên phía trước, dâng lên cao rồi hạ xuống thấp những giọt nước mưa thường xuyên làm mặt nước xao động, nhăn nhó. Trong tối tăm mịt mù những giọt nước mưa lạnh lùng tiếp tục xuyên thủng mặt nước, không hay biết gì tình trạng dao động dị thường của mặt biển. Nhưng thỉnh thoảng một trận gió biển bất thần thổi hắt nước mưa vào những vách đá trắng phếch trở nên đen sì y như vừa bị phun đầy mực.

Chúng tôi đi qua một con đường hầm và đến địa điểm. Trong khi các người phu trà tì sửa soạn đồ hỏa táng, chúng tôi đứng trong đường hầm để tránh mưa.

Tôi chẳng thể thoảng nhìn thấy ngay lấy quang cảnh bề cả. Chẳng có gì ngoài những đợt sóng cùng những tảng đá ướt át, đen sì và cơn mưa. Trong khi họ đổ dầu lên lớp ván quan tài, mưa rơi lên quan tài lộp độp.

Họ châm lửa vào quan tài. Dầu đốt hiện bị hạn chế, nhưng vì đây là đám tang của một tu sĩ nên họ đã xoay xỏa được một số dầu khá lớn, và bây giờ ngọn lửa đang vật lộn với trận mưa, đang bốc cao trong không khí, rít lên như tiếng roi quất mạnh. Mặc dù đang ban ngày, ngọn lửa trong suốt nổi bật giữa làn khói dày đặc. Làn khói cuộn cuộn dâng lên và tạt dần về phía vách đá

bên bờ bể; rồi thỉnh thoảng ngọn lửa uyển chuyển uốn mình vươn cao giữa cơn mưa tầm tã.

Bất chợt có tiếng một vật gì bị nứt tung gây ra một tiếng nổ kinh hồn. Nấp quan tài bất tung.

Tôi nhìn má đang đứng sát ngay bên cạnh. Bà đứng đó hai tay ghì chặt chuỗi tràng hạt. Khuôn mặt bà cứng đờ kinh khủng trông có vẻ nhỏ bé và quắt queo đến nỗi tưởng như có thể thu gọn vào một lòng bàn tay.

Theo di ngôn của Ba, tôi tới Kyoto và trở thành một sa di tại Kim Các Tự. Lúc đó tôi được xuống tóc đi tu dưới sự chứng giám của thượng tọa trụ trì. Ông xuất tiền cho tôi đi học; đổi lại, tôi hầu hạ ông, lo việc quét dọn và làm những việc vặt vãnh trong nhà. Nói theo thể tục, địa vị của tôi tương đương với địa vị một anh học trò được nuôi ăn cho ở trong chùa.

Vừa mới vào chùa tôi nhận ra ngay rằng, sau khi viên quản liêu bị gọi nhập ngũ, những người duy nhất còn sót lại chỉ là những người già cả và những người hết sức ít tuổi. Dù sao đi nữa, việc đến đây ở đối với tôi cũng là một nguồn an ủi lớn lao. Chẳng bao giờ tôi còn bị chọc ghẹo là con của một thầy chùa như tôi đã từng bị tội học trò con nhà tục gia ở trường trung học chọc ghẹo nữa, bởi lẽ ở đây ai cũng như ai, điểm khác biệt duy nhất là tôi nói lắp và hơi xấu hơn những người khác.

Việc học của tôi ở trường trung học Đông Maizuru đã bị gián đoạn trước khi tôi tốt nghiệp; nhưng nhờ hòa thượng Tayama Dosen giúp đỡ nên bây giờ tôi sắp sửa tiếp tục sự học ở trường trung học thuộc học viện Rinzai. Tôi sẽ bắt đầu học ở đó trong học kỳ mùa thu này, sẽ bắt đầu trong non một tháng. Tuy thế tôi biết rằng ngay khi khởi sự vào trường mới, tôi sẽ bị động viên lao động trong một xưởng máy nào đó. Lúc này tôi đang ở trước những hoàn cảnh mới. Tôi hãy còn được nghỉ hè vài tuần lễ nữa. Những ngày nghỉ hè trong thời gian cư tang của tôi, những ngày nghỉ hè lặng lẽ lạ lùng trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh năm Chiêu Hòa thứ mười chín (1914). Cuộc đời khuôn phép của một chú sa di của tôi trôi qua một cách êm ả và mãi mãi sau này khi nghĩ lại tôi cảm thấy đó là những ngày nghỉ tuyệt đối cuối cùng trong đời tôi. Đến bây giờ tôi vẫn có thể nghe rõ mồn một tiếng ve sầu kêu ra rả.

Kim Các Tự mà lúc này tôi được thấy lại sau mấy háng trời đang đứng lặng im thanh bình trong ánh nắng cuối hạ. Vì vừa mới gia nhập hàng ngũ tăng lữ nên tôi có cái đầu cạo bóng nhẵn thín. Tôi có cảm giác là không khí đã ôm chặt đầu tôi; tôi có cảm giác nguy hiểm lạ kỳ là những tư tưởng bên trong đầu tôi đang tiếp xúc với những hiện tượng ngoại giới qua một màng da mong manh nhạy cảm. Khi ngược mắt nhìn Kim Các Tự với cái đầu mới này của mình, tôi cảm thấy tòa kiến trúc đó đang thẩm nhập trong tôi, không những chỉ qua đôi mắt mà còn qua cả mái đầu tôi nữa. Cũng giống như đầu tôi nóng lên khi ánh mặt trời chiếu vào và mát đi khi gió lạnh ban chiều chợt thổi tới.

“Hỡi Kim Các Tự! Cuối cùng ta đã tới sống bên ngươi!” Tôi thì thầm lòng tự nhủ lòng trong khi ngưng tay quét lá vàng một lát. “Chẳng cần là phải ngay trong tức khắc, nhưng xin ngươi thỉnh thoảng hãy kết thân với ta và phơi bày bí mật của ngươi cho ta được thấy. Ta cảm thấy

vẻ đẹp của người là cái gì ta sắp sửa thấy được tới nơi, thế nhưng đến lúc này vẫn còn chưa thấy được. Xin hãy để cho ta nom thấy rõ cái Kim Các Tự thực sự hơn là hình ảnh của người trong tâm trí ta. Và hơn nữa, nếu thực sự người đẹp đến nỗi không gì ở thế giới này có thể sánh kịp thì xin nói cho ta hay tại sao người lại đẹp đến như thế, tại sao người lại cần phải đẹp đến như thế.”

Mùa hè năm ấy Kim Các Tự dường như đã dùng những tin tức đáng buồn từ chiến trường hàng ngày đến với chúng tôi như một thứ lá chắn để nó rọi bóng rạng rỡ chói chan hơn bao giờ hết. Vào tháng sáu quân Mỹ đổ bộ ở Saipan và Đồng minh đang cố gắng vượt qua đồng bằng Normandy. Số du khách tới văn cảnh chùa giảm sút rõ rệt và Kim Các Tự dường như đang vui hưởng sự cô đơn, sự tĩnh mịch này.

Cuộc chiến loạn, sự bất an, các đồng xác người và máu xương chồng chất tự nhiên đã làm tăng thêm vẻ đẹp của Kim Các Tự. Bởi vì ngày từ đầu Kim Các Tự đã được xây dựng trong sự bất an, đã được bao nhiêu người chủ trì trong lòng có nhiều hắc ám - trong đó có cả một vị tướng quân - góp công xây dựng. Lối thiết kế tán loạn của ba tầng gác, trong đó nhà nghiên cứu lịch sử mỹ thuật chỉ có thể thấy một sự pha trộn các dạng thức, hẳn rằng đã được khai triển thật tự nhiên từ ý định tìm kiếm một kiểu thức có thể kết tinh tất cả những bất an qui tụ xung quanh. Giả sử, Kim Các Tự đã được kiến tạo theo một dạng thức an định thì có lẽ nó đã không bao nhiếp chịu đựng được sự bất an và tất nhiên có lẽ đã băng hoại từ lâu rồi.

Tuy vậy, đã biết bao lần tôi tay trên cán chổi ngược mắt nhìn lên Kim Các Tự, tôi vẫn thấy lạ lùng hết sức là tòa kiến trúc này đã thực sự tồn tại ở trước mắt. Kim Các Tự mà tôi đã được nhìn khi nghỉ đúng một đêm ở đây trong lần viếng thăm trước cùng với Ba đã không đem lại cảm giác này cho tôi. Lúc này tôi khó lòng tin được rằng Kim Các Tự vẫn hằng luôn luôn ở đây ngay trước mặt tôi trong khi những năm tháng dài lê thê trôi qua.

Trong những ngày sống ở Maizuru, khi nghĩ về Kim Các Tự tôi cảm thấy dường như thể vẫn hằng đứng mãi tại một góc thành phố Kyoto, nhưng bây giờ tôi đã tới và sống ở đây, ngôi thiền đường ấy chỉ hiện ra trước mắt tôi khi nào tôi thực sự ngẩng nhìn nó, và ban đêm khi tôi nằm ngủ trong chính điện thì dường như nó không còn tồn tại nữa. Cứ thế trong một ngày tôi thường ra ngắm Kim Các Tự không biết bao nhiêu lần trước sự cười cợt của các sa di bề bạn. Tôi vẫn luôn luôn ngạc nhiên không biết bao nhiêu khi nhận thấy ngôi chùa vẫn thực sự ở đó, và lúc trở vào chính điện sau khi đã ngẩng nhìn chán chê con mắt, tôi cảm thấy nếu chợt quay lưng chạy ra ngắm lại lần nữa thì có lẽ ngôi chùa sẽ biến dạng và tiêu tan đi y hệt hình bóng Eurydice, người bạn đời của nhà nhạc sĩ tài danh Orphée vậy.

Khi đã quét hết một vòng xung quanh Kim Các Tự, tôi leo lên đồi ở phía sau chùa để tránh tia nắng mặt trời vào buổi sáng mỗi lúc một nóng bức hơn; tôi đi lên con đường nhỏ và bước về phía Tịch Giai đình. Vẫn chưa tới giờ mở cửa vườn và chẳng thấy bóng dáng người nào cả.

mấy chiếc phi cơ chiến đấu, có lẽ thuộc phi đội ở Maizuru, âm âm lao ngang đầu trong khi bay khá thấp trên Kim Các Tự, rồi lại mất hút để lại đằng sau những tiếng âm ỉ chối tai.

Trong khu đồi núi đằng sau chùa có một cái ao quanh hiu đầy những cây hoa súng, được người ta gọi là An Dân trạch. Giữa ao có một gò đất nhỏ; trên gò ấy có ngọn tháp Bạch Xà Mông năm tầng bằng đá đứng sừng sững. Tiếng chim hót líu lo tràn ngập bầu không khí ban mai; chẳng ai trông thấy con chim nào, song toàn thể khu rừng đều xôn xao tiếng chim ríu rít.

Trước mặt ao cỏ mùa hè mọc đầy kết thành từng đám. Một hàng rào thấp ngăn cách lối đi nhỏ với đám cỏ rậm rạp này. Một thiếu niên mặc áo sơ mi trắng đang nằm gần hàng rào, ở bên cạnh một cái cào tre đứng dựng vào thân cây phong thấp.

Thiếu niên ấy vụt nhồm người dậy mạnh bạo như thể đang khoét thủng hắc làn không khí êm dịu mùa hè đang rập rờn trên đầu chúng tôi; tuy nhiên, khi nhìn thấy tôi, hắn ta chỉ nói: “Ồ, thế ra mày đấy ư?”

Tôi mới được giới thiệu với thằng này vào tối hôm trước. Nó tên là Tsurukawa, từ một ngôi chùa trù phú ngoại ô Tokyo tới đây. Gia đình nó đã cung cấp cho nó thừa thãi đủ mọi thứ, nào học phí, tiền tiêu vặt, nào thức ăn; và qua liên hệ nào đó với hòa thượng trụ trì nó đã được gửi đến Kim Các Tự để nó có thể nếm mùi sự tu luyện dành cho những sa di bình thường. Nó đã trở về thăm nhà trong dịp nghỉ hè mãi tới chiều tối hôm trước mới trở lại Kyoto, Tsurukawa nói năng lưu loát bằng một giọng Tokyo nghe thật hay. Hỏi ra tôi mới biết nó dự định học trường trung học thuộc học viện Rinzei mùa thu ấy theo cùng lớp với tôi, và ngay từ đêm qua, tôi bị ngỡ ngàng khôn tả vì cái miệng lưỡi liến láu vui vẻ của nó.

Lúc này khi nghe thấy nó nói: “Ồ, thế ra mày đấy ư?” tôi thấy miệng mình cứng ngắt không sao thốt được ra lời. Có vẻ như nó cho rằng sự im lặng của tôi như một thứ phê bình.

“Như thế là được lắm rồi mày ạ. Mình đâu cần phải quét tất cả cẩn thận đến thế. Đẳng nào đi nữa khi khách vãn cảnh tới đây, đâu đó lại đều bán hết ngay mà. Ngoài ra, mùa này cũng không có nhiều khách vãn cảnh đến đây đâu.”

Tôi chợt bật ra một tiếng cười. Cái tiếng cười mà tôi thường buộc ra một cách vô ý thức dường như đã khiến cho một số người cảm thấy thân tình với tôi. Vì thế chẳng phải là lúc nào tôi cũng có trách nhiệm về những ấn tượng phức tạp mà tôi hằng gây ra nơi người khác.

Tôi leo qua hàng rào và đến ngồi tựa lưng bên cạnh Tsurukawa. Nó nằm gối đầu lên cánh tay. Tôi nhận thấy tay phía bên ngoài cánh tay làn da xạm nắng, song phần bên trong thì trắng trẻo đến nỗi mình có thể nhìn thấy tất cả những mạch máu qua làn da. Ánh sáng mặt trời ban mai len lỏi lai láng qua các lùm cây và rải rác những bóng hình sáng xanh trên mặt cỏ. Tôi có trực giác cảm thấy liền là thằng này sẽ chẳng hề yêu mến Kim Các Tự như tôi. Bởi lẽ sự thiên chấp của tôi đối với ngôi chùa này đã hoàn toàn bắt cội rễ từ sự xấu xí của chính thân tôi.

Tsurukawa nói: “Tao nghe nói là ba mày mới qua đời.”

“Phải, đúng thế.”

Tsurukawa mau mẫn đưa mắt nhìn sang bên, và rồi chẳng hề cố gắng che giấu là mình say đắm lối suy luận trẻ con ra làm sao, nó nói: “Sở dĩ mày thích Kim Các Tự đến như thế là vì nó nhắc nhở mày nhớ tới ba mày, có phải thế không? nghĩa là ta muốn nói, mỗi khi nhìn đến ngôi chùa này là mày nhớ lại ba mày trước kia đã thích Kim Các Tự đến mực nào?”

Tôi thấy hài lòng là sự suy luận chỉ đúng nửa vời của nó đã không gây ra một nét thay đổi nào trên khuôn mặt không chút cảm động của tôi. Hiển nhiên là Tsurukawa đã sắp xếp một cách chính xác những tình cảm của con người vào trong những ngăn kéo nhỏ bé gọn gàng trong phòng ngủ của nó, giống như trẻ con vẫn thường thích phân loại các côn trùng thuộc loại khác nhau; và rồi thỉnh thoảng nó lại khoái lòi ra để thực hiện một vài thí nghiệm.

“Này, Ba mày qua đời làm mày buồn lắm phải không? Vì thế trông mày lúc nào cũng có vẻ buồn buồn. Tao đã nghĩ như vậy ngay từ khi mới gặp mày lần đầu vào đêm qua.”

Dẫu sao, những lời nhận xét của nó chẳng hề làm cho tôi khó chịu chút nào. Thực vậy, cảm tưởng của nó cho rằng trông tôi có vẻ buồn rầu đã khiến tôi an tâm và tự do, miệng tôi thốt ra được những lời nói nhẹ nhàng trôi chảy. “Truyện đó cũng chẳng có gì đáng buồn mày ạ.”

Lấy tay giụi đôi lông mày dài ngang trán, Tsurukawa trở mắt nhìn tôi:

“O!” nó nói. “Thế có nghĩa là mày ghét ba mày có phải vậy không? Hoặc ít nhất là mày cũng không ưa ông ấy.”

“Tao chẳng có điều gì ghét bỏ mà tao cũng chẳng có điều gì yêu mến gì Ba tao hết.”

“Vậy thì tại sao mày lại không buồn?”

“Nói gì thì nói, sự thực nó là như thế. Chính tao cũng chẳng hiểu tại sao nữa.”

Đụng đầu phải vấn đề khó khăn này, Tsurukawa bèn nhóm dậy ngồi thẳng người trên cỏ.

“Trong trường hợp ấy,” nó nói, “chắc hẳn là mày đã gặp phải một truyện đau buồn nào khác.”

“Thực tình tao cũng chẳng biết nữa,” tôi đáp.

Sau khi nói vậy, tôi phân vân tự hỏi không biết tại sao tôi lại cứ hay gọi sự hoài nghi trong tâm trí kẻ khác cho đến thế. Còn đối với chính tôi thì chẳng hề có chút hoài nghi nào hết. Sự việc thực là quá rõ rệt: tình cảm của tôi bắt nguồn từ tật nói lắp của tôi mà ra. Những tình cảm ấy chẳng bao giờ xuất hiện đúng lúc. Do đó, tôi cảm thấy dường như sự kiện Ba qua đời và sự kiện tôi buồn rầu là hai sự việc cô lập, cách biệt với nhau, không hề móc nối và không hề có đụng chạm tới nhau. Chỉ một chút lệch lạc về thời gian, chỉ một sự chậm trễ nhỏ nhặt đã làm cho những tình cảm và những biến cố mà tôi đã hiểu biết quay lại trạng thái rời rạc ban đầu; trạng thái này, theo như chỗ tôi biết, có lẽ là trạng thái căn bản của chúng. Khi tôi buồn, nỗi

buồn đột phát mà không cần một lý do nào hết: nó không hề có một liên hệ nào với một sự kiện hoặc một động lực nào cả.

Một lần nữa, câu truyện lại phải kết thúc vì tôi không làm sao giải thích được tí gì cho người bạn mới đang ngồi đối diện tôi cả. Rút cuộc Tsurukawa phá ra cười.

“Mày là một con người kỳ cục phải không mày?” nó nói.

Mảnh áo sơ mi trắng trên bụng nó rập rờn gợn nếp theo tiếng cười. Tia nắng mặt trời rọi qua những cành lá đu đưa khiến tôi cảm thấy sung sướng. Giống như cái áo sơ mi nhăn nhúm của thằng thiếu niên, cuộc đời của tôi cũng nhăn nheo gợn nếp. Tuy nhiên, dù cho có bị nhăn nheo gợn nếp dưới ánh sáng mặt trời cái áo sơ mi trắng của nó mới rạng rỡ làm sao! Có lẽ cả tôi cũng thế nữa.

Tách rời thế giới bên ngoài trong sinh hoạt riêng tư của nó, ngôi chùa tiếp tục sống theo những nghi thức thông thường của thiền tự. Vì đang vào mùa hè nên mỗi buổi sáng chúng tôi đều thức dậy vào lúc năm giờ. Thức dậy ở đây được gọi là “khai định”. Vừa thức dậy, chúng tôi tụng kinh khóa sáng. Công tác này được gọi là “tam thời hồi hướng”, vì chúng tôi đọc những bài kinh ấy ba lần. Sau đó, chúng tôi quét dọn bên trong và lau nền nhà. Rồi đến bữa ăn sáng gọi là “chúc tọa”. Chúng tôi vừa ăn cháo vừa lắng nghe tụng bài kinh đặc biệt của chúc tọa.

Chúc hữu thập lợi

Nhiều ích hành nhân.

Quả báo vô biên

Cứu cánh thường lạc.

Cháo có mười điều lợi

Nhiều ích lợi cho người.

Quả báo không biên giới

Cứu cánh thường an vui.

Sau khi ăn sáng, chúng tôi bắt tay vào những công việc vặt như nhổ cỏ, quét vườn và chặt củi. Sau đó, vào những ngày đi học, thời gian cho chúng tôi đi tới trường.

Rồi, sau khi đi học về một lát, chúng tôi lại dùng “dược thạch” hoặc cơm chiều. Tiếp theo thường là buổi giải nghĩa về kinh điển nhà Phật của hòa thượng trụ trì. Đến chín giờ tối bắt đầu buổi “khai chẩm”, nghĩa là giờ đi ngủ.

Đó là cuộc sống hàng ngày của tôi và mỗi ngày dấu hiệu đánh thức tôi dậy là tiếng chuông của viên quản liêu trông nom bếp nước và nghi thức trong giờ ăn.

Trước kia vốn có chừng mười hai mươi ba người sống ngay trong Kim Các Tự, nghĩa là trong điện Lộc Uyển tự, nhưng vì bị trưng dụng vào quân vụ và lao động nên trong chùa ngoài ông già phụ dịch khoảng bảy mươi tuổi và bà già gần sáu mươi tuổi lo việc thổi nấu, vị chấp sự và phó chấp sự, chỉ còn có ba đứa chúng tôi. Những người già thực đã phủ đầy rong rêu nửa sống nửa chết còn bọn trẻ chúng tôi hãy còn hoàn toàn là trẻ con. Viên chấp sự cũng gọi là phó ti hết sức bận rộn với cái việc kế toán trong chùa.

Một vài ngày sau khi tới chùa, tôi được giao phó công việc đem báo tới tận phòng hòa thượng trụ trì (mà chúng tôi gọi là “Lão sư phụ”). Báo tới hàng ngày vào khoảng thời gian khi chúng tôi đã làm xong những công việc quét dọn. Đối với lũ chúng tôi có mấy đứa mà quét phải dọn lau chùi từng hành lang của ngôi chùa có tới ba mươi phòng trong một thời gian ngắn ngủi thì thực là một công việc nặng nhọc. Sau khi làm xong công việc, tôi ra ngoài huyên quan thu nhật báo chí đem vào; tôi đi qua hành lang phía trước căn sử giả, rồi vòng quanh phía sau “khách điện” và cứ thế len theo các hành lang kế tiếp tới Đại Thư Viện nơi Lão sư phụ đang chờ đợi. Các hành lang tôi đi qua đều hãy còn ẩm ướt vì mới được lau chùi; ở những chỗ trũng trên gỗ những vũng nước lấp lánh dưới ánh mặt trời sáng ban mai và làm ướt chân tôi tới tận mắt cá. Vì đang giữa mùa hè nên cái đó lại làm cho tôi có một cảm giác thích thú. Đoạn, tôi quì

xuống ở phía ngoài bức màn phòng Lão sư phụ, con có vào được không ạ?”

“Ừm!” tiếng trả lời vọng ra.

Trước khi bước vào căn phòng, tôi lấy riềm tấm áo cà sa lau kỹ đôi chân ướt; đó là một cái trò huyền bí mà tôi đã học được của mấy thằng bạn chú tiểu. Tôi ngửi thấy cái mùi vị tươi mát, nồng nặc của thể tục phát ra từ mực in trên tờ báo; lén lút liếc vội hàng chữ lớn đầu bài tôi đọc: “Để đô không tránh khỏi bị không tập hay chăng?”

Kể ra cũng kỳ diệu, nhưng cho mãi tới lúc này tôi chưa hề nghĩ đến truyện Kim Các Tự bị máy bay oanh tạc. Vì Saipan đã thất thủ nên việc không tập vào chính quốc là điều từ lâu người ta đã cho rằng không thể tránh được, và nhà cầm quyền đã đẩy mạnh kế hoạch di tản một phần thành phố Kyoto; tuy nhiên, theo như chỗ tôi biết, dường như không hề có mối liên hệ giữa cuộc sống bán vĩnh cửu của Kim Các Tự với những tai họa do các cuộc không tập gây ra. Trong lòng tôi nghĩ là tòa Kim Cương bất hoại của Kim Các Tự và cái ngọn núi lửa khoa học do bom đạn gây ra phải biết rõ sự khác biệt hoàn toàn giữa bản chất của chúng, và tôi cũng nghĩ nếu hai thứ đó gặp nhau, chúng sẽ tự động tránh né lẫn nhau. Thế nhưng, sự thực vẫn là Kim Các Tự đang có nguy cơ bị thiêu tàn trong một cuộc không tập. Thực vậy, nếu mọi việc cứ tiếp tục theo cái đà này thì *Kim Các Tự chắc chắn sẽ trở thành tro bụi*. Từ lúc mà ý tưởng này đã bắt rễ trong lòng, tôi thấy vẻ đẹp bi đát của Kim Các Tự mỗi ngày lại một gia tăng.

Đó là một buổi chiều cuối hạ, một hôm trước ngày khai trường. Hòa thượng trụ trì cùng viên phó chấp sự đã rời chùa để lo một pháp sự. Tsurukawa rủ tôi đi xem chiếu bóng, nhưng vì tôi không có vé mượn mà nên nó cũng cảm thấy mất hứng, Tsurukawa vẫn có cái thói như thế.

Đã được phép vắng mặt trong một vài giờ nên chúng tôi thắng bộ, đầu đội mũ học viện Rinzai, chân đi ghệt bó chặt lấy ông quần kaki, rồi rời chính đường. Ngôi chùa đắm mình trong hơi nóng hừng hực của một ngày mùa hạ và không có người khách nào tới vãn cảnh chùa cả.

“Thế bây giờ bọn mình đi đâu đây?” Tsurukawa nói.

Tôi trả lời rằng trước khi đi bất cứ một nơi nào, tôi cần phải ngắm lại kỷ lưỡng Kim Các Tự, bởi vì từ ngày mai trở đi, hàng ngày chúng tôi chẳng còn được ngắm nó vào giờ này nữa, và hơn thế trong khi chúng tôi xa chùa làm việc trong công trường, rất có thể Kim Các Tự bị máy bay oanh tạc mà cháy tiêu đi. Tôi ấp úng lấp bấp giải thích điều tôi muốn nói; Tsurukawa vừa lắng nghe vừa tỏ vẻ ngạc nhiên và nóng nảy. Khi tôi chấm dứt câu nói ngắn ngủi này, mồ hôi đổ ra như suối trên mặt như thể là tôi đã nói năng điều gì rất đáng hổ thẹn. Tsurukawa là người duy nhất tôi bộc lộ cho hay sự quyến luyến lạ kỳ của tôi đối với Kim Các Tự. thế nhưng, trên vẻ mặt nó không có gì khác ngoài cái dáng bực bội mà tôi vẫn thường thấy trên mặt những người đang cố gắng tìm hiểu những lời nói lấp bấp ấp a ấp úng của tôi. Đó là những bộ mặt tôi gặp hàng ngày. Trong trường hợp tôi phơi bày những điều bí mật, trong trường hợp tôi nói cho người khác hay những cảm xúc nôn nao tràn ngập tâm hồn vì một hình ảnh đẹp nào đó, trong trường hợp tôi cố gắng bộc lộ những điều chất chứa trong tim gan - cái mà tôi đựng đầu ấy là một bộ mặt giống như bộ mặt này. Đó không phải là bộ mặt mà thiên hạ thường chường ra cho

nhìn nhau nhìn. Bộ mặt này đang bắt chước y hệt vẻ hoạt kê của chính tôi; nói cho ngay, đó là tấm gương khủng khiếp phản ánh chính tôi. Vào những lúc như thế này, cho dầu bộ mặt người có đẹp đến thể nào đi nữa, nó cũng sẽ biến dạng thành một cái gì xấu xí giống như bộ mặt của chính tôi. Ngay khi tôi nhận thấy điều này, điều quan trọng tôi muốn diễn tả đã tan vỡ thành một cái gì vô giá trị như mảnh ngói lợp nhà vậy.

Mặt trời mùa hạ rọi thẳng những tia sáng chói chang giữa Tsurukawa và tôi. Trong khi nó chờ đợi cho tôi dứt lời, khuôn mặt trẻ trung của nó bóng lộn những mỡ. Đôi lông mày nó lấp lánh màu vàng trong ánh nắng và hai lỗ mũi nó nở phồng lên vì hơi nóng ngọt ngào.

Tôi dứt lời. Và ngay khi vừa mới dứt lời, tôi liền cảm thấy tức giận điên cuồng. Suốt từ khi gặp Tsurukawa cho tới giờ, chưa một lần nào nó chọc ghẹo tôi vì tật nói lắp.

“Tại sao?” Tôi căn vặn nó như vậy để nó giải thích thái độ khoan dung của mình. Như tôi vẫn thường kể lại, sự chê cười khinh miệt lắm khi còn làm tôi ung ý hơn cả sự đồng tình nữa.

Một nụ cười dịu dàng khôn tả thoáng hiện trên khuôn mặt Tsurukawa, và rồi nó nói:

“Vì lẽ tao là thằng đếch có thêm bận tâm đến những điều ấy.”

Tôi bàng hoàng kinh ngạc. Là người được nuôi nấng trong hoàn cảnh quê mùa thô lậu, tôi thực không quen với cái thứ dịu dàng tử tế như thế. Sự dịu dàng, tử tế của Tsurukawa đã dạy cho tôi biết rằng dù cho đời tôi không còn vướng mắc tật nói lắp nữa, tôi vẫn có thể là tôi. Tôi cảm thấy hoàn toàn thú vị ngay khi bị lột trần như nhộng. Đôi mắt Tsurukawa với hàng mi dài bao quanh đã gạt bỏ tật nói lắp của tôi ra ngoài và chấp nhận nguyên vẹn phần còn lại trong con người của tôi. Cho đến lúc ấy, tôi vẫn hằng sống trong ảo tưởng kỳ lạ rằng việc không ngó ngang gì đến tật nói lắp của tôi tự nó cũng tương đương như việc tru diệt chính sự hiện hữu của cái tôi vậy.

Tôi cảm thấy trong mình có sự hòa hợp và cảm thấy hạnh phúc. Thực chẳng có gì lạ là từ đó đến nay chưa bao giờ tôi có thể quên được cái hình ảnh của Kim Các Tự dưới mắt tôi lúc đó. Hai đứa chúng tôi đi qua chỗ người phục dịch già nua đang thiêu thiêu ngủ; chúng tôi men theo lối mòn vắng tanh dọc theo tường chùa rồi đi tới phía trước Kim Các Tự.

Lúc này tôi vẫn nhớ cảnh đó rõ mồn một. Hai đứa thiếu niên chúng tôi đứng đó vai kề vai bên cạnh Kính Triều trì, mình mặc sơ mi trắng và chân đi đôi ủng ống da. Trước mặt hai bóng người ấy, Kim Các Tự đứng sừng sững không có gì ngăn cách. Vào mùa hạ cuối cùng ấy, vào dịp nghỉ hè cuối cùng ấy, vào chính ngày cuối cùng ấy - tuổi trẻ của chúng tôi là đà ngậy ngất ở ven bờ. Kim Các Tự cũng đứng ở ven bờ này đối diện với chúng tôi, đối thoại với chúng tôi. Tới mức độ này, sự chờ đợi cuộc không tập đã đem chúng tôi xích lại gần ngôi chùa hơn.

Ánh mặt trời âm thầm cuối hạ đã lát những phiến vàng mỏng len mái Cửu Cánh đỉnh, và làn ánh sáng từ trên hắt thẳng xuống đã làm bên trong Kim Các Tự đắm chìm vào một màn tối âm u. Cho đến mãi lúc ấy, sự bất tử với thời gian của ngôi chùa đã luôn luôn đè nặng tâm trí tôi và ngăn cách tôi với nó. Nhưng việc nó sắp bị đạn bom thiêu hủy tới nơi đã làm cho vận mệnh của

nó lại gần vận mệnh của chính chúng tôi. Có thể rằng Kim Các Tự sẽ bị hủy diệt - trước cả chúng tôi nữa. Khi nghĩ như thế, tôi thấy dường như ngôi chùa đang sống cùng cuộc đời như đời chúng tôi vậy.

Các núi đồi xung quanh với hàng tùng đỏ ửng đang tràn ngập tiếng ve sầu kêu ra rả, như thể vô số những tăng sĩ vô hình đang ngân nga đọc bài thần chú tiêu tai diệt họa bằng tiếng Phạn: *"Khur khur khur tư khur, hong hong phọc la nhập phọc la, hựu nhập phọc là hựu nhập phọc la!"*

Tôi nghĩ tòa nhà kiến trúc xinh đẹp sắp sửa trở thành một đồng tro tàn. Kết cục, hình ảnh Kim Các Tự trong tâm tưởng tôi dần dần trở nên trùng hợp với Kim Các Tự trong chùa thực tế, y như là một bức họa đã được in lại trên một bức lụa vẽ trùng hợp với bức họa nguyên thủy; cái mái chùa trong tâm tưởng của tôi in trùng lên cái mái chùa thực sự. Thấu Thanh in trùng lên thấu thanh nhô ra bờ ao, những hàng song sắt in trùng lên hàng song sắt của Triều Âm động, những hoa đầu song in trùng lên cá hoa đầu song của Cửu Cánh đỉnh. Kim Các Tự không còn là một kiến trúc bất động nữa. Có thể nói, nó đã trở thành một tượng trưng cho tính cách phù du của thế giới hữu hình. Do suy tư này, bay giờ ngôi chùa thực sự trở nên đẹp đẽ hơn ngôi chùa nằm trong tâm tưởng tôi. Ngày mai, bởi vì tất cả chúng tôi đều biết, lửa sẽ từ trên trời cao trút xuống như mưa; lúc đó, những hàng cột mảnh mai, những đường nét ưu nhã của mái chùa kia sẽ biến thành tro tàn, và chúng tôi sẽ chẳng bao giờ còn được nhìn thấy chúng lần thứ hai. Nhưng lúc này đây ngôi chùa với đường nét tiêm tể xinh đẹp đang lộng lẫy đứng trước mặt chúng tôi, đang đắm mình trong làn ánh sáng chói chang của lửa hạ.

Phía viền núi nhiều đám mây hùng vĩ ùn ùn nhô lên cao giống như những đám mây tôi cảm thấy trong khóe mắt mình lúc người ta tụng kinh trong đám tang Ba. Những đám mây ấy chứa đầy một thứ ánh sáng tù động đang ngoái nhìn nét kiến trúc của ngôi chùa. Dưới làn ánh sáng cuối hạ mãnh liệt này, Kim Các Tự dường như mất hết đường nét khác nhau đã tạo nên nó; nó khur khur ôm lấy cuộn tròn trong lòng mình bóng tối giá lạnh âm u; và với nét mờ thần bí, nó hoàn toàn lãng quên thế giới chói chang đang bao quanh nó. Chỉ có con phượng hoàng trên mái chùa là bám chặt móng vào chỗ đậu và gắng sức giữ khỏi bị loạn choạng dưới ánh mặt trời chói lòa.

Khó chịu vì tôi mê mãi ngắm nhìn ngôi chùa không chán mắt, Tsurukawa nhặt một hòn sỏi, rồi với dáng điệu mềm mại của người bắt banh, nó ném cục sỏi nhỏ vào ngay giữa cái bóng phản ánh mà Kim Các Tự hắt lên trên mặt Kính Triều trì. Những vành sóng gợn lan rộng qua đám cây hoa súng và nét kiến trúc mảnh mai, ngoạn mục chợt vỡ tan thành trăm nghìn mảnh nhỏ.

Từ lúc đó cho đến lúc chiến tranh chấm dứt khoảng một năm sau là thời gian tôi thân thiết nhất với Kim Các Tự, luôn luôn lo lắng tới sự an toàn và hoàn toàn mê mải đắm say vẻ đẹp của nó. Đó là một thời kỳ dường như tôi đã kéo được Kim Các Tự xuống một chiều cao ngang với mình, và tin tưởng vào điều này, tôi có thể yêu nó mà không cảm thấy mảy may sợ sệt. Cho đến bây giờ ngôi chùa vẫn chưa hề gây một ảnh hưởng xấu xa hoặc đem chất độc nào của nó tới tôi cả.

Tôi thấy phần khởi khi biết Kim Các Tự và tôi đang cùng trải qua một nỗi nguy nan trên cuộc đời này và tôi thấy ở đó một môi giới kết tôi với cái đẹp. Tôi cảm thấy là giữa tôi và cái điều từ trước đến giờ vẫn hằng xa cách, vẫn hằng cự tuyệt chính tôi, đến lúc này đã có một cây cầu liên lạc.

Tôi hầu như say sưa ngây ngất nghĩ rằng cái ngọn lửa hủy diệt tôi chắc chắn cũng sẽ hủy diệt cả Kim Các Tự nữa. Cùng chịu một tai họa, cùng chịu một vận mệnh dưới ngọn lửa chẳng lành, ngôi chùa và tôi đã tới để sống trong những thế giới thuộc cùng một thứ bậc. Cũng giống như cái nhục thể yếu ớt, xấu xí của tôi, nhục thể của ngôi chùa tuy nó cứng rắn, vồn gồm toàn chất tro than dễ cháy. Nhiều lúc tôi nghĩ tôi có thể chạy trốn khỏi nơi này mang theo một mình ngôi chùa giấu kín trong thịt xương, trong thân xác tôi - y như một tên ăn trộm nuốt một viên ngọc quý khi đang trên đường đào tẩu.

Suốt trong năm đó tôi không học một bài kinh hoặc đọc một cuốn sách nào; trái lại, hết ngày này qua ngày khác, từ sáng đến tối, tôi chỉ bận rộn những bài học tu thân, giáo lý, huấn luyện quân sự và làm quen với các công tác cưỡng chế ngoài công trường. Bản tính tôi vốn đã thích mơ màng đó lại càng thêm mạnh mẽ hơn; và nhờ có chiến tranh cuộc sống con người lại càng thêm xa cách với tôi.

Đối với bọn thiếu niên chúng tôi chiến tranh là một thứ kinh nghiệm giống như một thứ mơ mộng hoảng hốt thiếu hẳn thực chất. Chiến tranh là một cái gì na ná khu biệt lập trong bệnh viện ngăn cách con người với những ý vị của cuộc đời.

Khi chiếc máy bay B.29 đầu tiên oanh kích Tokyo vào tháng 11 năm Chiêu Hòa thứ chín (1944) thì ai cũng nghĩ Kyoto sẽ bị không tập chỉ trong nay mai. Tôi âm thầm mê mộng là toàn thể Kyoto sẽ đắm chìm thành biển lửa. Thành phố này lo lắng quá nhiều đến việc bảo vệ những di vật cổ truyền; bao nhiêu những thần xã, những Phật các khác màu khác kiểu đang cố gắng quên những ngọn lửa chói rực đã phát sinh từ bên trong. Khi tượng tượng trận đại loạn Ojin đã biến thành phố này thành hoang phế ra làm sao, tôi cảm thấy Kyoto mất đẹp một đôi phần vì đã quá lâu không biết đến tình trạng bất an của ngọn lửa chinh chiến.

Ngày mai có thể Kim Các Tự sẽ bị thiêu hủy. Cái hình thái ấy đã lấp đầy không gian từ trước đến giờ sẽ biến mất luôn. Ngay cả con chim phượng hoàng bắt tử trên mái chùa cũng sẽ như con chim phượng hoàng trong truyện cổ, sẽ vỗ cánh bay vút đi xa. Và chính Kim Các Tự từ trước đến giờ bậc bệ, khó chịu vì hình thái của nó, sẽ tách rời được cái neo ràng buộc thân mình và sẽ nhẹ nhàng phiêu diêu nơi này nơi nọ, gieo rắc ánh sáng nhạt mờ trên mặt hồ và trên các làn sóng biển đen ngòm.

Mặc dù tôi đã đợi chờ, đợi chờ khá lâu, song Kyoto vẫn chưa bao giờ bị không tập cả. Ngay cả khi tôi đọc trên báo ngày mừng chín tháng ba năm sau đăng tin cả một dãy phố thương mại trong thành phố Tokyo đắm chìm trong lửa và mức tàn phá thật khủng khiếp, thì Kyoto vẫn sống yên ổn dưới bầu trời trong sáng đầu Xuân xa hẳn mọi tai họa. Đến lúc gần như tuyệt vọng trong đợi chờ tôi đành cố gắng tự thuyết phục rằng bầu trời đầu Xuân ấy đã chứa đựng lửa đỏ và tàn phá bên trong, y như một cửa sổ có kính óng ánh che dấu những gì ẩn đằng sau. Như tôi

đang nói ở trên mối quan tâm của tôi đối với nhân gian thật là mỏng manh. Sự qua đời cả Ba và cảnh bần cùng của Má chẳng ảnh hưởng gì đến sinh hoạt nội tâm của tôi hết. Tôi mơ ước một cái gì giống như một máy ép khổng lồ từ trên trời ụp xuống nhân gian dút hết mọi bi kịch theo quy mô của nhân gian và nghiền nát hết mọi vật chất của nhân gian trong cùng một điều kiện như nhau. Không cần phân biệt đẹp, xấu ra sao. Đôi khi tôi thấy vẻ trong sáng khác thường của bầu trời đầu Xuân giống như ánh sáng của một lưới rù khổng lồ lạnh ngắt nào đó đang lấp lánh trên mặt đất. Thế rồi tôi chỉ việc chờ đợi cho nó rơi xuống nhanh đến độ không còn cho ai kịp suy nghĩ gì hết.

Cho đến bây giờ vẫn còn một cái gì làm tôi cảm thấy lạ lùng khó hiểu. Xét tự căn nguyên tôi không hề bị những tư tưởng hắc ám chi phối. Điều quan tâm của tôi, vấn đề thực sự của tôi chỉ là cái đẹp mà thôi. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh này đã chẳng có tác dụng gì đến tôi bằng cách đem theo vào đầu óc tôi những tư tưởng hắc ám. Khi tập trung tư tưởng vào cái đẹp, người ta có thể chạm trán với những tư tưởng hắc ám ở trong thế giới này mà không hay biết gì hết. Tôi dám nói rằng nhân gian vẫn có phong thái như vậy.

Tôi còn nhớ một truyện xảy ra ở Kyoto lúc chiến tranh gần chấm dứt. Một truyện tưởng như không làm sao tin được, nhưng không phải chỉ riêng một mình tôi mà bên tôi còn có cả Tsurukawa mục kích nữa.

Một hôm điện bị cắt, Tsurukawa và tôi cùng đến thăm chùa Nam Thiền. Đây là lần đầu tiên chúng tôi đến thăm chùa Nam Thiền. Chúng tôi vượt qua một con đường rộng lớn rồi bước lên một cái cầu gỗ bắc ngang nơi hạ thủy các con tàu.

Đó là ngày tháng năm trong sáng. Bến hạ thủy không còn được sử dụng nữa, các đường rầy chạy xuống con dốc đã han rỉ và hầu như hoàn toàn đã bị cỏ dại phủ đầy. Giữa đám cỏ dại, những bông hoa hình chữ thập nhỏ bé, mỏng manh đang run rẩy trong gió. Ở mặt dốc khởi đầu bến hạ thủy, nước sông dơ bẩn và tù đọng. Chúng tôi đứng bên bờ hoàn toàn chìm đắm dưới bóng lá cây anh đào.

Đứng trên chiếc cầu nhỏ bé, chúng tôi lơ đãng ngắm nhìn mặt nước. Giữa những hồi tưởng về chiến tranh, những giây lát lơ là ngẩn ngui như thế này đã để lại nhiều ấn tượng thật là tươi sáng. Những giây phút phóng tâm ngẩn ngui ấy rải rác trong thời gian, giống như những mảng trời xanh ngó qua đám mây, kể cũng kỳ lạ khi một giây lát này lại còn mãi mãi tươi mát trong tâm trí tôi, y như thể ký ức về một niềm khoái lạc thống thiết.

“Đẹp, phải không?” Tôi nói và mỉm cười lơ đãng.

“Ừ”, Tsurukawa đáp, rồi nó cũng nhìn tôi và mỉm cười. Hai đứa chúng tôi cảm thấy rõ rệt rằng hai ba giờ đồng hồ ngẩn ngui này hoàn toàn là của chúng tôi.

Bên cạnh con đường đất rộng trải sỏi có một con lạch nước trong vắt, trong đó những loài thủy thảo xinh đẹp đang ngả nghiêng theo dòng nước chảy. Chẳng mấy chốc cửa Sơn Môn

lừng danh hiện ra ngay trước mắt chúng tôi. Chẳng có một bóng người nào trong chùa. Giữa chòm lá xanh tươi những viên ngói của mái tháp chùa rực rỡ lạ kỳ, như thể có quyển sách nạm bạc khổng lồ nào đã được đặt lên đó, vào một thời gian nào có nghĩa gì không? Ở một nơi nào đó, vào một thời gian nào đó, đối với tôi chiến tranh dường như đã trở thành một sự kiện tinh thần kỳ quái không hề tồn tại trong ý thức con người.

Có lẽ chính ở cửa Sơn Môn này mà Ishikawa Goémon, tay trộm khét tiếng thời xưa, đã đặt bàn chân lên hàng lan can mà thưởng thức cảnh hoa nở rộ ở phía dưới cho đến chán mắt. Hai đứa chúng tôi cảm thấy mình trở lại tâm hồn con trẻ và, tuy đã đến cuối mùa hoa anh đào, lá xanh mọc ra, chúng tôi nghĩ phải làm sao thưởng ngoạn cảnh sắc này cũng trong dáng điệu của Goémon ngày trước. Chúng tôi trả ít tiền vào cửa rồi leo lên các bậc thềm thực dốc, gỗ đã ngả màu đen kịt. Trong căn điện ở thượng tầng, nơi tập dượt các vũ điệu tôn giáo ngày trước, Tsurukawa va đầu vào cái trần nhà thấp. Tôi bật cười, nhưng ngay sau đó chính tôi cũng chột va đầu mình vào cái trần thấp lè tè ấy. Hai đứa chúng tôi rẽ lối khác, leo lên bậc thềm cuối cùng rồi tới lầu thượng.

Sau khi trèo lên những bậc thềm, chật chội như trong một cái huyết, rồi cảm thấy thân thể mình bất thần được phơi ra cảnh trí rộng lớn bên ngoài thực là một sự căng thẳng khoái trá. Chúng tôi đứng đó một lúc ngắm nhìn những lá cây anh đào, những ngọn thông trong khu rừng cây um tùm thuộc thần cung Heian trải dài ra tận phía xa ngoài các dãy nhà, những núi - Arashiyama, Kitanokata, Kifume, Minoura, Kompira - tất cả vươn lên mờ ảo khói sương mãi tới đầu những đường phố Kyoto. Sau khi đã ngắm nhìn no mắt, chúng tôi cởi giày rồi bước vào trong điện cung kính như hai chú tiểu gương mẫu. Trong căn ngự đường u ám này có hai mươi bốn chiếc chiếu cói trải trên sàn. Ở chính giữa là phong tượng đức Thích Ca, và những cặp mắt vàng óng của mười sáu vị La Hán rực sáng trong bóng tối. Người ta gọi nơi này là Ngũ phượng lâu.

Cũng như Kim Các Tự, Nam Thiền tự cũng thuộc về tông Rinzai, nhưng trong Kim Các Tự theo phái Tướng quốc tự thì nơi này là đại bản sơn của phái Nam Thiền tự. Chúng tôi đứng đó giống như hai anh học sinh trung học tầm thường, tay cầm quyển sách chỉ dẫn, mắt nhìn quanh những bức họa sắc màu rực rỡ trên trần nhà mà người ta bảo là tác phẩm của Tanyu Moniroby xuất thân từ trường phái Kano và Hogan Tokuetsu xuất thân từ trường phái Tosa. Ở một phía trần nhà có hình vẽ các vị tiên đang giang cánh bay ngang bầu trời, đang thổi sáo và gảy đàn tì bà. Ở chỗ khác, có hình một con già lẳng tằn già đang vỗ cánh bay, miệng ngậm cành hoa mẫu đơn trắng. Đây là con chim có giọng hát tuyệt diệu sống trên núi Thiên Trúc Tuyết Sơn, nửa trên mình nó là thân hình một người con gái mũm mĩm và nửa dưới mình nó có hình thù một con chim. Ở chính giữa trần nhà có vẽ một hình con chim hoang đường ấy mà người ta bảo là bạn thân của con chim ở trên nó Kim Các Tự; nhưng con này giống như cái cầu vồng rực rỡ, hoàn toàn khác hẳn với con chim vàng óng mà tôi từng quá quen thuộc kia.

Chúng tôi quỳ xuống trước pho tượng đức Thích Ca và chấp tay niệm kinh. Sau đó chúng tôi bước ra khỏi ngự đường. Đi từ lầu thượng lết xuống dưới thật là khó nhọc. Chúng tôi dựa lưng vào lan can, quay mặt về hướng Nam gần bậc thềm cuối cùng chỗ chúng tôi đã trèo qua. Tôi thấy dường như ở một chỗ nào đó tôi có thể nhìn thấy một cái xoáy nước sắc sỡ, nhỏ bé, xinh

đẹp trước mắt mình. Hẳn đây phải là một dư ảnh của những màu sắc ngưng tụ phong phú thật giống như con chim già lẳng tằm già kia đang núp mình đầu đó giữa đám lá xanh ròn trải rộng ra khắp nơi ở phía dưới và như thế nó đang để cho tôi thoáng nhìn thấy một góc đôi cánh mỹ miều.

Tuy nhiên, không phải như thế. Dưới mắt chúng tôi cách một con đường là am Thiên Thụ. Một con đường nhỏ, trải đá hình vuông, góc hòn nọ ăn khít với góc hòn kia, chạy băng qua khu vườn, nơi có những cây thấp, lẳng lẽ đã được trồng theo một lối đơn giản; con đường này dẫn tới một tòa phủ rộng rãi có cửa kéo mở toang. Người ta có thể nhìn thấy từng chi tiết trong tòa phủ và các giá gỗ xiêu vẹo. Một tấm thảm màu đỏ tươi trải trên nền nhà: hiển nhiên là phòng này thường được dùng làm nơi hiến trà và cho thuê làm lễ trà đạo. Một thiếu phụ đang ngồi đó. Chính hình ảnh người đàn bà trẻ tuổi này đã phản ánh trong mắt tôi. Trong thời chiến tranh không bao giờ người ta thấy một người đàn bà mặc áo kimono dài tay lộng lẫy như người ấy. Bất kỳ ai ra khỏi nhà mà mặc áo như người này chắc chắn thế nào cũng bị thiên hạ dè bĩu, chê trách là không biết sống thanh đạm vì lòng yêu nước, và thế nào cũng phải quay về nhà mà thay áo. Tấm áo thật là sặc sỡ. Tôi không nhìn thấy rõ hàng vải, song thấy nhiều bông hoa đã được vẽ và thêu tay trên nền vải màu nước xanh, đồng thời giải dây lưng màu son vàng cuốn quanh người đang óng ánh những sợi chỉ vàng; thật dường như thế không khí xung quanh đang rực sáng vì vẻ rực rỡ của tấm áo nàng mặc. Người thiếu phụ trẻ đẹp đang ngồi trên nền nhà đáng vẻ hết sức chững chạc, có thể nói là khoe khoang nữa, nét mặt nàng nhìn nghiêng trắng bệch lồ lộ như thể được khắc nổi, vì mới thoát nhìn tôi ngăn mình tự hỏi không biết có phải nàng thực sự là một con người hãy còn sống hay không.

“Trời đất ơi!” Tôi lắp bắp đến cực độ nói không ra lời. “Có thực là nàng còn sống hay không vậy?”

“Đó cũng là điều tao đang nghĩ. Trông nàng thật giống hệt một con búp bê, phải không mày? Tsurukawa vừa đáp vừa dựa hẳn người vào lan can và dán đôi mắt vào người thiếu phụ.

Đúng lúc ấy một vị sĩ quan lục quân trẻ tuổi trong bộ quân phục xuất hiện ở cuối căn phòng. Người ấy ngồi xuống thực thẳng người cách thiếu phụ độ hai thước và đối diện với nàng. Hai người ngồi trước mặt nhau, im lặng một lúc lâu.

Nàng đứng dậy rồi lẳng lẽ biến mình trong bóng tối hành lang. Một lát sau, nàng trở lại, hai tay bưng một chén trà, đôi tay áo buông dài phất phơ trong gió nhẹ. Nàng quì ngay trước mặt chàng trai và dâng một tách trà. Sau khi mời chàng theo đúng nghi thức, nàng quay lại chỗ ngồi lúc nãy. Chàng trai nói một điều gì đó. Chàng vẫn chưa uống tách trà. Thời gian kế tiếp có vẻ kéo dài và căng thẳng một cách kỳ lạ. Nàng cúi gục đầu và thực thấp.

Chính vào giây phút ấy xảy ra điều không thể làm sao tin được. Vẫn ngồi tại chỗ trong tư thế thực là nghiêm chỉnh, bất chợt thiếu phụ tháo tung cổ áo. Tai tôi hầu như nghe rõ tiếng lùa sột soạt trong lúc nàng kéo vạt áo ra khỏi sợi dây lưng. Thế rồi bộ ngực trắng nõn của nàng lộ ra. Tôi nín thở. Nàng tự đưa hai bàn tay nàng nâng một bầu vú căng phồng nõn nà vạch ra ngoài. Người sĩ quan chìa tách trà đậm màu ra rồi quì gối lần đến trước nàng. Thiếu phụ đưa cả

hai tay nắn bóp bầu vú mình.

Tôi chẳng thể nói là đã nhìn thấy tất cả, song tôi cảm thấy rõ mồn một như thể cảnh ấy đã xảy ra đầy đủ trước mắt tôi; chất sữa âm ỉm, trắng toát đã từ vú nàng bắn vọt vào chất trà xanh thẩm sủi bọt bên trong cái tách, chất sữa ấy đã hòa tan vào chất nước trong khi để sót lại những giọt sữa trắng ở trên đầu vú; mặt nước trà phẳng lặng kia đã bị cái bầu vú trắng nõn ấy làm đục màu và sủi bọt.

Chàng trai nâng tách nước lên miệng và uống cạn tách trà huyền bí ấy. Thiếu phụ kéo áo che kín bộ ngực căng tròn.

Tsurukawa và tôi hai đứa trố mắt nhìn cảnh ấy. Về sau nghĩ lại cố tìm một cách giải thích thuận tai, chúng tôi đi đến một kết luận hẫng đó phải là một nghi thức biệt ly giữa một sĩ quan sắp sửa lên đường ra trận với người thiếu phụ đã mang trong bụng đứa con của mình. Tuy nhiên, sự xúc động ấy khiến chúng tôi không sao tìm được một câu giải thích nào. Cứ mãi giương mắt mà nhìn trân trân, chúng tôi không kịp để ý là chàng và nàng đã rời khỏi tọa phụ, chẳng để lại gì đằng sau ngoại trừ tấm thảm lớn màu đỏ.

Tôi nhìn thấy nét mặt nàng trắng trẻo xoay nghiêng, nổi bật lên như khắc và tôi nhìn thấy khung ngực nàng trắng nõn trắng nà. Sau khi nàng đã ra đi, trong suốt thời gian còn lại trong ngày hôm đó rồi cả ngày hôm sau và ngày hôm sau nữa tôi cứ chăm chăm nghĩ mãi đến một điều. Tôi nghĩ thiếu phụ ấy không phải là ai khác mà chính là Uiko đã trở lại cõi trần.

3

Hôm đó là ngày giỗ Ba. Má có ý nghĩ kỳ cục. Tôi khó có thể về nhà vì đang bị động viên lao động nên bà nghĩ đến việc đích thân đi Kyoto, đem theo bài vị của Ba để Hòa thượng Dosen có thể tụng kinh trước bài vị dù chỉ trong vài phút vào ngày giỗ người bạn xưa của ông. Dĩ nhiên Má không có tiền lo cho buổi lễ, nên bà đã viết thư nhờ cậy Hòa thượng Dosen xin Hòa thượng chấp nhận lời vào báo cho tôi biết điều ấy.

Nghe tin này tôi không vui lòng một tí nào. Có một lý do đặc biệt khiến cho tôi bây giờ vẫn cố ý không viết về mẹ tôi. Tôi không muốn đá động đến bất cứ cái gì dính dáng đến mẹ tôi cả.

Tôi chẳng bao giờ buông lời trách móc Má về một sự việc nào đó. Tôi chẳng bao giờ hé miệng nói về điều đó. Có nhẽ Má cũng không nghĩ là tôi biết việc đó. Nhưng kể từ khi việc đó xảy ra, tôi giận không sao có thể nén lòng tha thứ cho bà được.

Việc đó xảy ra sau khi tôi được giao phó cho ông chú để theo học trường trung học Đông Maizuru và trở về nhà trong dịp nghỉ hè niên khóa đầu tiên. Vào dạo đó, một người bà con của Má tên là Kurai đã từ Osaka trở về Nairu, sau khi thất bại trong việc làm ăn. Người vợ phải nương nhờ vào gia đình mình nên không chịu cho chồng trở về nhà, vì thế Kurai buộc lòng phải nấn ná nương thân trong chùa của Ba đợi cho câu chuyện bớt sôi nổi cái đã.

Trong chùa của Ba, chúng tôi không có đủ màn ngăn muỗi. Thực là một điều lạ lùng khi Má và tôi không bị lây bệnh lao của Ba, bởi cả ba người đều ngủ chung trong một cái màn; và bây giờ lại thêm cả cái ông Kurai này vào nữa. Tôi nhớ một đêm hè vào lúc rất khuya một con ve sầu bay dọc theo hàng cây trong vườn và buông những tiếng kêu cộc lốc. Có lẽ chính những tiếng kêu ấy đã làm tôi thức dậy. Tiếng sóng biển vọng lại âm ỉm và cái màn xanh nhợt che muỗi rập rờn theo gió biển. Tuy nhiên, có cái gì khác thường trong cách lay động, rập rờn của

cái màn.

Tấm màn căng phòng khi gió thổi tới, rồi miễn cưỡng lay động để gạn lọc gió biển. Như thế, hình dạng cái màn rung rinh gợn nếp không phản ánh trung thực làn gió. Làn gió dường như yếu hẳn đi. Có tiếng gì giống như tiếng tre sột soạt, cọ sát vào mặt chiếu; đó là mép màn cọ mạnh vào sàn nhà. Một chuyển động nào đó, không phải vì gió, đang được truyền đến tấm màn che muỗi. Một chuyển động lại còn tế vi hơn chuyển động của gió, một chuyển động toàn thể giống như đợt sóng lăn tăn chạy theo suốt tấm màn làm cho chất tơ thô cứng chốc chốc lại co rúm lại và khiến, từ bên trong nhìn ra, tấm màn rộng trông giống như mặt hồ nước đang trương lên vì bất an. Phải chăng đó là một ngọn sóng nào đó do con tàu tạo ra khi rẽ nước mặt hồ đi về phía xa, hoặc phải chăng đó là phản ánh của những dư ba sau khi con tàu đã đi rồi?

Tôi sợ sệt đưa mắt tìm nguồn gốc chuyển động đó. Thế rồi, trong khi giương mắt cố soi qua bóng tối, tôi cảm thấy dường như có một cái dùi nhọn đang xoáy vào ngay chính giữa con người của mình.

Lúc đó tôi đang nằm cạnh Ba; tấm màn che muỗi thật quá chật đối với bốn người; và trong lúc ngủ chắc hẳn tôi đã xoay trở nhiều lần và đã dồn Ba ép về một góc. Bởi vậy mới có khoảng khăn giải giường trắng rộng nhăn nheo ngăn cách tôi và cái vật tôi đang nhìn thấy lúc này; còn Ba nằm cuộn tròn đằng sau lưng tôi thì đang thở phì phò ngay vào gáy tôi.

Điều làm tôi nhận ra ba đã thực sự thức giấc ấy là nhịp thở không đều, tắc nghẹn của Ba ở đằng sau gáy tôi, vì tôi nhận thấy rằng ba đang ngăn chặn cho khỏi ho. Bất thành linh đôi mắt mở to của tôi bị một cái gì to lớn, ấm áp che kín, và tôi chẳng thấy gì. Tôi hiểu ngay tức khắc. Từ đằng sau Ba đã đưa hai bàn tay ra để che cho tôi khỏi nhìn thấy.

Truyện này xảy ra nhiều năm về trước lúc tôi mới mười ba tuổi; tuy nhiên, tôi vẫn nhớ như in hình ảnh hai bàn tay ấy. Những bàn tay to lớn kinh khủng. Những bàn tay từ đằng sau đã quàng quanh tôi, trong tích tắc che dấu cái hình ảnh địa ngục ấy, mà tôi đã chột nhìn thấy. Những bàn tay từ thế giới khác. Có phải đó là do yêu thương hoặc từ bi hoặc khuất nhục tôi không biết; nhưng những bàn tay ấy trong chốc lát đã nhận bít cái thế giới kinh khủng mà tôi chạm trán và đã chôn vùi thế giới ấy vào trong tấm tối.

Tôi khe khẽ gật đầu trong lòng những bàn tay ấy. Thấy tôi gật gật cái đầu nhỏ bé, Ba liền hiểu rằng tôi đã hội ý và tôi sẵn sàng chấp nhận; ông buông hai tay ra. Rồi lúc sau, theo đúng mệnh lệnh của hai bàn tay ấy, tôi nhất định nhắm kín đôi mắt lại, và cứ thế nằm đó không ngủ nghe gì cho đến tận sáng, đến lúc tia nắng chói lòa từ bên ngoài xuyên thẳng vào mi mắt tôi.

Xin nhớ lại giùm là năm sau, lúc người ta đang khiêng quan tài của Ba ra khỏi nhà, tôi quá bận bịu *nhìn* vào khuôn mặt chết ấy đến nỗi đã không hề nhỏ một giọt nước mắt. Xin nhớ lại giùm là với cái chết của ông, tôi đã cởi gỡ sự trói buộc của hai bàn tay ông, và xin nhớ lại giùm là do nhìn chăm chú vào khuôn mặt ông, tôi có thể xác định sự hiện hữu của chính mình. Tới giới hạn này tôi quả có nhớ lại là muốn tỏ ý phục thù đôi bàn tay ấy, nghĩa là, cái mà thế gian này gọi là yêu thương; còn đối với Má, ngoài việc không thể nào quên được nỗi giận vì đã nhớ lại điều đó, chẳng một lần nào tôi nghĩ đến truyện phục thù đối với bà cả.

Như đã giàn xếp, Má sẽ tới Kim Các Tự vào hôm trước ngày giỗ và sẽ nghỉ lại chùa một đêm. Hòa thượng viện chủ đã viết thư cho trường để xin phép cho tôi nghỉ học vào ngày đó. Những đứa chúng tôi bị động viên lao động đều không ở nơi làm việc mà thường tới đó vào giờ ấn định, rồi sau đấy lại trở về bất kỳ nơi nào mình đang sống. Vào hôm trước ngày giỗ, tôi ngại ngùng mà quay về Lộc Uyển tự.

Với tâm hồn trong sáng, đơn thuần, Tsurukawa lấy làm vui mừng cho tôi sắp được gặp lại má tôi sau một thời gian xa cách lâu dài; cả lũ bạn sa di của tôi cũng tò mò muốn biết Má nữa. Nhưng tôi thấy bức tức vì đã có một người mẹ trông rách rưới và nghèo nàn như thế. Tôi thấy lúng túng về truyện sẽ phải giải thích làm sao cho thẳng Tsurukawa thân thiết hiểu vì đâu tôi lại không muốn gặp mẹ tôi.

Tệ hại hơn nữa là ngày khi chúng tôi vừa xong việc ở công trường, Tsurukawa nắm chặt tay tôi và nói: “Thôi, tội mình chạy về nhà đi!”

Kể cũng là nói quá lời khi bảo rằng tôi không hề muốn gặp má tí nào. Không phải là tôi không thích đối đầu với sự biểu lộ tình thương của những người cùng máu mủ với mình, và sự thực có lẽ là tôi chỉ đang thử tìm đủ mọi lý do giải thích sự không ưa này theo nhiều cách khác nhau. Cái tính cách xấu xa của tôi là ở đó. Kể cũng chẳng sao khi tôi phải cố gắng chứng minh những cảm tình ngay thẳng của mình bằng đủ mọi lý do. Tuy nhiên, đôi khi có vô số lý do từ đầu óc tôi chui ra vẫn thường ép buộc tôi có những tình cảm đã đến như một xúc động mạnh mẽ ngay cả đối với chính tôi; và những tình cảm ấy thực ra không phải là của tôi.

Chỉ trong sự ghét bỏ của tôi mới có một cái gì chính xác. Bởi lẽ chính tôi là một con người mà chỉ có sự ghét bỏ mới có thể làm xúc động.

“Cần gì phải chạy, ” tôi đáp. “Chỉ tổ mệt mà thôi. Mình cứ thủng thẳng mà đi!”

“Tao hiểu, ” Tsurukawa nói. “Như vậy mày muốn làm nũng và lấy lòng Má mày phải không?”

Cứ thế Tsurukawa diễn tả tâm tình tôi và cứ như thế nó luôn luôn làm lẫn. Tuy nhiên, nó chẳng làm tôi bức bối mấy may và sự thực nó đã trở nên tất yếu đối với tôi. Bởi lẽ nó thực sự là kẻ thông dịch đầy thiện ý của tôi - một người bạn không thể thay thế được đã có khả năng phiên dịch những lời tôi nói ra ngôn ngữ của thế giới bên ngoài.

Đúng thế, có nhiều lúc tôi thấy Tsurukawa dường như là một tay thợ luyện kim đã có tài biến chì thành vàng vậy. Tôi làm âm bản còn nó là dương bản của tấm hình. Đã biết bao lần tôi chẳng ngạc nhiên khi nhận thấy những tình cảm vẫn đục, đen tối của mình trở nên trong trẻo và sáng ngời nhờ được lọc qua tâm hồn của Tsurukawa. Trong lúc tôi trù trừ và lấp lắp, nó thường nắm lấy cảm xúc của tôi trong tay lộn ngược mặt trong ra ngoài mà truyền ra hiệu thế. Tôi học được từ sự việc lạ lùng này rằng, giới hạn trong lãnh vực tình cảm, thì giữa những tình cảm tối ác và tối thiện trên đời không hề có một sự khác biệt nào rõ rệt giữa ý niệm sát nhân với tấm lòng từ bi hết. Dẫu cho tôi có đủ khả năng dùng lời nói mà giải thích điều đó thì hiển nhiên Tsurukawa cũng chẳng bao giờ có thể tin nổi, song đối với tôi đó là một phát hiện khủng khiếp. Giả như bây giờ tôi không ngại là Tsurukawa coi tôi như một kẻ giả đạo đức, ấy chỉ vì trong tâm trí tôi ý niệm giả đạo đức chỉ còn là một tội lỗi tương đối mà thôi.

Ở Kyoto tôi chưa bao giờ chứng kiến một cuộc không tập, nhưng có một lần khi được phái tới công trường chính ở Osaka để mua một số bộ phận máy bay tình cờ có một cuộc không tập và tôi đã thấy người ta khiêng trên cáng một công nhân bị thương ruột gan lòi cả ra ngoài.

Ruột gan lòi ra ngoài thì có gì là thê thảm? Tại sao, khi nhìn thấy nội tạng một con người chúng ta lại khiếp sợ và che mắt đi? Tại sao người ta lại xúc động khi nhìn thấy máu chảy? Tại sao nội tạng con người lại khó coi? Thế nó không đồng chất với da thịt mát mịn đẹp tươi hay sao? Nếu tự tôi bảo cho nó hay rằng chính do nó mà tôi đã đọc được cái lối suy nghĩ này - cách suy nghĩ đã biến sự xấu xí của riêng tôi thành hư vô chẳng hay Tsurukawa sẽ thộn mặt ra làm sao? Tại sao dường như có cái gì phi nhân trong việc coi con người giống như những bông

hồng và không chịu phân biệt phần tinh thần bên trong với phần nhục thể bên ngoài? Ước chi con người có thể lộn ngược tinh thần và nhục thể từ trong ra ngoài giống như những bông hồng và duyên dáng phơi bày phần bên trong của mình dưới gió nhẹ mùa Xuân, dưới ánh sáng của mặt trời tháng năm.

Má đã tới và đang nói chuyện với Lão sư phụ ở trong phòng ông, Tsurukawa và tôi quỳ ở ngoài hành lang trong ánh hoàng hôn đầu hạ và thưa với Lão sư phụ là chúng tôi đã trở về.

Lão sư phụ chỉ gọi riêng mình tôi vào trong phòng. Trước mặt Má ông đại khái nói rằng tôi là một thằng bé ngoan ngoãn làm mọi công việc trong chùa rất chu đáo. Tôi cúi đầu và hầu như không nhìn gì đến Má. Từ khóe mắt mình, tôi có thể nhìn thấy màu vải xanh bạc phếch của chiếc quần rộng thùng thình Má mặc trong thời chiến và những ngón tay bẩn thỉu lem luốc Má đặt trên đầu gối quần.

Lão sư phụ bảo mẹ con tôi có thể trở về phòng. Hai mẹ con tôi cúi đầu chào lia lịa rồi rời căn phòng. Phòng tôi ở là căn phòng nhỏ trái vừa năm chiếc chiếu, ở phía nam tiểu thư viện, trông ra một cái sân trong. Ngay khi hai mẹ con đặt chân vào phòng. Má đã bật lên khóc. Vì đã biết trước điều này nên tôi vẫn có thể thản nhiên không xúc động.

“Bây giờ con đang sống dưới sự chăm sóc của Lộc Uyển tự, “ tôi nói với Má, “xin Má đừng thăm con trước khi con trở thành một người đàn ông”.

“Má hiểu, má hiểu, ” Má nói.

Tôi lấy làm bằng lòng là đã có thể tiếp đón mẹ tôi bằng những lời tàn khốc như thế. Tuy nhiên, tôi cảm thấy bút rức trong lòng là cũng như ngày xưa bà chẳng tỏ dấu hiệu xúc động hoặc chống đối nào cả. Đồng thời, tôi lại cảm thấy hãi hùng khi tưởng tượng Má sẽ có thể vượt qua ngưỡng cửa và bước vào bên trong con người của tôi.

Nhìn khuôn mặt xạm nắng của Má, tôi thấy đôi mắt nhỏ bé sâu thẳm, láu lỉnh. Chỉ có đôi môi bà là đỏ và bóng dường như thể có một cuộc sống riêng; bà có hàm răng to cứng của người nhà quê. Bà đã tới cái tuổi mà những người ở đô thị nếu có trát phấn son dày đặc lên mặt cũng chẳng phải là điều lạ kỳ. Má đã làm cho bộ mặt mình trông thật xấu xí. Tôi nhận thấy ngay rằng ở một chỗ nào đó trên khuôn mặt ấy vẫn còn rơi rớt lại một dáng vẻ nhục cảm làm cho tôi càng thêm ghét.

Sau khi đã rời khỏi phòng Lão sư phụ và đã khóc một trận cho hả. Má bèn rút ra chiếc khăn mặt bà đã mang theo từ lúc rời làng và bắt đầu lau bộ ngực xạm nắng trần trụi của mình. Chiếc khăn bằng vải thô thuộc loại đồ được phối cấp. Chất vải có một vẻ bóng thô lậu và nó lại càng bóng lộn hơn khi ướt đầm mồ hôi.

Đoạn Má vốc từ trong cái túi đeo ở lưng ra một ít gạo. Bà nói bà sẽ mang gạo này biếu Lão sư phụ. Tôi chẳng nói một lời. Kế đó bà móc ra tấm bài vị thờ Ba gói ghém rất cẩn thận trong một chiếc vải cũ màu xám, rồi đặt lên giá sách của tôi.

“Má hết sức biết ơn về việc này, ” bà nói.

“Ba sẽ rất lấy làm sung sướng khi biết rằng Hòa thượng viện chủ đang cầu siêu cho mình.”

“Sau ngày giỗ, Má sẽ trở lại Nairu chứ Má?” tôi hỏi.

Câu trả lời của bà làm tôi hết sức ngạc nhiên. Thì ra Má đã nhượng hết quyền lợi trong ngôi chùa Nairu cho một người khác rồi và đồng thời bán cả mảnh đất nhỏ nữa. Bà đã trang trải hết tiền thuốc men cho ba và đã thu xếp để một mình về sống nhờ đàn ông nhà ông bác tại Kasagun gần Kyoto. Thế là ngôi chùa tôi sắp sửa quay về sống không còn là của chúng tôi nữa! Ở cái thôn trên mũi biển hoang lạnh ấy chẳng còn có cái gì chờ đón tôi nữa.

Tôi không rõ Má đã diễn dịch cái dáng vẻ giải thoát trên mặt tôi ra làm sao, nhưng bà đã cúi sát vào tôi và nói: “Con thấy không, con không còn ngôi chùa của riêng con nữa. Điều duy nhất con phải làm bây giờ là trở thành người trụ trì Kim Các Tự này. Con phải ăn ở sao cho Hòa thượng thấy con đáng yêu để rồi con có thể kế vị ông khi ông già từ cõi đời này. Hiểu không con của Má? Bây giờ Má chỉ còn sống vì điều đó mà thôi.”

Tôi thấy bàng hoàng, chấn động nhìn lại khuôn mặt của Má, nhưng quá sững sốt, sợ sệt để có thể nhìn thẳng vào mặt.

Căn phòng nhỏ bé đằng sau tối om. Bà “từ mẫu” của tôi đã kề ngay miệng vào tai tôi mà nói, và bây giờ mùi mồ hôi của bà đang rập rờn trước lỗ mũi tôi. Tôi nhớ lại lúc đó Má bật cười thành tiếng. Những ký ức xa xôi về việc được cho bú, những hoài niệm về cái bầu vú đen đũi - những hình ảnh chen lẫn nhau loạn xạ trong đầu óc tôi. Trong những đám lửa đồng nội vẫn còn có một cái gì mạnh mẽ ép của nhục thể này dường như đã làm tôi hoảng sợ. Khi những lọn tóc loăn quăn của Má chạm vào má tôi, tôi nom thấy một con chuồn chuồn hạ cánh đậu vào bề nước bằng đá phủ đầy rêu ở ngoài sân tối om. Bầu trời chiều hôm phản ánh trên mặt nước trong cái bể tròn nhỏ hình đồng tiền ấy. Không gian im lặng, không một tiếng động, và vào lúc đó Lộc Uyển tự dường như là một ngôi chùa không có bóng người.

Cuối cùng tôi cũng có thể nhìn thẳng vào mặt Má. Đôi môi bóng nhẫy của bà thỉnh thoảng một nụ cười khiến tôi còn nhìn thấy cả hàm răng vàng bóng lộn nữa.

“Vâng,” tôi lắp bắp kích liệt mà trả lời, “nhưng theo con biết, chắc con sẽ bị gọi vào lính và sẽ chết trận tới nơi còn gì.”

“Thằng điên ở đâu!” bà nói. “Nếu họ bắt những đứa nói lắp như con vào quân đội thì thôi nước Nhật thực đã đến lúc tàn rồi.”

Tôi ngồi đó ngay đơ người thấy ghét Má tôi ghê gớm. Tuy nhiên, những lời nói lắp bắp thốt ra chỉ là những lời nói lảng không hơn không kém. Tôi nói “Kim Các Tự có thể cháy rụi trong một cuộc không tập.”

“Cứ như sự việc xảy ra hiện này,” Má nói, “chắc Kyoto sẽ không bị oanh tạc. Tụi Mỹ sẽ nghĩ xa mà không động đến thành phố này đâu.”

Tôi không đáp lời. Cái sân đang tràn ngập bóng tối mờ mờ trở thành màu đáy biển. Những viên đá chìm vào bóng tối, và nhìn hình thù của chúng người ta có thể nghĩ rằng chúng đang giao đấu với nhau. Má đứng dậy, không buồn để ý đến sự im lặng của tôi và lơ đãng ngắm khung cửa gỗ căn phòng nhỏ bé nơi tôi đang ở.

“Đã đến giờ được thạch chưa nhỉ?” bà nói.

Sau này khi nghĩ lại tôi thấy rằng cuộc đối diện với Má đã có ảnh hưởng đáng kể với tâm hồn tôi. Chính vì dịp này tôi mới hiểu rằng Má sống trong một thế giới hoàn toàn khác biệt với thế giới của tôi và cũng chính nhờ dịp này tôi mới hiểu rằng lần đầu tiên cách suy nghĩ của bà đã có tác dụng mạnh mẽ đến tôi.

Má thuộc hạng người sinh ra không hề bận tâm tới vẻ đẹp của Kim Các Tự; thay vào đó, bà có một cảm giác hiện thực thật xa lạ đối với tôi. Bà đã bảo Kyoto không sợ bị oanh tạc, và trái hẳn điều tôi mơ tưởng, điều này có vẻ như là đúng sự thực. Và nếu Kim Các Tự không có nguy cơ bị oanh tạc, hẳn rằng lúc này đây tôi đã mất lẽ sống ở đời và thế giới trong đó tôi đang nương thân sẽ phải tan ra từng mảnh vụn.

Mặt khác, cái đã tâm mà Má đã bắt thần bộc lộ cho tôi hay lời cuốn tôi ghê gớm chừng nào thì tôi lại càng ghê tởm nó chừng ấy. Trước khi Ba chưa bao giờ nói một lời nào, nhưng có lẽ

ông cũng có một dã tâm như Má khi gửi tôi tới ngôi chùa này. Thượng tọa Dosen sống độc thân. Chính ông cũng đã được sự phụ đỡ trước dặn dò gửi gắm mà rồi kế vị ở Lộc Uyển tự, cho nên không lý gì chính tôi lại không thể thực sự kế nghiệp sự phụ Dosen ở Kim Các Tự này một khi tôi vận dụng hết khả năng mình cho đúng cách. Nếu việc này mà xảy ra được, thì Kim Các Tự sẽ thuộc về tôi!

Tư tưởng tôi trở nên hỗn loạn. Khi cái dã tâm thứ hai của tôi đè nặng, tôi quay về với mộng tưởng thứ nhất (Kim Các Tự sắp sửa bị không tập tới nơi) và khi mộng tưởng ấy bị sự phán đoán thực tế của Má đập tan thì tôi lại quay về cái dã tâm thứ nhì, cho tới khi tôi mệt đừ người vì phải luôn luôn nghĩ ngợi lung tung, và rồi kết quả là tôi bị một cái nhọt to tướng đỏ ửng mọc ngay đằng sau gáy.

Tôi không hề mó tay đến nó. Nó cứ sưng phồng lên và bắt đầu nhức nhối, nóng ran, khó chịu ngay sau gáy. Trong giấc ngủ chập chờn, tôi nằm mơ thấy một làn ánh sáng vàng chói không một gợn như đang phát ra từ sau gáy, bao vây phía sau đầu tôi tạo thành vòng hào quang hình bầu dục và lan rộng dần dần. Nhưng khi tỉnh giấc hóa ra chỉ là sự đau đớn do cái nhọt làm đau chết người.

Sau cùng tôi phát sốt và phải vào giường nằm. Thượng tọa trụ trì bảo tôi tới một y sĩ ngoại khoa. Mình mặc quốc phục, đi chân giày ống, ông này sau khi chẩn bệnh gọi cái nhọt của tôi bằng tên đơn giản là Furunkeru. Vì tiếc rượu cồn, ông ta sát trùng con dao bằng cách hơ lên ngọn lửa rồi áp mạnh vào gáy tôi. Tôi rên rỉ. Cái thế giới nóng ran, khó chịu nổ tung ra ở sau đầu tôi; thế rồi, tôi cảm thấy nó teo đi và xẹp hẳn.

Chiến tranh kết liễu. Lúc đang ở công trường lắng nghe Chiếu Sắc tuyên cáo chấm dứt cuộc chiến, tôi không nghĩ tới gì ngoài Kim Các Tự.

Vừa rời công trường về, tự nhiên tôi vội vã đi tới mặt tiền Kim Các Tự. Trên lối đi hai khách thường dùng để vào chùa, những hòn sỏi đang tắm nắng dưới ánh mặt trời mùa hạ, hết hòn này đến hòn khác dính chặt vào đế giày thể dục bằng cao su cứng ngắc của tôi.

Ở Tokyo, sau khi nghe Chiếu Chỉ, dân chúng có lẽ đã tới đứng trước Hoàng cung. Tại đây, rất nhiều người đã đến ngay trước kinh đô ngự sở hoang vắng mà khóc. Kyoto có nhiều Thần xã và Phật các để cho dân chúng có thể tới khóc vào những dịp như thế này. Các tu sĩ phải làm việc khá nhiều ngày hôm đó. Tuy vậy, như người ta đoán trước, trong ngày hôm ấy chẳng ai tới Kim Các Tự hết.

Cũng vì thế chỉ riêng có bóng tôi in trên những lớp sỏi đá ngập nắng. Nếu muốn ghi lại hình ảnh xác đáng, tôi phải nói tôi đang đứng ở một bên còn Kim Các Tự đang đứng ở bên kia. Và hôm đó kể từ lúc để mắt nhìn đến ngôi chùa, tôi cảm thấy mối quan hệ giữa “chúng tôi” đã thay đổi mất rồi. Trong nỗi xung động vì chiến bại, trong nỗi bi ai của quốc dân, Kim Các Tự thực sự là siêu việt. Trong những lúc như thế này nó thật siêu việt hoặc ít nhất là làm ra vẻ siêu việt. Cho đến lúc này, Kim Các Tự trong quá khứ chưa bao giờ như thế. Hiển nhiên là việc nó khỏi bị cháy rụi trong một cuộc không tập và bây giờ không còn bị nguy hiểm đe dọa đã giúp nó tổ được cái tình cảm buổi đầu: “Ta đã có mặt tại đây thời xưa đến giờ, và ta sẽ còn có đây mãi mãi.

Nó ngồi đó trong im lặng hoàn toàn, giống như đồ đặc lỏng lẫ nhưng vô ích nào đó, với phiến lá cổ xưa ở bên trong được vẽ sáng bóng của mặt trời mùa hạ đang chập trùng trên những bức tường ngoài che chở hoàn toàn. Những khung gỗ phía ngoài rộng lớn, trống trơ nằm chình ình trước màu xanh chói rạng của rừng cây. Người ta có thể đặt những vật trang trí

nào trên các khung gỗ như thế? Chẳng có cái gì vừa với kích thước của chúng ngoại trừ một cái gì đó giống như một bình hương khổng lồ hoặc một hư vô mệnh mang vĩ đại. Nhưng Kim Các Tự đã hoàn toàn mất hết những cái đó rồi; bất chợt nó đã rửa trôi tuột mất hết thực chất của mình và bây giờ đang phơi bày một hình dạng hư không một cách kỳ lạ. Điều kỳ lạ nhất tôi nhận thấy từ trước đến giờ trong bao nhiêu lần Kim Các Tự phô bày vẻ đẹp của nó trước mắt tôi thì lần này đẹp hơn hết. Chưa bao giờ ngôi chùa lại phơi bày một vẻ đẹp vững bền đến thế - một vẻ đẹp vượt qua chính tâm tưởng của tôi, đúng thế, vượt qua cả toàn thể thế giới thực tại, một vẻ đẹp không hề có dây dưa gì với bất kỳ một chủng loại siêu thoát nào! từ trước đến giờ chưa bao giờ nó mang một vẻ đẹp lộng lẫy, cự tuyệt tất cả mọi ý vị như lần này.

Kể cũng chẳng phải quá lời khi bảo rằng trong lúc ngắm nhìn ngôi chùa, chân tôi đã run rẩy và trán tôi đã ướt đẫm những giọt mồ hôi lạnh. Trong một bận trước trở về làng, sau khi đã ngắm nghía ngôi chùa, tôi thấy những bộ phận nhỏ nhất, toàn thể kiến trúc của nó hòa hợp như một khúc nhạc âm chiều ứng nhịp nhàng. Nhưng bây giờ tôi chỉ nghe tiếng im lặng hoàn toàn, tĩnh mịch hoàn toàn. Ở đó chẳng có gì trôi chảy, chẳng có gì đổi thay. Kim Các Tự đứng chót vót trước mặt tôi, vượt cao trước mặt tôi giống như sự ngưng nghỉ kinh hoàng nào đó trước âm nhạc, giống như một thứ trầm mặc ngân vang nào đó.

“Mối liên hệ giữa Kim Các Tự và chính tôi đã bị cắt đứt,” tôi nghĩ. “Kể từ đây mộng tưởng cho rằng Kim Các Tự và tôi đang sống trong cùng một thế giới đã sụp đổ. Kể từ đây, tôi sẽ trở lại trạng thái trước kia của mình, nhưng còn tuyệt vọng hơn trước kia nữa. Một trạng thái trong đó tôi ở đẳng này và vẻ đẹp ở đẳng kia. Một trạng thái chẳng bao giờ biến đổi trên cõi đời này.”

Sự chiến bại của đất nước đối với tôi thật đúng chỉ là một kinh nghiệm tuyệt vọng. Ngay cả tới bây giờ tôi vẫn còn có thể nhìn thấy cái ánh sáng màu hè giống như ánh lửa vào cái ngày thất trận ấy, ngày 15 tháng Tám. Dân chúng nói rằng mọi giá trị đều băng hoại; nhưng chính trong lòng tôi ngược lại, sự vĩnh viễn đã bừng tỉnh, hồi sinh và đòi hỏi quyền lợi của mình. Cái sự vĩnh viễn đã bảo tôi rằng Kim Các Tự sẽ vĩnh viễn tồn tại ở đó. Cõi vĩnh cửu đã từ trên trời giáng xuống, dính chặt vào má, vào tay, vào bụng chúng tôi, rồi cuối cùng chôn vùi chúng tôi. Cái đó chính là một lời nguyện rửa. Đúng thế, vào cái ngày chiến tranh chấm dứt, trong những tiếng ve sầu từ các núi đồi chung quanh vọng lại, tôi có thể nghe thấy sự vĩnh viễn này, giống như một lời nguyện rửa lừng lờ trên đầu tôi, nó đã khép chặt tôi vào chất vừa vàng óng.

Tối hôm đó trong buổi tụng kinh trước giờ khai chẩm, chúng tôi đặc biệt tụng những bài kinh cầu an cho Hoàng đế và an ủi vong linh những người đã chết trong cuộc chiến. Kể từ khi chiến tranh bắt đầu, mặc áo cà sa đơn giản đã trở thành thói quen trong những tông phái, nhưng đêm nay Lão sư phụ đặc biệt mặc chiếc áo cà sa ngự điều bằng lụa đào mà ông đã cất kỹ từ nhiều năm qua. Bộ mặt đầy đặn, mở màng của ông, trông giống như thể không hề còn một nếp nhăn nào, hôm nay có vẻ hồng hào, mạnh khỏe và dường như đang tươi tắn nở nang hẳn lên vì thỏa mãn về cái gì đó. Trong đêm tối nóng bức, tấm áo cà sa nhẹ mát của ông sột soạt nghe rõ mồn một trong ngôi chùa.

Sau buổi tụng niệm mọi người trong chùa được gọi tới phòng Lão sư phụ nghe thuyết giảng. Công án lão sư phụ đã chọn là “Nam Toàn Trảm Miêu” từ đệ thập tứ tắc trong *Vô Môn Quan*. “Nam Toàn Chém Mèo” (cũng thấy xuất hiện trong đệ lục thập tam tắc trong *Bích Nham Lục* dưới nhan đề “Nam Toàn Trảm Miêu” và đệ lục thập tứ tắc nhan đề “Triệu Châu Đầu Đái Thảo Hài”) từ xưa vẫn nổi tiếng là một trong những công án nan giải nhất.

Vào đời nhà Đường có một danh tăng, Phổ Nguyễn Thiền Sư, sống trên núi Nam Toàn Từ Châu, do đó được gọi là Nam Toàn Hòa thượng theo tên quả núi. Một hôm, sau khi mọi tu sĩ đã ra đồng cắt cỏ, một con mèo nhỏ xuất hiện trong ngôi sơn tự nhàn tịch. Ai nấy đều đuổi và bắt được con mèo nhỏ này. Sau đó con vật trở thành đối tượng cả Đông Tây lưỡng đường đều tranh nhau con vật. Hai phe cãi nhau và tranh nhau giữ con miu đó.

Hòa thượng Nam Toàn thấy vậy bèn nắm lấy gáy con mèo con rồi dí lưỡi liềm phạt cỏ vào cổ nó mà nói: “Trong lũ người ai nói được một lời thì cứu ngay được con mèo này; nếu không ai nói được gì cả thì nó sẽ bị chém đầu ngay.” Không ai có thể đáp lời nào, thế là Hòa thượng Nam Toàn liền chém ngay con mèo rồi quăng xác nó đi.

Tối đến, Triều Châu, cao đồ Hòa thượng, trở về chùa. Hòa thượng Nam Toàn liền kể lại câu chuyện đã xảy ra và hỏi ý kiến anh ta. Tức thì Triều Châu tuốt đôi dép đôi lên đầu và bước ra khỏi căn phòng. Thấy vậy, Hòa thượng Nam Toàn cất tiếng thở than: “Ồ, giả chi bữa nay có con ở đó thì con đã cứu được con mèo con rồi.”

Đó là đại thể câu chuyện. Cái đoạn kể chuyện Triều Châu tuốt đôi dép đôi lên đầu được coi là điều hết sức khó hiểu. Nhưng theo lời giảng của Lão sư phụ vấn đề không đến nỗi khó hiểu đến thế.

Sở dĩ Hòa thượng Nam Toàn chém mèo vì ông muốn cắt đứt mọi mê vọng về tự ngã và dứt hết mọi vọng niệm, vọng tưởng từ căn nguyên. Thực hiện việc tàn nhẫn không xót thương đem chém đầu con mèo con là ông đã dứt khoát cắt đứt hết mọi mâu thuẫn, bất hòa giữa thân mình và kẻ khác. Việc làm này được gọi là Sát Nhân Đao trong hành động của Triều Châu được gọi là Hoạt Nhân Kiếm. Có thái độ khoan dung đem đồ lấm bùn bẩn thủi để giày dép mà đội lên đầu, anh ta đã thực hành đúng Bồ-tát đạo.

Sau khi nghe giảng giải như thế, Lão sư phụ chấm dứt buổi thuyết pháp mà chẳng hề động đến vấn đề Nhật Bản bại trận một chút nào. Chúng tôi cảm thấy dường như đã bị một con cáo thôi miên. Chúng tôi chẳng hề may mắn tại sao Lão sư phụ lại chọn lựa cái công án đặc biệt này vào ngày Nhật Bản thất trận. Trong khi mọi người đi dọc theo hành lang trở về phòng, tôi tỏ bày những băn khoăn của mình cho Tsurukawa hay. Chính nó cũng ngạc nhiên và lắc đầu.

“Tao không hiểu,” nó nói. “Tao nghĩ người nào chưa sinh hoạt trọn đời ở tăng đường thì không sao hiểu nổi. Nhưng tao nghĩ thực ra trong buổi thuyết giảng tối nay vào ngày nước thua trận, ông chẳng nên nói lời nào về truyện ấy mà chỉ nên nói về truyện chém đầu con mèo.”

Riêng về phần tôi, tôi chẳng hề cảm thấy một chút bất hạnh nào về truyện thất trận cả; tuy nhiên cái vẻ mặt tràn trề hạnh phúc của Lão sư phụ đã khiến tôi khó chịu. Niềm tôn kính đối với sư phụ trụ trì vẫn là thông lệ để bảo vệ trật tự trong một ngôi chùa. Thế nhưng trong suốt năm qua sống dưới sự chăm sóc của ngôi chùa này tuyệt đối chẳng có lúc nào tôi cảm thấy thương yêu hoặc kính trọng đối với Lão sư phụ cả. Truyện ấy chính nó cũng chẳng sao. Song, kể từ lúc Má châm cái ngọn lửa đã tâm cháy bùng trong tôi, nhiều lúc tôi bắt đầu nhìn Lão sư phụ với con mắt phê phán, soi mói của một thiếu niên mười bảy tuổi.

Lão sư phụ là người công bình và vô tư. Nhưng đó là sự công bình và vô tư mà tôi có thể tưởng tượng dễ dàng là mình có được nếu tôi trở thành một sư trưởng trụ trì. Con người này thiếu hẳn chúng cái khí vị khôi hài đặc biệt của một tu sĩ Thiền tông. Điều này kể cũng kỳ lạ, vì lẽ thường thường những người đáng vẻ đầy đặn, mỡ màng như ông ta vẫn luôn luôn có khí vị hài hước.

Từ lâu tôi đã nghe thấy nói rằng Lão sư phụ từng ham chơi gái. Lúc thực sự tưởng tượng ông đang đắm mình trong cuộc vui, tôi vừa buồn cười mà cũng vừa cảm thấy khó chịu. Một người đàn bà sẽ thực sự cảm thấy gì khi được một thân hình giống như cái bánh ngọt màu hồng ôm chặt trong tay! Có lẽ người ấy sẽ cảm thấy như thể cái khối thịt hồng hồng, mềm mại ấy trải rộng đến tận cùng thế giới, như thể người ấy đang bị chôn vùi trong một nắm mỡ da thịt.

Điều làm tôi thấy kỳ lạ là một tu sĩ Thiền tông mà cũng cần đến nhục thể. Sở dĩ Lão sư phụ đã ham mê đàn bà như thế có thể là vì ông muốn bày tỏ sự khinh miệt của mình đối với xác thịt bằng cách tổng khứ nó đi. Nhưng nếu quả thực như vậy thì kể cũng kỳ lạ; kỳ lạ ở chỗ cái xác thịt mà ông khinh miệt đến như thế lại phải được nuôi dưỡng thừa thãi lại phải quán lấy tinh thần ông. Xác thịt khiêm nhường, ngoan ngoãn giống như một gia súc đã được huấn luyện thuần thục. Xác thịt giống hệt một người vợ lẽ đối với tinh thần của Lão sư phụ.

Tôi phải nói rõ đối với tôi sự bại trận đã thực sự có nghĩa ra sao. Đó không phải là sự giải phóng. Không, nhất định đó chẳng hề là sự giải phóng. Chẳng qua là sự quay lại nếp sống vĩnh viễn bất biến đã thẩm nhập vào đời sống hàng ngày của chúng tôi. Bây giờ là thời gian phục hồi nếp sống trong chùa trở về nếp cũ: khai định, triêu khóa, chúc tọa, tác dịch, trai tọa, được thạch, khai dục, khai chẩm. Lão sư phụ tuyệt đối nghiêm cấm việc mua gạo chợ đen dùng trong chùa. Vì thế, những hột gạo duy nhất mấy đứa sa di chúng tôi thấy nổi lũng bống trong các bát cháo của mình là do các đàn gia cho hoặc do viên Phó ti lén mua ngoài chợ đen vì nghĩ rằng lũ chúng tôi đang vào tuổi lớn. Tuy lén mua gạo chợ đen nhưng ông luôn luôn phải nói tránh đó là gạo của các đàn gia đem cúng hiến. Chúng tôi vẫn thường phải ra ngoài mua khoai lang về ăn; không phải chỉ vào buổi chúc tọa chúng tôi phải ăn cháo mà ngay cả bữa trưa và bữa tối cũng có cháo và khoai lang nữa, vì thế chúng tôi lúc nào cũng thấy đói bụng.

Tsurukawa thường hay xin nhà gửi kẹo ngọt cho nên cha mẹ nó thường mua kẹo gửi từ Tokyo đến cho nó. Đến khuya nó mang số kẹo viện trợ đó vào phòng tôi để hai đứa cùng ăn với nhau. Thỉnh thoảng một ánh sáng lại lóe lên trong trời đêm đen kịt.

Tôi hỏi Tsurukawa tại sao nó lại đến đây trong khi nhà nó giàu có và cha mẹ nó thương yêu nó như thế.

“Đây chỉ là một nơi để tao tu hành khổ hạnh, nó giải thích. “Rồi đây khi tới lúc, tao sẽ thừa kế ngôi chùa của Ba tao.”

Ít có cái gì khiến Tsurukawa khổ tâm. Nó hòa mình vào lối sống ở đây, y như chiếc dĩa nằm khít trong ống dĩa. Tôi tiếp tục câu chuyện và nói cho Tsurukawa hay từ đây một thời đại mới và thật khó tưởng tượng, sắp đến với đất nước chúng ta. Tôi nhớ câu chuyện đã nghe mọi người bàn tán ở trường vài ba ngày sau khi chiến tranh chấm dứt. Đó là câu chuyện về một sĩ quan có nhiệm vụ chỉ huy một công trường nào đó; ngay sau khi chiến cuộc chấm dứt, người sĩ quan ấy vừa tự mình đem hàng hóa chất đầy lên một chiếc xe vận tải rồi lái thẳng về nhà mình, vừa nói chẳng úp mở gì hết: “Từ nay tôi sẽ đi buôn bán chợ đen”.

Tôi nghĩ đến người sĩ quan liều lĩnh, tàn bạo, mắt sáng quắc này, trong lúc anh ta đứng đó, sắp sửa lao đầu dẫn thân vào tội ác. Con đường anh ta sắp sửa lao vào trong đôi giày ống ngắn cũng mang bộ mặt chết chóc như là chiến tranh vậy; nó có vẻ vô trật tự khiến tôi nghĩ đến ánh sáng đỏ rực lúc bình minh. Khi anh ta lái xe chạy đi, tấm khăn quàng cổ màu trắng bay lất phất trên ngực, và đôi má chĩa ra trước gió đêm lạnh lẽo hầy còn đang phảng phất trong buổi sớm tinh sương. Lưng anh ta sẽ cuối gập xuống dưới sức nặng của những món đồ ăn cắp: anh ta sẽ

chạy thục mạng cho đến lúc mỗi mòn kiệt sức. Nhưng ở phía xa hơn, nhẹ nhàng hơn, tôi có thể nghe thấy tiếng chuông từ trên gác chuông ngân nga hỗn độn, vô trật tự.

Tôi hoàn toàn xa cách những sự việc như thế. Tôi không có tiền bạc, không có sự tự do, không có giải phóng gì hết. Tuy nhiên, chắc chắn rằng trong tâm trí một thiếu niên mười bảy tuổi như tôi, mấy tiếng “một thời đại mới” hàm chứa một quyết ý theo đuổi một chiều hướng nào đó, dù cho chưa thành hình rõ rệt.

“Nếu con người trên thế gian này, ” tôi nghĩ, “sắp sửa nếm mùi điều ác qua cuộc sống và hành động của họ, lúc đó mình sẽ đắm mình thực sâu trong nội giới của điều ác.”

Nhưng cái điều ác mà tôi nghĩ đến cho riêng mình thoát nhiên chỉ là dùng mọi cách khéo léo để chinh phục lòng tin yêu của Lão sư phụ để chiếm lấy Kim Các Tự, hoặc một không tưởng như đầu độc giết chết Lão sư phụ mà thay thế ông. Những kế hoạch này của tôi lại còn có thể làm yên lương tâm tôi, một khi tôi đã biết chắc rằng Tsurukawa không hề có dã tâm như thế.

“Thế mà không có băn khoăn hay hy vọng gì riêng cho tương lai hay sao?” tôi hỏi nó.

“Không, chẳng hề có hy vọng hoặc băn khoăn gì hết. Nếu có thì tao đã được cái gì nào?”

Chẳng có điều gì hắc ám trong câu trả lời của nó mà cũng không phải là nó trả lời bừa bãi. Vào đúng lúc ấy một tia chớp lóe sáng cặp lông mày nhỏ dài hơi cong của nó, bộ phận tiêu tể duy nhất trên toàn thể khuôn mặt nó. Hiển nhiên Tsurukawa đã để cho người thợ hót tóc tự ý cạo phần đầu và phần đuôi lông mày của mình; vì thế cặp lông mày của nó vốn đã nhỏ càng nhỏ hơn, và mình có thể nhìn thấy vết xanh mờ ở hai đầu chỗ lưỡi dao cạo đã cạo lướt.

Khi liếc nhìn vệt xanh này, tôi có một cảm giác bất an. Thằng thiếu niên ngồi trước mặt tôi chói rục ở cái cực thuần khiết của cuộc đời. Nó khác hẳn tôi. Tương lai của nó được giấu kín đến nỗi đang bùng cháy. Cái nhị đèn thấp sáng trong tương lai nó đang nổi bùng bình trong chất dầu trong vắt, mát lạnh. Có ai lại ở cõi đời này lại thấy trước được sự trong trắng không gợn chút nhơ của chính mình? Giả như sự ngây thơ và tinh khiết còn mãi với người đó trong tương lai.

Tối đó sau khi Tsurukawa đã trở về phòng, tôi không sao ngủ được vì trời cuối hạ nóng quá. Ngoài ra còn sự cố ý chống lại thói thủ dâm cũng làm cho tôi mất ngủ...

Đôi khi tôi cũng bị mộng tinh. Việc này không liên hệ đến hình ảnh sắc dục nào hết, chẳng hạn, một con chó mực đang chạy xuống một đường phố tối om: tôi có thể nhìn thấy hơi thở hỗn hển, nóng hổi từ mồm nó toát ra, và sự kích thích trong tôi gia tăng theo tiếng vang của cái nhạc trên cổ nó; thế rồi, khi tiếng nhạc đạt tới cực độ thì tinh khí của tôi liền bắn vọt ra ngoài.

Khi tôi thủ dâm, tâm trí tôi thường chứa đầy huyền tượng của địa ngục; tôi thấy bầu vú của Uiko, rồi cặp đùi nàng hiện ra trước mắt. Và trong lúc ấy tôi trở thành một thứ côn trùng vô cùng nhỏ bé, vô cùng xấu xí.

Tôi nhảy ra khỏi giường rồi len theo cửa hậu của tiểu thư viện mà đi ra ngoài. Sau Lộc Uyển tự và phía đông Tịch Giai đình ngọn núi là Bất Động Sơn đứng sừng sững. Những cây xích tùng bao phủ ngọn núi và giữa những đám cỏ gianh mọc đầy quanh các gốc cây, chen lộn những cây trich trục, cây quán mộc và nhiều thứ cây tương tự. Đã quá quen thuộc với những ngọn núi này nên giữa đêm tôi có thể mò đường leo lên mà không hề vấp vấp gì hết. Leo lên đỉnh núi người ta có thể thấy miền Thượng Kyoto và Trung Kyoto cùng ngọn Duệ Sơn và Đại Văn Tự Sơn ở phía xa hơn.

Tôi leo lên dốc núi giữa những tiếng chim nháo nhác vỗ cánh vì sợ hãi; tôi không nhìn sang bên và cố tránh những những gốc cây đã bị đổ. Tôi cảm thấy nhờ bầu vú, leo trèo như thế đầu

ốc không nghĩ gì mà bỗng nhiên tôi khỏi được bệnh. Khi leo lên đến đỉnh núi, một làn gió lạnh ban đêm thổi tới lùa vào thân mình: tôi đang ướt đầm mồ hôi.

Quang cảnh trước mắt làm tôi ngạc nhiên nghi ngờ chính cả mắt mình. Từ lâu rồi người ta đã bãi bỏ hạn chế đèn lửa trong thị xã Kyoto và bây giờ ánh đèn trải dài đến tít phía xa như một biển ánh sáng. Quang cảnh này đối với tôi hầu như một phép lạ, vì kể từ khi chiến tranh chấm dứt tôi chưa một lần nào tới chỗ này về ban đêm cả.

Những ngọn đèn điện tạo thành một lập thể. Những ngọn đèn ấy rải rác khắp một bình diện rộng rãi làm người ta mất hết cảm giác ở gần hoặc ở xa; trước mặt tôi dường như có một tòa đại kiến trúc trong suốt mắc đầy đèn điện đang nhô lên trong đêm tối, như đang trải rộng những dục lâu thành những ăng ten phức tạp. Có như thế mới đáng gọi là nơi đô thị. Chỉ có khu rừng quanh hoàng cung là không có ánh đèn và trông giống như một động lớn đen ngòm. Thỉnh thoảng từ hướng núi Duệ Sơn lại có một tia chớp lóe lên trên bầu trời đêm đen tối.

Tôi nghĩ: “Đây là cuộc đời trần tục. Bây giờ chiến tranh đã chấm dứt người người đang bị những tư tưởng tà ác thôi thúc lãng quăng chen chúc dưới những ngọn đèn này. Biết bao đôi trai gái đang đắm đuối nhìn mặt nhau dưới những ngọn đèn này, và mùi của *cái hành vi giống như cái chết* vốn đã trực tiếp thúc bách họ đang bốc lên dưới mũi họ. Khi nghĩ rằng những ngọn đèn điện nhiều vô số này đều là những ngọn đèn của tà ác, lòng tôi thấy được an ủi. Xin để cho điều tà ác đang nằm trong lòng tôi nẩy nở thực nhiều, nẩy nở mãi mãi để nó có thể tương ứng hoàn toàn với làn ánh sáng của những ngọn đèn trước mắt tôi kìa! Xin để cho sự đen tối đang bao phủ tim tôi được ngang hàng với sự đen tối của đêm hôm đang bao phủ những ngọn đèn nhiều vô số kia!”

Càng ngày số lai khách tới văn cảnh Kim Các Tự càng gia tăng. Lão sư phụ đã làm đơn xin và đã được phép tăng giá tiền vào cửa để theo kịp lạm phát.

Cho đến bây giờ những lai khách lễ tẻ mà tôi đã thấy là những người bình dân chất phác mặc những bộ quân phục, quần áo làm việc rộng thùng thình. Nhưng bây giờ Quân đội Chiếm đóng đã tới, và chẳng bao lâu phong tục dân dã của thế giới trần tục bắt đầu tràn lan quanh Kim Các Tự. Tuy nhiên, không phải chỉ có những đổi thay theo chiều hướng xấu xa, vì lẽ người ta đã làm sống lại những tập quán hiến trà và bây giờ những đàn bà con gái đến văn cảnh chùa đều mặc những chiếc áo xiêm hoa mỹ mà họ đã phải cất giấu trong thời chiến. Lũ chúng tôi trong các bộ tăng y nâu sồng trông tương phản với họ thực là rõ rệt; thật thế chúng tôi như đang đóng vai trò tăng lữ để mua vui, hoặc như thế chúng tôi là cư dân của một địa phương nào đó đã khởi công cố giữ phong tục xưa cũ lạ kỳ để làm đẹp lòng những người khách đến ngoạn cảnh và quan sát. Bọn lính Mỹ thường chẳng giữ gìn gì: chúng thường vén phăng tay áo cà sa của chúng tôi lên mà cười. Đôi khi chúng xuất tiền để chúng tôi cho chúng mượn áo cà sa mà mặc vào để chụp ảnh kỷ niệm. Những việc như vậy thường xảy ra khi Tsurukawa hoặc chúng tôi được lôi ra sử dụng cái tiếng Anh lồm bồm của mình với du khách ngoại quốc mà thay thế người đưa đường thường nhật vốn không biết một tí tiếng Anh nào cả.

Đó là mùa đông đầu tiên sau chiến tranh. Vào buổi tối thứ sáu tuyết bắt đầu rơi và tiếp tục rơi suốt thứ bảy. Buổi sáng lúc đang ở trường tôi đã trông chờ được trở về vào giữa trưa để ngắm Kim Các Tự dưới làn tuyết trắng.

Đến chiều tuyết vẫn còn rơi. Tôi rời con đường mà khách văn cảnh thường đi; và chân đi ủng cao su, vai đeo cặp sách lưng lửng tôi ra tận bờ ao Kính Triều. Tuyết đang rơi nhanh một cách lạ kỳ. Lúc còn nhỏ tuổi, tôi thường ngẩng đầu ngửa mặt lên nhìn tuyết trong khi miệng thì

há hốc. Bây giờ tôi cũng làm như thế, bông tuyết chạm vào răng tôi thành tiếng động như thể đang đập vào một tấm lá thiếc mỏng dính. Tôi cảm thấy tuyết đang tung rắc khắp khẩu xoang âm ấm của tôi và đang tan ra khi chạm tới màng thịt đỏ đỏ. Vào lúc ấy tôi tưởng tượng cái miệng con chim phượng hoàng trên nóc Cửu Cánh dính. Cái miệng nhả nhụi, nóng bỏng của con chim sắc vàng kỳ quái ấy.

Tuyết rơi làm cho tất cả chúng tôi cảm thấy trẻ lại. Và đâu phải hoàn toàn sai sự thật khi nói rằng tôi, một thằng chưa tới mười tám tuổi tròn, hiện đang cảm thấy dấy lên trong mình một vài rung động tuổi trẻ.

Kim Các Tự đẹp không gì sánh kịp khi bốn bề có tuyết trắng bao quanh. Với những bông tuyết thổi hắt vào bên trong, với những hàng cột mảnh mai đứng san sát bên nhau, tòa kiến trúc đứng phơi da thịt trắng nõn mát tươi trong lớp tuyết.

"Tại sao tuyết lại không nói lắp?" Tôi tự hỏi. Thỉnh thoảng, khi vướng vào lá cây bát thủ, tuyết thường thường rơi xuống đất như thể là thực sự nói lắp. Nhưng khi thấy chính mình tắm trong tuyết từ trên trời nhẹ nhàng rơi xuống đất không ngừng, tôi quên hẳn những niềm khuất khúc trong lòng, và dường như tinh thần tôi quay về với một nhịp rung động nhẹ nhàng nào đó, như thể tôi đang đắm mình trong âm nhạc. Sự thực vì có tuyết mà cái Kim Các Tự lập thể đã trở nên Kim Các Tự bình diện, một Kim Các Tự nằm trong tranh, không còn gạt bỏ bất cứ cái gì ở bên ngoài nữa. Những cành khô lá đỏ ở hai bên bờ không còn đủ sức hứng tuyết nữa. Và rừng cây trông trần trụi hơn thường lệ. Đó đây tuyết chất thành đồng thực đẹp mắt trên những cây tùng. Tuyết còn trải dày trên mặt ao băng giá; nhưng lạ kỳ thay, có những chỗ tại mặt ao chổng chất bừa bãi từng mảng lớn trắng xóa trông giống các đám mây trong một hình vẽ trang sức thì đỉnh Cửu Sơn Bát Hải và đảo Đam Lộ nổi liền với tuyết trên mặt ao giá băng, những cây thông nhỏ mọc ở đó trông thật như thể chúng đã ngẫu nhiên nhô nẩy lên từ giữa cánh đồng băng tuyết. Mái Cửu Cánh đỉnh và Triều Âm động cùng mái nhỏ của Thấu Thanh - phần có người ở trong Kim Các Tự - cả ba bộ phận đó trắng xóa lạ kỳ. Phần còn lại không có người ở thì tối om, dường như có cái gì tươi mát trong cái sắc đen của tòa nhà kiến trúc bằng gỗ tẩm, phức tạp này nổi bật trên tuyết trắng. Cũng như khi người ta nhìn một bức tranh của Họa phái phương Nam vẽ một lâu đài ẩn mình giữa những trái núi và áp mặt vào tấm phong mà nhìn xem có thể nào có người đang sống ở bên trong hay không, cái màu gỗ cổ xưa đen bóng cũng khiến tôi cảm thấy muốn ghé sát mặt mà dòm xem trong Kim Các Tự có người ở hay không. Nhưng dù có áp mặt lại gần hơn, tôi cũng chỉ đụng đầu vào bức tranh lụa giá lạnh của băng tuyết mà thôi.

Cả hôm nay nữa, các cửa Cửu Cánh dính cũng mở toang hướng ra bầu trời đầy tuyết. Khi ngược nhìn lên tôi đưa mắt theo dõi những bông tuyết đang rơi đã tung bay trong khoảng không gian nhỏ hẹp, nơi không có chút gì thuộc về Cửu Cánh dính, rồi xem những bông tuyết ấy đã đậu trên những phiến hoàng kim cũ kỹ, han rỉ trên mặt tường ra làm sao và rồi vương tùm lại đó cho đến khi kết thành những giọt sương nho nhỏ vàng óng.

Hôm sau là chủ nhật. Buổi sáng người dẫn đường già nua đến gọi tôi. Hiển nhiên một người lính ngoại quốc đã tới để vãn cảnh chùa trước giờ mở cửa thường lệ. Người dẫn đường đã giao tay làm dấu hiệu bảo người lính này đứng chờ để ông ta đi gọi người biết tiếng Anh đến, và tới gọi tôi. Kể cũng khá lạ, tôi lại khá tiếng Anh hơn Tsurukawa và khi nói tiếng Anh thì tôi lại chẳng hề lắp bắp.

Một chiếc xe Jeep đang đậu trước huyền quan. Một người lính Mỹ say mềm đang đứng dựa

vào một cây cột. Khi trông thấy tôi, người ấy cúi xuống nhìn và mỉm cười khinh miệt.

Tiền đình trắng xóa vì tuyết mới rơi. Nổi bật trên bối cảnh trắng toát này, khuôn mặt người lính trẻ tuổi, hằn lên những múi thịt, đứng phà ra những hơi rượu trắng xóa đầy mùi uýt-ki về phía tôi. Như thường lệ, tôi cảm thấy khó chịu khi cố gắng tưởng tượng những tình cảm đang sôi động bên trong một con người tầm vóc khác tôi kinh khủng đến thế.

Đã có thói quen không phản kháng người khác, tôi liền bằng lòng dẫn anh ta quanh chùa, dù chưa đến giờ mở cửa. Tôi hỏi tiền vào cửa và tiền cho người đi đường. Tôi thật ngạc nhiên khi thấy tên lính to lớn say mềm không hề có ý gì thắc mắc. Rồi anh ta nhìn vào chiếc xe Jeep và nói điều gì có ý "Đi ra!"

Vì tuyết trắng phản ánh nên đến lúc ấy tôi vẫn chưa nhìn được cái gì bên trong chiếc xe Jeep tối om, nhưng bây giờ tôi nhận ra có cái gì trắng trắng đang động đậy sau tấm kính phía mũi xe. Tôi cảm thấy dường như có một con thỏ đang loay hoay trong đó.

Một bàn chân trong chiếc giày cao gót nhỏ nhấc thò ra trên cái bực đặt chân của chiếc xe Jeep. Tôi lấy làm lạ mặc dù trời lạnh lẽo như thế mà bàn chân đó vẫn không đi bí tất. Mới nhìn tôi đã nhận biết ngay người con gái đó là một con hát cặp kè với bọn lính ngoại quốc; vì lẽ nàng mặc một áo choàng màu đỏ chói, móng tay móng chân cũng bôi màu đỏ chói như vậy. Khi phần dưới tấm áo choàng mở tung ra, tôi nhận thấy bên dưới nàng mặc một chiếc áo ngủ, bắn thiu bằng vải khăn tắm. Cả người nàng cũng say sưa bết nhè, mắt đứng tròng đờ đẫn. Người đàn ông thì chững chạc trong bộ quân phục, nhưng người đàn bà thì chỉ khoác vội tấm áo choàng và chiếc khăn quàng cổ lên chiếc áo ngủ, hiển nhiên vừa mới rời khỏi giường ngủ.

Phản chiếu ánh tuyết, khuôn mặt người con gái xanh xao khủng khiếp. Trên làn da xanh trắng, nhợt nhạt, thiếu máu, chất son tô môi đỏ chói nổi bật thực là khó coi. Vừa đặt chân xuống đất, nàng hắt hơi soàn soạt; những đường nhăn nheo nhỏ tụ lại trên cái sống mũi nhỏ nhắn, và nàng đưa cặp mắt mệt mỏi, đờ đẫn nhìn về đằng xa trông chốc lát, rồi sau đó lại đắm chìm trở lại trong ánh mắt sâu thẳm nặng trĩu. Rồi nàng gọi tên người đàn ông.

"Dzách, Dzách!" nàng nói. "*Tsù kòrudo, tsù kòrudo!*"

Tiếng người con gái buồn bã lạc lõng qua làn tuyết khi kêu lạnh. Người đàn ông không trả lời.

Đây là lần đầu tiên tôi gặp một người đàn bà buôn phấn bán hương mà đẹp thật sự không phải trông nàng giống Uiko. Nàng giống một bức chân dung đã được vẽ cẩn thận để cho khỏi giống Uiko ở bất kỳ một nét nào. Người con gái này có một vẻ đẹp tươi mát, mời mọc, thách thức dường như để phản kháng cái ký ức của tôi về Uiko. Và có một cái gì phỉnh phờ trong sự phản kháng này chống lại những cảm giác ấy của tôi về xác thịt, vốn là hậu quả của chính kinh nghiệm đầu tiên trên đời của tôi về cái đẹp.

Nàng chỉ có mỗi một điểm giống với Uiko; đó là nàng không thèm đưa mắt nhìn tôi lấy một cái trong khi tôi đứng đó. Tôi đã cởi bỏ tăng y trong chùa và đang mặc một áo len bắn thiu, chân đi đôi ủng cao su.

Ngay từ sáng sớm mọi người đã đi ra ngoài cả để xúc tuyết đổ đi, tuy nhiên mới chỉ vừa quét dọn xong lối đi dành cho khách văn cảnh. Cho đến lúc này nếu có một đoàn thể nào tới, có lẽ cũng khốn; tuy vậy cũng có đủ chỗ cho một nhóm nhỏ đi theo từng hàng một. Tôi đi lên trước người lính Mỹ và người con gái.

Khi đi tới bờ ao và thấy quang cảnh trước mắt thì hẳn giờ hai tay cao lên trời tỏ sự vui thích bằng cách lớn giọng hét những tiếng tôi không hiểu ý nghĩa là gì cả. Thế rồi hẳn ôm ghì

lấy thân mình người còn gái mà lắc lắc thực cuồng bạo. Người con gái chau mày và chỉ nhắc đi nhắc lại: “Ô, Dzách! *tsù kòrudo!*”

Người Mỹ hỏi tôi về cây thanh mộc (*aoki*) đỏ thắm, tốt tươi mà người ta có thể nhìn thấy ở sau các lùm lá chất nặng tuyết trắng, nhưng tôi chẳng tìm ra được điều gì khác nên chỉ nói “*aoki*”. Có lẽ bên trong cái thân cái thân mình khổng lồ của hắc có một thi nhân trữ tình, tuy nhiên trong cặp mắt xanh và trong của hắc tôi cảm thấy có cái gì tàn ác. Bài đồng dao Tây phương “Mẹ Ngỗng” bảo những cặp mắt đen có vẻ tàn ác và tinh ma; sự thực khi tưởng tượng ra sự tàn ác con người thường có thói quen gán cho nó một cái gì của người khác.

Tôi bắt đầu dẫn giải về Kim Các Tự theo khuôn mẫu thông thường của người dẫn đường. Người lính vẫn còn say mềm và bước chân ngã nghiêng không vững. Với những ngón tay lạnh cóng tôi rút từ trong túi ra một quyển sách dẫn giải bằng tiếng Anh mà tôi thường đọc và những dịp như thế này. Nhưng tên lính Mỹ chộp phăng lấy quyển sách tôi đang cầm rồi bắt đầu ê a đọc bằng một giọng hài hước. Tôi nhận thấy mình không cần dẫn giải gì nữa.

Tôi dựa lưng vào lan can Pháp Thủy viện và đưa mắt nhìn cái mặt ao sáng loáng lạ kỳ. Chưa bao giờ bên trong Kim Các Tự lại được chiếu sáng đến thế này - sáng chói đến nỗi làm người ta khó chịu.

Khi ngược lên tôi nhận thấy người đàn ông và người đàn bà đã bắt đầu cãi nhau trong lúc cả hai đang đi về phía Thấu Thanh. Cuộc cãi vã mỗi lúc một thêm dữ dội; tuy nhiên, tôi chẳng nghe rõ được một tiếng nào. Người con gái trả lời cái gì đó bằng một giọng gắt gỏng; tôi chẳng rõ là nàng đang nói tiếng Anh hay tiếng Nhật nữa. Hai người vừa quay trở lại Pháp Thủy viện vừa cãi nhau. Dường như họ đã quên phứt là có tôi ở đó.

Tên lính Mỹ vênh mặt nhìn người con gái và bắt đầu chửi mắng. Nàng lấy hết sức mà tát vào mặt hắc, rồi chạy quay đầu về phía con đường khách vãng cảnh ra vào, chân vẫn trong đôi giày cao gót. Tôi chẳng hiểu cái gì đã xảy ra, nhưng cũng đi xuống Kim Các Tự rồi bắt đầu chạy dọc theo bờ ao. Khi tôi xuống chỗ người con gái thì tên lính Mỹ dài cẳng cũng đã đuổi bắt được nàng và đang nắm chặt vật trước tấm áo choàng màu đỏ của nàng.

Trong lúc đứng đó và giữ chặt lấy nàng, người thanh niên đưa mắt nhìn tôi. Hắc buông tay khỏi vật trước tấm áo choàng đỏ rực. Trong cái bàn tay ấy của hắc chắc hắc phải có một sức mạnh không phải là tầm thường, vì khi hắc buông tay thì người con gái liền từ từ ngã người ra đằng sau và nằm lăn trên tuyết. Phần dưới tấm áo choàng hở tung và cặp đùi trần trụi trắng nõn của nàng duỗi thẳng trên mặt tuyết.

Người con gái cũng không nhồm dậy nữa, từ chỗ mình nằm nàng dương mắt nhìn thẳng vào mắt tên khổng lồ cao lênh khênh đang đứng sừng sững phía trên mình. Tôi chẳng thể không quỳ xuống đỡ nàng đứng dậy. Khi tôi sắp sửa làm như thế, tên lính Mỹ quát to: “*Hầy*”. Tôi quay ngoát lại. Hắc đứng đó xoay hai chân giạng hắc ngất ngưỡng trên đầu tôi. Hắc giơ ngón tay ra hiệu. Thế rồi hoàn toàn đổi giọng - một giọng nói ấm áp, dịu dàng - hắc nói bằng tiếng Anh: “Giẫm chân lên mình nó! Giẫm chân lên người nó đi!”

Tôi không hiểu hắc định nói gì. Nhưng cặp mắt xanh của hắc từ trên cao nhìn xuống tôi có vẻ sai khiến. Đằng sau đôi vai dài rộng của hắc, tôi có thể nhìn thấy Kim Các Tự tuyết phủ đầy đang lấp lánh dưới bầu trời màu đông xanh đều tẻ nhạt. Trong cặp mắt xanh của hắc không hề có một vẻ gì tàn ác. Tôi không hiểu tại sao, nhưng vào lúc ấy tôi cảm thấy đôi mắt hắc trông trữ tình hết sức.

Hắc hạ bàn tay to lớn xuống, nắm lấy cổ áo tôi và dựng tôi đứng lên. Tuy nhiên cái giọng

hắn sai khiến tôi vẫn còn ầm áp dụ dằng.

“Giẫm chân lên người nó!” hắn nói. “Mày phải giẫm chân lên mình nó.”

Chẳng thể cưỡng lại, tôi giơ chân đi đôi giày cao cổ lên. Tên Mỹ vỗ vào vai tôi. Tôi buông chân xuống và giẫm lên một cái gì mềm mại như chất bùn mùa Xuân. Đó là bụng người con gái. Nàng nhắm mắt lại và rên rỉ.

“Giẫm chân lên mình nó! Cứ tiếp tục như thế nữa!”

Tôi hạ thấp bàn chân mình lên cô gái, cảm giác khó chịu lúc mới đạp chân lên mình nàng giờ đây đã trở thành một niềm vui rào rạt. “Đây là bụng một người đàn bà,” tôi nghĩ. “Đây là ngực nàng.” Tôi chưa bao giờ tưởng tượng làn da thịt người khác lại có thể đáp ứng bàn chân mình giống hệt một quả bóng da với sức co giãn tròn vẹn đến như thế.

“Thôi đủ rồi,” tên Mỹ nói rành rọt. Đoạn hắn trịnh trọng ôm lấy thân mình người con gái mà dựng dậy, lau sạch bùn và tuyết bám trên quần áo nàng và dìu nàng ra xe Jeep; hắn để người con gái leo lên trước. Mùi rượu ứt-ki đường như đã tan hết; tên Mỹ quay về phía tôi và trịnh trọng nói bằng tiếng Anh “Thank you.” Hắn tỏ ý muốn cho tôi ít tiền, song tôi từ chối. Sau đó hắn lấy từ dưới ghế ngồi trong xe hai tút thuốc lá Mỹ và nắm chặt cổ tay mà ép tôi cầm lấy.

Hai má nóng bừng, tôi đứng trước huyền quan, trong ánh tuyết phản chiếu chói rục. Chiếc xe Jeep chồm chồm lăn bánh về phía xa vung lên một đám mây tuyết rồi biến khỏi tầm mắt. Toàn thân tôi run lên vì kích động.

Khi sự kích động đã lắng dịu, tôi nghĩ đến một mưu kế để tôi có thể giả vờ tốt lành một cách vui thích. Lão sư phụ thích thuốc lá. Ông sẽ hết sức vui lòng khi nhận được món quà biếu này! *Chẳng hay biết gì hết.*

Tôi chẳng cần phải kể lể cho ai rõ tí gì về việc đã xảy ra. Tôi chỉ hành động như vậy bởi vì tôi bị sai khiến và bó buộc phải hành động như thế.

Nếu như tôi phản kháng lại thì không biết tự thân tôi sẽ phải gánh chịu điều tai họa gì?

Tôi đi tới phòng Lão sư phụ trong Đại Thư Viện. Viên Phó ti đang cạo đầu cho ông; Phó ti là người rất khéo tay. Tôi đứng đợi ở ven hành lang chỗ mặt trời buổi sáng đang chiếu chói chang. Ngoài vườn tuyết chất thành đống trên các bụi chu tùng và óng ánh thật đẹp mắt, trông giống hệt cánh bướm mới tinh gấp lại.

Lão sư phụ nhắm kín hai mắt khi cạo đầu. Hai tay ông cầm một mảnh giấy để dựng tóc từ trên đầu rơi xuống. Viên Phó ti càng cạo thì cái vòng ngoài tươi mới, đầy nhựa sống của cái đầu Lão sư phụ càng lộ rõ ra. Khi đã cạo xong viên Phó ti lấy cái khăn mặt nóng phủ kín đầu Lão sư phụ lại. Sau một lúc viên Phó ti lôi cái khăn ra, một cái đầu mới tinh, bóng lộn hiện ra trông như thể mới bị luột chín.

Tôi khó nhọc lắm mới nói được ra lời và cúi đầu dâng hai tút thuốc lá Chesterfkelds.

“Hô hô,” Lão sư phụ nói. “Khó nhọc cho con quá nhỉ.”

Ông thoảng mỉm cười và nụ cười dường như chỉ thoảng qua ngoài mặt. Chỉ có thế. Rồi thì với dáng điệu như đang làm việc, Lão sư phụ cầm hai tút thuốc lá và quăng trên mặt bàn giấy đang đầy ắp giấy tờ và thư tín đủ mọi loại. Lúc viên Phó ti bắt đầu thoa bóp vai ông. Lão sư phụ một lần nữa lại nhắm nghiền đôi mắt.

Tôi chẳng biết làm gì hơn là lui bước. Toàn thân tôi nóng ran vì bất mãn. Cái hành vi độc ác không thể nói rõ của tôi, rồi những tút thuốc lá người ta cho tôi để mà khen thưởng, Lão sư phụ nhận mà chẳng hề biết tại sao tôi lại có được - tất cả những cái này lại càng làm cho câu chuyện thêm phần bông đùa mà đau xót. Một người như Lão sư phụ làm lại hoàn toàn mù tịt về

những việc xảy ra cho tôi một lý do quan trọng để khinh miệt ông.

Vào đúng lúc tôi sắp sửa lui bước thì Lão sư phụ bảo tôi nán lại. Ông bảo tôi nán lại đó để ông ban cho một ân huệ.

“Này, con nghe đây!” Ông nói. Thầy định cho con lên đại học Otani sau khi con tốt nghiệp trung học. Bây giờ con phải chăm chỉ học hành, con ạ, để đoạt thành tích tốt đẹp khi ghi tên vào đại học. Đó hẳn là điều ba con lúc sinh thời hằng lo lắng và mong ước.”

Tin này tức khắc được ông chấp sự truyền miệng khắp chùa. Việc một chú tiểu được Lão sư phụ để ý muốn cho vào đại học đủ chứng tỏ chú tiểu đó phải có nhiều triển vọng lắm. Ngày xưa đồ đệ phải lên phòng sư phụ trụ trì mà đấm bóp trong hàng trăm đêm liền chỉ với hy vọng được ông cho lên đại học, và trong nhiều trường hợp những ước vọng này cũng thành sự thực. Tsurukawa đang chờ gia đình cho tiền để lên ăn học tại đại học Otani, hí hửng vỗ vai tôi khi hay tin. Tuy vậy, một chú tiểu khác trong bọn chẳng được Lão sư phụ nhắc nhở gì đến truyện cho vào đại học chẳng thềm hé miệng nói với tôi một lời sau khi nghe tin này.

4

Mùa Xuân năm Chiêu Hòa thứ 22 (1947) đã đến lúc tôi bắt đầu học năm Dự Bị tại đại học Otani. Tuy nhiên, việc nhập học chẳng phải là điều đáng tương dương tự đắc mà chỉ nhờ lòng tin yêu không thay đổi của Lão sư phụ và chỉ gọi sự thêm muốn của lũ bạn đồng liêu. Nhìn từ ngoài có thể đó là một biến cố đáng tự hào đối với tôi, nhưng thực ra sự tiến thân trên đường học vấn của tôi đã bị một sự tình làm lu mờ nên nghĩ đến lại càng thấy đáng ghét.

Một hôm lúc ở trường về, khoảng một tuần lễ sau buổi sáng tuyết rơi ấy, cái buổi sáng Lão sư phụ hứa cho tôi lên đại học, tôi nhận thấy một chú tiểu khác, từ lâu đã bị gạt bỏ không được lên đại học, hôm đó đã nhìn tôi với vẻ sung sướng cực kỳ. Cho mãi tới lúc ấy, thanh niên này chẳng thềm hé miệng nói với tôi một lời. Cả viên thủ tự và Phó ti dường như cũng có thái độ khác thường. Tuy vậy, tôi khám phá ra rằng bề ngoài trong cách cư xử đối với tôi họ vẫn cố làm ra vẻ như thường không có gì khác trước.

Tối hôm đó đến phòng Tsurukawa và tỉ rê cho nó biết thái độ kỳ cục của những người trong chùa đối với tôi. Mới nghe nó ngoạ đầu sang một bên rồi tìm đủ cách làm cho tôi tin rằng không có gì đáng tiếc xảy ra; tuy nhiên, nó che giấu tình cảm thực vụng về rồi giương mắt nhìn tôi trân trân.

“Tớ có nghe một thằng nói về truyện ấy,” nó vừa nói vừa kể tên chú tiểu bạn thân với cả hai đứa chúng tôi, “nhưng nó cũng chỉ nghe hơi như vậy thôi, vì khi truyện xảy ra nó cũng đi học. Dầu sao, tớ thấy dường như có cái gì khác thường đã xảy ra trong khi cậu vắng mặt trong chùa.”

Tôi cảm thấy hơi sờ sợ, gạn hỏi. Tsurukawa bắt tôi thề phải giữ bí mật câu truyện. Nhìn chăm vào mắt tôi, nó bắt đầu kể.

Vào buổi chiều hôm đó có một con hát đã tới chùa xin phép vào gặp mặt Thượng tọa trụ trì. Người đó mặc một tấm áo choàng màu đỏ và rõ rệt là một cô gái làng chơi cho tụi ngoại quốc. Thay mặt Thượng tọa trụ trì, ông Phó ti ra tiếp cô ta ở huyền quan. Thiếu nữ ấy nặng lời với ông Phó ti và bảo rằng nếu ông muốn yên thân thì nên để cô ta vào gặp Thượng

tọa trụ trì. Chẳng ngờ đúng lúc đó Lão sư phụ lại đang đi dọc theo hành lang. Trông thấy người con gái, ông đi ra trước huyền quan. Cô ta nói với ông rằng khoảng một tuần trước đó, vào buổi sáng tuyết vừa ngừng rơi cô ta đã cùng một tên lính ngoại quốc tới văn cảnh chùa. Tên lính này đã đánh cô ngã lặn xuống đất và một chú tiểu trong chùa a dua với hắn đã giẫm chân lên bụng cô ta. Tối hôm ấy cô ta bị dọa thai. Vì thế, cô ta thấy mình có lý đến yêu cầu nhà chùa cho ít tiền. Nếu nhà chùa không chịu, cô ta sẽ phanh phui tất cả đầu đuôi câu chuyện và tố cáo cái hành vi không nên không phải của Lộc Uyển tự cho thiên hạ đều biết. Chẳng nói chẳng rằng Lão sư phụ cho cô ta ít tiền và bảo cô ta hãy ra về. Trong chùa ai cũng biết hôm đó tôi đóng vai hướng dẫn cho du khách văn cảnh, nhưng Lão sư phụ nói vì không có ai ở trong chùa mục kích cái hành vi không nên không phải của tôi nên không bao giờ buộc chặt cho tôi tội đó. Chính ông chủ tâm nhắm mắt làm ngơ. Song le, khi nghe ông Phó ti thuật lại chuyện này thì trong chùa ai ai cũng nghĩ quả tôi đã có cái hành vi tội tệ ấy.

Tsurukawa nắm lấy tay tôi. Tôi nhận thấy hầu như mắt nó rướm lệ. Nó nhìn tôi với cặp mắt trong sáng và gan hỏi bằng một giọng trẻ con, thực thà: “Có thật mày đã làm như vậy không?”

Tôi đang trực diện với những tình cảm đen tối của chính mình. Khi tiếp tục chất vấn, Tsurukawa đã buộc tôi trực diện với những tình cảm ấy. Tại sao nó lại gan hỏi tôi như thế? Có phải vì tình bạn hay không? Nó có ý thức được rằng nó đang bỏ rơi phần việc thực sự đã được chia cho nó khi nó chất vấn tôi như thế? Nó có tự biết vì câu chất vấn này nó đang phản bội tôi trong phần sâu nhất nơi con người tôi hay không?

Tôi sẽ phải nhắc đi nhắc lại: Tsurukawa là dương bản tấm phim chụp hình tôi. Nếu làm tròn bốn phận một cách trung thực. Tsurukawa đã chẳng vặn hỏi, mà ngược lại đã chấp nhận những tình cảm đen tối của tôi đúng như nguyên trạng rồi đem phiên dịch thành tình cảm trong sáng tươi vui. Như vậy, đối trá sẽ trở thành chân thực và chân thực sẽ trở thành đối trá. Nếu Tsurukawa đã giữ đúng lẽ lối đặc biệt của mình - cái lẽ lối phiên dịch bóng tối thành ánh sáng, ban đêm thành ban ngày, ánh trăng thành mặt trời, sự ẩm ướt của màng rêu ban đêm thành tiếng rì rào của lá xanh tươi óng ánh ban ngày - thì chính tôi có thể lấp bấp mà ngỏ lời sám hối. Nhưng vào đúng lúc này nó lại không làm như thế. Do đó, tình cảm hắc ám của tôi lại càng mạnh mẽ hơn.

Tôi cười vắn vơ. Đêm khuya trong ngôi chùa không có một ánh lửa. Đầu gối giá lạnh. Mấy hàng cột lớn cổ kính đứng san sát xung quanh trong khi chúng tôi ngồi dựa bên nhau thì thầm trò chuyện.

Tôi chỉ mặc có bộ quần áo ngủ và run rẩy có lẽ vì trời lạnh. Tuy nhiên, cái thú lần đầu tiên công nhiên nói dối với bạn thật cũng thừa đủ làm đầu gối tôi run lập cập.

“Tao chẳng làm gì hết,” tôi nói.

“Thật không?” Tsurukawa nói. “Vậy ra con ấy đến đây nói láo. Đồ súc sinh ở đâu! Mày xem, cả lão Phó ti cũng tin lời nó cơ chứ!”

Tsurukawa tỏ ra hết sức bất bình; rồi nó bảo ngày mai nhất định nó sẽ thưa cho lão sư phụ

nghe dùm tôi và nói rõ những gì đã xảy ra. Vào lúc ấy hình ảnh cái sọ dừa cạo nhẵn thín của Lão sư phụ giống như củ khoai luộc vụt qua óc tôi. Rồi tôi nhìn thấy hai má ửng hồng, phúng phính của ông. Không biết vì sao bỗng làm cho tôi thấy ghê tởm quá chừng.

Điều cần thiết là tôi phải làm sao chôn vùi cái cảm nghĩ có chính nghĩa của Tsurukawa trước khi nó phát lộ ra.

“Nhưng cậu có thực nghĩ là Lão sư phụ tin rằng tớ đã làm bậy như thế không?” Tôi hỏi.

“Ừ nhỉ,” Tsurukawa nói, nghĩ đến đó chợt lúng túng.

“Kẻ khác cứ việc mà nói ra nói vào sau lưng tớ. Chừng nào Lão sư phụ còn thấy rõ đầu đuôi câu chuyện, tớ còn cảm thấy an tâm. Tớ nghĩ thế đó.”

Do đó, tôi đã nói cho Tsurukawa tin chắc rằng nó càng cố gắng bênh vực cho tôi bao nhiêu thì thực ra nó càng khiến thiên hạ thêm nghi ngờ tôi bấy nhiêu. Tôi nói đúng ra chỉ Lão sư phụ biết rõ là tôi vô tội nên ông đã cố giữ im lặng và hoàn toàn không đá động gì đến câu chuyện đó nữa. Lúc tôi nói lòng tôi tràn ngập vui sướng, và niềm vui này dần dần bắt rễ vững vàng, sâu xa trong lòng. Nguồn vui đó đã nói: *“Không có một ai mục kích hết. Không có một chứng nhân nào hết.”*

Tuy nhiên, chẳng những không tin là chỉ riêng Lão sư phụ tin tưởng rằng tôi vô tội mà ngược lại: tôi nghĩ là chỉ riêng có một mình ông biết chắc rằng tôi đã phạm tội. Việc ông không thèm nhắc đến vấn đề tự nó đã biện minh cho điều suy đoán này. Có lẽ ông đã thấy rõ hết đầu đuôi câu chuyện rồi khi tôi đem dâng ông hai tút thuốc lá Chesterfields ấy, có lẽ ông bỏ qua không nhắc nhở gì đến câu chuyện là vì ông đang từ xa thăm lặng chờ đợi tôi tự ý tìm tới sám hối với ông. Không phải chỉ có vậy mà thôi. Có lẽ việc ông tiến dẫn cho tôi lên đại học cũng chỉ là cái mồi để nhử tôi sám hối, ông sẽ rút lại lời tiến dẫn để trừng phạt sự không ngay thẳng của tôi; tuy nhiên, nếu tôi thực tâm sám hối, và nếu ông nghĩ rằng tôi đã thực sự ăn năn, sửa lỗi, chắc ông sẽ, như một đặc ân, tiếp tục tiến dẫn cho tôi lên đại học.

Cái bấy to lớn hơn hết chính là việc Lão sư phụ dặn ông Phó ti đừng có nói cho tôi biết gì về việc ấy. Một mặt, nếu quả thực tôi vô tội thì tôi có thể sống bình thản ngày này qua ngày khác, không cần biết hoặc cảm thấy có gì bất thường đã xảy ra hết. Mặt khác, nếu tôi có hành vi không nên không phải, nếu quả thực tôi có chút trí tuệ tôi sẽ phải khéo léo làm ra vẻ đang sống trong một trạng thái tâm linh thực là trầm mặc và thuần khiết, chứng tỏ rõ rệt là mình không có lỗi lầm gì - nói cách khác, cái tâm trạng của một người nào đó chẳng có gì phải sám hối cả. Ừ mà phải, tôi nên giả vờ như vậy đối với tôi. Đó là phương cách hoàn toàn nhất, đó là phương cách duy nhất khiến cho tôi có thể tỏ ra mình vô tội. Lão sư phụ đang nói bóng gió ghê gớm lắm. Đó là cái bấy ông giương ra để dẫn dụ tôi bước vào. Nghĩ đến đây, tôi giận điên người lên. Bởi vì chẳng phải là vì tôi không thể bào chữa cho hành vi của mình. Nếu tôi không giẫm chân lên mình đứa con gái kia thì có thể thằng lính Mỹ đã móc súng ra đe dọa mạng sống của tôi. Hơn thế, ai mà dám chống đối Quân đội chiếm đóng. Những gì tôi đã làm chẳng qua là vì bị ép buộc cả.

Nhưng cảm thấy cái bụng cô gái dưới đế giày cao su, cảm thấy sức dẻo dai mềm mại như nịnh nọt của thịt da nàng, cảm thấy tiếng rên rỉ phát ra từ thân hình ấy, thật giống như một bông hoa bằng thịt bị vò bóp sắp sửa bùng nổ; cái cảm giác ngây ngất, choáng váng của các giác quan tôi, cái cảm giác ấy lúc giống như một tia chớp huyền bí nào đó lướt qua từ thân thể người con gái vào chính thân xác tôi - tôi không thể bảo tôi đã thưởng thức tất cả việc đó vì bị cưỡng ép. Đến bây giờ tôi chẳng thể quên được cái khoảnh khắc ngọt ngào tươi đẹp ấy. Lão sư phụ biết rõ tới tận hạch tâm cảm giác của tôi và ông biết rõ tới tận hạch tâm của sự ngọt ngào tươi đẹp đó. Suốt năm sau tôi như con chim bị nhốt trong lồng. Tôi luôn luôn thấy cái lồng ở trước mặt. Đã quyết tâm không bao giờ sám hối nên suốt ngày không lúc nào tôi sống thanh thản. Thật là một sự lạ lùng. Cái hành vi ấy của tôi vào lúc ấy không làm cho tôi có chút cảm giác tội lỗi nào cả, cái việc giẫm chân lên bụng người con gái đã dần dần bắt đầu rực sáng trong ký ức tôi. Thực không phải chỉ vì tôi biết rằng kết quả là cô gái bị dọa thai. Bởi lẽ việc làm của tôi đọng lại như những hạt cát vàng chìm đọng trong ký ức tôi và bắt đầu tỏa ra một tia sáng lấp lánh luôn luôn bắn thẳng vào mắt tôi. Vẻ óng ánh của tội ác. Phải, chính nó đấy. Có thể đây chỉ là một tội ác rất nhỏ bé, song lúc này, tôi ý thức rõ rệt tôi đã thực sự phạm tội ác. Ý thức này treo lơ lửng giống như một tấm huân chương nào đó ở bên trong ngực tôi.

Còn về những vấn đề thực tế đối với tôi cho tới khi tôi qua kỳ thi vào đại học Otani bây giờ không có gì đáng kể, ngoại trừ việc phải sống trong một tâm trạng bối rối, cố gắng hết sức mình mò mẫm đoán xem ý hướng Lão sư phụ đối với tôi ra sao, không có một lần nào Lão sư phụ nói lời trái ngược lời hứa của ông cho tôi lên đại học. Mặt khác, không có lần nào ông nói điều gì liên quan đến truyện chuẩn bị cho tôi thi vào đại học. Tôi nóng lòng chờ đợi Lão sư phụ nói điều gì đó về mình biết là bao nhiêu dù điều đó có thể nào đi nữa! Nhưng ác hại thay ông cứ giữ im lặng và bắt tôi phải chịu sự khảo vấn vĩnh cửu đó. Còn về phần tôi trong lúc đó có lẽ vì hời hợt, có lẽ vì muốn phản kháng, tôi không muốn hỏi Lão sư phụ về ý hướng của ông. Ngày trước tôi nghĩ đến Lão sư phụ với kính ý thường lệ, nhưng có nhiều lúc tôi đã nhìn ông với con mắt phê phán. Nhưng bây giờ ông đã dần dần mang một dáng vẻ quái vật to lớn kinh khủng nên tôi chẳng còn tin được rằng trong cái hình dáng ấy lại có một trái tim bình thường của người đời. Tuy biết bao lần đã cố gắng tránh né không để mắt nhìn, song hình thù ấy vẫn cứ lù lù hiện ra trước mắt tôi giống như một lâu đài kỳ quái.

Truyện xảy ra cuối thu. Lão sư phụ được người ta mời đến đám tang một đàn gia quen biết lâu ngày; và vì phải đi mất hai giờ đi xe lửa mới tới nơi nên chiều tối hôm trước ông đã cho mọi người biết ông sẽ rời chùa ra đi vào lúc năm giờ rưỡi sáng hôm sau, ông Phó ti sẽ đi theo Lão sư phụ. Để sửa soạn cho kịp lúc Lão sư phụ xuất môn, tất cả chúng tôi đều thức dậy lúc bốn giờ, quét dọn sửa soạn bữa ăn sáng. Vừa rời khỏi giường, chúng tôi liền bắt đầu tụng “triều khóa” kinh trong khi ông Phó ti sửa soạn hành trang cho Lão sư phụ. Từ trong khối lý giá lạnh tối om của chiếc gầu múc nước kê cốt kết liên hồi vọng lại. Chúng tôi vội vã rửa mặt. Tiếng gà gáy trong sân xuyên thủng màn tối của buổi sớm cuối thu, trong âm thanh ấy có một vẻ trắng trong và tươi mát.

Chúng tôi vén tay áo lên, rồi vội vã tập trung quì trước bàn thờ trong khách điện. Trong cái giá lạnh của buổi bình minh những chiếc chiếu cói trong căn đại điện, trên đó không có ai nằm, có một cảm giác đặc biệt như thể chúng muốn xô đẩy không muốn da thịt con người sờ vào.

Còn ngọn nến trên bàn thì lung linh. Chúng tôi cung kính lễ. Thoạt tiên, chúng tôi đứng cúi đầu, rồi quỳ trên chiếu và cúi đầu vài ba lần theo tiếng chiêng.

Trong tiếp hợp xướng của đàn ông cùng nhau tụng kinh vào triều khóa luôn luôn tôi nhận thấy có một cái gì tươi mát. Những bài kinh buổi sáng ấy là những bài kinh tụng lớn giọng nhất trong ngày. Những giọng nói mạnh mẽ ấy dường như đang thổi tan tất cả những vọng niệm đã tập trung lại trong đêm, và thật như thể có một tia nước màu đen từ thanh đới những người đang tụng niệm bắn phọt ra tung tóe khắp nơi. Tôi không biết gì về chính tôi nữa. Tôi không biết, tuy nhiên tôi cảm thấy phấn khởi lạ kỳ khi nghĩ rằng giọng nói của tôi đang xua đuổi, đánh tan cùng những tư tưởng tà ác của đàn ông con trai như những người khác.

Trước khi chúng tôi chấm dứt buổi “chúc tọa”, Lão sư phụ đã sẵn sàng rời chùa đi ra đi. Theo tục lệ tất cả những người trong chùa đều ra sắp hàng nghiêm chỉnh ngoài huyền quan để tiễn đưa ông. Trời hãy còn tối. Bầu trời còn sao. Dưới ánh sao sáng bờ đường lát đá trải dài mờ mờ đến cửa Sơn Môn, những bóng cây lịch to lớn, những cây mai và những cây tùng vươn rộng ngoằn ngoèo trên mặt đất, bóng này tan biến vào bóng kia ở bên cạnh che kín cả mặt đất. Cái áo len của tôi có nhiều lỗ thủng, hơi lạnh lùa vào làm cánh tay tôi tê cóng lại.

Mọi việc đều tiến hành trong im lặng. Chúng tôi cúi thấp đầu chào Lão sư phụ, chúng tôi không nói năng gì; ông đáp lại vài lời hầu như không nghe thấy rõ. Rồi tiếng guốc Lão sư phụ và ông Phó ti chìm lặng dần đi, khi hai người xa dần trên con đường trải đá. Theo nghi lễ Thiền gia người ta chờ cho đến khi người mình tiễn đưa đã hoàn toàn mất hút ở đằng xa rồi mới trở về. Bây giờ theo rồi hai hình bóng đang đi xa ấy, chúng tôi không thể nhìn thấy toàn bộ hình dáng họ. Chúng tôi chỉ còn thấy vạt áo cà sa trắng cùng bút tất trắng của họ. Đến một chỗ nào đó họ dường như mất hút hẳn. Tuy nhiên, đó chỉ vì họ đi khuất sau hàng cây. Sau một lúc vạt áo trắng và những đôi bút tất trắng hiện ra một lần nữa; chẳng hiểu vì sao tiếng chân họ lại vang xa hơn trước. Chúng tôi đứng đó chăm chăm nhìn theo, và hình như đứng đó thật là lâu cho đến lúc hình bóng hai người đi qua tổng môn lần cuối cùng biến hẳn.

Chính vào lúc này trong da thịt tôi lại nảy sinh một xung động lạ kỳ. Vừa khi vài lời nói quan trọng đang cố gắng thoát khỏi miệng nhưng bị tiếng nói lấp chặn lại thì cái xung động này nóng ran ở cuống họng tôi. Xung động này là sự khao khát bất ngờ được mong cởi gỡ buông thả. Vào lúc này những tham vọng trước kia của tôi biến hẳn đi - ước muốn vào đại học, và hơn thế, hy vọng Má ngầm ngầm gợi ý mong tôi có thể nối nghiệp Lão sư phụ trụ trì ngôi chùa này. Tôi muốn thoát khỏi một sức mạnh âm thầm nào đó đã chi phối và đè nặng lên tôi.

Tôi không thể nói rằng vào lúc ấy tôi đang thiếu can đảm. Cái can đảm cần có để thú tội chỉ là một truyện hết sức tầm thường. Đối với một người như tôi đã sống lặng lẽ trong hai mươi năm qua, giá trị của sự sám hối thật nhỏ nhoi. Thiên hạ có thể cho là tôi đang nói quá lời. Tuy nhiên, sự thực là do việc tự mình chống đối thái độ yên lặng của Lão sư phụ và khước từ việc thổ lộ tâm can cho đến lúc ấy tôi chỉ trải qua có một thử thách này: “Liệu ở đời có tội ác hay không?” Nếu tôi cứ khẳng khẳng cho đến phút chót không chịu sám hối, thì điều đó chứng tỏ rằng tội ác dẫu cho chỉ là một tội nhỏ, thực sự có ở đời. Nhưng khi tôi chợt nhìn thấy qua hàng cây tà áo trắng và những đôi bút tất trắng của Lão sư phụ đã khuất vào màn tối buổi sớm, cái sức

manh đang nóng ran trong cuống họng tôi trở nên hầu như không chịu nổi và tôi muốn tỏ bày hết tất cả. Tôi muốn chạy theo Lão sư phụ, bám chặt tay áo ông rồi lớn giọng kể ông nghe rõ những gì đã xảy ra vào cái buổi sáng đầy tuyết ấy. Chắc chắn là trong tôi không hề có sự tôn kính nào đó đối với cái người đã khiến cho tôi có ý tưởng này. Sức mạnh của Lão sư phụ giống như một loại cường lực vật lý nào đó.

Tuy nhiên, ý nghĩ nếu tỏ bày hết mọi sự thì sẽ đánh tan ngay các tội lỗi nhỏ nhoi đầu tiên trong đời mình lại làm tôi trù trù. Và tôi cảm thấy có cái gì đang giật mạnh đằng sau lưng. Rồi hình bóng Lão sư phụ đi qua tổng môn và tan biến dưới bầu trời hazy còn mù mịt.

Tất cả ai nấy đều cảm thấy nhẹ nhõm, mọi người vội vã chạy xô ra huyền quan đằng trước. Trong lúc đó tôi đứng đó thẫn thờ. Tsurukawa vỗ vào vai tôi. Vai tôi rung lên. Đôi vai gầy guộc xương xẩu ấy của tôi lại hồi phục được niềm kiêu hãnh.

Như tôi đã nói mặc dù có rất nhiều điều rắc rối cuối cùng tôi vẫn được vào đại học Otani. Tôi chẳng hề sám hối. Một vài ngày sau, Lão sư phụ gọi Tsurukawa và tôi tới; ông vẫn tắt cho hai chúng tôi biết rằng chúng tôi sẽ phải bắt đầu sửa soạn để thi vào trường và trong khi học thi chúng tôi được miễn các công việc trong chùa.

Thế rồi, tôi trúng tuyển kỳ thi nhập học. Tuy nhiên, việc này chẳng phải là cái cớ để giải quyết mọi khó khăn. Thái độ của Lão sư phụ thật ra chẳng cho tôi biết lấy mấy may là ông nghĩ thế nào về truyện xảy ra hôm tuyết rơi ấy, mà tôi cũng chẳng thể nào đoán được lòng dạ của ông đối với kẻ kế nghiệp ngày sau ra làm sao nữa.

Đại học Otani tiêu biểu cho những khúc quanh trong đời tôi. Chính tại đây lần đầu tiên trong đời, tôi làm quen với nhiều tư tưởng, với những tư tưởng chính tôi đã cẩn thận lựa chọn. Otani được xây dựng gần ba trăm năm trước đây vào năm Khoan Văn thứ năm (1663) khi đại học liên của chùa Chúc Tử Quan Thế Âm được di chuyển tới Chỉ Xác đại dinh ở Kyoto. Từ đó trở đi đại học này sử dụng làm tu đạo viện dành cho đệ tử Bản Nguyên tự của phái Otani. Vào đời Thế thường tông chủ thứ mười lăm của Bản Nguyên tự có một môn đồ tên Soken Takagi trú quán tại Naniwa đã đem lòng hỉ xả đóng góp nhiều công của. Người ta đã đến ở trên miếng đất hiện tại nơi khu Lạc Bắc Ô Hoàn Đầu phía bắc kinh đô rồi xây dựng lại đại học này. Toàn thể khu đất chỉ có bốn mươi nghìn thước vuông, như vậy kể ra không phải là rộng lớn đối với một đại học. Tuy nhiên, chính tại đây rất nhiều thanh niên, không những chỉ thuộc phái Otani mà còn từ mọi tông phái Phật giáo, đã nghiên cứu học hỏi và được huấn luyện về căn bản triết lý Phật giáo.

Một cái cổng gạch cũ kỹ ngăn khu đại học với đường phố và đường xe điện bên ngoài. Cổng này quay về hướng tây trông lên núi Bỉ Duệ. Có một xa đạo trải cát vàng chạy từ cổng lớn vào trong. Đi vào cổng ngoài có một đường cho xe chạy qua cái cổng lớn xe ngựa có thể đi lọt tới ba tòa nhà chính - một kiến trúc hai tầng có mái đỏ cổ lỗ và trầm uất. Trên nóc huyền quan một ngọn tháp bằng đồng xanh dựng đứng thật là hấp dẫn trông không ra một cái tháp chuông mà cũng chẳng ra một ngọn tháp đồng hồ; dưới cây cột thu lôi mảnh mai, một cửa sổ vô dụng hình vuông cắt gọn hẳn một khoảng trời xanh.

Gần huyền quan có một cây bồ đề lâu đời, cao vút có các chùm lá trang nghiêm óng ánh dưới mặt trời tựa như đồng đỏ. Ban đầu nhà trường chỉ gồm có tòa nhà chính. Sau dần dần xây cất rộng thêm ra nhiều phần chắp nối lại với nhau chẳng theo một trật tự nào cả. Phần lớn là một tòa kiến trúc bằng gỗ, cổ kính. Không ai được phép đi giày vào bên trong. Tòa nhà có nhiều cánh ăn thông với nhau bằng những hành lang dài như vô tận lát bằng giống tre vì lâu đời nên đã bắt đầu ọp ẹp. Thỉnh thoảng những bộ phận gãy rập đã được sửa sang; vì đó khi đi từ cánh này sang cánh kia người ta như bước lên một khảm gỗ đen bóng gồm đủ màu đậm nhạt, vì cứ sau một khoảng sàn sắc gỗ cực kỳ lâu đời lại có một khoảng sàn gỗ sắc rất là tươi mới.

Cũng giống như người mới vào học bất kỳ một trường mới nào, tuy mỗi ngày đều có cảm giác mới mẻ, thích thú, tôi vẫn thấy trong sự vật có một cái gì lang bang, mờ mịt. Chỉ quen biết có một mình Tsurukawa nên tôi chỉ có thể trò chuyện với một mình nó mà thôi. Tuy nhiên, vài ngày sau tôi thấy rằng nếu cứ tiếp tục chỉ có hai đứa với nhau thì thực chẳng bỏ cái công phu khó nhọc ngoi đầu lên góp mặt với thế giới mới mẻ này. Hiển nhiên là Tsurukawa cũng cảm thấy như thế, vì vậy bắt đầu từ vài hôm sau đó chúng tôi định tâm là trong giờ nghỉ học, mỗi đứa phải đi một đường và cố gắng khai thác những tình bạn mới. Thế nhưng, vì cái tật nói lắp, tôi không được bạo dạn như Tsurukawa cho nên trong khi nó càng ngày càng có thêm bạn bè thì riêng tôi càng ngày càng cô độc.

Trong năm học Dự Bị có cả thảy mười môn: Tu thân, Quốc ngữ, Hán văn, Hoa văn, Anh ngữ, Lịch sử, Phật điển, Luận lý, Số học và Thể thao. Ngay từ những ngày giảng nghĩa đầu tiên về luận lý, tôi định tâm mon men làm quen một thằng sinh viên để hỏi đôi ba điều. Từ ít lâu nay tôi hy vọng trở thành bạn thân với thằng này. Thằng sinh viên này luôn luôn ngồi riêng một mình và đem hộp đồ ăn ra cạnh những luống hoa ở vườn đằng sau. Tập quán này của nó giống như một loại nghi thức. Chẳng đứa nào muốn lại gần thằng này, nhất là vì có một cái vẻ vô cùng yếm thế trong cái lối nhìn hết sức vô cùng chán chường vào món ăn của nó. Về phần nó, nó không bao giờ hé miệng chuyện trò với bất cứ thằng bạn học nào và có vẻ như nhất định không thèm nghĩ đến cái việc kết thân với bất kỳ ai.

Tôi biết tên nó là Kashiwagi. Nét đặc biệt của nó là hai chân hết sức cong queo quặp hẳn vào bên trong. Nó đi đứng vô cùng cẩn thận y như luôn luôn cất bước trong bùn: sau khi xoay xỏa rút một chân khỏi bùn nó mới cắm chân kia xuống. Vào những lúc đó toàn thân nó nhảy nhót, múa may, bước chân đi giống hệt như một lối dẫm chân trong vũ điệu hoàn toàn xa lạ với cuộc sống thường nhật.

Cố nhiên là ngay từ ngày đầu tiên mới bước chân vào đại học tôi đã phải để ý đến Kashiwagi. Tôi thấy an tâm trước sự tàn tật của nó. Ngay từ đầu cặp chân cong queo của nó đã có nghĩa là đồng ý với điều kiện của chính thân tôi.

Kashiwagi đã mở hộp đồ ăn trưa trên một khoảng đất đầy kim hoa thảo ở vườn sau. Vườn này nằm sát cạnh một tòa nhà hoang phế, trong đó có nhiều phòng chúng tôi tập võ karaté hoặc đánh bóng bàn nữa; các khung cửa sổ chẳng còn lấy một miếng kính che. Trong vườn có năm sáu cây tùng khẳm khiu và mấy cái khung nhỏ bằng gỗ lủng lạc trên mấy cái giường ngủ

trẻ con rỗng không. Nước sơn trên mấy cái khung đã tróc trông khô queo như những bông hoa nhân tạo. Bên cạnh vài ba cái giường ngủ trẻ con trống không là một cái bệ với mấy cái giá ngang dùng làm chỗ xếp mấy chậu lan lùn tịt; gần đó là một đồng ngói và sỏi, còn có cả một luống ngọc trầm hoa và một luống dạ hương lan nữa.

Ngồi trên kim hoa thảo thật thú vị. Những chiếc lá non mềm hút lấy ánh sáng mặt đám kim hoa thảo có đầy những hình ảnh nho nhỏ khiến cho tất cả lối đi như đang nhẹ nhàng bồng bềnh trên mặt đất. Trong lúc ngồi đó Kashiwagi trông chẳng khác gì những sinh viên kia: chỉ khi đi lại mới thấy khác. Khuôn mặt xanh xao của nó có một vẻ đẹp cứng cõi mạnh mẽ. Về phương diện thể xác, nó là một đứa trẻ tàn tật; tuy nhiên khuôn mặt nó vẫn có vẻ đẹp lạ lùng giống như vẻ đẹp của một người đàn bà duyên dáng. Những người què quặt và những người đàn bà xinh đẹp thường không thích bị người ta ngắm nhìn mình mãi, họ chán ngấy cái cuộc đời cứ bị thiên hạ dòm ngó mãi mãi không thôi, họ có cảm tưởng bị vây hãm và họ đáp lại ánh sáng của thiên hạ bằng chính cuộc sống của mình. Kẻ nào nhìn là kẻ ấy thắng. Kashiwagi đang nhìn xuống khi ăn cơm trưa; tuy nhiên, tôi cảm thấy đôi mắt nó đang nhìn soi mói tất cả thế giới xung quanh.

Nó có vẻ tự mãn trong lúc ngồi đó dưới ánh sáng chói chan. Đó là ấn tượng đã thu hút tôi mạnh mẽ. Chỉ cần nhìn nó ngồi giữa đám hoa dưới ánh sáng trời xuân là tôi có thể nói ngay rằng nó không hề cảm thấy chút thẹn thùng hoặc chút tội lỗi giấu giếm nào như tôi vẫn thường thấy. Nó là một cái hình bóng có chủ trương, hoặc hơn thế nữa, nó chính là hình bóng của chính hiện hữu. Chắc chắn ánh sáng mặt trời chẳng bao giờ có thể xuyên vào các lớp da cứng cáp của nó được.

Món ăn mà nó đang dốc một lòng ngồi ăn với một vẻ chán chường cho đến thế xem ra có vẻ thực tồi tệ. Tuy nhiên, cũng chẳng tồi tệ cho bằng bữa ăn tôi vẫn thường tự dọn cho mình mỗi sáng bằng những đồ ăn thừa trong bữa điểm tâm buổi sớm trong chùa. Lúc đó và năm Chiêu Hòa thứ 22 (1947) trừ khi tìm mua được thực phẩm ở ngoài chợ đen, người ta không thể nào ăn uống đầy đủ được. Tôi đứng bên cạnh Kashiwagi hai tay cầm quyển vở và cái hộp đựng bữa thức ăn trưa. Bóng tôi hắt xuống che lấp món ăn làm Kashiwagi ngừng mặt lên nhìn. Nó tiếp tục nhấm nhót đều đều giống hệt con tằm nhai lá dâu vậy.

“Xin lỗi,” tôi lắp bắp kinh khủng, “tôi muốn hỏi anh một vài điểm trong bài giảng hôm nay, tôi chưa hiểu rõ cho lắm.” Tôi nói bằng giọng tiêu chuẩn Tokyo, vì tôi quyết định, sau khi vào đại học, không dùng thổ ngữ Kyoto nữa.

“Tôi chẳng hiểu anh đang nói cái quái gì cả,” Kashiwagi nói. “Tôi chỉ nghe thấy toàn một chuỗi lắp bắp.”

Tôi cảm thấy mặt mình đỏ ửng lên. Le lưỡi liếm đầu đũa. Kashiwagi tiếp tục: “Tôi hiểu rõ tại sao anh lại bắt chuyện với tôi, Mizoguchi ạ - đó là tên anh phải không? Được, nếu đằng ấy nghĩ chúng mình cần trở thành bè bạn chỉ bởi vì hai thằng ta đều tật nguyền thì tớ chẳng thèm để ý làm gì. Nhưng so với sự bất hạnh của tớ, cậu có cho là cái tật nói lắp của cậu thực sự to truyện đến như thế hay không? Cậu để ý nhiều đến bản thân mình có phải không? Do đó, cậu đã làm to truyện quá về cái tật nói lắp cũng như về chính bản thân mình.”

Về sau, khi khám phá ra rằng Kashiwagi xuất thân từ một gia đình Thiền phái cũng thuộc tông Lâm tế, tôi nhận thấy trong những câu vấn đáp đầu tiên này nó có ít nhiều dáng vẻ đặc biệt của tăng sĩ Thiền phái; tuy nhiên, tôi chẳng thể phủ nhận cái ấn tượng mãnh liệt mà nhận xét của nó đã gây ra trong con người tôi vào lúc ấy.

“Nói lắp!” nó nói. “Cứ nói lắp bừa đi!”

Tôi lắng nghe rất đỗi ngạc nhiên đối với cái cách tỏ bày lý thú của nó.

“Ít nhất cậu đã gặp một đứa để yên tâm tha hồ mà nói lắp. Có phải thế không nào? người đời đều như thế cả, cậu ạ. Con người thấy đều muốn tìm kiếm người đồng hội đồng thuyền. Mà này, cậu có còn là trai tân không vậy?”

Tôi gật đầu mà chẳng hề mỉm cười. Kashiwagi đặt câu hỏi theo lối một bác sĩ khiến tôi cảm thấy chẳng nên nói dối làm gì.

“Ừ, tớ cũng nghĩ thế,” nó nói. “Vậy ra cậu hãy còn đồng trinh. Nhưng cậu không phải là một đồng trinh xinh đẹp. Quanh cậu chẳng có cái cóc gì là đẹp để hết. Cậu không thành công với bọn con gái và cậu đâu có gan giao thiệp với gái làng chơi. Tất cả vấn đề chỉ có vậy. Nhưng nếu cậu nghĩ khi bắt chuyện với tớ là cậu sắp sửa kết thân với một thằng đồng trinh khác thì cậu lầm bét. Cậu có thích nghe câu truyện tớ đã mất tân ra làm sao không?”

Chẳng đợi cho tôi trả lời, Kashiwagi nói tiếp liền.

“Tớ là con trai một tu sĩ Thiền phái ở Samnomiya và ngay khi ra đời tớ đã bị tật nguyên ở chân rồi. khi cậu nghe thấy tớ kể lể như thế này, chắc cậu lại tưởng tượng tớ là một thằng ốm yếu đáng thương nào đó chẳng cần biết là mình đang nói chuyện với ai miễn là có người để dốc bầu tâm sự về chính mình. Này, tớ không phải là thằng như thế đâu nhá. Tớ chẳng hề nói chuyện như thế này với bất kỳ ai đâu. Nói ra tớ cũng thấy khỉ khỉ thế nào ấy, nhưng sự thực là ngay từ đầu tớ đã nhắm chọn cậu để cho cậu nghe câu truyện của tớ. Thấy không, tớ loáng thoáng cảm thấy rằng khi biết tớ đã làm những gì thì cậu sẽ học được nhiều cái hay hơn bất kỳ ai khác. Tốt nhất là cậu nên làm y hệt như tớ. Như cậu thừa rõ, đó là cái cách những nhà tôn giáo đã đánh hơi tìm kiếm tín đồ và đó là cái cách những tay không uống rượu đã đánh hơi tìm những người đồng hội.

“Ấy đấy, tớ vẫn thường xấu hổ về những điều kiện sinh sống của mình. tớ nghĩ rằng hòa giải bản thân mình với những điều kiện ấy, sống ôn hòa với những điều kiện ấy tức là tiêu biểu cho sự thất bại. Nếu tớ muốn oán hận thì tất nhiên chẳng thiếu gì lý do. Đáng lẽ cha mẹ tớ đã phải lo liệu nhờ nhà thủ thuật uốn nắn lại đôi chân cho tớ ngay khi tớ còn nhỏ xíu. Bây giờ thì muộn quá mất rồi. Tuy nhiên, tớ hoàn toàn đếch có quan tâm gì đến cha mẹ và ý tưởng oán hận cha mẹ làm tớ khó chịu lắm.

“Tớ vẫn thường tin rằng đàn bà con gái chẳng bao giờ có thể yêu tớ được. Cậu thừa hiểu, tin tưởng như thế lại làm cho mình dễ chịu hơn và an vui hơn là người ta có thể tưởng tượng. Hiển nhiên là không nhất thiết phải có mâu thuẫn nào giữa sự tin chắc này với việc tớ không chịu hòa giải với những điều kiện sống của tớ. Cậu thấy đấy, nếu như tớ đã tin tưởng rằng đàn bà con gái có thể yêu mình như tớ nghĩ, thế nghĩa là, trong những điều kiện sinh sống của mình, rồi đến giới hạn mà tớ có thể tin tưởng được, có lẽ tớ sẽ hòa giải với những điều kiện ấy. Tớ nhận thấy rằng hai loại can đảm - cái can đảm phán đoán thực tại chính xác, và cái can đảm chiến đấu chống lại sự phán đoán ấy - có thể thuận hợp với nhau rất dễ dàng. Chẳng cần nhúc nhích, tớ cũng có thể có được những cảm tưởng là mình đang chiến đấu.

“Vì tớ như thế, nên dĩ nhiên là tớ sẽ chẳng thể mất tân với gái làng chơi như nhiều thằng

bạn tở. Đương nhiên, điều ngăn cản tở ấy là việc chị em ta không ăn nằm với khách buôn hoa vì thương yêu họ. Đối với các ả thì ai cũng là khách cả, nào những ông già lợm khợm, nào những tên ăn mày, nào những thằng chột mắt, nào những chàng trai bảnh bao - ngay cả những thằng hủi. Sự tiếp đãi bình đẳng này sẽ khiến đa số người đời an tâm; họ sẽ vui vẻ tiến tới mà mua cho kỳ được những người đàn bà đầu tiên họ gặp. Nhưng riêng tở, tở cóc có khoái sự bình đẳng này. Cứ nghĩ một người đàn bà lại tiếp đón người đàn ông hoàn toàn bình thường và một người nào giống như tở trên căn bản bình đẳng là tở không thể chịu nổi. Đối với tở thế thật giống một sự tự mình khinh nhờn rất đáng ghê sợ. Cậu thấy đấy, tở lo sợ là nếu người đời bỏ qua hoặc không thấy tình trạng tật nguyên của tở, chỉ hiểu theo nghĩa đặc biệt mà thôi, thì tở sẽ không tồn tại nữa. Đó cũng là mối sợ hãi đang chất nặng trong lòng cậu vào lúc này có phải vậy không? điều kiện cho tở được người đời hoàn toàn công nhận và chấp nhận thì mọi việc cần phải được thu xếp sao cho thừa thãi, xa xỉ hơn gấp bội người khác. Tở nghĩ dù cho có xảy ra điều gì đi nữa thì đó cũng là cái lẽ lối mà cuộc đời phải dành ra cho tở.

“Hẳn rằng khắc phục cái cảm giác bất mãn kinh khủng của tở - bất mãn ở chỗ thế giới và tở đã bị đặt vào một trạng thái đối lập - có lẽ cũng không phải là điều không thể làm được. Kể cũng có thể làm được nếu thay đổi chính tở hoặc thế giới. Nhưng tở lại ghét mộng tưởng đến những đổi thay như vậy. Tở ghê tởm những giấc mơ dớ dẩn thuộc loại này. Sau khi đã nghĩ rất nhiều, tở đi đến sự tin tưởng chắc chắn rất phù hợp lý luận là nếu thế giới thay đổi, tở sẽ không tồn tại nữa. Kể cũng nghịch thường lắm, kết luận này tiêu biểu cho một thứ hòa giải, một thứ dung hòa. Cậu ạ, nói trắng ra thế giới có thể sống chung với cái ý nghĩ giống như tở thấy là tở chẳng bao giờ có thể được ai yêu. Và sau cùng một người tật nguyên sẽ rơi vào cái bẫy không ở chỗ người ấy giải tiêu cái trạng thái đối lập giữa mình và thế giới, mà chính ở chỗ nó mang hình dáng chấp nhận hoàn toàn sự đối lập này. Đó là lý do khiến một người tật nguyên trở thành bất trị.

“Ừ, chính vào cái tuổi thanh xuân của tở - tở dùng những chữ này sau khi cân nhắc kỹ càng - một điều hết sức khó tin đã xảy ra cho tở. Có một người con gái xinh đẹp nổi tiếng con một đàn gia giàu có thuộc chùa nhà tở, đã tốt nghiệp trường nữ trung học Kobe, bất ngờ một hôm thổ lộ cho tở hay rằng nàng yêu tở. Thoạt nghe tở không thể tin chính đôi tai mình nữa. Vì sự bất hạnh của mình, tở là tay thành thạo đo lường tâm lý người khác. Vì thế, tở đã không ngốc nghếch gạt bỏ tất cả câu truyện, như nhiều người thường làm, bằng cách nghĩ rằng nàng yêu tở hoàn toàn chỉ do đồng tình với tở. Tở đã biết rất rõ rằng không một người con gái nào lại yêu tở chỉ vì đồng tình với tở. Bởi thế, tở đoán nguyên nhân khiến nàng yêu tở chỉ là tấm lòng tự tôn rất khác thường của nàng. Thiếu nữ này ý thức rõ rệt, sắc đẹp và giá trị của mình, song nàng không thể chấp nhận bất kỳ một kẻ nào mong được thương yêu mà lại tỏ ra có lòng tự tin. Nàng nhất định chẳng chịu để người ta bắc cân bắc lạng đem sánh lòng tự tôn của mình với tính hợm hĩnh của một chàng trai tự tin nào đó mong được thương yêu. Nàng may mắn có rất nhiều mối lương duyên nhưng những mối ấy càng hay bao nhiêu thì nàng lại càng ghét bấy nhiêu. Rốt cuộc, nàng khẳng khái cự tuyệt bất kỳ mối tình nào có vẻ dính dáng đến sự bằng vai phải lứa - và rồi để tở lọt vào mắt xanh.

“Tở đã biết sẵn phải trả với nàng như thế nào. Cậu có thể cười tở, nhưng tở chỉ cộc lốc bảo: ‘Tôi không yêu cô’ Liệu tở còn có thể trả lời gì hơn? Câu trả lời này thành thực và hoàn toàn

không có chút vờ vĩnh. Bởi lẽ, nếu như tớ đã quyết tâm không bỏ lỡ một cơ hội tốt và khi nàng tỏ tình nếu như tớ đáp lại rằng: ‘ Anh cũng yêu em’ thì sẽ lỗ bịch hết chỗ nói, gần như là có vẻ bi thảm nữa. Những thằng con trai trông có dáng hoạt kê như tớ thường có tài tránh né khéo léo để khỏi tỏ ra bi thảm vì lầm lẫn. Tớ biết chắc chắn rằng một khi tớ bắt đầu lộ vẻ bi thảm thì người đời sẽ không còn cảm thấy an lòng trong khi tiếp xúc với tớ nữa. Đối với tâm hồn kẻ khác, điều trọng yếu đặc biệt là không bao giờ tớ tự tỏ ra là một con người tàn phế đáng thương hết. Đó là lý do tại sao tớ dứt khoát cự tuyệt: ‘Tôi không yêu cô!’

“Cô bé chẳng hề lùi bước vì câu trả lời của tớ. Chẳng một phút trù trừ, nàng bảo ngay là tớ nói dối. Thật là một cảnh sống động khi nhìn nàng giở đủ mọi trò để cố gắng thuyết phục tớ trong khi vẫn dụng tâm để khỏi làm thương tổn lòng tự tôn của tớ. Cô bé không thể tưởng tượng rằng trên đời này có một thằng con trai lại có thể không yêu mình khi hẳn có cơ hội. Nếu thực có một thằng như thế, ắt là nó chỉ có thể tự lừa dối chính nó mà thôi. Và thế là nàng tiếp tục phân tích tỉ mỉ, rồi rút cuộc đi đến kết luận là thực ra tớ đã đem lòng yêu nàng từ trước. Nàng là một thiếu nữ thông minh. Cho rằng đã thực sự yêu tớ, nàng hẳn phải nhận ra là nàng đang yêu một người hết sức khó mà ai vói tới. Hầu như bất kỳ điều gì nàng nói cũng sai bét cả. Nếu nàng bảo rằng tớ có một bộ mặt xinh trai trong khi thực ra tớ làm gì có được, hẳn là nàng sẽ làm tớ nổi giận. Nếu nàng bảo đôi chân què của tớ đẹp mắt dễ coi thì càng làm tớ nổi giận hơn nữa. Và nếu nàng làm cái điều không yêu tớ vì ngoại mạo mà vì nội tâm có lẽ nàng sẽ làm tớ nổi giận thực sự. Tuy nhiên, nàng đã khám phá thấy một cảm tình đối ứng bên trong con người tớ, cảm tình ấy đối với sự thương yêu của nàng.

“Tớ không hề chấp nhận điều bất hợp lý này. Đồng thời, tớ lại đâm ra thêm muốn cô bé dữ dội, tuy nhiên, tớ không nghĩ rằng cái dục vọng ấy sẽ đem cô bé lại gần tớ. Tớ chợt nghĩ nếu nàng thực lòng yêu tớ và không yêu một người nào khác tất là tớ hẳn phải có một vài đặc điểm cá biệt nào làm cho tớ khác hẳn những người khác. Như vậy còn là cái gì ngoại trừ đôi chân què của tớ. Bây giờ, theo như chỗ suy nghĩ riêng tư của tớ, điều này thật hoàn toàn không thể chấp nhận được. Nếu đặc điểm cá biệt của tớ không thực sự ở đôi chân què thì có lẽ tình yêu này có thể chấp nhận được. Song le, nếu tớ phải công nhận đặc điểm cá biệt của mình - lý do tồn tại của tớ - như là nằm ở chỗ nào đó ngoài cặp chân tàn tật thì điều này chỉ là một thứ công nhận bổ túc mà thôi. Như vậy, tất nhiên tớ sẽ đi tới chỗ công nhận lý lẽ tồn tại của người khác cũng theo cái lối bổ túc này, và rồi sẽ tới chỗ tớ công nhận luôn một cái *ngã* nằm gọn lộn bên trong thế giới. Vậy thì không thể có tình yêu được. Điều nàng nghĩ là nàng yêu tớ chẳng qua chỉ là một cảm giác sai lầm; và tớ không thể làm sao yêu nàng được. Do đó, tớ cứ tiếp tục lặp lại: Tôi không yêu cô.’

“Kể cũng kỳ lạ, tớ càng bảo tớ không yêu nàng thì nàng lại càng đắm chìm trong cảm giác sai lầm là nàng yêu tớ. Và rút cuộc, một tối, chẳng lý luận gì nữa nàng đem thân tới trước mặt tớ. Nàng hiến dâng thân mình cho tớ; tớ có thể nói đó làm một thân mình cực kỳ đẹp đẽ. Thế nhưng khi cần hành sự, tớ lại cóc làm được gì được.

“Sự thất bại khủng khiếp này của tớ khiến cho câu truyện được giải quyết một cách dễ dàng. Thấy lời tớ nói ‘tôi không yêu cô’ đã được chứng minh, nàng bỏ tớ đi luôn.

“Tớ lấy làm xấu hổ vì sự bất lực của mình, tuy nhiên, so sánh với sự xấu hổ vì đôi chân tàn tật thì chẳng có gì đáng nói. Điều thực sự làm tớ khốn đốn là cái gì khác hẳn cơ. Tớ hiểu lý do đã làm tớ bất lực. Đó là ý nghĩ đôi chân tật nguyên của tớ áp vào đôi chân trần trụi xinh đẹp của nàng trong lúc hành sự. Và bây giờ sự phát giác này hoàn toàn tiêu hủy sự yên bình bên trong tớ đã từng làm tớ tin chắc rằng tớ chẳng bao giờ được một người đàn bà yêu.

“Vào lúc ấy, cậu ạ, tớ cảm thấy một niềm vui không thành thật khi nghĩ rằng do dục vọng của mình - do ý muốn chạy theo dục vọng của mình - tớ đã chứng thực được tính bất khả của tình yêu. Nhưng da thịt tớ đã phản bội lại tớ. Điều tớ muốn làm bằng tinh thần mình thì da thịt tớ đã làm thay mất rồi. Và do đó tớ bị đặt trước một mâu thuẫn khác. Nói một cách có vẻ hơi phàm tục, từ trước đến giờ tớ đã mơ tưởng đến tình yêu trong tin tưởng sắt đá rằng tớ không thể được ai yêu, nhưng chung cuộc tớ đã đem dục vọng thay thế cho ái tình, và rồi cảm thấy an lòng. Nhưng kết cục tớ đã hiểu rằng dục vọng tự nó cũng đòi hỏi phải được thỏa mãn, tớ đã phải quên đi những điều kiện sinh sống của mình và phải từ bỏ cái đã tọa nên trở ngại duy nhất dẫn tới tình yêu đối với tớ nghĩa là điều tin tưởng rằng tớ sẽ không được ai yêu. Tớ đã luôn luôn nghĩ tới dục vọng như làm một cái gì sáng sủa rõ ràng hơn chính bộ mặt thực của nó, song tớ đã không nhận thấy rằng dục vọng đòi hỏi người ta phải nhìn thấy chính mình theo một lối mờ mờ ảo ảo như trong mộng vậy.

“Từ đó trở đi, tớ lại quan tâm tới nhục thể nhiều hơn tinh thần tớ. Tuy nhiên, tớ không thể trở thành một sự hóa thân của dục vọng thuần túy. Tớ chỉ có thể mơ tưởng về điều đó. Tớ hóa ra như luồng gió. Tớ trở thành một vật mà những người khác không thể nhìn thấy, nhưng tự nó nhìn thấy mọi vật, nó nhẹ nhàng tiến lại gần đối tượng, âu yếm vỗ về toàn thân và rồi sau hết thẩm nhập vào phần sâu kín nhất bên trong đối tượng. Nếu tớ có nói đến sự tự giác về nhục thể, tớ mong rằng cậu sẽ tưởng tượng ra một sự tự giác có liên quan tới một vật có chất lượng đục ngầu, vững chắc nào đó. Nhưng tớ không giống cái đó. Đối với tớ, ý thức chính mình như một nhục thể duy nhất có nghĩa là tớ lại trở thành trong suốt, vô hình, nói khác đi, giống như một làn gió.

“Nhưng đôi chân què quặt của tớ luôn luôn tự tỏ ra là một chướng ngại vật to lớn. Riêng chúng chẳng bao giờ có thể trở thành trong suốt. Dường như chúng không giống chân người cho bằng một cặp tinh thần ngoan cố. Chúng là thể đấy - nhưng đối tượng còn chắc chắn hơn cả chính nhục thể của tớ.

“Có nhẽ người đời nghĩ rằng họ không thể nhìn thấy chính mình trừ phi có tấm gương. Nhưng đã là một đứa tàn tật thì luôn luôn có một tấm gương ngay trước mũi rồi. Toàn thân tớ phản ánh một tấm gương ấy trong từng giờ từng phút. Chẳng làm sao có thể quên được. Kết quả là cái mà thế gian cho là bất an thì đối với tớ chỉ là thứ trò chơi trẻ con. Trong trường hợp của tớ, chẳng làm gì có sự bất an. Bảo rằng tớ hiện hữu trong hình thức này là một sự kiện rõ rệt, rõ rệt như sự hiện hữu của mặt trời, như trái đất hoặc những con chim xinh đẹp và những con cá sấu xấu xa. Thế giới im lìm như một tấm mộ bia vậy.

“Chẳng có chút bất an cũng chẳng hề có chút vững bước - đó là phương cách sinh hoạt độc sáng của tớ. Tớ sống để làm cái quái gì? Nghĩ đến chuyện ấy, người đời sẽ cảm thấy khó chịu và

còn tự sát nữa. Những điều đó có có làm tổn thương, thắc mắc chút nào. Có được đôi chân què quặt - đó là điều kiện, đó là lý do, mục đích, lý tưởng của cuộc sống; đó là chính cuộc sống vậy. Chỉ nguyên một việc sinh ra trên đời, sống ở trên đời, cũng đã làm thỏa mãn. Trước tiên, có phải cái cảm giác khó chịu đối với sự hiện hữu của chính mình sự bắt nguồn từ một thứ xa xỉ cho là mình không thể sống được một cách trọn vẹn?

“Tớ bắt đầu để ý một quả phụ già sống một mình cùng một thôn với tớ. Người ta bảo bà ấy sáu mươi tuổi, hoặc theo vài người còn già hơn thế nữa. Ngày giỗ bố bà ta tớ được mời tới nhà tụng kinh thay cho bố tớ. Không một người thân thích nào của bà ta tới dự lễ, và chỉ có người đàn bà già ấy và tớ trước bàn thờ thôi. Khi tớ tụng kinh xong bà ta mời tớ sang phòng riêng uống trà. Vì hôm đó là một ngày hè nóng bức, tớ mới hỏi bà ta liệu có nước cho tớ tắm một cái hay không. Tớ cởi quần áo ra và người đàn bà lấy nước lạnh dội lên lưng tớ. Tớ để ý bà ta nhìn chăm chăm vào đôi chân tớ với con mắt có thiện cảm, tức thì trong lòng tớ nảy ra một kế hoạch.

“Tắm rửa xong xuôi tớ trở lại căn phòng chỗ ban nãy hai người đã ngồi. Trong khi lau mình cho khô, tớ lên giọng thịnh trọng nghiêm mà nói với bà ta rằng khi sinh ra tớ má tớ đã nằm mộng thấy đức Phật hiện lên phán rằng khi đứa trẻ này khôn lớn, người đàn bà nào thành tâm tôn thờ đôi chân nó thì khi nhắm mắt sẽ được vãng sinh cực lạc. Trong khi tớ nói, quả phụ già nua ngoan đạo tay cầm tràng hạt mắt chăm chăm nhìn vào mắt tớ. Tớ nằm ngửa trần truồng ngay đơ như một xác chết; hai tay chắp lên ngực nắm chặt chuỗi tràng hạt và tớ khe khẽ lẩm nhẩm bài kinh bố lảo. Hai mắt tớ nhắm nghiền, đôi môi tớ tiếp tục lẩm nhẩm đọc kinh.

“Cậu có thể tưởng tượng tớ muốn phá ra cười đến mức độ nào. Tớ buồn cười đến vỡ bụng. Tớ chẳng hề có chút mộng tưởng nào về mình cả. Tớ biết rằng bà già ấy đang vừa đọc kinh vừa đắm mình trong sự sùng kính đôi chân của tớ. Đầu óc tớ chỉ loáng thoáng nghĩ đến hai cái chân và tớ thấy khoái trá vô kể trong cái tình trạng nực cười này. Đôi chân què quặt. Đôi chân què quặt - đó là những gì tớ đang nghĩ, đó là những gì tớ có thể nhìn thấy trong đầu óc mình. Cái hình thù kỳ quái của đôi chân. Cái trạng huống vô cùng xấu xa tớ đã bị đặt vào. Cái trò cười man dại trạng huống ấy tạo nên! Buồn cười hơn nữa là mấy lần khấu đầu làm lễ, mớ tóc buông thả của bà ấy quệt vào gót chân tớ làm tớ buồn buồn dèch có thể chịu được.

“Thì ra trước đó tớ đã lầm to vì những dự vọng kể từ cái lần tớ chạm vào đôi chân đẹp đẽ của cô gái ấy và trở nên bất lực. Bởi vì trong suốt buổi lễ ác ôn này, tớ nhận thấy tớ bị kích thích không sao chịu nổi. Đúng thế, tớ không hề có chút mộng tưởng về con người tớ một tí nào cả! Đúng thế, ở trạng huống tàn tệ quá đời này!

“Tớ nhồm dậy và bất thần dè ngựa bà già ấy ra. Tớ cũng không kịp nghĩ đến điều lạ lùng là bà ta chẳng tỏ vẻ kinh ngạc mấy trước hành động của tớ. Người quả phụ già nua ấy nằm tại chỗ tớ đã đẩy bà ta ngã lăn ra, hai mắt nhắm nghiền và miệng vẫn lẩm nhẩm đọc kinh. Kể thực kỳ diệu, tớ liền nhớ ra rằng bài kinh bà ta đang tụng là ở chương nói về Lòng Đại Từ Bi: “Y-ê, y-ê, thất-na thất-na A-la sam. Phật la xá lý, phạt sa phạt sam. Phật la xá lý.” Cậu biết đoạn này đã được giải thích trong đoạn bình chú như thế nào không, dĩ nhiên là: “Trăm lạy Ngài, nghìn lạy Ngài vì bản thể thanh tịnh vô cấu hãy hủy diệt ba điều xấu - tham, sân, si’.

“Trước mắt tớ, khuôn mặt một người đàn bà già sáu mươi tuổi - một khuôn mặt sạm nắng không chút phấn son - dường như đang chào mời tớ. Sự kích thích chẳng hề giảm bớt chút nào trong con người tớ. Điểm phi lý tối hậu của trò hề nằm ở chỗ đó, nhưng chẳng thể ngờ được chính tớ đang được điều phi lý đó *xổ mũi lôi đi*. Hơn thế, không phải là tớ vô ý thức - tớ nhìn thấy rõ ràng tất cả. Đặc sắc nổi bật của địa ngục là nhìn thấy mọi thứ rõ rệt từng chân tơ kẽ tóc. Và lại nhìn thấy tất cả những cái ấy trong bóng tối đen ngòm!

“Nét mặt nhăn nheo của bà già chẳng có gì là đẹp đẽ và chẳng có gì là thiêng liêng hết. Tuy thế, vẻ xấu xí và tuổi tác của bà già dường như luôn luôn xác định trong cái trạng thái nội tại ấy của tớ trong đó chẳng có mộng mơ gì hết. Ai dám nói nếu mình nhìn một mỹ nữ mà không mơ mộng, dù cho người ấy đẹp đến đâu đi nữa, thì nét mặt người đó cũng không bị biến dạng thành nét mặt của bà già này? Đôi chân què quặt của tớ và khuôn mặt này. Ừ, đúng thế đó. Ngắm nhìn thực tướng vẫn là tình trạng kích thích nhục thể của tớ. Bây giờ lần đầu tiên tớ đã có thể tin tưởng vào dục vọng của chính thể xác mình với một cảm tình thân ái. Và tớ nhận thấy rằng vấn đề không nằm ở chỗ cố gắng rút ngắn khoảng cách này sao cho đối tượng vẫn còn là một đối tượng.

“Kể ra nhìn đến thì cũng hay hay. Vào lúc ấy tớ phát minh ra lý luận về *eroticism*^[1] của tớ xuất từ luận lý của thằng què quặt chủ trương rằng trong khi đứng ý một chỗ đồng thời nó cũng đã đi tới rồi - từ cái luận lý chủ trương rằng nó không bao giờ bị khó chịu cả. Tớ khám ra cái điều giả vờ giả tảng ẩn trong cái mà người đời gọi là cái say đắm. Nhục dục thật giống như một luồng gió hoặc một tấm áo phù thủy nào đó để che dấu người mặc bên trong. Và sự kết hợp phát sinh từ dục vọng như thế thì không khác gì hơn trong giấc mộng. Đồng thời trong khi đang đắm chìm, chính tớ cũng trở thành đối tượng đang bị ngắm thật kỹ lưỡng. Lúc ấy và tại đó tớ tung hê khỏi thế giới của mình cả cặp chân tật nguyên lẫn những người con gái mình biết. Nhưng cái chân tật nguyên và những người đàn bà của tớ thấy đều đứng cách xa tớ. Thực tại nằm ở đó; dục vọng chỉ là bóng ma ẩn ẩn hiện hiện. Và trong khi ngắm nhìn, tớ thấy mình vấp ngã liên hồi vào bóng ma ấy và đồng thời đang bị bắn tung lên tận bề mặt của thực tại mà tớ đang ngắm nhìn. Đôi chân tật nguyên và những người đàn bà của tớ chẳng bao giờ gặp gỡ nhau; vậy mà cả hai sẽ bị tổng khứ ra ngoài thế giới. Thêm khát liên tục chỗi dậy bên trong con người tớ. Bởi lẽ đôi chân tật nguyên của tớ và đôi chân xinh đẹp kia sẽ vĩnh viễn chẳng bao giờ va chạm nhau vào nhau.

“Cậu có hiểu rõ điều tớ nói không? những lời tớ nói có cần nói rõ gì thêm? Tuy nhiên, tớ tin chắc cậu hiểu rằng sau lần này tớ có thể hoàn toàn an tâm tin rằng ‘Tình yêu là cái gì không thể có được.’ Không còn bất an, không còn tình yêu nữa. Thế giới đã tới một sự đình chỉ vĩnh cửu và đồng thời cũng đã đi tới. Liệu tớ có cần làm sáng tỏ điều này bằng câu ‘Thế giới của chúng ta?’ Như vậy chỉ trong một câu, tớ có thể định nghĩa cái mê vọng lớn lao liên hệ ới ‘tình yêu’ của thế gian này. Đó là nỗ lực móc nối thực tại với mê vọng ấy. Hiện tại tớ đã đi đến chỗ tin chắc rằng - tin chắc tớ không bao giờ được ai yêu hết - điều tin chắc của tớ tự nó là tình trạng căn bản của cuộc sống trên đời. Bởi thế đến đây cậu mới hiểu được từ đầu đến đuôi là tớ đã mất tâm như thế nào?

Kashiwagi ngừng kể. Từ nãy đến giờ tôi đã nín thở lắng nghe nó. Thế rồi bây giờ tôi buộc ra một tiếng thở dài. Câu truyện của nó đã làm tôi xúc động mạnh mẽ và tôi không làm sao ngăn được cảm nghĩ đau xót là đã tiếp xúc với một lối suy tư từ trước đến giờ chưa bao giờ có tôi cả.

Một vài phút sau khi Kashiwagi đã dứt lời, mặt trời ngày Xuân bừng dậy quanh tôi, bụi cây xa trục thảo sáng rực bắt đầu óng ánh. Tiếng reo hò từ sân chơi bóng rổ đằng sau tòa nhà lại bắt đầu vang lên. Tuy nhiên, mặc dù vẫn là buổi trưa ấy, vẫn là ngày Xuân ấy, ý vị của tất cả những cái này dường như đã thay đổi hoàn toàn.

Tôi không thể ngồi im lặng. Tôi muốn phụ họa theo. Để bổ sung cho những lời nó nói. Tôi lấp bắp một câu nhận xét vụng về: “Từ đó đến nay chắc hẳn là cậu cô đơn lắm nhỉ.”

Một lần nữa Kashiwagi lại chơi ác giả vờ không hiểu tôi và bảo tôi nhắc tại điều tôi đã nói một lần nữa. Tuy nhiên, trong câu trả lời nó đã để thoáng lộ đôi chút thân thiện.

“Cậu bảo tớ cô độc ấy à? Tại sao tớ lại cô độc nhỉ? Rồi cậu sẽ dần dần thấy từ đó về sau tớ đã tìm cách phụ hợp ra làm sao một khi cậu hiểu tớ.”

Chuông reo báo hiệu giờ giảng bài học buổi chiều. Tôi sắp sửa đứng dậy thì Kashiwagi, lúc đó hãy còn đang ngồi trên cỏ, nắm ngay lấy tay áo tôi mà kéo thực mạnh. Bộ đồng phục sinh viên đại học của tôi cũng vẫn là bộ tôi đã dùng trước kia ở Thiền môn học viện đem sửa lại. Chỉ có những cái khuy là mới mà thôi; vải áo đã vá chằng chịt và lợt chỉ hết cả rồi. Ngoài ra, nó lại quá chật và làm cho cái thân hình gầy guộc của tôi đã nhỏ trông lại càng nhỏ hơn.

“Bây giờ tới giờ Hán văn phải không? Chán chết được. Bỏ quách và tụi mình đi tản bộ một vòng chơi.” Nói rồi tôi đứng dậy. Thật là cả một cố gắng kinh khủng: thoát tiên dường như nó tách rời toàn thân rồi sau đó mới đem ghép cả lại. Nhìn nó đứng dậy mà tôi nhớ đến con lạc đà có lần tôi đã nom thấy nhóm mình đứng dậy trong cuốn phim chiếu bóng.

Từ trước đến giờ tôi chưa lần nào bỏ học, nhưng lần này tôi không muốn bỏ lỡ cơ hội nghe Kashiwagi kể chuyện. Chúng tôi cất bước đi về phía cổng chính.

Sau khi hai đứa đã qua cổng chính, bất chợt tôi để ý đến cách cất bước thật kỳ cục, đặc biệt của Kashiwagi, và một tình cảm gần như bối rối, thẹn thùng đã xâm chiếm lòng tôi. Kỳ dị ở chỗ là cứ như thể tôi đã đồng lõa với tình cảm thông thường của thế gian và cảm thấy xấu hổ khi đi cùng với Kashiwagi.

Chính Kashiwagi đã cho tôi biết tường tận ngọn ngành hang ổ về niềm hổ thẹn của tôi. Đồng thời cũng chính nó đã thôi thúc tôi tiến tới nhân sinh. Lời nói của nó đã uốn nắn, nung đúc toàn thể cái khía cạnh tui hủ và tất cả những sự xấu xa trong lòng tôi thành một cái gì tươi mới. Cũng có lẽ chính vì thế mà trong khi hai đứa chúng tôi đi trên lối sỏi qua cổng chính, có mái ngói đỏ, ngọn núi Tỉ Duệ sừng sững đằng xa ngay trước mặt đang ẩn mình trong sương mờ dưới ánh mặt trời mùa Xuân trông như thể hôm nay mới hiện ra trước mắt tôi lần đầu. Và dường như nó tái hiện ở đó trước mắt tôi sau khi đã tìm lại những ý vị riêng biệt cũng như nếu nhiều sự vật quanh tôi giờ lại phục sinh ý vị của chúng sau một thời gian ngủ dài. Đỉnh núi Tỉ Duệ nhọn hoắt, nhưng chân đồi quanh núi lại trải rộng ra thật xa, giống y như dư âm một chủ đề âm nhạc nó đó còn ngân nga, dặt dừ trong không khí. Khi ngắm ngọn núi Tỉ Duệ phía bên kia dãy mái nhà thấp, tôi thấy chỉ có mép núi là nổi bật lên tươi sáng và trông như rất gần còn tất cả lòng núi chỗ đậm chỗ nhạt như là sắc xuân thì chìm sâu trong một màu xanh đậm.

Ngoài cổng chính của đại học Otani có rất ít người đi lại và hầu như cũng chẳng có một cái xe hơi nào. Thỉnh thoảng người ta chỉ nghe thấy tiếng xe điện chạy leng keng trên đường sắt từ trước ga Kyoto tới trước bến xe điện. Phía trên kia đường phố là những cây trụ cổng cũ kỹ của đại học đối diện với cổng chính nơi chúng tôi đang đứng; một hàng cây ngân hạnh đầy lá non mùa Xuân chạy dài sang phía bên trái.

“Mình dạo quanh các sân chơi một lát đi!” Kashiwagi nói.

Tôi đi trước bước qua đường xe điện về phía bên kia dãy phố. Kashiwagi nặng nề lết bết qua đường phố hầu như vắng tanh, toàn thân nó run rẩy vì những cử động mãnh liệt như một con tàu chạy qua một dòng nước chảy điên cuồng. Sân đại học thật là rộng rãi. Ở phía xa nhiều tốp sinh viên, vì không có giờ học hoặc vì muốn trốn học, đang chơi bắt banh; gần hơn nữa năm sáu người đang tập chạy đường trường. Chiến tranh chỉ mới kết liễu chừng hai năm, nhưng các thanh niên một lần nữa lại đã tìm cách tiêu hao tinh thần của họ. Tôi nghĩ đến các món ăn nghèo nàn mà chúng tôi đã được ban phát ở trong chùa. Chúng tôi ngồi gần trên cái đu gỗ đã mục một nửa và lơ đãng nhìn những sinh viên bạn học đang chạy về phía chúng tôi rồi chạy qua cái sân chơi hình bầu dục để tập dượt lối chạy đua đường trường. Việc trốn học như lần này cho tôi một cảm giác thích thú giống như cái áo sơ mi mới cọ sát vào thịt da vậy; ánh sáng xung quanh và làn gió mát nhẹ đã làm cho tôi thấy rõ cảm giác này mạnh hơn. Một nhóm người chạy đua đang từ từ tiến về phía chúng tôi; họ thở hổn hển. Vì đã mệt mỏi nên bước chân nện bành bịch; rồi họ chuyển về phía xa hất bụi tung lên từng đám.

“Mấy thằng ngốc,” Kashiwagi nói. “Tụi nó vậy mà!” Lời nó nói không hề có một tí gì chua chát. “Trời đất ơi! Chúng nó diễn trò đó để làm gì vậy? Chúng nó bảo làm như vậy để cho thân mình được Khang kiện, tớ nghĩ vậy. Nhưng liệu có lợi gì khi đem công khai cho mọi người xem sự Khang kiện của mình như thế? Tụi nó biểu diễn thể thao ở khắp nơi phải không? Thực là một dấu hiệu cho chúng ta thấy đã tới mạt thế rồi. Cái cần phải công khai trưng bày cho công chúng xem thì chưa bao giờ thấy trưng bày cả. Cái mà ta thực sự cần công khai trưng bày cho công chúng biết thì lại chưa bao giờ thấy trưng bày cho quần chúng thấy là - những vụ hành án tử hình! Tại sao chúng nó lại không công khai trình diễn án tử hình hở?”

Kashiwagi ngừng một lúc rồi lại tiếp tục bằng một giọng mơ màng: “Mày nghĩ mà xem muốn giữ an ninh trật tự trong thời chiến tranh thì phải làm gì nếu không phải là công khai trình diễn cho dân chúng xem những cái chết bi thảm? Lý do khiến chúng nó ngừng những cuộc hành quyết công khai theo tin tao thu lượm được là vì chúng sợ cảnh đó sẽ làm lòng người thêm ham chém giết. Mẹ kiếp! Nếu mày muốn hỏi ý kiến thì tao bảo chúng nó là đồ ngu si một lũ! Những người đã dọn xác kẻ chết sau các cuộc không tập thấy đều có nét mặt khoái hoạt. Nhìn thấy con người buồn khổ, nhìn thấy con người máu me đầy mình và nghe thấy con người rên rỉ, hấp hối sẽ làm cho người ta trở nên khiêm hư. Cảnh đó làm cho lòng người tiêm tể, trắng trong, êm ả. Vào những lúc như thế, chúng ta quyết chẳng bao giờ trở nên tàn ngược hoặc khát máu. Không, chính vào một buổi chiều xuân nên thơ như thế này con người mới bắt chợt trở nên tàn ác. Chính vào cái giây phút như thế này, mày có nghĩ thế không, trong khi người ta mơ màng ngắm mặt trời mới nhô lên qua đám lá cây trên một bãi cỏ cắt tỉa cẩn thận?

Mọi cơn ác mộng trong thế giới, mọi cơn ác mộng trong lịch sử đều đã phát sinh trong những giây phút giống như những giây phút này. Nhưng khi người ta ngồi đó dưới thanh thiên bạch nhật, chính cái ý nghĩ về những hình người đầm máu đang ngất lịm trong hấp hối đã làm cho cơn ác mộng có đường nét rõ rệt và đã tạo những phương tiện để biến những ác mộng thành thực tại. Ác mộng thôi không còn là sự khổ não của chúng ta nữa, nhưng là nỗi đau đớn mãnh liệt của thân xác người khác. Và chúng ta đã bị bó buộc phải cảm thấy sự đau đớn của kẻ khác. A, thực là một sự cứu rỗi khó tả nên lời!”

Cái lối lý luận độc đoán, khái quát này của Kashiwagi đã có ma lực quyến rũ tôi hết sức; thật thế, những điều mà lúc này tôi muốn được nghe ấy là tất cả những sự nó đã trải qua khi mất tâm. Bởi vì, như tôi đã nói, tôi đang hăm hở trông đợi ở Kashiwagi để hiểu biết nhân sinh. Tôi tìm cách xía vào và gợi ý cho nó nói đến sự ham thích của tôi.

“Mày muốn nói con gái hả?” nó nói. “Hừm, tao đã đi đến kết luận này hiện giờ tao có thể dùng trực giác mà nói một cách chính xác là đứa con gái nào thuộc loại người ta ưa thích một thằng con trai có cặp chân què quặt. Mày ạ, có những loại như thế đấy! Có thể rằng một đứa con gái như vậy sẽ giữ kín suốt đời sự ưng thích của mình đối với những thằng con trai què quặt. Nàng ta cũng sẽ không ngần ngại đem theo điều bí mật xuống dưới đáy mồ. Điều này có thể là sự thất bại duy nhất về thị hiếu mà loại con gái ấy đã có; điều này có thể là giấc mộng duy nhất của các nàng... Ờ, xem nào. Mày nghĩ thế nào về loại con gái thích những thằng con trai què quặt? Thường thường nàng là một mỹ nhân nghiêng nước nghiêng thành. Nàng có cái mũi thon thon, man mát. Nhưng miệng nàng có hơi he hé trễ xuống một chút...”

Đúng lúc đó một thiếu nữ cất bước đi về phía chúng tôi.

5

Tuy nhiên, lúc đó nàng không đi trong sân đại học. Bên ngoài những sân chơi còn có những con đường chạy san sát khu trú xá. Con đường thấp hơn mặt sân chơi độ khoảng nửa thước tây. Nàng đang đi trên con đường đó.

Người thiếu nữ bước ra từ cổng bên một ngôi nhà đồ sộ kiến trúc theo lối Tây Ban Nha. Căn nhà này trong khá mong manh, có hai ông khói, nhiều cửa sổ chắn song đan chéo nghiêng nghiêng và có mái kính che ôn thất để ươm cây; tuy nhiên toàn cảnh đã bị cái hàng rào sắt làm hư hỏng hết cả; hàng rào này, vươn lên cao ngất phía bên kia đường gần khu sân chơi đại học, hiển nhiên là đã được dựng lên vì những lời kháng nghị của chủ căn nhà đó.

Kashiwagi và tôi đang ngồi trên một cái ghế đu bên ngoài hàng rào sắt. Tôi nhòm khuôn mặt người thiếu nữ và thấy ngạc nhiên vô cùng. Khuôn mặt nàng thanh tú thật giống với tướng người Kashiwagi đã tả khi nói về loại con gái “thích những thằng con trai què quặt”. Sau này khi nghĩ lại sự ngạc nhiên mà lúc ấy tôi đã trải qua, tôi thấy mình thực là ngớ ngẩn và tự hỏi không biết Kashiwagi có quen biết hay nằm mơ thấy khuôn mặt ấy từ trước hay không.

Chúng tôi ngồi đó chờ đợi người thiếu nữ. Dưới tia sáng chan hòa mặt trời mùa Xuân đỉnh Tỉ Duệ xanh biếc nhô lên ở phía xa trong khi người thiếu nữ đang dần dần tiến lại gần chỗ

chúng tôi ngồi. Tôi vẫn chưa hết nôn nao trong dạ vì những lời nói mới rồi của Kashiwagi - nó bảo cặp chân què quặt của nó và những người con gái của nó đã sờ sờ hiện ra đó đây trong thế giới của thực tượng, giống như hai ngôi sao ở trên trời, chẳng bao giờ va chạm vào nhau, và những lời nói kỳ quái của nó về truyện vẫn có thể thỏa mãn dục vọng trong khi tự thân vẫn chôn vùi trong thế giới mong manh và dường như thế giới của chúng tôi đã bắt đầu bắt thần phơi bày khía cạnh giả tưởng của nó. Mọi vật đều có vẻ mịt mờ màu tro than và ngay cả sự hiện hữu của chính tôi nữa cũng có vẻ mịt mờ. Dường như chỉ có đỉnh núi Tỉ Duệ tía hồng và người thiếu nữ xinh đẹp kia đang tiến lại gần chúng tôi là đang chói rạng trong thế giới của thực tượng và có một kiếp sống xác thực.

Chắc chắn là người thiếu nữ đang đi về phía chúng tôi. Nhưng với những giây phút trôi qua thời gian trở thành như một nỗi thống khổ mỗi lúc một to lớn, và nàng càng tiến lại gần chúng tôi thì một nét mặt khác lại càng hiện ra rõ rệt mỗi lúc một tươi sáng hơn - nét mặt của người khác không mang liên hệ gì với nàng.

Kashiwagi đứng phắt dậy, ghé vào tai tôi thì thảo hỗn hển: “Cất bước đi đi, Tao bảo mày mà.”

Tôi phải cất bước theo lời nó. Hai đứa chúng tôi đi dọc theo bức tường bằng đá, cao hơn mặt đường khoảng chừng nửa thước tây, song song với người thiếu nữ và đi cùng về một hướng với nàng.

“Bây giờ nhảy xuống đó!” Kashiwagi vừa nói vừa bấm móng tay sắc nhọn vào lưng tôi. Tôi bước qua bức tường đá thấp và nhảy xuống đường, không khó khăn gì vì chỉ có nhảy nửa thước tây xuống dưới. Nhưng khi mới vừa nhảy xuống thì Kashiwagi đã ngã lăn đánh rầm một tiếng ngay bên cạnh. Vì cố gắng nhảy bằng đôi chân què nên nó đã lăn kèn ra. Cúi xuống nhìn tôi thấy cái lưng áo đồng phục đen của nó rập rờn như sóng lượn trên mặt đất. Trong khi nằm thừ lừ một đồng, nó trông không có vẻ gì là một con người; trong một lúc tôi thấy nó giống như một vệt nhơ to tướng, đen ngòm, vô vị, giống như một trong những cái ổ gà đục ngẫu những nước mà người ta thấy trên mặt đường sau khi trời mưa.

Kashiwagi đã nằm thừ lừ một đồng ngay trước chỗ người thiếu nữ đang đi. Nàng đứng ngay sững như trời trồng tại đó. Khi quì xuống để nâng nó đứng dậy, tôi ngược mắt nhìn nàng - khi nom thấy cái mũi man mát và cao cao, cặp mắt vượn buồn của nàng, trong chớp nhoáng tôi thấy xuất hiện trước mình một khuôn mặt tôi đã nhìn thấy dưới ánh trăng, khuôn mặt Uiko ngày nào.

Ảo ảnh tan biến ngay tức khắc và giờ đây tôi trông thấy một thiếu nữ chưa quá hai mươi tuổi đang đưa mắt nhìn xuống tôi một cách khinh miệt. Tôi thấy hình như nàng sắp sửa nặng lời. Đối với những truyện này Kashiwagi lại còn nhậy cảm hơn tôi nữa. Nó bắt đầu lớn giọng kêu la. Tiếng kêu của nó âm vang khắp khu phố biệt thự vắng lặng ngắt.

“Hỡi con người lòng dạ sắt đá trơ trơ kia! Nỡ lòng nào bước bỏ mặc người ta như thế này ư? Vì ai mà người ta mới đến nông nỗi này!”

Thiếu nữ quay trở lại. Nàng sợ run cả người, và đưa những ngón tay thon thon, khô ráo nàng hình như đang xoa cặp má trắng bệch của mình. Một lúc sau nàng quay về phía tôi và nói: “Tôi biết làm gì bây giờ?”

Tức thì Kashiwagi ngược lên trừng trừng nhìn người thiếu nữ. Rồi nó dần giọng nói rõ từng tiếng một:

“Có phải là cô muốn bảo trong nhà cô cũng không có lấy một tí thuốc nào hay không?”

Thiếu nữ đứng đó lặng thinh trong giây lát. Đoạn nàng quay lưng và bắt đầu đi về phía mà vừa nãy nàng đã từ đó đi ra. Tôi nâng Kashiwagi đứng dậy. Trước khi nó đứng hẳn dậy. Trước khi nó đứng hẳn lên, người nó nặng kinh khủng, hơi thở nó ngắt quãng, mặt nhợt, đau đớn. Nhưng khi tôi chìa vai cho nó tựa vào mà đi thì tôi thấy nó cất bước chân đi thật nhẹ nhàng mau mắn không sao ngờ nổi.

Tôi chạy tới chỗ xe điện ngừng trước bến xe Karasumaru rồi nhảy tót lên một chiếc. Mãi tới lúc xe điện bắt đầu chạy về hướng Kim Các Tự tôi mới thể được ra hơi. Hai bàn tay tôi ướt đầm mồ hôi.

Vừa khi dìu Kashiwagi bước qua cổng bên căn nhà xây theo kiểu Tây Ban Nha ấy, tôi thấy vô cùng khiếp đảm. Tôi đã để mặc nó đứng đó với người thiếu nữ - nàng đứng trước mắt nó - rồi chẳng hề nhìn lại đằng sau, tôi co giò chạy thẳng. Tôi không có thì giờ dừng lại ở đại học, nhưng cứ cắm cổ chạy dọc theo đường phố vắng tanh, qua các hiệu thuốc, các hiệu bánh và các hiệu bán đồ điện. Tôi nhớ lại, qua khóe mắt mình, đã nhìn thấy cái gì màu tím tím và đỏ đỏ phất phơ trong gió nhẹ. Dường như khi qua trước cửa phân giáo hội Hoàng Đức thuộc Thiên Lý giáo, tôi đã nhìn thấy những cái đèn lồng với chụp đèn màu hoa mai nổi bật trên bức tường đen và những bức màn màu tím treo ở cổng ra vào cũng có chụp đèn màu hoa mai tương tự. Tôi chẳng rõ là mình đang chạy đi đâu. Khi xe điện dần dần tới ga Murasakino, tôi nhận thấy rằng nỗi lòng rối beng đang đem tôi trở lại Kim Các Tự.

Bây giờ chúng tôi đang ở giữa mùa du ngoạn: tuy hôm đó là ngày thường, song có rất nhiều người đến thăm cảnh chùa. Ông lão đưa đường già nua nhìn tôi một cách nghi ngờ khi tôi lách mình qua đám đông để chạy về chùa.

Và rồi tôi đứng đó - đứng trước Kim Các Tự, vào buổi chiều mùa Xuân này, giữa đám cát bụi quay cuồng và đám người lúc nhúc vây quanh. Trong lúc tiếng người dẫn đường lớn giọng vang xa, ngôi chùa dường như luôn luôn che giấu một nửa vẻ đẹp của nó và làm ra vẻ ngây ngô, ngốc nghếch. Chỉ có những hình ảnh rọi trên mặt ao là trong sáng mà thôi. Nhưng nếu nhìn ở một hướng nào đó thì những đám bụi trông sẽ giống như những đám mây, óng ánh sắc vàng bao quanh, các vị Bồ-tát trong bức tranh vẽ Chư Thánh họa cảnh đức Phật Di Đà giáng trần có những vị Bồ-tát vây quanh. Kim Các Tự cũng giống như thế trong khi đứng mịt mờ giữa các đám mây bụi trông nó giống như một bức họa cũ kỹ phai màu loang lổ. Kể cũng chẳng có gì kỳ dị khi bao nhiêu tiếng huyền não hỗn tạp xung quanh đều tan chìm trong những hàng cột mảnh mai của ngôi chùa, loãng dần rồi tan biến vào bầu trời trắng trắng tiếp giáp với Cửu

Cánh đỉnh nhỏ bé cùng con chim phượng hoàng trên mái chùa trong khi chúng vươn mình lao vút trên mái chùa trong khi chúng vươn mình lao vút lên không gian. Nguyên một việc đứng sững ở đó, tòa kiến trúc này cũng đã là một sức mạnh tóm thâu và khuôn phép. Tiếng ồn ào chung quanh càng gia tăng thì Kim Các Tự - tòa kiến trúc mảnh mai, bất quân xứng ấy với Thấu Thanh ở một bên và trên đó là Cửu Cánh đỉnh hai tầng bỗng dựng thót lại ở trên đỉnh - lại càng có tác dụng một cái màng lọc biến nước đục thành nước trong. Ngôi chùa không hề gạt bỏ tiếng nói cười vui vẻ của khách vãn cảnh, nhưng thay vào đó nó gạn lọc những âm thanh ấy để cho chúng tan biến vào giữa những hàng cột thẩm thấu âm thanh và để trở nên thành phần của sự êm lặng và trong sáng. Như thế ngôi chùa đã thành tự trên mặt đất đúng cái mà những bóng rọi trên mặt ao phẳng lặng đã thành tự dưới nước vậy.

Tim tôi đã ôn hòa trở lại và cuối cùng sự sợ hãi của tôi cũng tan biến dần đi. Đối với tôi, vẻ đẹp là cái gì có bản chất như thế. Vẻ đẹp như vẻ đẹp này có thể tách rời tôi khỏi cuộc đời và che chở tôi trước cuộc đời.

“Nếu cuộc đời con mà giống cuộc đời Kashiwagi thì xin hãy che chở con. Bởi vì con không thể chịu đựng được nó.” Đó là lời cầu nguyện tôi vẫn hằng thốt ra khi đứng đó đối diện với ngôi chùa. Điều mà Kashiwagi đã gợi cho tôi hay trong câu chuyện của nó và điều mà nó đã trực tiếp diễn ra ngay trước mắt tôi chỉ có thể có nghĩa coi sinh và diệt là một và có cùng một ý vị như nhau. Một cuộc sống như thế thiếu tất cả những gì tự nhiên và cũng thiếu cả vẻ đẹp của một tòa nhà giống như Kim Các Tự; thực vậy, chẳng qua chỉ là một thứ run rẩy co quắp đau đớn. Tôi chẳng chối cãi rằng tôi đã bị một cuộc sống như vậy lôi cuốn ghê gớm và tôi tìm thấy trong cuộc sống ấy hướng đi của chính mình; tuy nhiên, kể cũng ghê tởm khi nghĩ rằng trước hết người ta phải khổ công xoay xỏa đến đổ máu bàn tay vì những mảnh vụn gai góc của cuộc đời. Kashiwagi khinh miệt cả bản năng lẫn lý trí con người. Giống như một quả bóng da có hình thù kỳ quái, chính cuộc sống của nó đã lăn lộn nhiều lần và cố gắng phá vỡ bức tường thực tại. Cuộc sống ấy chẳng hề dính dáng gì đến một hành vi nào hết. Tóm lại, cái cuộc sống mà nó đã gợi ra cho tôi là một trò hề nguy hiểm để con người cố gắng phá tan cái thực tại đã đánh lừa mình bằng một bộ áo giả trang chưa ai hay biết, và với cái này con người tảo thanh thế giới để cho trần thế không phải bao giờ chứa đựng cái gì chưa ai hay biết nữa.

Tôi hiểu tất cả những cái này là nhờ về sau có nhìn thấy một bức tranh ở căn nhà trọ của Kashiwagi. Đó là một tấm tranh thạch bản đẹp để in hình dãy núi Alpes của Nhật Bản do một hiệp hội du lịch ấn hành. Trên những đỉnh núi trắng nhô lên cao lên bầu trời xanh, có một hàn chữ viết ngang “Xin mời quý vị đi tới thế giới chưa ai hay biết!” Kashiwagi đã lấy loại mực đỏ rất đậm bôi xóa hết những hàng chữ này. Và bên cạnh đó, với nét chữ bay bướm đặc biệt của nó, nét chữ làm tôi nhớ đến dáng điệu đôi chân tạt nguyên của nó, nó đã phóng bút: “Ta không thể chịu được một cuộc sống không ai hay biết.”

Ngày hôm sau khi đi đến trường, tôi rất đổi lo lắng về Kashiwagi. Nghĩ cho cùng kể ra bỏ nó mà chạy như thế thực là không nên không phải với bạn bè, tuy vậy tôi không hề cảm thấy có một trách nhiệm đặc biệt nào. Tôi thấy khó chịu là khi nghĩ là sáng hôm đó nó có thể không đến lớp để nghe giảng. Tuy nhiên, ngay khi bài giảng sắp sửa bắt đầu, thì tôi thấy Kashiwagi nghênh ngang lết vào trong phòng học vẫn với dáng điệu không tự nhiên thường lệ.

Vừa đến lúc nghỉ sau giờ giảng tôi liền mau mắn chạy đến nắm lấy tay Kashiwagi. Một cử chỉ khoáng hoạt như vậy, tự nó đối với tôi, thật đã có vẻ lạ lùng. Kashiwagi nhếch mép mỉm cười, rồi theo tôi đi ra hành lang.

“Mày không bị đau lắm đấy chứ?”

“Bị đau?” Kashiwagi vừa nhìn tôi vừa mỉm cười một cách thương hại. “Tao bị đau lúc nào vậy? Hê? Cái gì đã khiến cho mày nghĩ là tao bị đau hả?”

Tôi đứng cầm như hén chẳng nói được câu nào trước những lời nói ấy. Sau khi đã chăm chọc tôi bằng thích. Kashiwagi mới giải rõ: “Trò đó chỉ là đóng kịch mà thôi. Tao đã tập luyện cách ngã xuống con đường ấy không biết bao nhiêu lần rồi. Giờ tao đạt đến cái công phu có thể ngã lăn lóc khiến ai cũng lầm tưởng là tao ngã đến gãy xương. Tao phải thú nhận tao chưa hề tính tới chuyện cô bé ấy làm quá đến cái độ bước qua chúng mình với nét mặt lãnh đạm hoàn toàn như thế. Nhưng mày phải thấy những gì đã xảy ra sau đó mới được. Cô ả đã bắt đầu phải lòng tao rồi. Hoặc hơn thế nữa, nói cho đúng ra, cô ả đã bắt đầu phải lòng đôi chân què quặt của tao. Mày ạ, em bé đã tự tay lấy thuốc đỏ bôi vào đôi chân tao đó!”

Nó kéo ống quần lên cho tôi xem ống chân bôi thuốc loe loét vàng khè. Bây giờ tôi mới hiểu rõ cái trá thuật của nó. Hiển nhiên, khi cố ý ngã lăn xuống mặt đường là nó muốn làm cho cô bé phải thích nó, nhưng há nó đã chẳng che giấu đôi chân què quặt bằng cách giả vờ bị thương đó hay sao? Nhưng sự thắc mắc này chẳng những đã không làm tôi khinh miệt nó mà ngược lại còn khiến tôi càng thêm thân thiết với nó hơn. Ngoài ra, tôi lại có cảm nghĩ rằng - một cảm nghĩ thật trẻ con - triết lý của nó càng có nhiều trò lừa dối bao nhiêu thì lại càng chứng tỏ là nó thành thật với cuộc đời bấy nhiêu.

Tsurukawa không bằng lòng cho tôi chơi với Kashiwagi và nó đã lấy tình thân mà ngay thẳng khuyên can tôi nhiều lần; tuy nhiên những lời khuyên can ấy chỉ làm tôi khó chịu. Để trả lời sự phản đối của nó tôi đã đi xa đến độ nói rằng đối với một người như nó muốn tìm những người bạn tốt thì chẳng khó khăn gì, nhưng tôi cũng cho nó biết là riêng phần tôi, Kashiwagi là một người bạn rất là tương ứng. Sau này tôi hối hận biết bao khi hồi tưởng lại vẻ buồn không nói nên lời trong ánh mắt Tsurukawa vào lúc ấy!

Vào tháng năm, Kashiwagi dự định tổ chức một cuộc du ngoạn đến vùng Arashiyama kế cận Kyoto. Vì ghét những ngày nghỉ quá đông người đi, nó quyết định bỏ học để đi chơi trong một ngày thường. Điều lạ đời là nó bảo rằng nếu trời đẹp thì nó sẽ không đi, và chỉ hôm đó mây trời u ám, vần vũ. Nó sẽ dắt theo cô bé ở căn nhà kiến trúc Tây Ban Nha, đồng thời thu xếp để dẫn theo cho tôi một cô bé ở căn phòng bên cùng nhà trọ với nó.

Chúng tôi sẽ chờ gặp nhau ở ga Kitano trên đường xe điện đi đến Keifuku. May thay hôm đó là một ngày khác thường trong năm - u ám và ứ đọng đúng như ý muốn Kashiwagi.

Đúng vào lúc Tsurukawa đang có chuyện rắc rối trong nhà nên đã nghỉ học một tuần để đi về Tokyo. Thật là tiện lợi cho tôi. Tuy Tsurukawa chắc chắn không phải là loại người về chùa

mách tội tôi song tôi cảm thấy yên lòng là không cần phải lén đi mà không cho nó biết sau khi đi cùng với nó đến trường vào buổi sáng.

Nghĩ đến cái buổi đi chơi núi hôm ấy là tôi lại thấy khó chịu. Cả bốn đứa chúng tôi đi chơi hôm đó đều trẻ tuổi cả, nhưng hình như suốt ngày hôm đó chỉ thấy toàn những điều u ám, bức bối, khó chịu, trống rỗng riêng của tuổi trẻ. Chắc hẳn là Kashiwagi đã tiên liệu điều này nên đã dụng ý chọn một ngày khi trời mây thật u ám. Có một trận gió từ hướng tây nam thổi lại; đúng vào lúc mình tưởng nó sẽ thổi hết sức mạnh mẽ thì bất thành lình trận gió lại tan đi để sau đó chỉ còn những làn gió khó chịu. Bầu trời vẫn vũ, nhưng thỉnh thoảng mặt trời cũng ló ra ánh sáng chói lọi. Có những đám mây sáng rực trắng xóa, y như bộ ngực trắng nõn của một người đàn bà mà mình có thể loáng thoáng nhìn ra qua bao nhiêu lớp vải, nhưng ở phía xa hơn, màu trắng ấy trở nên mơ hồ, và tuy mình vẫn có thể ngó mặt trời ở chỗ nào, song thực ra mặt trời đã chìm tan với màu sắc đều đặn buồn bã của bầu trời.

Kashiwagi không hề nói dối trong những lời ước hẹn. Nó đã xuất hiện đúng giờ ở cửa ga, hai người con gái trẻ tuổi cặp kè hai bên. Một trong hai người quả thực là người mà chúng tôi đã gặp. Một thiếu nữ xinh đẹp, với sóng mũi cao cao, man mát và cái miệng hơi trề; nàng mang một bình nước trên vai áo đầm, theo như tôi thấy, may bằng vải nhập cảng. Bên cạnh nàng là cô gái hơi mập ở nhà trọ, kém cả y phục và dung mạo. Chỉ có cái cằm nhỏ bé và cặp môi trông như thể mím chặt lại và có vẻ hấp dẫn của con gái mà thôi.

Không khí cuộc đi chơi núi đáng lẽ phải vui vẻ lại đã hỏng bét ngay khi còn ở trong xe. Tôi chẳng nghe rõ Kashiwagi và thiếu nữ trẻ đẹp nói gì với nhau, song suốt thời gian ấy tôi chỉ thấy họ cãi lộn. Thỉnh thoảng nàng lại bấm chặt môi lại như thể ngăn chặn cho khỏi rơi nước mắt. Thiếu nữ từ nhà trọ có vẻ chẳng thêm quan tâm đến bất cứ chuyện gì, cô nàng ngồi đó khe khẽ cất giọng ngân nga bài dân ca. Rồi đột nhiên, quay lại phía tôi, cô nàng kể câu chuyện: ‘Gần chỗ ở của bọn này có một bà đẹp lắm dậy cách cắm hoa. Hôm nọ bà kể cho tôi nghe một thiên tình sử thật là buồn. Trong thời chiến bà có quen rồi yêu một sĩ quan lục quân, thế rồi chàng phải lên đường ra chiến địa. Hai người chỉ có đủ thì giờ tiễn đưa ngấn ngủi ở chùa Nam Thiên. Cha mẹ đôi bên tuy không chịu nhưng vẫn không ngăn cản nổi họ vì trước khi chia cách ít lâu người thiếu nữ đã có mang. Tội nghiệp cho đứa bé, nó qua đời ngay khi lọt lòng. Khi hay tin người sĩ quan than thở không cùng, và rồi đến lúc chia tay với người yêu, chàng bảo rằng nếu không có được đứa con thì ít nhất chàng cũng muốn chất sữa vắt ra từ vú người mẹ. Hai người không có thì giờ để đi ngay chỗ nào khác, bởi thế lúc đó và ngay đấy nàng đã vắt sữa từ vú mình vào cốc trà và đưa chàng uống. Chừng một tháng sau, người yêu của nàng chết trận. Từ đó trở đi, nàng chỉ sống một mình và không nghĩ đến chuyện yêu thương gì với ai khác. Bà ta thực là một người xinh đẹp và hãy còn trẻ lắm.

Tôi nghi ngờ ngay cả tai mình. Cái tình cảnh khó tin ấy mà tôi đã cùng Tsurukawa chứng kiến vào lúc chiến tranh sắp kết thúc từ trên nóc sơn môn của Nam Thiên tự vụt tái hiện trong trí. Tôi đã định tâm không kể lại những hồi tưởng của mình cho cô gái nghe. Bởi lẽ tôi cảm thấy nếu lúc này tôi kể những hồi tưởng ấy cho cô bé nghe sau khi nghe cô bé kể chuyện, tôi sẽ cảm động mà để lộ mỗi cảm động thần bí đã làm hai đứa chúng tôi say sưa, ngây ngất vào hôm đó tại chùa Nam Thiên. Giữ kín câu chuyện của mình, tôi thấy dường như chẳng ai đã không đưa ra

lời giải cho cái câu đố thần bí ấy mà thực ra lại còn đào sâu, tô đậm câu truyện ấy thần bí thêm bội phần.

Lúc đó tàu điện đang chạy gần khu rừng lớn đầy tre kế cận thác nước Narutaki. Vì vào cuối tháng năm, nên lá tre đang ngả sắc vàng. Gió sột soạt lùa qua cành cây, thổi những lá vàng khô rơi xuống trải đầy trên mặt đất; tuy nhiên phần gốc các cây tre, dường như không dây dưa gì với việc này, lặng lẽ quần chằng chịt những giống đốt to lớn với nhau. Chỉ đến lúc xe điện chạy vút sát bên cạnh những cây tre mới nghiêng ngả, lắc lư dữ dội. Giữa bụi tre có một cây tre non bóng lộn hiện ra lồ lộ. Nhìn nó uốn mình tôi thấy một ấn tượng đẹp đẽ lạ lùng trong sự vận động; tôi nhìn nó vận vẹo uốn mình; rồi nó rời xa và biến dạng.

Khi tới Arashiyama chúng tôi đi bộ về phía cầu Togetsu rồi đến mộ nàng Kogo, mà không một đứa nào trong bọn để ý nhìn thấy từ trước. Ngày xưa ngày xưa cung nữ Kogo phải đến ẩn thân ở Sagano để tránh cơn giận dữ của Tairo Kiyomori. Vâng theo sắc mệnh, Minamoto Nakakuni đi dò xét tìm kiếm và một đêm trăng sáng giữa mùa thu nghe tiếng đàn vắng vắng dặt dìu, đã tìm ra nơi nàng cư ẩn. Đó là khúc đàn “Trường Phu Luyến”. Dao khúc *Kogo* có ghi: “Khi dẫn mình vào trong bóng đêm thiết tha mong mỗi ánh trăng, chàng tới Horin và chính tại đây chàng nghe thấy tiếng đàn vắng tới. Chàng chẳng rõ đó là tiếng phong ba đang thét gầm trên đỉnh núi hay làn gió đang nỉ non qua hàng thông. Tìm hỏi tiếng đàn nó là khúc nhạc gì, chàng được cho hay đó là điệu “Trường Phu Luyến”. Thấy vậy chàng mừng rỡ khôn tả, bởi vì điệu nhạc cho thấy người đạo đàn đang tha thiết thương yêu tưởng nhớ chồng mình.” Cung nữ Kogo đã sống trọn nửa sau đời mình ở Sagano để cầu nguyện cho vong hồn Hoàng đế Takakura.

Năm mộ nằm ở cuối lối mòn nhỏ hẹp chỉ là một ngọn thạch tháp nhỏ bé dựng lên ở giữa cây phong to lớn và cây mai mục nát, héo khô. Kashiwagi và tôi đọc một bài kinh ngắn để làm lễ cho vong hồn nàng. Trong cách đọc kinh của Kashiwagi có một giọng cực kỳ báng bố. Và rồi tôi cũng lây luôn cái giọng đọc đó, tôi cũng đọc một cách nhớn nhoe theo lối ngân nga bằng mũi của bọn học sinh khi tụng kinh vậy. Chút giọng báng bố này đã làm cho tôi cảm thấy thực là cởi mở và hăng hái.

“Một năm mồ ưu nhã như thế này mà trông có vẻ tàn tạ quá đối phải không?” Kashiwagi nói. “Bọn có quyền lực chính trị và kim tiền khi chết đều nằm ở những năm mồ đẹp đẽ hơn cả. Mà thấy đó, thực là một năm mồ đường đường tráng lệ phải không. Nhưng bọn nó trong lúc sinh tiền chẳng bao giờ có một chút tướng tượng nào, và tất nhiên, bọn nó thường thường chỉ sống bằng sức tướng tượng, vì thế chúng để lại những năm mồ này thể nào cũng khuấy động sức tướng tượng của người đời. Sau khi chết rồi, mà ạ, bọn nó vẫn còn tiếp tục van xin người đời dùng đến sức tướng tượng của họ nữa.”

“Mày muốn nói sự ưu nhã chỉ có trong sức mạnh của trí tướng tượng?” Tôi vui vẻ góp truyện. “Mày vẫn thường hay nói đến thực tướng. Thế theo mày nghĩ thì thực tướng của sự ưu nhã là cái quái gì?”

“Là cái này!” Kashiwagi vừa nói vừa lấy tay vỗ vào đỉnh ngọn thạch tháp phủ đầy rêu. “Đó

là đá hoặc xương - bộ phận vô cơ mà con người bỏ lại sau khi đã nhắm mắt là trần. ”

“Mày có giọng con nhà Phật ghê gớm nhỉ?”

“Ăn thua gì đến Phật giáo hay cái quái gì tương tự?” Kashiwagi nói. “Ưu nhã, văn hóa, những gì người đời coi là cái đẹp - thực tướng của tất cả những thứ ấy chỉ là căn cỗi và vô cơ. Mày há chẳng thấy Long An tự đấy ư, chẳng qua chỉ là một đồng đá mà thôi. Điều quan tâm duy nhất của con người thực sự có tính cách hữu cơ ấy là chính trị. Thật là xấu hổ có phải không? Người ta chỉ còn có thể nói nhân gian chẳng qua chỉ là sinh vật tự mình bôi nhọ chính mình mà thôi. ”

“Thế còn tình dục? Đặt nó vào chỗ nào vậy mày?”

“Tình dục ấy à? Ừ, nó nằm ở trung gian. Đó là một cái vòng luẩn quẩn. Nhân gian và thạch chất chỉ nằm trong một vòng luẩn quẩn, giống như trò chơi bịt mắt bắt dê vậy. ”

Bỗng dưng tôi muốn thêm thắt vào đôi điều để gạt bỏ cái vẻ đẹp trong tư tưởng của nó, nhưng hai cô gái đã chán ngấy cuộc nghị luận của chúng tôi và đang quay trở lại đi dọc lối mòn nhỏ hẹp. Chúng tôi cũng quay lại và đuổi theo họ. Từ lối đi này mình có thể trông thấy giòng sông Hozu. Chúng tôi đã đến đúng ngay chỗ cái đập phía bắc cầu Togestu. Dãy đồi Ranzan bên kia bờ sông mọc đầy cây cối xanh um, nhưng đúng tại quãng này một giải bọt nước trắng xóa trải dài qua dòng sông và tiếng reo vang dội khắp nơi chốn.

Chúng tôi cất bước dọc theo dòng sông cho lúc đi tới công viên Kameyama ở cuối đường. Trên sông có khá nhiều thuyền; nhưng khi đến cổng công viên, chúng tôi thấy chỉ toàn là giấy bắn vất tứ tung: hiển nhiên là trong công viên hôm đó có rất ít khách đi dạo.

Đến cổng chúng tôi quay lại, rồi một lần nữa nhìn dòng sông Hozu và màu lá xanh xanh của ngọn Arashiyama. Người ta có thể nhìn thấy ở bờ sông đối diện một thác nước nhỏ.

“Cảnh sắc đẹp đẽ là địa ngục có phải không mày?” Kashiwagi lại nói.

Tôi cảm thấy khi nói năng như thế, Kashiwagi đã nói năng bừa phứa không dẫn đo gì hết. Tuy nhiên, tôi thử đưa mắt nhìn cảnh sắc ấy với con mắt của Kashiwagi và nhận thấy rằng quả đúng như lời nó nói, cảnh sắc ấy chính là địa ngục. Sự cố gắng của tôi không phải là vô ích. Bởi vì lúc này tôi có thể nhìn thấy rằng địa ngục đang thực sự run rẩy trong cái cảnh im lìm, hỗn độn nằm trước mắt tôi. Cuộn tròn gói kín trong cái lớp lá xanh non tươi thắm. Hình như địa ngục có thể xuất hiện cả ngày lẫn đêm, vào bất kỳ lúc nào, tại bất kỳ chỗ nào chỉ để đáp ứng những suy tư hay dục vọng của con người. Hình như chúng ta có thể mời gọi nó bất kỳ lúc nào chúng ta muốn và địa ngục sẽ xuất hiện ngay tức khắc.

Theo như người ta nói những cây anh đào ở Arashiyama được mang từ rừng cây nổi tiếng ở núi Yashimo về trồng lại vào thế kỷ mười ba, đã hoàn toàn trụi hết hoa và đang bắt đầu trở lá xanh. Khi mùa hoa anh đào chấm dứt, những cây này chỉ có thể được gọi bằng cái tên mà người ta thường dùng để gọi những mỹ nhân đã chết.

Phần lớn cây cối trong công viên Kameyama đều là những cây tùng, và ở đây, vào cuối mùa, màu lá vẫn không thay đổi. Đó là một công viên rộng lớn và có những đồi cây trũng điệp. Những cây tùng đều cao vút và trơ trụi chỉ tít trên cao mới có lá mà thôi. Xa gần có một cái gì lộn xộn, bừa bãi trong công viên này với biết bao thân cây trần trụi chằng chịt cuốn lấy nhau không theo khuôn phép gì cả. Một lối đi rộng chạy quanh công viên; lối đi này có nhiều quãng dốc gồ ghề; vì vậy khi mình tưởng nó sắp sửa đi lên thì nó lại đi xuống. Đó đây tôi thấy có những gốc cây bị đổ, những lùm cây và những cây tùng nhỏ bé. Gần chỗ những tảng đá lớn trắng toát nửa mình vùi dưới đất nửa mình nhô lên trên, cây đỗ quyên trở hoa nửa tím nửa hồng xum xuê. Dưới bầu trời vãn vũ sắc hoa trông trông như chứa đựng đầy ác ý. Chúng tôi trèo lên một ngọn đồi nhỏ rồi ngồi xuống nghỉ chân dưới một lùm cây có hình một chiếc ô. Phía dưới chúng tôi, trên một đoạn dốc thoải có một chiếc ghế xích đu, trên đó một cặp tình nhân đang ngồi. Từ chỗ đang ngồi, chúng tôi có thể nhìn thấy toàn thể công viên trải dài đến tận hướng đông, và ở hướng tây, qua hàng cây, chúng tôi có thể nhìn xuống mặt nước sông Hozu. Tiếng chiếc ghế đu cọt ca cọt kết vang tới chỗ chúng tôi ngồi dưới tàn cây nghe như tiếng răng nghiêng trèo trẹo.

Cô bạn trẻ đẹp của Kashiwagi mở gói đồ ăn mà nàng đã mang theo từ trước. Chẳng phải là nói đùa, thằng này thật chí lý khi bảo rằng chúng tôi chẳng cần đi đâu để ăn cơm trưa cả. Trước mặt chúng tôi bày la liệt đủ thứ, nào là sandwich, nào là bánh bích qui nhập cảng, lúc đó hãy còn khó khăn lắm mới mua được, và cả một chai ulyt ky Suntory nữa, vào lúc ấy chỉ có thể mua ở chợ đen, bởi vì chính phủ đã thông cáo tất cả đồ tiếp tế đều dành cho Quân đội Chiếm đóng. Trong vùng Osaka - Kyoto - Kobe thành phố Kyoto vẫn được người ta cho là trung tâm mua bán đồ chợ đen.

Tôi phải khó khăn lắm mới nuốt được rượu mạnh; tuy nhiên, khi cô gái mời Kashiwagi và tôi mỗi đứa một ly nhỏ, tôi đưa cả hai tay cung kính đón nhận liền. Hai thiếu nữ uống hồng trà rót từ bình nước ra. Tôi vẫn còn nửa tin nửa ngờ, bản khoản không biết tại sao mà Kashiwagi và cô bạn nó đã đi tới chỗ thân thiết với nhau đến như thế được. Tôi không thể hiểu tại sao thiếu nữ này, trông thật kiêu kỳ, lại đã có thể trở nên thân thiết với một thằng thư sinh què quặt, nghèo kiết như Kashiwagi. Sau khi đã uống ba cốc ulyt ky, nó mới bắt đầu nói như thể để giải đáp những nghi vấn hãy còn vương mắc trong đầu tôi.

“Mày còn nhớ sáng nay ở trên xe điện hai đứa tụi tao cãi nhau ầm ĩ không?” Nó nói. “Ấy chỉ bởi vì gia đình cô bé này cứ nằng nặc bắt cô ta phải kết hôn với một thằng mà cô bé chẳng hề thương yêu. Đối với vấn đề ấy cô bé có vẻ như sắp sửa mềm lòng và sẵn sàng chịu lời ép buộc của cha mẹ vào bất cứ lúc nào. Vì thế tao đã phải an ủi cô bé, đe dọa cô bé và bảo cô bé rằng tao sẽ ngăn cản đến cùng cái đám cưới này.”

Lẽ ra nó chẳng nên nói năng như thế trước mặt thiếu nữ này, ấy thế nhưng Kashiwagi cứ tỉnh bơ làm như thể nàng không có mặt ở đó. Thiếu nữ chẳng hề lộ một chút xúc động nào, nét mặt nàng chẳng hề thay đổi mảy may. Quanh cái cổ thon thon, mềm mại nàng đeo một chuỗi hạt ngọc thạch màu xanh. Nét mặt nàng hầu như in hằn nổi bật quá rõ trên nền trời vãn vũ, nhưng đã được mớ tóc rậm và đen làm dịu bớt đi. Đôi mắt nàng sâu thẳm; chỉ có đôi mắt này

thôi cũng đã cho mình một ấn tượng trần trụi, tươi sáng. Như thường lệ, cái miệng có vẻ trẻ của nàng hé mở. Trong khoảng cách he hé giữa hai làn môi, hàm răng nhỏ, sắc và đều của nàng trông tươi mát, ráo khô và trắng bong, giống như răng của một động vật nhỏ bé.

“Ồi, đau, đau quá!” bỗng đứng Kashiwagi khom mình ôm chặt lấy chân mà kêu rầm lên. Tôi hoảng hốt chạy xô lại và tìm cách giúp đỡ nó, nhưng nó đẩy tay tôi ra, đồng thời nhe răng cười một cách lạnh lùng, châm chọc. Tôi vội rút tay lại.

“Ồi ối đau!” nó rên rỉ bằng một giọng vô cùng thảm thiết. Lúc đó tôi tình cờ đưa mắt nhìn thiếu nữ trẻ đẹp bên cạnh. Nét mặt nàng thay đổi rõ rệt. Mắt mất hẳn ánh bình thản và miệng đang run lên bần bật. Chỉ có cái mũi man mát, cao cao là hình như bất động trước những gì đang xảy ra và tạo nên một nét tương phản lạ kỳ. Vẻ điều hòa và cân xứng trên khuôn mặt ấy đã hoàn toàn tan nát.

“Ôi, chịu khó một chút!” nàng nói. “Chịu khó một chút nào! em sẽ làm cho anh bớt đau ngay lập tức mà.” Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy nàng nói bằng cái giọng thất thanh này, làm như thể chỉ có nàng ở đó với thằng bạn trai mà thôi. Ngửa cái cổ thon dài, duyên dáng lên nàng nhìn thần thờ đó đây một lúc, rồi quỳ ngay xuống hòn đá dưới tàn cây và ôm lấy chân Kashiwagi. Nàng áp má vào chân nó, rồi cứ thế mà hôn.

Một lần nữa tôi lại bàng hoàng sợ hãi như trước. Tôi quay sang thiếu nữ ở nhà trọ. Nàng đang nhìn đi nơi khác và đang ngân nga giọng mũi mà hát một mình.

Vào lúc ấy dường như mặt trời đã xuyên thủng qua đám mây, nhưng tôi nhận thấy đó chỉ là một ảo giác. Tuy vậy, cách bố cục toàn cảnh công viên đã mất vẻ điều hòa của nó. Tôi cảm thấy nhiều nếp rạn nứt nhỏ đã bắt đầu hiện rõ khắp trên bề mặt bức tranh trong sáng bao gồm cả chúng tôi - cái bức tranh trong sáng ấy bao gồm rừng thông, ánh sáng phản chiếu trên mặt sông, dãy đồi phía xa xa, những tảng đá trắng toát và những cây đỗ quỳên mọc rải rác đó đây.

Hiển nhiên phép lạ hằng mong đợi đã xảy ra và những tiếng rên la của Kashiwagi cũng nguôi dần. Nó ngừng đầu lên đồng thời lại quay về phía tôi nhoẻn nụ cười lạnh lùng nhản nhở.

“Khỏi hẳn rồi,” nó nói. “Em đã chữa cho anh hết đau rồi. Thật lạ kỳ có phải không? Khi nó bắt đầu làm anh đau và em làm như thế cho anh thì anh hết đau liền tức khắc.”

Nó lùa hai tay vào mái tóc thiếu nữ và nâng mặt nàng lên. Thiếu nữ nhìn nó với dáng vẻ của một con chó trung thành, rồi mỉm cười. Vào lúc ấy ánh sáng xuyên qua những đám mây lúc tảng lúc giảm là cho nét mặt thiếu nữ xinh đẹp này trông giống hệt nét mặt bà lão sáu mươi tuổi ấy mà Kashiwagi đã có lần kể chuyện cho tôi nghe.

Sau khi đã làm xong phép lạ, Kashiwagi vui mừng hơn hở. Quả vậy nó hơn hở vui mừng đến độ như điên cuồng. Nó cười hô hố, bế xốc thiếu nữ đặt lên đầu gối rồi hôn lấy hôn để. Tiếng nó cười ngân vang đến tận những cành thông ở tận chân đồi.

“Tại sao nhà người không tỏ tình với cô bé ấy hử?” nó nói với tôi trông lúc tôi ngồi im lặng

ở đó. Ta tổn hao công phu đem cô bé đến đây là để riêng cho nhà người, người có biết không. Hay là người e ngại, thẹn thùng khi nghĩ cô bé sẽ cười khi nhà người nói không ra lời? Mạnh dạn lên nào - nói lắp, nói lắp! Ví như nhà người biết, rồi ra cô nàng sẽ chợt thấy mình đem lòng yêu một thằng nói lắp cho mà coi!”

Lời nói của nàng châm chọc tôi dữ dội và khiến tôi cảm thấy không thể ngồi yên một chỗ nữa. Nhưng, lạ lùng thay, sự ghét bỏ của tôi đối với cô gái đột nhiên biến thành một thèm muốn làm cho tôi choáng váng cả người.

“Tại sao tụi mình không thể tách thành hai nhóm nhỉ?” Kashiwagi vừa nói vừa nhìn cặp tình nhân trẻ hầy còn ngồi trên ghế đu. “Mỗi đứa dẫn em bé của mình tới một nơi vắng vẻ rồi hai giờ sau lại gặp nhau ở đây. ”

Tôi và cô gái từ nhà trọ rời Kashiwagi và người tình của nó; chúng tôi xuống đồi rồi đi lên một con dốc thoải thoải về hướng đông.

“Thằng cha sẽ bày trò làm cho con bé ấy tưởng mình là một thánh nữ. Ấy, thằng cha ấy vẫn có cái trò như thế. ”

“Tại sao em biết?” tôi nói ấp a ấp úng thực tàn tệ hỏi lại.

“Ừ, chính em trước kia cũng có dính líu với Kashiwagi, anh ạ. ”

“Bây giờ giữa hai người thì hết rồi phải không? tôi nói. “Vậy mà em vẫn coi nhẹ việc đó quá chừng.”

“Vâng, em coi truyện đó không có gì, đúng thế. Với một người tật nguyền như vậy biết làm thế nào được.”

Lần này những lời nàng nói thay vì làm tôi cáu giận thì khiến tôi bạo dạn thêm và tôi buộc miệng khẽ hỏi: “Em yêu đôi chân tàn tật của nó phải không?”

“Xin can!” nàng nói. “Em không muốn nói đến cặp chân ếch của hắn. Nhưng em nghĩ rằng hắn có đôi mắt đẹp thật dễ yêu. ”

Đến đây một lần nữa tôi lại mất lòng tự tin. Dù cho Kashiwagi có nghĩ gì đi nữa thì cô gái này cũng đã yêu một cái đẹp nào đó của nó mà chính nó không hay; và bây giờ như chỗ tôi nhận ra, điều tôi cứ ngạo mạn tin tưởng rằng bản thân tôi chẳng có cái gì là tôi không biết thực ra là do kết quả việc tôi đã đặt riêng mình ra như một con người chẳng hề có lấy riêng mình ra chút gì là đẹp đẽ.

Khi tới đầu dốc, chúng tôi rẽ vào một thửa ruộng nhỏ, yên tĩnh. Phía xa xa, qua hàng cây thông và cây sam, người ta có thể loáng thoáng nhìn thấy ngọn núi Daimonji, Nyoigatake và những ngọn núi khác. Một rừng tre xanh chạy từ quả đồi, chỗ chúng tôi đứng, xuống tới con dốc dẫn về phía thành phố. Ở ven rừng tre ấy chỉ còn có một cây anh đào nở muộn duy nhất hoa chưa hề rụng đang đứng nghênh ngang. Hẳn rằng đó là những bông hoa nở muộn và tôi tự

hỏi có phải vì khi mới đâm nụ chúng cứ nói lấp mãi nên mới muộn mằn như thế.

Tôi cảm thấy tức ngực và bụng nặng chình chịch. Tuy nhiên, đó không phải vì rượu. Bây giờ thì gần tới giây phút gay cấn, sự thèm khát của tôi mỗi lúc một nặng thêm để trở thành một cấu tạo trừu tượng tách riêng khỏi chính thân xác tôi rồi đi xuống hai vai tôi khiến chân tôi cảm thấy như một cái máy bằng sắt nặng chịch, đen sì.

Như tôi đã nói nhiều lần tôi hết sức biết ơn Kashiwagi khi nó hoặc vì thân tình hoặc vì ác ý, thúc đẩy tôi tiến tới cuộc đời. Từ lâu tôi đã tự mình thấy rõ rằng ngay khi còn học trung học tôi đã chủ tâm vạch nát cái bao kiếm của người đàn anh, thực không có tư cách để đáng được bước vào cuộc đời qua mặt tiền sáng lạn. Chính Kashiwagi là thằng bạn đầu tiên đã dạy cho tôi biết con đường hẻm tối om để tôi men theo mà có thể bước vào cuộc đời bằng cổng hậu. Thoạt nhìn cái này có vẻ như một đường lối tắt yếu dẫn tới sự phá diệt; tuy vậy, nó lại chứa đầy những thuật số chẳng ngờ; nó biến hèn yếu thành bạo dạn và có thể gọi nó là thứ thuật luyện kim, biến cái chúng ta vẫn gọi là ác đức trở lại thành cái năng lượng thuần túy ban đầu. Và cái này thực ra là một loại cuộc đời. Đó là một cuộc đời tiền tiến, một cuộc đời hoạch đắc, một cuộc đời suy di, một cuộc đời có thể táng thất. Khó lòng gọi nó là cuộc đời điển hình, tuy vậy nó may mắn có đầy đủ mọi cơ năng của một cuộc sống. Cho là tại một nơi nào đó chẳng ai trông thấy, chúng ta phải đối đầu với tiền đề rằng mọi hình thức của cuộc đời đều vô mục đích, do đó cuộc đời mà Kashiwagi đã chỉ cho tôi biết hẳn dần dần phải có một giá trị tương đương với những loại cuộc đời theo thông lệ.

Tôi nghĩ chẳng thể nào nói rằng Kashiwagi không bị say sưa. Từ lâu tôi đã nhận thức được rằng trong bất kỳ hình thức hiểu biết nào, dù cho có u tối đến đâu đi nữa, vẫn thấy thập thò sự say sưa của chính sự nhận thức. Như vậy thì chung cục rượu là cái được dùng để làm cho người ta say sưa vậy.

Tôi và cô gái trong nhà trọ ngồi xuống bên cạnh đám hoa đỗ nhuộc tàn úa và đây sâu. Tôi không hiểu tại sao cô ả lại muốn làm thân với tôi theo lối này. Tôi không hiểu - tôi cố ý dùng lời nói tàn ác này - có cái xung động nào đó đã thúc đẩy nàng *muốn bị dây bẩn như thế này*. Trong thế giới chúng ta này nên có sự vô-để-kháng tràn đầy hổ thẹn và dịu dàng, nhưng thiếu nữ này chỉ để cho đôi tay tôi chạm vào bàn tay nho nhỏ, mũm mĩm của nàng, giống như đàn ruồi bậu trên một người đang ngủ trưa mà thôi. Tuy nhiên, cái hôn kéo dài và làn da mềm mại, mát mịn trên cằm nàng đã đánh thức dục vọng của tôi trở dậy. Đó là điều tôi vẫn hằng mơ tưởng bấy lâu nay, tuy vậy thực ra chính cái cảm giác này thì lại hơi hột và mong manh. Dục vọng của tôi không có vẻ tiến lên thẳng, nhưng lại chạy vòng quanh. Bầu trời đầy mây trắng, tiếng bụi tre sột soạt, cố gắng khó nhọc của con cánh cam trong lúc bò lên cây đỗ nhuộc - tất cả những thứ này vẫn ở trạng thái vô trật tự y hệt như lúc trước.

Tôi cố gắng trốn chạy bằng cách nghĩ rằng thiếu nữ trước mặt tôi chính là đối tượng cho dục vọng của tôi. Tôi phải nghĩ đến cái này như là lần ranh duy nhất trên con đường tiến tới và nắm giữ của tôi. Bởi vì, nếu tôi bỏ lỡ dịp may này thì nhân sinh sẽ vĩnh viễn chẳng bao giờ đến thăm tôi nữa. Tôi nhớ lại biết bao nhiêu lần chỉ vì tật nói lấp mà lời nói của tôi đã bị chặn lại và không làm sao thoát ra khỏi miệng. Vào lúc này, hẳn tôi phải quyết tâm mở miệng. Vào lúc và

nói điều gì, dù cho có phải lấp bắp cũng mặc. Như thế tôi mới có thể biến cuộc đời thành của riêng tôi. Lời thúc đẩy tàn ác của Kashiwagi, cái lời hối thúc đầy tàn ác của Kashiwagi, cái lời hối thúc thô lậu của nó: “Nói lấp, cứ nói lấp bừa phứa đi!” vang vang bên tai cổ vũ cho tôi. Sau cùng tôi lùa tay dần dà vén váy nàng lên.

Vào lúc đó Kim Các Tự hiển hiện trước mắt tôi.

Một tòa nhà kiến trúc âm u, tiêm tể, nhưng đầy vẻ uy nghi. Tòa kiến trúc có tấm lá vàng nhiều chỗ rách nát và trông tựa như nắm xương tàn của vẻ lộng lẫy xưa kia. Đúng. Kim Các Tự hiện ra trước mắt tôi - cái tòa nhà kiến trúc kỳ lạ ấy khi mình tưởng là gần kề thì lại hóa ra xa cách, cái tòa nhà luôn luôn bằng phẳng rõ rệt ở một cự li lạ lùng nào, thân thiết mà cách xa với người ngắm nhìn. Chính tòa kiến trúc đó lúc này đã tới đứng giữa tôi và cuộc đời tôi đang định tiến tới. Thoạt đầu nó nhỏ bé như một bức tranh thu gọn, nhưng một lúc sau trở nên to lớn dần đến độ hoàn toàn chôn vùi cái thế giới bao quanh tôi, lấp đầy mọi hoả, mọi khe của thế giới này, y như trong cái mô hình khéo léo mà đã có lần tôi thấy Kim Các Tự, cái mô hình đồ sộ đến nỗi nó bao trùm hết mọi thứ khác. Nó lấp đầy thế giới như một thứ âm nhạc mệnh mang nào đó, và chính âm nhạc này đã đủ để chiếm hết tất cả những ý vị của thế giới. Kim Các Tự có những lúc thường như quá ư xa lạ với tôi và vươn lên không gian vượt khỏi tầm tay tôi, đến lúc này lại hoàn toàn bao trùm lấy tôi và cho tôi một vị trí trong nội bộ cấu tạo của nó.

Cô gái trong nhà trọ vụt bay xa giống như một hạt bụi nhỏ xíu. Nàng đã bị Kim Các Tự gạt bỏ ra sao thì những cố gắng tìm kiếm cuộc đời của tôi cũng bị gạt bỏ như vậy. Làm sao tôi có thể vươn tay ra, tìm kiếm cuộc đời khi bị bao trùm trong cái đẹp như thế này? Có lẽ cái đẹp có lập trường đòi hỏi tôi phải từ bỏ những quyền lợi trước kia của mình. Vì rõ ràng là chẳng làm sao có thể đưa tay này sờ tới vĩnh viễn và tay kia sờ tới cuộc đời. Nếu như ý vị của những hành vi mà ta hướng về cuộc đời là ta có thể thề nguyện trung thực đối với một khoảnh khắc nào đó và làm cho khoảnh khắc ấy ngưng đọng hẳn lại, thì có nhẽ Kim Các Tự đã hiểu rõ được điều này và đã có lúc chối bỏ thái độ xa lạ thường lệ của nó đối với tôi. Hình như ngôi chùa đã hóa thân trong một khoảnh khắc như chính ngôi chùa đã làm lúc này. Chính vào những lúc như thế này mà sự hiện hữu vĩnh viễn của cái đẹp mới thực sự làm tắc nghẽn cuộc đời và đầu độc cuộc đời chúng ta. Cái đẹp khoảnh khắc mà cuộc ngắn ngủi và đã đến công viên này thăm tôi nên tôi mới hiểu rõ nỗi khát vọng của tôi đối với cuộc đời mới thực trống rỗng biết bao. Trong cuộc sống, cái khoảnh khắc hóa thân thân vĩnh cửu thường làm chúng ta say sưa ngây ngất; nhưng Kim Các Tự thừa hiểu rằng một khoảnh khắc như thế chẳng có ý nghĩa gì nếu đem so với những gì đã xảy ra khi vĩnh viễn hóa thân thành một khoảnh khắc như chính ngôi chùa đã làm lúc này. Chính vào những lúc như thế này mà sự hiện hữu vĩnh viễn của cái đẹp mới thực sự làm tắc nghẽn cuộc đời và đầu độc cuộc đời chúng ta. Cái đẹp trong khoảnh khắc cho ta nhìn thấy thường vô hiệu đối với chất độc như thế. Chất độc sẽ nghiền nát và tiêu hủy nó ngay tức khắc và cuối cùng phơi bày chính cuộc đời ra dưới ánh sáng nhợt nhạt của diệt vong.

Thực ra, tôi chỉ bị cái ảo tưởng này của Kim Các Tự bao trùm kín mít trong một chốc lát mà thôi. Khi tôi quay lại với mình, ngôi chùa đã nắp kín rồi. Đó chỉ là một tòa kiến trúc hầy còn xa tít tận phía đông bắc ở Kinugasa mà từ đây tôi không thể nhìn được. Giây phút ảo ảnh trong đó tôi tưởng tượng thấy chính mình đang được Kim Các Tự chấp nhận và ôm ấp đã trôi qua. Tôi

đang nằm trên đỉnh một ngọn đồi trong công viên Kameyama. Gần chỗ tôi chẳng có một chút gì chỉ trừ một thiếu nữ đang nằm tênh hênh, buông thả giữa đám cỏ, vàng hoa và những tiếng đập cánh buồn tẻ của côn trùng. Trước vẻ rụt rè bất chợt của tôi, thiếu nữ đứng dậy và nhìn tôi chằm chằm. Tôi nom thấy cặp mông nàng chuyển động trong lúc nàng quay lưng về phía tôi rồi lấy từ trong sắc ra cái gương soi bỏ túi. Nàng không nói năng gì, nhưng sự khinh miệt của nàng xuyên thủng da thịt tôi giống như cỏ may cắm vào quần áo mình về mùa thu vậy.

Bầu trời thấp hẳn xuống. Mưa bắt đầu rơi lấm tấm trên đám cỏ xung quanh và trên những cành lá cây đổ nhọc. Chúng tôi vội vã đứng dậy đi dọc theo lối mòn trở về chỗ tàn cây phía đông con đường.

Chuyến chơi núi chấm dứt một cách tệ hại nên ngày hôm đó để lại một ấn tượng hết sức ảm đạm trong lòng tôi. Tối đó, trước giờ khai chầu, Lão sư phụ nhận được một bức điện tín từ Tokyo gửi đến. Nội dung bức điện tín được thông báo ngay lập tức cho tất cả mọi người trong chùa đều biết.

Tsurukawa đã chết. Bức điện tín chỉ nói vắn tắt rằng nó đã chết vì một tai nạn, nhưng về sau nhận được một lá thư chúng tôi mới biết rõ ràng vì đâu nó đã lìa đời. Vào tối hôm trước Tsurukawa đi thăm một ông bác ở Asakusa và đã uống rất nhiều rượu. Nó vốn không quen uống rượu và chắc rằng rượu đã làm nó chúi choáng. Trên đường về nó đã bị một xe cam-nhông bất chợt từ một ngõ hẻm gần nhà ga đâm ngang và xô ngã. Nó bị vỡ xương sọ và chết ngay lúc đó. Gia đình nó cuồn cuồn cả lên và chẳng biết làm gì cho mãi đến chiều hôm sau mới nhớ ra rằng phải đánh điện tín báo cho Lộc Uyển tự biết tin.

Khi ba tôi mất, tôi đã không khóc; nhưng bây giờ tôi đã rơi nước mắt. Bởi vì cuộc sống của Tsurukawa hình như có liên hệ mật thiết với những vấn đề khẩn cấp đang bao quanh tôi hơn là cuộc sống của Ba. Kể từ lúc quen biết Kashiwagi tới giờ, tôi đã có vẻ hơi lạnh nhạt với Tsurukawa; nhưng bây giờ, sau khi đã mất nó rồi, tôi mới nhận ra rằng cái chết của nó đã cắt đứt sợi dây duy nhất và độc nhất hãy còn nối tôi liền với cái thế giới rạng rỡ của ban ngày. Chính vì cái ban ngày bí mật ấy, cái ánh sáng bí mật ấy, cái mùa hè bí mật ấy mà tôi đang nhỏ lệ khóc đây.

Mặc dù muốn chấp cánh bay đi ngay Tokyo để chia buồn với gia đình Tsurukawa, song tôi lại không có tiền. Mỗi tháng tôi chỉ được Lão sư phụ cho năm trăm yen để làm tiền tiêu vặt. Dĩ nhiên, mẹ tôi rất nghèo. Cố gắng hết sức mỗi năm bà có thể đôi lần gửi cho tôi hai hoặc ba trăm yen. Sở dĩ bà bị bó buộc phải đến sống ở nhà một ông bác tại Kasagun sau khi thu xếp gia sản là vì bà làm sao có thể xoay xỏa để sống trong một năm với số tiền năm trăm yen do các đàn gia đóng góp để mua gạo (gọi là phù trì mễ) và một món tiền nhỏ mọn do phú trợ cấp.

Làm sao tôi có thể chần chừ lòng tự nhủ lòng là Tsurukawa đã chết một khi tôi không được nhìn thấy thi hài và không được dự đám tang nó? Vấn đề cứ day dứt tôi mãi. Cái bụng dưới làn áo sơ mi trắng của nó mà tôi đã có lần nhìn thấy rập rờn, óng ánh dưới tia nắng mặt trời đổ xuyên qua lá cây giờ đây đã trở thành tro bụi. Ai có thể tưởng tượng thân xác và tinh thần của người thanh niên này được tạo tác ra chỉ để mà rực sáng và chỉ để hòa hợp với ánh

sáng đến lúc này còn bị chôn vùi dưới nấm mồ? Nó không hề có tướng chết non; nó không hề bị bất an hoặc ưu sầu và không hề có một yếu tố nào na ná giống như cái chết. Có lẽ đúng vì vậy mà nó đã bị chết quá đột nhiên như thế. Có lẽ cũng chẳng thể cứu Tsurukawa khỏi tay tử thần vì rằng con người nó chỉ gồm có toàn những thành phần thuần túy của cuộc sống và cái sinh mệnh động vật có loại máu tinh thuần. Còn tôi thì hình như là, ngược lại, đã bị số phận bắt phải trường thọ cho đến cái tuổi già nua khốn khổ.

Cái cấu tạo trong sáng của thể giới mà nó trú ngụ, đối với tôi, từ trước đến giờ luôn luôn có cái vẻ sâu xa của một câu đố; nhưng bây giờ với cái chết của nó, cái vẻ sâu xa khó giải của câu đố ấy lại còn trở nên đáng sợ hơn nữa. Chiếc xe cam nhông đã nghiền nát thể giới trong suốt của nó đúng y như đã đâm sầm vào một tấm kính trong suốt nên không ai nhìn ra. Việc Tsurukawa đã không chết vì bệnh não thật ăn khớp với cái tỉ dụ này. Xét cho cùng, sở dĩ nó phải chịu một cái chết thuần túy là vì cuộc đời nó là một cấu tạo thuần túy không gì sánh kịp. Trong sự xung đột trong chớp mắt ấy đã có một sự tiếp xúc đột ngột và cuộc sống của nó đã hòa hợp, chìm tan với cái chết của nó. Một tác dụng hóa học mau chóng. Thật ra chỉ nhờ cái phương pháp quá khích như thế người thanh niên kỳ lạ, không hình ảnh này mới có thể đuổi kịp và móc nối cả hình ảnh lẫn cái chết của mình.

Thể giới trong đó Tsurukawa đã sống thì tràn đầy những tình cảm, những thiện ý trong sáng. Tuy thế, tôi có thể nói chắc rằng thực không phải do những nhận định lầm lẫn hoặc phán đoán ngọt ngào, êm dịu mà nó đã sống ở đó. Trái tim sáng ngời của nó, cái trái tim không thuộc về thể giới này, đã trở nên một sức mạnh dẻo dai, mạnh mẽ nâng đỡ; và chính những cái này đã tới để sắp đặt, điều hòa những vận động của nó. Trong cung cách phiên dịch mỗi một cảm nghĩ đen tối của tôi thành những cảm nghĩ tươi sáng, có một cái gì cực kỳ chính xác. Đôi khi tôi đâm ra nghi là thực ra Tsurukawa đã trải qua chính những cảm nghĩ của tôi, chỉ vì vẻ rực sáng của nó tương ứng thật chính xác với sự tối tăm của tôi, và vì nét tương phản giữa cảm nghĩ của hai đứa chúng tôi thật chính xác với sự tối tăm của tôi, và vì nét tương phản giữa cảm nghĩ hai đứa chúng tôi thật quá ư rõ rệt. Nhưng không. Thực không phải thế! Vẻ rực sáng trong thể giới của nó vừa thuần túy lại vừa đơn điệu. Vẻ ấy đã khai sinh ra một hệ thống tiêm tể của riêng nó và chứa đựng một sự tinh mật dường như gần với sự tinh mật của điều ác. Nếu cái thể giới trong sáng của người trẻ tuổi này đã không luôn luôn được sức mạnh thể xác kiên cường của nó chống đỡ thì sẽ sụp đổ chỉ trong nháy mắt. Nó đã mở hết tốc lực chạy về đằng trước, và chiếc xe vận tải đã đè lên cái thể xác đôn đáo của nó.

Ánh mắt vui tươi và dung mạo hồn nhiên của Tsurukawa, nguồn gốc phát ra mỗi hảo cảm mà nó đã gây nên ở người khác, giờ đây không còn trên thế gian này nữa, đã dẫn dắt tôi ngụp lặn trong những suy tư thần bí về những khía cạnh hữu hình của nhân gian. Tôi nghĩ thật là kỳ lạ làm sao khi một sự vật gì đó chỉ cần tồn tại và va chạm tới tầm mắt chúng ta mà đã có thể hành sử một sức mạnh trong sáng thế. Tôi nghĩ tinh thần phải học hỏi ở thể xác biết bao nhiêu mới có thể cảm thấy rõ cái thực tại bảo cái thể của Thiền là vô tướng và cái kiến tính thực sự nằm ở chỗ biết được rằng trái tim con người là vô hình, vô tướng. Tuy nhiên, năng lực và kiến tính vốn có thể quan niệm đúng mức được vô tướng, hẳn cũng phải luôn luôn mẫn duệ cực độ mới có thể chống lại cái sức mê hoặc của các hình thái. Làm sao một người đã không thể nhìn hình tướng với sự mẫn duệ cực độ mới có thể chống lại cái sức mê hoặc của các hình thái. Làm

sao một người đã không thể nhìn hình tượng với mắt duệ vô tư lại có thể thấy được vô hình, vô tướng một cách rõ ràng, sống động cho đến thế? Như thế hình thái minh liễu của một người như Tsurukawa đã từng tỏa ra ánh sáng chỉ nhờ sự tồn tại của mình, của một người mà người ta có thể với tới bằng cả tầm tay lẫn tầm mắt, có thể thực sự được gọi là sống để mà sống - và giờ đây con người này đã chết - một tỉ dụ rõ ràng nhất để mô tả sự vô hình thái bất minh liễu; và cái cảm giác thực tại của người ấy về sự hiện hữu của chính mình có thể trở thành cái mô hình thực tại nhất về hư vô vô hình. Thực vậy, hình như chính con người nó lúc này đây đã có thể trở thành một tỉ dụ như thế không hơn không kém. Chẳng hạn, sự tương tự giữa Tsurukawa và những bông hoa tháng Năm thật tương tự với những bông hoa ấy đã được ném vào trong quan tài của nó, sau khi nó bất chợt qua đời vào tháng Năm.

Cuộc đời của tôi thiếu hẳn tính cách tượng trưng rõ rệt như cuộc đời của Tsurukawa. Vì lý do này nên nó đã trở thành tất yếu cho tôi. Và điều làm tôi ghen tị nhất với nó ấy là nó đã xoay xở để đi tới đoạn chót của cuộc đời mà chẳng hề ý thức lấy mảy may về một cá biệt tính hay một sứ mệnh đặc biệt nào đè nặng như bản thân tôi cả. Cái ý thức về cá biệt này đã cướp mất tính cách tượng trưng của cuộc đời tôi, nghĩa là, cái khả năng giống như của Tsurukawa, được dùng như một tỉ dụ cho cái gì ở bên ngoài nó; do đấy, nó đã cướp mất của tôi cái cảm giác liên đới với cuộc đời và trở thành nguồn gốc của cái ý thức cô độc cứ theo đuổi tôi mãi mãi chẳng buông tha. Kể cũng kỳ lạ. Tôi cũng chẳng cảm thấy có chút liên đới nào với hư vô hết nữa.

Một lần nữa tôi lại cảm thấy cô độc. Tôi không còn gặp lại cô gái ở nhà trọ nữa và sự liên lạc của tôi với Kashiwagi cũng không thân mật như trước. Tuy lối sống Kashiwagi vẫn còn có ma lực lôi cuốn tôi mãnh liệt, song tôi cảm thấy rời ra nếu cố sức một phần nào để chống lại và gắng gượng tránh xa sự quyến rũ này, ấy là tôi đã có một cái gì cứng dưng vong hồn Tsurukawa vậy. Tôi viết thư cho mẹ tôi nói rõ rằng bà không nên đến thăm tôi làm gì trước khi tôi thành người thực sự. Tôi đã nói với bà như thế trước rồi. Nhưng tôi không cảm thấy yên tâm chừng nào chưa dùng những lời mạnh mẽ viết trắng cho bà hay. Bà đã trả lời bằng một thứ văn chương vụng về. Bà kể cho tôi hay bà đang phải làm việc cày cấy vất vả ra làm sao trong trang trại của ông bác, và tiếp theo là một vài câu giáo huấn sơ đẳng. Rồi ở cuối thư bà còn thêm vào một câu này: “Chừng nào còn chưa được nhìn tận mắt thấy con thành sư trưởng trụ trì Lộc Uyển tự thì Má chưa thể nào nhắm mắt được.” Tôi ghét câu này quá chừng và nó đã làm tôi cảm thấy khó chịu, bực dọc đến mấy ngày liền.

Ngay cả trong suốt mùa hè tôi cũng không đến nơi Má đang ở nhờ một lần nào. Vì trong chùa ăn uống kham khổ, nên sức nóng hè đã làm cho tôi rất khó chịu. Vào ngày mồng mười tháng chín người ta dự báo có thể sắp có bão lớn. Cần phải có người túc trực ở Kim Các Tự và tôi đã xung phong nhận công tác này.

Tôi thấy chính vào thời gian này trong tình cảm của tôi đối với Kim Các Tự đã bắt đầu có một sự biến hóa vi diệu. Đó không phải là sự chán ghét nhưng là một dư cảm và vào một lúc nào đó sẽ không sao tránh khỏi sự trạng đã từng manh nha trong con người tôi: Kim Các Tự và tôi quyết không sao có thể dung được nhau nữa. Kể từ lúc xảy ra câu chuyện ở công viên Kameyama tình cảm này cứ dâng lên, mỗi lúc một rõ ràng, nhưng tôi sợ hãi không dám đặt cho nó một cái tên nào cả. Tuy vậy, tôi thấy sung sướng được biết rằng trong phiên túc trực vào

đêm duy nhất này, ngôi chùa sẽ được trao phó cho tôi và tôi không hề giấu giếm niềm vui của mình.

Người ta trao cho tôi chìa khóa Cứu Cánh đỉnh. Tầng thứ ba này của ngôi chùa vẫn được coi là rất quý giá, vì có một bức hoành mang bút tích của Hoàng đế Go-Komatsu treo trên xà ngang, cách mặt đất chừng mười ba mét.

Đài phát thanh nói rằng cơn bão sắp sửa đến vùng chúng tôi trong phút chốc. Mưa rả rích suốt buổi chiều, bây giờ trời đã quang đãng và vầng trăng tròn sáng hiện ra trên nền trời đêm. Mọi người đã ra ngoài vườn tản bộ và đang ngắm nhìn trời đất. Tôi nghe thấy một người trong bọn họ nói đây chỉ là sự êm đềm trước cơn bão tố.

Ngôi chùa đang ngủ yên. Lúc này chỉ có một mình tôi ở trong đó. Khi thơ thần tới nơi ánh trăng lọt vào, tôi hoảng hốt nghĩ rằng vẻ âm u tràn ngập, nặng trĩu của ngôi chùa đang vây kín lấy tôi. Tôi dần dà ngụp lặn mỗi lúc một sâu trong cảm giác rất hiện thực này cho đến lúc nó trở thành một thứ ảo giác. Bất thành linh tôi nhận ra rằng lúc này tôi đi vào ảo ảnh như thật - ảo ảnh đã tách tôi ra khỏi cuộc đời trong buổi chiều hôm ấy tại công viên Kameyama.

Tôi ở đó một mình và Kim Các Tự - cái Kim Các Tự tuyệt đối - đã bao trùm lấy tôi. Tôi đã chiếm được ngôi chùa làm sở hữu hay ngôi chùa đã chiếm được tôi làm sở hữu? Hoặc nói cho đúng ra có phải đã có một trạng thái quân xứng lạ kỳ xuất hiện vào lúc ấy cho phép tôi là Kim Các Tự và Kim Các Tự chính là tôi?

Sau khoảng mười một rưỡi, gió nổi lên mạnh hơn. Tôi chiếu đèn bấm và trèo lên các bậc thềm. Khi leo lên tới đỉnh, tôi lấy chìa khóa mở cửa Cứu Cánh đỉnh.

Tôi đứng dựa lưng vào lan can của Cứu Cánh đỉnh. Gió từ hướng đông nam thổi tới. Tuy thế, cho đến lúc này bầu trời vẫn không có gì thay đổi; mặt trăng rải ánh sáng trên mặt nước trong khi các khoảng cách giữa những cây hoa súng trên mặt Kính Triều tri. Tiếng côn trùng rả rích và tiếng ếch nhái inh ỏi tràn ngập bầu không khí.

Lúc làn gió mạnh đầu tiên vừa thổi trúng ngay vào má tôi, tức thì tất cả các quan năng trong toàn thân tôi hầu như run rẩy, da thịt tôi nổi gai. Gió càng lúc càng mạnh mẽ vô chừng, rồi trở thành cuồng phong. Lúc này hình như có một thứ điềm báo là tôi sắp sửa sẽ bị tiêu hủy cùng với Kim Các Tự. Lòng tôi đã ở trong Kim Các Tự và đồng thời cũng ở trên cánh gió. Kim Các Tự, cái ngôi chùa đã quy định chính lối cầu tạo cho thế giới của tôi, lại không có mảnh che lấp lư trong gió, như cứ đứng đó thăm lặng đắm mình trong ánh trăng. Tuy thế, hiển nhiên là làn gió ấy, cái ý chí hung ác của tôi ấy, sẽ thực sự lay chuyển ngôi chùa, đánh thức nó dậy và vào giờ phút sụp đổ cướp đoạt tính kiêu ngạo của nó đi.

Sự thế là như thế. Tôi bị bao trùm trong cái đẹp, tôi chắc chắn nằm ở trong cái đẹp ấy; tuy thế tôi đâm ra nghi ngờ không biết có phải là tôi mười phần chìm đắm cả mười trong cái đẹp đến độ không cần phải được ý chí hung bạo của trận gió mỗi lúc một gia tăng sức mạnh cho đến vô cùng kia nâng đỡ hay không? Đúng như Kashiwagi đã bảo tôi: "Nói lắp! Cứ nói lắp phứa đi!", nên bây giờ tôi đem hết sức mà thử sức mạnh trận gió bằng cách kêu lớn những tiếng

người ta thường dùng để thúc dục con tuấn mã đang phi: “Nhanh lên! Nhanh nữa lên nào!” Tôi kêu lớn: “Mạnh lên! Cố sức thêm nữa nào!”

Rừng cây bắt đầu xào xạc; cành lá bên bờ ao cọ mạnh vào nhau. Màu trời ban đêm đã mất dần màu lam lúc bình thường để ngả sang màu sẫm đục. Tiếng côn trùng vẫn chẳng hề dịu bớt mà đang rộn rã khắp đó đây. Tiếng gió từ xa đổ tới nghe thần bí như tiếng sáo dật dìu.

Tôi ngẩng nhìn vô số những đám mây đang vùn vụt bay qua đằng trước mặt trăng. Hết đám mây này đến đám mây khác từ phía sau dãy núi ở hướng nam lần lượt nhô ra giống như những đoàn quân lớn. Có những đám mây dày. Có những đám mây mỏng. Có những đám mây lớn lao trải rộng. Có không biết bao nhiêu những cụm mây nhỏ bé rạc rời. Chúng đều xuất hiện từ phương nam, rồi băng ngang mặt trăng, băng qua nóc Kim Các Tự, và chạy ủa về phương bắc như thể đang hối hả chạy đi làm một đại sự nào đó. Tôi tưởng như mình có nghe thấy cả tiếng con chim phượng hoàng bằng vàng kêu rít ở trên đầu.

Bỗng dung gió lặng, rồi lại trỗi mạnh ào ào. Rừng cây yên lặng lắng nghe và tỏ ra hết sức miễn cảm, im lìm rồi lại xao động khùng khiếp. Ánh trăng chiếu trên mặt ao cũng đã thay đổi lúc tỏ lúc mờ, thỉnh thoảng cố thu góp những tia sáng lạc loài vãi vung lại rồi nhanh nhẹn lướt trên mặt nước. Những đám mây lớn chồng chất bên kia dãy núi trải rộng ra giống như một bàn tay vĩ đại vươn qua bầu trời. Lúc lại gần nhau chúng vặn vẹo, xô đẩy nhau trông thực là khùng khiếp. Thỉnh thoảng, trên bầu trời, qua những đám mây lại có một khoảng trống không mây quang đãng, nhưng rồi mây lại giăng đầy ngay lập tức. Thỉnh thoảng trong những lúc có một làn mây mỏng bay qua, tôi lại có thể loáng nhìn thấy mặt trăng giữa vầng sáng lơ mờ.

Cứ thế, cả bầu trời chuyển động suốt đêm. Không có dấu hiệu gì cho thấy là gió sẽ thổi mạnh trở lại. Tôi nằm ngủ ngay bên song sắt. Sáng sớm hôm sau - một buổi sáng qang đang - ông lão gác chùa tới báo cho tôi hay mam mắn là trận bão đã thổi qua bên ngoài thị trấn Kyoto.

6

Đến bây giờ tôi đã chịu tang Tsurukawa được gần một năm tròn. Mỗi khi thấy mình cô độc, tôi lại nhận thấy làm quen với những nếp sống này, đối với tôi, thật là dễ dàng; và rằng, cuộc sống ít phải cố gắng nhất đối với tôi chính là cuộc sống tôi không bị bó buộc phải nói năng gì với ai hết. Tôi đã bỏ được sự bức tức đối với cuộc đời. Mỗi một ngày chết đi đều có niềm vui riêng của nó.

Thư viện đại học là nơi duy nhất tôi thích tới lui. Tôi không đọc sách nói về Thiền, nhưng ham những tiểu thuyết phiên dịch và tác phẩm triết học mà tôi tình cờ vớ được. Tôi ngại ngần không muốn kể tên những văn gia và triết gia ấy. Tôi nhận rằng họ đã ảnh hưởng ít nhiều đến tôi và tôi cũng nhận rằng chính họ đã là nguyên nhân chính yếu của hành vi ấy; tuy thế tôi lại cho rằng hành vi ấy chính là sự độc sáng của tôi; đặc biệt, tôi không hề muốn bào chữa cho rằng đã có một triết học ký thành nào đó thúc đẩy hành vi này cả.

Như tôi đã giải thích việc những người khác không hiểu tôi đã là nguồn kiêu hãnh duy nhất đối với tôi ngay từ thời niên thiếu, và tôi chẳng hề cảm thấy có chút mảy may xung động nào

cổ vũ tôi tỏ bày sao cho người khác hiểu được mình. Khi tự mình cố gắng làm sáng tỏ tư tưởng và hành động của mình, tôi không có chút đắn đo, chần chừ nào hết. Tôi không rõ có phải đó là vì tôi muốn tự hiểu chính mình hay không. Một xung động như vậy thường theo bản tính chân thực của một người đến để tạo nên nhịp cầu nối liền người đó với những người khác. Về đẹp của Kim Các Tự đã làm tôi say sưa và làm cho một bộ phận trong con người của tôi trở nên mịt mờ; và vì sự say sưa này đã cướp mất của tôi những hình thức say sưa khác nên buộc lòng tôi phải đối kháng bằng cách dùng ý chí mà giữ gìn những bộ phận minh triết của riêng tôi. Tôi không biết gì về người khác, nhưng trong trường hợp của tôi, chính sự minh triết là tôi và ngược lại, tôi không phải là người chủ trì sự minh triết ấy.

Bây giờ là thời gian nghỉ đầu Xuân niên khóa (1948) Chiêu Hòa năm thứ hai mươi ba, năm thứ hai tôi lên đại học. Một tối Lão sư phụ có việc bận nên đi vắng. Vì không có một người bạn nào nên phương cách duy nhất để tôi khai thác thời gian tự do may mắn này là đi tản bộ một mình. Tôi rời chùa, đi bộ ra bên ngoài Tổng môn. Phía bên ngoài có một rãnh nước chạy ven cổng chùa; bên cạnh rãnh nước này có dựng một tấm bảng gỗ. Tôi đã nhìn quen tấm bảng cũ kỹ này từ lâu lắm rồi, nhưng bây giờ tôi đang dừng lại trước nó và vẫn vợ đọc những hàng chữ đăm mình trong ánh trăng:

CHÚ Ý

1- Cấm tất cả mọi biến cải chạm tới hiện trạng bên ngoài của nơi này, trừ trường hợp có giấy phép đặc biệt.

2- Cấm tất cả những hành vi có thể ảnh hưởng tới sự bảo tồn nơi này.

Yêu cầu dân chúng chú ý đến những điều kể trên. Bất kỳ người nào vi phạm cũng sẽ bị xử phạt theo quốc pháp.

Bộ Trưởng Nội Vụ

Ngày 31 tháng 3, (1928)

Chiêu Hòa năm thứ ba

Rõ ràng là tấm bảng này nhắm vào Kim Các Tự. Tuy nhiên, thực khó mà nắm vững được ám thị trong những ngữ cú trừu tượng ấy. Tôi không sao ngăn được ý nghĩ cho rằng một tấm bảng bố cáo như thế này thực ra chỉ tồn tại ở một thế giới nào hoàn toàn khác biệt với thế giới của ngôi chùa bất biến này. Chính lời bố cáo cũng dự liệu một hành vi khó hiểu hoặc khó thực hiện nào đó. Nhà lập pháp đã soạn ra những luật lệ này và đã mô tả hành vi này một cách khái quát như thế hẳn phải là một người đã hoàn toàn mù mịt, không biết đường nào mà mờ. Vì lẽ chỉ có người điên mới có thể mưu đồ những hành vi này. Mà làm sao người ta có thể làm cho một thằng điên sợ trước bằng cách đe dọa trừng phạt hành vi của nó? Điều cần thiết có nhẽ là một thứ văn tự đặc biệt mà chỉ những thằng điên mới có thể đọc nổi.

Đang bận bịu với những ý nghĩ vẫn vợ, trống rỗng này thì tôi nhìn thấy một bóng người

đang đi trên con đường lớn ở trước cổng chùa. Vào giờ này không có một dấu vết gì của những đám người đến vãn cảnh vào ban ngày, chỉ có hàng thông tắm ánh trăng và đèn trước mũi xe hơi tràn ngập bóng đêm khi xe đang chạy ngược chạy xuôi trên xa lộ cách chỗ tôi đang đứng.

Bất chợt tôi nhận ra hình dáng Kashiwagi. Nhìn cách bước đi, tôi có thể bảo đúng là nó. Lúc ấy và tại đó tôi quyết định chấm dứt sự xa cách giữa hai đứa mà tôi đã lựa chọn trong suốt năm học vừa qua để chỉ nghĩ tới sự cảm tạ của tôi đối với nó, vì nó đã chữa cho tôi khỏi bệnh trong quá khứ. Bởi vì quả chính là nó đã chữa cho tôi khỏi bệnh vào thời gian ấy. Từ cái ngày đầu tiên tôi gặp nó, nó đã chữa cho tôi khỏi những ý nghĩ què quặt bằng cặp chân què quặt xấu xí của nó, bằng sự phơi bày triệt để tâm tình của nó. Đáng lẽ tôi phải nhận ra ngay niềm vui khi, lần đầu tiên, có thể tiếp truyện với một người trên căn bản bình đẳng với mình mới phải. Hẳn tôi phải tận hưởng niềm vui gần như nguồn vui làm một việc ác đức tự đắm mình xuống đáy của ý thức chính xác rằng mình vừa là người đi tu vừa là đứa nói lắp. Tuy nhiên, vì tôi chơi với Tsurukawa nên tất cả những cái này đã bị quét sạch.

Tôi mỉm cười chào đón Kashiwagi. Nó mặc bộ đồng phục sinh viên và vác một bó nho nhỏ, dài dài.

“Sắp sửa đi đâu đấy à?” nó hỏi.

“Không.”

“May quá gặp cậu,” nó nói. Nó ngồi xuống một bậc đá rồi mở tung cái bó ấy ra.

“Cậu thấy đây này.” Nó vừa nói vừa đưa cho tôi xem hai ống dài bóng lộn, đen nhánh lấp lại thành cái sáo tre. “Ông bác mình ở quê vừa mới qua đời có để lại cho mình cây sáo này làm kỷ vật. Nhưng mình còn có cái khác ông đã cho mình từ lâu khi ông dạy mình chơi sáo. Cái này xem ra lại còn đẹp hơn, nhưng mình thích cái mình đã quen rồi và chẳng có lý gì mình lại dùng hai ống sáo một lúc. Bởi thế mình mang cái này đến cho cậu.”

Đối với một người như tôi chưa hề bao giờ được nhận quà tặng cả bất kỳ ai, đây thật là niềm vui to lớn khi được một tặng vật không cần biết cái đó là cái gì. Tôi cầm cây sáo lên và xem kỹ. Mặt trước có bốn lỗ và mặt sau có một lỗ.

“Mình đã học cách thổi sáo của dòng Kinko,” Kashiwagi nói tiếp. “Vì đêm nay trăng đẹp, để thay đổi một chút, mình nghĩ phải sang Kim Các Tự mà thổi sáo đấy. Đồng thời mình lại nghĩ có thể dạy cho cậu thổi sáo nữa.”

“Cậu chọn thật đúng lúc,” tôi nói. “Lão sư phụ đi vắng không về chùa đêm nay, cậu ạ. Ngoài ra, lão quản gia già nua lười biếng vẫn chưa quét tước xong. Chỉ khi nào quét tước đâu vào đấy người ta mới đóng các cổng chùa lại.”

Nó dường đột hiện ra ở cổng chùa và cũng dường đột ngộ ý muốn thổi sáo ở trong chùa vì đêm trăng thật đẹp. Đúng là thằng Kashiwagi quen thuộc của tôi. Mặt khác, trong cuộc sống đơn điệu của tôi, nguyên sự ngạc nhiên cũng đã làm tôi vui thích rồi. Tay cầm cái sáo mới có,

tôi dẫn Kashiwagi vào chùa.

Tôi không rõ đêm ấy chúng tôi đã nói chuyện về những gì. Tôi không nghĩ chúng tôi đã nói đến cái gì đó thực rõ rệt. Kashiwagi không tỏ vẻ gì muốn đi sâu vào thứ triết học kiểu kỳ thường lệ và những nghịch thuyết gai góc của nó. Có lẽ nó đã dụng tâm tìm tòi để cho tôi thấy một khía cạnh riêng biệt của nó mà từ trước đến giờ chưa bao giờ tưởng tượng đến. Và quả vậy, đêm ấy, người thanh niên này với miệng lưỡi bóng bẩy, độc địa dường như chỉ để ý đến cái đẹp khi nào có thể đem ra bôi lộ, đã để lộ cho tôi thấy một khía cạnh vô cùng tiêm tể riêng của con người nó. Nó có một lý luận tinh mật về cái đẹp hơn tôi rất nhiều. Nó không nói ra lời cho tôi hay, nhưng bằng dáng điệu và ánh mắt, bằng điệu nhạc nó thổi trên ống sáo và vàng trán nhô ra dưới ánh trăng.

Chúng tôi dựa lưng vào hàng song sắt tầng hai của Kim Các Tự, nghĩa là Triều Âm động. Hàng hiên dưới mái chùa hơi cong cong lên có tám cây sà theo lối Thiên Trúc chống đỡ, hình như nhô lên từ mặt ao, nơi mặt trăng đang nằm ngủ. Thoạt tiên, Kashiwagi thổi một tiểu khúc tên là “Ngự Sở Xa”. Tài khéo của nó làm tôi kinh ngạc. Tôi cố gắng bắt chước nó, kề môi vào lỗ sáo nhưng tôi không làm sao thổi nên thành tiếng được. Sau đó, nó cẩn thận dạy tôi dùng tay trái giữ phần trên ống sáo ra làm sao và để ngón tay vào đúng lỗ sáo ra làm sao; nó lại còn chỉ tôi cách há mồm để ngậm miệng sáo và cách thổi hơi vào mảnh kim khí mỏng ở trong như thế nào. Tuy thế, mặc dù đã thử đi thử lại nhiều lần, tôi vẫn không sao tạo nên được âm thanh nào cả. Tôi hết sức phồng mang trợn mắt; và tuy không có gió, tôi vẫn có cảm giác mặt trăng đang nằm ngủ dưới ao đã vỡ tan ra thành hàng nghìn mảnh vụn.

Thối được một lúc tôi mệt đừ cả người; bất giác tôi sinh nghi có thể Kashiwagi đã dụng tâm làm thế này chỉ cốt để trêu chọc tôi về tật nói lắp. Tuy nhiên, cái khổ công cố gắng tạo nên một âm thanh nhất định không bật ra đường như gạn lọc cái nỗ lực tinh thần thông thường ấy của tôi, nhờ đó tôi đã cố gắng hết sức tránh lắp bắp bằng cách xô đẩy những lời nói đầu tiên ra khỏi miệng mình. Tôi cảm thấy dường như những âm thanh ầm ứ, tắt nghẹn chưa chịu thoát ra ấy tồn tại xác thực ở một nơi nào đó trong cái thế giới tĩnh mịch, chan hòa ánh trăng này. Nếu như tôi đạt tới và đánh thức những âm thanh ấy sau nhiều phen cố gắng khác nhau thì tôi cũng đã thỏa mãn lắm rồi.

Làm cách nào tôi có thể đạt tới âm thanh ấy - cái âm thanh huyền diệu giống như âm thanh Kashiwagi đang thổi ra từ ống sáo của mình? Phải có huấn luyện tinh thực thì mới làm được việc đó. Cái đẹp là sự huấn luyện tinh thực. Trong óc tôi nảy ra một ý nghĩ khiến cho tôi phấn khởi; nếu như Kashiwagi mặc dù có đôi chân què quặt xấu xí có thể đạt tới những âm thanh trong vắt, tuyệt vời như thế thì hẳn là tôi cũng có thể đạt tới cái đẹp nhờ sự rèn luyện tinh thực. Nhưng tôi còn nhận thức được một điều khác nữa: Kashiwagi chơi bài “Ngự Sở Xa” nghe thật hay, không phải chỉ vì bối cảnh đêm trăng sáng nên thơ mà còn vì cặp chân tật nguyên, xấu xí của nó nữa.

Sau này khi hiểu rõ Kashiwagi hơn, tôi mới biết rằng nó ghét vẻ đẹp lâu bền. Sự ưa thích của nó giới hạn trong những thứ như là âm nhạc, vì âm nhạc biến tan tức khắc; hoặc các lối cắm hoa vì hoa tàn úa trong vài ngày; nó ghét kiến trúc và văn chương. Rõ ràng là nó chẳng bao giờ nghĩ đến việc tới thăm Kim Các Tự nếu như không có một đêm trăng như đêm nay.

Tuy nhiên, cái đẹp của âm nhạc mới lạ lòng làm sao! Cái đẹp ngăn ngủi mà người tấu nhạc làm nên biến đổi một khoảng thời gian nhất định thành một giai đoạn liên tục thuần túy; chắc chắn chẳng bao giờ lặp lại; giống như cuộc đời của những con phù du hoặc những sinh vật đoản mệnh như thế đẹp là một cái gì hoàn toàn trừu tượng và là sự sáng tạo ra chính cuộc sống vậy. Không có gì giống cuộc đời cho bằng âm nhạc; tuy nhiên, mặc dù Kim Các Tự cũng có vẻ đẹp như thế, song không có cái gì lại có thể xa cách hơn và khinh miệt cuộc sống hơn là vẻ đẹp của ngôi chùa này. Kashiwagi vừa chấm dứt bài “Ngự Sở Xa” thì âm nhạc - cái cuộc đời hư huyền ấy - cũng chết theo, và không còn gì sót lại ở đấy ngoại trừ với những nhận thức đen tối, tất cả đều không suy suyển, không đổi thay.

Hẳn rằng chẳng phải là Kashiwagi tìm kiếm niềm ai ủi ở trong cái đẹp. Chẳng cần bàn cãi lời thôi gì hết tôi cũng biết rõ điều ấy. Trong một khoảnh khắc sau khi làn hơi của nó đã tạo nên cái đẹp trong không khí, cặp chân què quặt, tật nguyên và cái nhận thức hắc ám của nó vẫn tồn tại ở đó, rõ rệt hơn và tươi mát hơn trước. Tính cách vô ích của cái đẹp, việc cái đẹp ấy đã đi qua thân xác nó mà chẳng để lại bất kỳ một dấu vết gì, tuyệt đối không thay đổi cái gì hết - đó là điều Kashiwagi yêu thích. Nếu đối với tôi nữa cái đẹp có thể là một cái gì giống như thế, thì đời tôi sẽ trở nên nhẹ nhõm biết bao!

Tôi cứ cố gắng làm theo lời Kashiwagi chỉ dẫn không biết đến bao nhiêu lần. Máu dồn lên làm cho mặt tôi đỏ bừng và hơi thở dồn dập, hỗn hển. Rồi thì, y như là tôi bất chợt biến thành một con chim, y như là một tiếng chim chợt buột ra khỏi cổ họng tôi, ống sáo bỗng bật ra

thành một âm thanh thực vang to, thực man rợ.

“Đó, được rồi đó!” Kashiwagi vừa nói vừa kêu to. Hiển nhiên đó không phải là một tiếng nhạc êm tai nhưng vẫn cùng một âm ấy cứ lần lượt ra khỏi ống sáo. Rồi tôi mơ màng tưởng tượng rằng âm thanh thần bí này như không phải do tôi phát ra mà chính là tiếng hót của con phượng hoàng bằng đồng vàng óng ấy ở trên đầu chúng tôi vậy.

Sau đấy tôi dùng cuốn sách tự luyện mà Kashiwagi cho tôi để mỗi đêm tập dượt thật kỹ cho mỗi ngày một khá hơn. Chẳng bao lâu tôi đã có thể thổi những bài như “Mặt Trời Đỏ Nhuộm Màu Trên Mặt Đất Trắng Xóa” và phục hồi mỗi thân tình trước kia của tôi đối với Kashiwagi.

Vào tháng năm tôi nghĩ là phải cho Kashiwagi cái gì để chứng tỏ với nó là tôi thích ống sáo lắm lắm. Nhưng tôi lại không có tiền để mua quà tặng cho nó. Tôi thành thực nói cho Kashiwagi hay nỗi khó khăn của tôi. Nó bảo tôi rằng nó không muốn cái gì phải mua tốn tiền cả. Rồi thì chầu cái mở ra một cách kỳ diệu, nó nói: “Ừ, vì cậu đã lỡ nói đến điều này, thực ra tớ có thích một cái. Đã mấy ngày nay tớ muốn cắm hoa một bận chơi, nhưng hoa lại đắt quá là đắt. Tớ nghĩ lúc này đang vào mùa hoa đỗ nhuộc và Bạc xương bồ trong Kim Các Tự. Cậu thử nghĩ xem cậu có thể mang cho tớ bốn năm bông hoa đỗ nhuộc - một loại bông hoa còn đang nụ, hai bông mới chớm nở và hai bông đã nở trợn rồi - hay không? Cậu cũng nên cho tớ sáu bảy bông mộc tặc nữa. Đêm nay chắc được lắm. Thế tối nay mang đến chỗ nhà trọ của tớ có được không?”

Chỉ sau lúc đã nhẹ dạ nhận lời tôi mới ý thức được rằng thằng này đang thực sự xúi tôi bước vào vòng trộm cắp. Muốn cho khỏi mất mặt tôi chỉ còn có cách đi ăn trộm hoa mà thôi.

Tối đó trong bữa dượt thạch chúng tôi không có gạo để nấu cháo, chỉ có rau luộc và bánh mì đen ném chó chó chết. May thay hôm đó là ngày thứ bảy và vào lúc chiều đã có mấy người đi vắng khỏi chùa. Đêm nay là đêm “Nội Khai Chấm”: mọi người có thể rời chùa từ sáng sớm đến mười một giờ đêm mới trở về; ngoài ra, buổi sáng hôm sau, gọi là “Tắm Vỡ”, chúng tôi được phép dậy trưa. Lúc chúng tôi thức dậy, Lão sư phụ đã đi ra khỏi chùa rồi.

Mặt trời lặn hồi sáu rưỡi chiều. Trời bắt đầu nổi gió. Tôi ngóng chờ hồi chuông sơ dạ bắt đầu. Lúc tám giờ tối tiếng chuông lạnh lạnh, cao vút từ Hoàng Chung điện bên trái cổng giữa báo hiệu phiên gác đầu tiên; cả thảy mười tám tiếng gióng lên ngân nga, lơ lửng vang dội mãi trong không khí.

Gần Thấu Thanh trong Kim Các Tự có một thác nước nhỏ có hàng rào bao quanh nửa vòng; thác này dẫn nước từ ao sen vào Kính Triều trì rộng lớn. Chính ở chỗ này những cây đỗ nhuộc mọc lên rậm rạp, chi chít. Vào lúc ấy hoa đã nở được vài ngày trông cực kỳ đẹp đẽ. Khi tiến lại gần, tôi chợt nghe tiếng các bụi đỗ nhuộc sột soạt cọ vào nhau trong gió đêm. Những cánh hoa màu tím cao chót vót rung rinh trong tiếng nước chảy thì thầm. Khu vườn ở chỗ này tối như bưng; màu tím của hoa và màu lục nhợt của lá trông đều đen xì như nhau. Tôi cố sức ngắt hai ba bông hoa đỗ nhuộc: nhưng vì gió thổi hoa và lá cứ tuột khỏi tầm tay và một chiếc lá đã làm tay tôi chảy máu.

Sau cùng, tôi tới phòng trọ của Kashiwagi, hai tay ôm đầy những bó hoa đỗ nhuộc và xương bồ thì Kashiwagi đang nằm đọc sách. Tôi lo sợ phải gặp cô gái trong nhà trọ trước đây đã đi chơi núi với bọn tôi, nhưng may thay hình như cô ả không có nhà.

Một đồ ăn trộm nhỏ mọn đã khiến tôi cảm thấy vui thích. Lần nào móc nối với Kashiwagi là tôi cũng có trước tiên những việc làm bội đức, những báng bổ và những độc ác nho nhỏ. Những cái đó luôn luôn làm cho tôi vui thích; tuy nhiên, tôi không rõ sự tiếp tục gia tăng phân lượng điều ác liệu có lôi cuốn theo một sự gia tăng tương xứng về phân lượng vui thích hay không.

Kashiwagi rất thích món quà tôi tặng. Nó đi vào phòng bà chủ nhà mượn cái gàu nước và nhiều dụng cụ cần thiết khác nữa để cho nó cắm hoa. Nhà trọ chỉ có một tầng; Kashiwagi sống trong một phòng nhỏ ở căn nhà xép.

Tôi cầm chiếc sáo của nó đang dựng ở chỗ kệ giường ngủ, áp môi vào lỗ sáo rồi cố gắng thổi bài nhạc ngắn đã tập được kỹ lưỡng. Tôi thổi thực hay khiến lúc trở về phòng nó hết sức ngạc nhiên. Nhưng cái thằng Kashiwagi tôi đã gặp đêm nay thực không phải là cái thằng đã tới thăm Kim Các Tự.

“Cậu không nói lắp tí nào khi thổi sáo có phải không? lúc dậy cậu thổi sáo tớ vẫn có kỳ vọng được nghe tiếng sáo lắp bắp ra làm sao kia đấy chứ!”

Chỉ với một lời nói này nó đã kéo cả hai đưa tôi trở lại cái tình trạng lúc chúng tôi mới gặp nhau lần đầu. Nó trở lại vị trí riêng của nó. Nhờ thế tôi có thể bình thản hỏi xem người thiếu nữ trong căn nhà kiểu Tây Ban Nha này ra sao.

“Ồ, con bé ấy hả?” nó chỉ đáp cộc lốc. “Nó lấy chồng từ đời nào rồi. Tớ đã chỉ cho nó đủ mọi phương pháp để che giấu việc nó không còn là trinh nữ nữa. Nhưng được cái thằng chồng nó thuộc loại ngây ngô, khỏe mạnh nên đường như mọi việc đều êm xuôi tất cả.”

Trong khi nói, nó nhắc từng bông hoa đỗ nhuộc lên từ cái bát nước đã dùng để ngâm những bông hoa mà ngắt kỹ càng. Đoạn nó nhúng cái kéo vào bát nước rồi cắt những cọng hoa ngâm dưới nước đó. Mỗi lần nó cầm một bông hoa đỗ nhuộc trong tay, cái bông hoa to lớn lại di động trên nền nhà trái chiều cối. Rồi nó đột nhiên nói: “Cậu có biết những câu văn nổi tiếng trong chương Thị Chúng của *Lâm Tế Lục* không? ‘Khi gặp đức Phật, người hãy giết phước Phật đi!’” Và tôi tiếp lời: ‘Khi gặp La Hán, người hãy giết phăng La Hán đi! Khi gặp cha mẹ mình, người hãy giết ngay cha mẹ đi! Khi gặp người bà con thân thuộc, người hãy giết bég bà con thân thuộc đi! Chỉ làm như vậy thì người mới được giải thoát.’

“Đúng vậy đó. Chính thế đó. Con bé ấy là La Hán, cậu ạ”.

“Và như thế là cậu đã tự giải thoát?”

“Hừm,” Kashiwagi nói trong khi cầm lại mấy bông đỗ nhuộc nó đã cắt rồi và chăm chú ngắm nghía. “Hãy còn nhiều thứ để mà giết nữa cậu ạ.”

Bát cắm hoa đầy nước trong vắt; bên trong óng ánh màu bạc. Kashiwagi ngắm nghía cái giàn sắt để cắm hoa cẩn thận xếp ngay lại cái mẫu nào đã hơi nghiêng ngả. Tôi cảm thấy ngọt ngào, khó chịu nên nói vu vơ cố mong lấp đầy im lặng.

“Có có biết cái công án ‘Nam Toàn Trảm Miêu’ không? Ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, Lão sư phụ tụ tập tất cả tội tở lại và thuyết giảng cho tội tở nghe câu chuyện ấy.”

“Ồ, ‘Nam Toàn Trảm Miêu’ ”? Kashiwagi nói trong khi ước lượng chiều dài một bông mọc tặc và cầm bông hoa ấy đó theo bình nước. “Đó là cái công án mà mỗi một con người nhiều lần bất ngờ đã bắt gặp trong đời, tuy dáng vẻ có đổi thay đôi chút. Cậu ạ, công án ấy hơi bí hiểm. Mặc dù cũng vẫn cái công án ấy nhưng mỗi lần bắt gặp ở một khúc quanh trên đường đời mình lại thấy nó thay đổi cả dáng vẻ lẫn ý vị. Trước hết, để tở nói cho cây hay con mèo mà Thượng tọa Nam Toàn đã chém đầu là một sinh vật ác ôn! Nó đẹp, đẹp vô cùng phải không nào. Mắt vàng óng, lông mượt mịn. Tất cả mọi niềm vui và vẻ đẹp trên trần gian này đều che giấu, lén chặt như một cái lò so bên trong thân mình mềm mại, nhỏ nhắn của nó. Nhiều người chú thích câu chuyện đã quên bằng mất rằng con mèo ấy là một khối thể đẹp đẽ. Ngoại trừ với tở. Con mèo đã đột nhiên từ một bụi cỏ nhảy vọt ra. Đôi mắt dịu dàng, láu lỉnh của nó sáng rực và một tu sĩ đã tóm được nó - y bết là nó có dụng ý làm vậy. Kết cục lưỡng đường cãi lộn nhau. Bối lễ, tuy vẻ đẹp nó thể tự hiển mình cho bất kỳ ai, song thực ra nó không hề thuộc riêng một ai hết. Xem nào.

“Tở sẽ nói thế nào bây giờ nhỉ. Vẻ đẹp - phải, vẻ đẹp giống như một cái răng sâu. Nó chạm vào lưỡi người ta, lũng lảng trong miệng người ta, làm cho người ta đau nhức trong khi lại bắt người ta để ý sự tồn tại của chính mình. Cuối cùng đến độ người ta không chịu nổi đau nhức, phải đi đến nha sĩ để nhổ quách nó đi. Rồi, khi nhìn thấy cái răng nho nhỏ, bần thủ, vàng khè, đẫm máu nằm trong lòng bàn tay mình, người ta mới nghĩ như thế này: ‘Có phải nó không? Có phải trước kia nó chỉ có thế này thôi ư? Cái vật nó đã làm cho mình đau đớn không biết chừng nào, đã khiến mình luôn luôn bận tâm đến nó, đã ngoan cố cắm rễ trong con người mình, bây giờ chỉ là một vật chất đã chết. Nhưng có phải vật này thực sự giống vật kia không? Nếu vật này tự căn nguyên đã thuộc về cuộc sống bên ngoài của mình, thì tại sao - do nhân duyên nào - nó lại gắn liền vào cuộc sống bên trong của mình và trở thành căn nguyên biết bao đau đớn cho mình như thế? Có phải căn cứ của nó là ở bên trong mình hay không? Hoặc là ở bên trong chính nó? Thế nhưng cái vật đã bị nhổ ra khỏi miệng mình và hiện đang nằm trong tay mình lại là một vật riêng biệt tuyệt đối. Chắc chắn nó không thể là *cái* ấy.

“Cậu thấy không,” Kashiwagi tiếp, “cái đẹp giống như vậy. Do thế, chém đầu mèo ấy thật giống như moi móc ra cái đẹp. Tuy nhiên, chẳng rõ liệu điều này có thực sự là cách giải thoát tối hậu hay không. Gốc rễ của cái đẹp chưa bị chặt đứt và, mặc dù con mèo đã chết, song vẻ đẹp của nó có thể hãy còn sống. Và như thế, cậu ạ, chính để chế giễu tính cách dễ dàng của giải pháp này mà Triệu Châu đã đội giày lên đầu. Có thể nói rằng anh ta biết là không thể có giải pháp nào khác hơn là chịu đựng sự đau đớn của một cái răng sâu.”

Cách giải thích của Kashiwagi hoàn toàn độc đáo; tuy nhiên, tôi không thể ngăn mình tự hỏi liệu có phải chính nó, sau khi đã nhìn vào đáy lòng tôi, đang định đem tôi ra mà chế giễu

hay không?

Lần đầu tiên tôi đâm ra sợ nó thực sự. Tôi sợ phải ngồi im lặng nên vội hỏi: “Như vậy trong hai người cậu là người nào? Thượng tọa Nam Toàn hay Triệu Châu?”

“Ừ, để xem nào. Như hiện tại, tớ là Nam Toàn và cậu là Triệu Châu. Song một ngày nào đó cậu có thể trở thành Nam Toàn và tớ có thể trở thành Triệu Châu. Công án này có mời thay đổi - giống như mắt một con mèo.”

Trong khi Kashiwagi nói chuyện, tay nó từ nãy đến giờ vẫn cử động thực là nhẹ nhàng, mềm mại. Thoạt tiên, đặt lại cái đài cắm hoa bằng sắt hoen rỉ, nho nhỏ vào bát nước, rồi mới cắm hoa bằng mộc tặc - hoa này ở vào vị trí Thiên cung trong lối cắm hoa - tiếp theo cài thêm những bông hoa đỗ nhuộc mà nó đã xếp thành một khóm ba chiếc lá. Dần dần nó đã cắm xong theo lối Quán Thủy hoạt. Một đồng sỏi nhỏ rửa sạch, hòn trắng hòn vàng, nằm chờ sẵn ngay cạnh bát nước để dùng vào việc điểm xuyết cuối cùng.

Kashiwagi đưa tay thoan thoát nhịp nhàng. Hết quyết định nhỏ này lại đến quyết định nhỏ kia tạo nên một hiệu quả đối xứng và quân bình hết sức nghệ thuật. Thực vật trong thiên nhiên được được dời đổi đưa vào một trật tự của con người để hòa hợp với một quy luật nhất định. Những bông hoa và những chiếc lá đã đổi thay từ *khuôn mặt chúng có trước kia sang khuôn mặt chúng phải nên có*. Những cây mộc tặc và đỗ nhuộc không còn là những thực vật đồng loạt vô danh nữa mà đã trở thành những biểu hiện sơ giản, thanh khiết và trực tiếp của cái có thể được gọi là bản chất của mộc tặc và bản chất của đỗ nhuộc.

Tuy nhiên, trong cách nó cử động đôi tay vẫn có một cái gì tàn khốc. Những bàn tay ấy cư xử làm như thể chúng có một đặc quyền tối tăm nào đó đối với những thực vật ấy. Có lẽ vì vậy mà mỗi lần nghe thấy tiếng kéo cắt một cuống hoa tôi có cảm tưởng như nhìn thấy cả máu chảy.

Hoa đã cắm xong theo lối Quán Thủy hoạt. Phía bên phải cái chậu, chỗ đường thẳng của mộc tặc pha trộn vào đường cong của đỗ nhuộc, có một bông hoa đang nở bung và hai bông mới hé nụ sắp nở. Kashiwagi đặt chậu hoa vào hốc tường; chậu hoa lấp gần kín khoảng trống. Chẳng mấy chốc mặt nước trong chậu hoa im lìm, phẳng lặng. Những viên sỏi che khuất cái vĩ sắt để gài các cọng hoa, và đồng thời tạo nên đúng cái dáng vẻ trong sáng của một bờ nước.

“Tuyệt diệu!” tôi nói. “Cậu học được ở đâu vậy?”

“Gần đây có một cô dạy cắm hoa tươi. Tớ chắc là chốc nữa cô ta sẽ tới đây. Tớ đã kết thân với cô ả và đồng thời cô ả đã dạy tớ cách cắm hoa. Nhưng bây giờ thì tớ đã có thể cắm hoa một mình được rồi cho nên tớ cũng hơi chán cô ả. Cô giáo này hãy còn trẻ và đẹp lắm. Tớ được biết trong thời chiến tranh cô ta đã đem lòng yêu một quân nhân và đã có mang với anh ta. Đứa hài nhi chết lúc lọt lòng và chàng quân nhân chết ngoài chiến trận, từ đó đến nay cô ả luôn luôn chạy theo đàn ông. Cô ta có dư dả tiền tiêu và hiển nhiên chỉ dạy cắm hoa cho vui mà thôi. Tuy nhiên, nếu cậu mà thích đêm nay cậu có thể dẫn cô ả đi chơi chỗ nào đó cũng được. Cô ả sẵn lòng đi bất kỳ nơi nào.”

Khi nghe kể, tôi thấy lòng mình tràn ngập mỗi cảm động lung tung. Lúc đứng trên nóc sơn môn Nam Thiên và nhìn thấy cô ta thì có Tsurukawa ở ngay cạnh tôi. Hôm nay, đúng ba năm sau, cô ta lại sắp sửa xuất hiện trước mặt tôi và tôi sắp sửa nhìn thấy cô ta có khác chẳng là qua con mắt Kashiwagi. Cho đến bây giờ tôi đã nhìn cái bi kịch của người đàn bà này với cái nhìn rực sáng về thần bí; nhưng từ đây trở đi tôi sẽ nhìn cái bi kịch ấy với cái nhìn đen tối của một người không tin tưởng điều gì hết. Vì lẽ rõ ràng là bầu vú cô ta mà tôi đã nhìn thấy từ xa trông giống như một mặt trăng trắng bạch hiện giữa ban ngày, từ đó đến nay đã bị tay Kashiwagi sờ mó, nắm bóp, và chân nàng, lúc đó cuộn tròn trong bộ kimono óng mượt, hoa mỹ ấy, đã cọ sát cặp chân què của Kashiwagi. Rõ ràng là cô ta đã bị Kashiwagi làm ô uế, thế có nghĩa là, bị nhận thức làm cho ô uế.

Ý nghĩ này dần vất đầu óc tôi ghê gớm khiến tôi cảm thấy không thể làm sao mà ngồi lại nơi này nữa. Nhưng vì hiếu kỳ tôi không sao đi về được. Thực ra, tôi khó lòng có thể ngồi chờ người đàn bà này, chính người mà ban đầu tôi đã coi như Uiko tái sinh, nhưng bây giờ sắp sửa chỉ là con bồ bị bỏ rơi của một thằng sinh viên què quặt. Bởi vì sau khi đã a tòng với Kashiwagi tôi rập tâm đắm mình trong niềm vui hư huyền là đã tự tay làm ô uế những hồi tưởng quý báu của mình.

Khi thiếu phụ tới, tôi chẳng thấy lòng mình rung động mảy may. Đến nay tôi vẫn còn nhớ rất rõ cái khoảnh khắc ấy. Giọng nói hơi khàn khàn, dáng điệu thịnh trọng và lối nói năng kiêu cách của cô ta thấy đều tương phản một cách rõ rệt với cái ánh mắt rực sáng hoang dại, với giọng buồn toát ra từ tiếng nói khi cô ta nói với Kashiwagi mặc dù cô ta có vẻ lúng túng rõ rệt về sự hiện diện của tôi - tôi đã nhìn thấy hết sự thể và rồi lần đầu tiên tôi mới hiểu rõ lý do khiến Kashiwagi gọi tôi đến phòng nó tối hôm đó: nó định dùng tôi như một chương ngại vật.

Không có một liên hệ nào giữa thiếu phụ này với thiếu nữ nhân vật trong ảo tưởng của tôi hết. Tôi có cảm tưởng nàng là một cá thể hoàn toàn khác biệt mà tôi mới nhìn thấy lần đầu. Tuy cách nói năng bật thiệp của nàng không hề thay đổi, song tôi có thể đoán nàng đang dần dần trở nên luống cuống, hoảng hốt. Nàng không hề để ý tôi một chút nào.

Thế rồi dường như nàng không làm sao chịu đựng nổi nỗi khổ nữa và tôi có cảm tưởng trong khoảnh khắc nàng quyết định bỏ rơi hết mọi cố gắng để làm cho Kashiwagi thay đổi lòng dạ. Nàng giả vờ như bất chợt bình tĩnh trở lại và đưa mắt nhìn quanh căn phòng. Tuy đã ở trong phòng đến nửa tiếng đồng hồ song hiển nhiên bây giờ nàng mới để ý tới chậu hoa đã được bày rõ lộ ở trên hốc tường.

“Đó là một kết cấu tuyệt diệu theo phái Quán Thủy,” nàng nói. “Anh thật khéo tay quá chừng, anh ạ.”

Từ nãy đến giờ chờ mãi cho nàng nói theo điều này, bây giờ Kashiwagi mới chấm dứt mọi truyện.

“Chẳng đến nỗi tệ quá, có phải không?” nó nói. “Đến bây giờ tôi đã khéo léo tới mức độ này, thực cô chẳng còn có thể dạy tôi điều gì nữa. Tôi không cần cô nữa. Phải, tôi nghĩ đúng như

vậy.”

Kashiwagi nói nhấn mạnh từng tiếng. Tôi thấy sắc mặt thiếu phụ tái nhợt, tôi quay mặt đi. Nàng dường như đang mỉm cười, song vẫn chưa từ bỏ cái cung cách trang trọng khi quì gối lết về hốc tường. Thế rồi tôi nghe tiếng nàng nói: “Sao? Loại hoa nào thế? Ờ, những bông hoa gì vậy?” Bỗng chợt nước từ chậu hoa bắn tung tóe trên sàn nhà, những bông hoa mộc tặc bị hất tung, những bông hoa đỗ nhuộc đã bị vò nát; tất cả những bông hoa tôi hái trộm đem đến đang nằm ngổn ngang dưới đất. Tôi đã quì xuống sàn nhà, nhưng bây giờ lại tự động đứng dậy. Chẳng làm gì cả tôi ngã người dựa vào cửa sổ. Tôi thấy Kashiwagi nắm cổ tay mảnh mai của thiếu phụ, rồi nắm lấy mớ tóc và thẳng tay tất dom dộp vào hai má nàng. Những động tác vũ phu liên tục của Kashiwagi đã phơi bày rõ rệt sự tàn nhẫn trầm lặng tương tự mà tôi đã thấy trước kia nó đang tia cắt những bông hoa; thực vậy, những hành động đó hình như là một sự héo dãi tự nhiên những động tác trước kia của nó.

Thiếu phụ lấy cả hai tay che mặt rồi chạy ra khỏi căn phòng. Còn Kashiwagi thì ngẩng mặt nhìn tôi trong lúc tôi bàng hoàng đứng đó. Nó mỉm một nụ cười hết sức trẻ con và nói với tôi: “Bây giờ đến lượt cậu đó. Đuổi theo mà an ủi cô ả đi! Mau lên!”

Tôi không rõ uy lực lời nói của Kashiwagi hay vì bản tâm mình cảm thấy ái ngại cho thiếu phụ mà tôi tức thời co giò đuổi theo nàng. Còn cách nhà trọ hai ba căn thì tôi đuổi kịp nàng. Đó là góc ngã tư Itakuramachi đằng sau bến xe điện Karasumaru. Dưới bầu trời đêm vãn vũ tôi nghe thấy tiếng xe điện leng keng chạy vào nhà ga, và những tia lửa tím lòe lên tan biến vào trong màn tối. Thiếu phụ rảo bước đi từ Itakuramachi về hướng đông và bước lên một đường hẻm. Tôi cứ lẳng lặng bước đi bên cạnh nàng. Nàng đang khóc. Chỉ trong chốc lát nàng nhận ra tôi và tiến lại gần tôi. Thế rồi, bằng một giọng khàn khàn như thường lệ vì đang khóc, nàng bắt đầu than vãn đủ điều với tôi về việc làm không nên không phải của Kashiwagi.

Đêm ấy nàng và tôi đã cùng nhau đi qua cá phố xá không biết bao lâu! Trong lúc nàng rót vào tai tôi bao nhiêu lời kể lể về những việc làm không ra gì, về tính tình ác độc, hèn mọn của Kashiwagi thì tôi chỉ nghe thấy có một tiếng “nhân sinh” vang dội trong không khí ban đêm. Tính tình tàn nhẫn, những mưu mẹo nhỏ nhen, những phản bội lừa dối, sự lạnh lùng ác độc, những mách lới bịp bợm để bòn tiền đàn bà con gái của nó - tất cả chỉ làm cho người ta hiểu rõ sức lôi cuốn ma quái của Kashiwagi mà thôi. Điều duy nhất riêng tôi cần tin tưởng ấy là sự thành thật của chính Kashiwagi đối với cặp chân què quặt của nó.

Sau cái chết bất ngờ của Tsurukawa, tôi đã sống một thời gian dài khá lâu mà không động chạm gì đến cuộc đời. Rồi rút cuộc tôi đã bị thúc đẩy để va chạm với một nếp sống mới - một cuộc đời đen tối hơn, nhưng ít bạc mệnh hơn, một cuộc đời càng sống thì càng thôi thúc, cổ vũ cho người ta gây đau thương cho kẻ khác. Những lời nói gọn gàng của Kashiwagi: “Không phải chỉ có giết có thể này mà thôi đâu!” một lần nữa lại vang dội bên tai và thu hút hồn tôi. Và vào giây phút ấy tôi cũng nhớ lại lời nguyện cầu của mình lúc trèo lên đỉnh núi Bất Động sơn đằng sau ngôi chùa khi chiến tranh chấm dứt và nhìn hăng hà sa số những ngọn đèn rọi sáng Kyoto: “Xin cho bóng tối trong tim tôi cũng đầy đặc, mệnh mông như bóng tối ban đêm đang bao trùm vô số những ngọn đèn kia!”

Thiếu phụ không đi về phía nhà mình, mà lại lang thang qua những ngõ ngách rất ít người qua lại; như vậy nàng có thể nói chuyện tự do. Đến lúc chúng tôi tới trước cửa căn nhà của nàng sống một mình thì tôi không còn biết hiện chúng tôi đang ở khu nào trong thành phố nữa.

Lúc ấy đã mười giờ rưỡi. Tôi muốn quay về chùa, nhưng thiếu phụ nài nỉ bảo tôi đừng bỏ nàng, vì thế tôi đã đi vào nhà với nàng. Nàng cất bước dẫn đường rồi bật đèn lên.

“Đã bao giờ anh nguyên rửa một người nào và mong cho người ấy chết chưa?”

“Có,” tôi trả lời ngay tức khắc. Kể cũng lạ mãi đến lúc ấy tôi chưa hề nghĩ tới truyện này, nhưng bây giờ thì rõ ràng là tôi cầu mong sao cho cô gái trong căn nhà trọ chết đi, nàng đã chứng kiến sự hổ thẹn của tôi.

“Thật là một điều khủng khiếp,” nàng vừa nói vừa gieo mình xuống sàn nhà trải chiếu cói và nằm nghiêng về một phía. “Tôi cũng thế.”

Đèn trong phòng nàng kể ra thực sáng lạ lùng vào những ngày mà điện bị hạn chế này. Bóng đèn hẳn phải đến một trăm watts, sáng gấp ba lần ngọn đèn trong phòng Kashiwagi. Lần đầu tiên nhìn rõ thân mình nàng dưới ánh đèn sáng rực. Tấm thắt lưng Danh cổ ốc trắng muốt nổi bật trên tấm áo Hữu thiên bằng vải tím hình hoa đăng bằng hà. Giữa sơn môn chùa Nam Thiên với phòng khách Thiên Thụ am có một khoảng cách mà chỉ có chim chóc mới bay qua được, nhưng lúc này tôi cảm thấy trong mấy năm vừa rồi tôi đã dần dần vượt qua khoảng cách đó và bây giờ đã đến gần tới nơi. Kể từ buổi chiều ấy ở trên nóc cổng tôi đã bấm vằm thời gian ra từng khoảnh khắc vụn nhỏ và lúc này tôi đã thực sự tới gần cái ý vị của tình cảm thần bí ấy ở phòng khách Thiên Thụ am. Tôi nghĩ là phải như thế. Đó là điều chẳng thể tránh nổi - người thiếu phụ này phải đổi thay y như những đường tướng mạo trên trái đất này đã đổi thay vào lúc một tia sáng từ một ngôi sao xa xôi đã rọi đến. Nếu vào lúc mà tôi nhìn thấy nàng từ trên nóc sơn môn chùa Nam Thiên nàng và tôi đã cùng nhau dự liệu buổi gặp gỡ ngày hôm nay thì đã có thể xóa mờ đi những sự thay đổi như thế trong con người nàng từ lúc ấy đến giờ; chỉ cần sửa đổi đôi chút là có thể phục hồi sự vật trở lại trạng thái trước kia của chúng và cái *tôi* vào lúc đó có thể tương kiến với cái *nàng* vào lúc ấy.

Vì vậy tôi kể cho nàng nghe câu truyện. Tôi kể một mạch hệt hơi và lấp bắp liên hồi. Trong lúc tôi nói, những chiếc lá non một lần nữa lại bắt đầu óng ánh, các vì tiên và con phượng hoàng dường vẽ ở trên trần lại trở về cuộc sống. Đôi má thiếu phụ thắm hồng và ánh mắt hoang dại của nàng lúc này thành mơ màng, rối loạn.

“Thế vậy ư?” nàng nói: “Trời ơi! Có thực đã như vậy không? Thật là một mối kỳ duyên! Phải. Chính là mối kỳ duyên!”

Lúc nàng nói, mắt nàng ràn rụa những giọt lệ vui mừng. Nàng đã quên sự tủ nhục ban nãy của mình và thay vì thế lại đắm mình vào những hoài niệm. Từ niềm vui thích này sang niềm vui thích khác nàng ngã nghiêng như điên như dại, cái vạt áo in hình hoa đăng nát nhàu.

“Bây giờ em chẳng còn tí sữa nào nữa,” nàng nói. “Ôi, đứa con bé nhỏ đáng thương của em! Không, em chẳng còn tí sữa nào, nhưng bây giờ em cũng làm cho anh điều em đã làm lần trước. Vì anh yêu em kể từ dạo đó, em sẽ coi anh cũng như anh ấy. Chừng nào còn có thể nghĩ như vậy, em thấy chẳng có gì phải xấu hổ hết. Vâng, đúng vậy. Em sẽ làm y như trước kia em đã làm.”

Nàng nói như thể sắp sửa đưa ra một quyết định quan trọng. Hành động sau đó của nàng dường như phát xuất từ một nỗi vui sướng điên cuồng hoặc một niềm tuyệt vọng không bờ bến. Tôi cho rằng chính nỗi vui sướng điên cuồng đã đưa nàng tới hành vi mê dại ấy, nhưng sức mạnh gò ép thực sự vẫn là nỗi tuyệt vọng mà Kashiwagi đã đem lại cho nàng, hoặc ít nhất là cái dư vị đắng cay của nỗi tuyệt vọng ấy còn dính mãi trong miệng.

Thế rồi ngay trước mặt tôi nàng tháo tung giải lụa thắt quanh thân mình và gỡ bỏ những dây chằng chịt. Tiếng lụa sột soạt và giải thắt lưng bung ra; và không còn bị thắt chặt, chiếc áo nàng mặc hở tung. Tôi có thể loáng thoáng nhìn thấy bộ ngực trắng nõn của người thiếu phụ. Đưa tay vén áo nàng lên nàng nâng bầu vú bên trái chìa ra ngay trước mặt tôi.

Nếu bảo rằng tôi không hề cảm thấy choáng váng, ngất ngây thì không đúng. Tôi nhìn bộ ngực của nàng. Tôi nhìn từng li từng tí. Tuy thế tôi vẫn giữ mình ở địa vị chứng nhân. Cái điểm trắng trắng thần bí mà tôi đã nhìn thấy từ xa mãi tít trên nóc sơn môn không phải là cái chất lượng nhất định của một khối thịt như thế này. Ấn tượng ấy đã ấp ủ đến lên men trong lòng tôi quá lâu nên bầu vú mà tôi nhìn thấy lúc này hình như chỉ là một khối thịt, một thứ vật chất không hơn không kém. Khối thịt này tự nó cũng không có sức mạnh để mời mọc hoặc quyến rũ. Phơi trần ra đó trước mắt tôi và hoàn toàn xa rời cuộc đời, khối thịt ấy chỉ làm chứng cứ tố cáo tính cách không cần của cuộc sống.

Tuy vậy, tôi không muốn nói điều gì dối trá; và rõ ràng là khi nhìn thấy bộ ngực nõn nà của nàng tôi liền bị choáng váng, ngây ngất ngay tức thì. Chỉ phiên một nỗi là tôi nhìn quá kỹ lưỡng, tường tận cho nên cái bầu vú mà tôi nhìn thấy đã vượt ra khỏi tình trạng bầu vú đàn bà để dần dần biến dạng trở nên một mảnh vụn vô ý vị.

Chính vào lúc ấy đã xảy ra một sự lạ. Sau khi trải qua sự thích thú đau đớn như thế cuối cùng bầu vú nàng làm tôi ngây ngất vì vẻ đẹp. Nó được trời cho một vẻ đẹp có tính chất căn cỗi, trơ trơ và trong lúc vẫn hiện ra sờ sờ trước mắt tôi bầu vú đó từ từ vùi mình vào cái nguyên lý tự thể của một bông hoa hồng. Tôi nhận ra cái đẹp rất chậm. Người khác nhận ra cái đẹp và nhục cảm trong cùng một lúc; còn đối với tôi cái đẹp luôn luôn đến chậm hơn. Bây giờ trong khoảnh khắc bầu vú thiếu phụ nổi lại những liên quan với toàn thể, nó vượt lên khỏi tình trạng chỉ là một khối thịt để trở thành vật chất bất cảm bất hủ, gần với vĩnh cửu.

Tôi hy vọng là đang nói rõ để cho người khác hiểu mình. Một lần nữa Kim Các Tự lại hiện ra trước mắt tôi. Hoặc hơn thế, tôi cần nói rằng bầu vú ấy đã biến dạng trở thành Kim Các Tự.

Tôi nhớ lại phiên túc trực trong đêm bão tố đầu thu. Nếu như ngôi chùa đã phơi mình dưới ánh trăng thì cũng có một màn tối dày đặc bao phủ lên ngôi chùa và màn tối này đã lên vào

bên trong ngôi chùa âm u, len qua các cửa sổ, qua các cửa gỗ lớn, qua các trần nhà với phiến lá vàng long lở bên dưới. Và đó là sự đương nhiên. Vì lẽ chính Kim Các Tự thực ra chỉ là hư vô đã được tạo hình và kiến trúc hết sức công phu. Đúng như vậy, bầu vú nàng bên ngoài có tỏa ra ánh da thịt sáng rực, nhưng bên trong lại chứa đầy bóng tối âm u. Thực chất của nó cũng bao gồm cái bóng tối âm u đầy đặc ấy.

Chắc chắn là tôi không say sưa, ngây ngất vì nhận thức của mình. Nhận thức của tôi đã bị chà đạp và khinh miệt; dĩ nhiên là cuộc đời và dục vọng cũng vậy. Tuy nhiên, cảm giác hoảng hốt sâu xa vẫn chưa tan hết và tôi đã ngồi ì ra đó khá lâu như thể bị tê liệt trước bầu vú phơi bày của người thiếu phụ.

Tôi cứ ngồi đó nghĩ ngợi miên man về cái bầu vú phơi bày của người thiếu phụ. Nàng nhét vú vào trong áo. Tôi cho nàng hay là tôi phải ra về. Nàng tiễn tôi ra cổng rồi đóng sầm cửa lại.

Đến lúc về tới chùa tôi vẫn còn hoảng hốt ngây ngất cả người. Trong lòng tôi cứ nhìn thấy hết Kim Các Tự rồi lại đến bầu vú của nàng. Lòng tôi tràn ngập một niềm hạnh phúc rã rời.

Tuy nhiên, khi nhìn thấy hình dáng Tổng môn của Lộc Uyển tự bắt đầu hiện ra sau rừng thông âm u đang rì rào trong gió, lòng tôi dần dần mát dịu đi, cảm giác vô lực rã rời và sự ghét bỏ - chính tôi cũng không biết là ghét bỏ cái gì nữa - nổi bật lên trong tôi.

“Như thế là một lần nữa mình lại ngăn cách với nhân sinh!” tôi tự nhủ. “Tại sao Kim Các Tự lại che chở cho mình mãi thế? Tại sao nó lại cố gắng ngăn cách mình với cuộc đời trong khi mình không bảo nó làm như vậy? Dĩ nhiên, có thể là Kim Các Tự đang cứu mình khỏi rơi xuống địa ngục. Song làm như thế, Kim Các Tự lại càng làm cho mình độc ác, xấu xa hơn những con người đã thực sự sa xuống địa ngục; nó đang làm cho mình biến thành “thằng con trai biết rõ địa ngục hơn bất cứ ai.”

Cổng chính của ngôi chùa tối đen và im lặng. Ở cổng bên, ngọn đèn chỉ tắt khi nào tiếng chuông triêu minh ngân vang lúc này còn đang le lói sáng. Tôi đẩy cửa bên. Trong chiếc xích sắt cũ kỹ han rỉ kêu loảng xoảng bên trong. Cửa mở, Ông gác cổng đã đi ngủ từ lâu. Bên trong cổng có một tấm biển ghi rõ nội quy nói rằng người nào về chùa sau mười giờ tối phải khóa cổng lại. Hai thẻ gỗ khắc tên người cho thấy chủ nhân chúng vẫn chưa về chùa. Một tấm thẻ của Lão sư phụ còn tấm kia là của ông lão bộc già nua.

Trong lúc đi về phía chùa, tôi nom thấy dựng ở bên phải nơi thợ làm việc một số những tấm ván dài khoảng năm thước đang được dùng vào việc xây cất gì đó. Dù đêm tối mình cũng có thể nhìn thấy đường vân mờ mờ trên các tấm ván. Khi tới gần hơn, tôi thấy mặt cửa rơi tung tóe khắp chỗ đó giống như những bông hoa vàng vàng nho nho rãi khắp nơi, mùi gỗ thơm phưng phức tỏa lan trong màn đêm. Trước khi vào bếp, tôi quay lại ngắm Kim Các Tự một lần nữa. Tôi đi xuống lối mòn dẫn về phía ngôi chùa và tòa kiến trúc ấy hiện rõ dần dần. Tiếng lá cây sột soạt bao quanh trong khi nó đứng đó hoàn toàn bất động giữa lòng đêm tối nhưng tỉnh táo vô cùng, thật như thể nó làm hộ vệ cho đêm tối vậy. Phần có người ở trong Lộc Uyển tự ngủ vào ban đêm, song chưa bao giờ tôi nhìn thấy Kim Các Tự ngủ cả. Tòa kiến trúc không có người

ở này có thể quên không biết ngủ. Về âm u ẩn kín bên trong nó hoàn toàn vượt ra khỏi mọi phép tắc của nhân gian.

Thế rồi bằng một giọng hầu như là nguyên rủa, lần đầu tiên trong đời, tôi sổ sàng với Kim Các Tự: “Rồi một ngày kia thế nào ta cũng chi phối được ngươi. Đúng, rồi một ngày kia ta sẽ bắt ngươi uốn mình trong phép tà ma của ta để ngươi chẳng bao giờ còn có thể chặn đường ngăn lối ta nữa.”

Tiếng tôi vang chìm trong đêm sâu của Kính Triều trì.

7

Kinh nghiệm tổng quát của tôi về cuộc đời dường như chỉ là một thứ số không. Giống y như trong một dãy dài những tấm gương soi dưới hàng hiên một hình ảnh cứ phản chiếu mãi mãi cho đến vô hạn. Những sự vật mà tôi mới nhìn thấy đã phản chiếu rõ rệt trên hình ảnh những sự vật mà tôi đã nhìn thấy trong quá khứ và tôi cảm thấy mình đang bị những sự vật tương tự dẫn dắt đi sâu tới tận cùng hành lang, vào một căn phòng mệnh mang tối tăm nào đó. Chúng ta không bao giờ đụng đầu với vận mệnh của mình một cách bất ngờ. Một người sau này bị hành án tử hình - cứ mỗi khi nhìn thấy một cột điện trên đường đi làm, cứ mỗi khi băng qua một khúc đường xe lửa - là anh ta lại luôn luôn mừng rỡ trong óc mình hình ảnh nơi hành án và rồi dần dần trở nên quen thuộc với hình ảnh đó.

Do đó, trong kinh nghiệm của tôi không hề có cái gì chồng chất tích lũy. Không một lớp đất nào đủ dày để có thể làm nên một ngọn núi bằng cách chồng hết lớp đất này đến lớp đất kia. Ngoài Kim Các Tự ra, tôi không hề cảm thấy thân thiết với bất kỳ một sự vật nào trên đời, thực vậy, tôi cũng thấy mình cách biệt chẳng hề thân thiết với những kinh nghiệm đã qua của chính mình nữa. Tuy nhiên, có một điều tôi biết chắc là trong mớ kinh nghiệm này có những tiểu bộ phận chưa bị cái biến thời gian tối om nuốt chửng, chẳng hề tan biến trong sự lặp lại vô nghĩa và bất tận - đã móc nối với nhau và sẽ làm thành một bức họa xấu xí, gớm ghiếc nào đó.

Vậy thì những tiểu bộ phận đặc biệt ấy là những cái gì vậy? Tôi đã nghĩ đi nghĩ lại tới chúng. Tuy nhiên, những mảnh kinh nghiệm vãi vung, chói sáng này lại cũng còn thiếu cả phép tắc lẫn ý vị hơn cả những mảnh vỏ chai mà mình thấy bên vệ đường nữa. Tôi không thể làm sao tin được rằng những mảnh vụn này là những miếng vỡ nát của cái mà trong quá khứ đã được tạo hình cho thành một sự vật có dáng vẻ đẹp đẽ tuyệt vời. Bởi vì trong sự khiếm khuyết hoàn toàn về ý vị và phép tắc hết sức khó coi của chúng mỗi mảnh vụn đã bị vứt bỏ rã rời này dường như vẫn còn mơ đến tương lai. Phải, tuy chúng chỉ là những mảnh vụn mà thôi, song mỗi một mảnh vụn vẫn nằm ở đó lơ lửng lơ lửng để mơ đến tương lai! Đến một tương lai! Đến một tương lai chẳng bao giờ có thể bình phục hay là khôi phục, một tương lai chẳng bao giờ đưa tay với tới được, một tương lai từ trước đến giờ chưa có ai nghe thấy, nhìn thấy.

Những hoài niệm mơ hồ như thế đôi khi cũng đem lại cho tôi một niềm hưng phấn trữ tình mà chính tôi cũng phải thấy là không thích hợp với mình. Vào những dịp như thế nếu may mắn vào đêm có trăng tôi sẽ mang sáo ra thổi ngay bên Kim Các Tự. Bây giờ tôi đã đạt đến mức độ có thể chơi bài “Ngự Sở Xa” của Kashiwagi mà không cần nhìn vào bản âm nhạc. Âm nhạc thật giống như là mộng mơ. Ngược lại, đồng thời nó cũng giống như một trạng thái thức tỉnh còn rõ

rệt hơn cả hình thức của những giờ tĩnh táo thông thường của chúng ta nữa. Tôi vẫn thường tự hỏi trong hai cái này cái nào thực sự là âm nhạc? Nhiều khi âm nhạc có khả năng làm đảo lộn hai cái trái ngược nhau này. Và có những lúc dường như tôi đã có thể hóa thân thành điệu nhạc “Ngự Sở Xa” mà tôi đang chơi. Tinh thần tôi hằng quen với niềm vui khi hóa thân thành âm nhạc. Bởi vì đối với tôi, khác hẳn trường hợp Kashiwagi, âm nhạc quả thực là một nguồn an ủi.

Lần nào thối sáo xong, tôi cũng thường tự hỏi: “Tại sao Kim Các Tự lại làm ngơ trước sự hóa thân này của tôi? Tại sao nó chẳng chê trách hoặc can thiệp khi tôi hóa thân thành âm nhạc như thế này? Chưa có một lần nào ngôi chùa lại làm ngơ đối với tôi khi tôi cố gắng hóa thân vào hạnh phúc và khoái lạc của cuộc đời. Trong tất cả mọi trường hợp như thế, ngôi chùa vẫn có thói quen ngăn cản tức khắc cố gắng của tôi và ép buộc tôi quay về với chính mình. Tại sao Kim Các Tự lại chỉ cho phép tôi được ngây ngất hoặc tìm lãng quên trong âm nhạc mà thôi?”

Mỗi khi nghĩ ngợi như thế, tôi lại thường thấy sức lôi cuốn của âm nhạc phai tàn chỉ vì Kim Các Tự đã cho phép tôi được hưởng nguồn vui đặc biệt này. Nhân vì ngôi chùa đã mặc nhiên chấp nhận việc làm của tôi cho nên âm nhạc, mặc dù có giống cuộc đời đến thế nào đi nữa, cũng đã trở thành một hình thức đó thì sự hóa thân ấy tự nó lại càng chỉ có thể là một cái gì tạm bợ.

Tôi không muốn để thiên hạ nghĩ là mình đã cúi đầu cam chịu và co đầu rút cổ lại chỉ vì đã hai lần điều đứng với đàn bà cuộc sống. Cho đến cuối năm Chiêu Hòa thứ hai mươi ba (1948) tôi vẫn còn bao nhiêu là cơ hội nữa, kể cả sự dẫn dắt của Kashiwagi; rồi chẳng hề sòn lòng nhụt chí, tôi bắt tay vào việc. Tuy nhiên, kết quả luôn luôn vẫn như thế.

Giữa con gái và chính tôi, giữa cuộc đời và chính tôi, lúc nào cũng có Kim Các Tự đứng sừng sững. Do đó, khi tôi cố nắm lấy vật gì thì vừa chạm vào tay tôi vật đó tức thời biến thành tro bụi và cái triển vọng trước mắt tôi biến ngay thành bãi sa mạc.

Có một lần khi dừng tay làm việc ngồi nghỉ trong thừa ruộng sau nhà bếp tình cờ tôi có dịp quan sát một con ong sà xuống một bông hoa cúc mùa hè nho nhỏ màu vàng. Nó bay tới gang rộng đôi cánh màu vàng óng ánh. Chọn một bông giữa biết bao hoa cúc rồi cứ vo vo bay lượn xung quanh. Tôi cố gắng nhìn bông hoa qua con mắt của con ong. Bông hoa cúc đứng im xòe rộng cánh vàng vàng và mượt mịn. Trông nó thật xinh đẹp y như một Kim Các Tự nhỏ bé và thật hoàn toàn y như Kim Các Tự vậy; tuy nhiên nó không biến dạng trở thành ngôi chùa và vẫn giữ nguyên hình dạng chỉ là một bông hoa cúc mùa hè. Đúng thế, nó vẫn cứ là một bông cúc chẳng hề đổi thay, một bông hoa, một hình thái không hề bao hàm một ám thị siêu hình nào hết. Nhờ biết giữ những tiết độ trong cuộc sống, nó đã tỏa ra một mỹ cảm tràn tề và trở thành một đối tượng thích hợp cho dục vọng của con ong mật. Ẩn mình và thở hút nơi đó làm một đối tượng cho cái dục vọng vu vù, bay lượn, quẩn quít không có dạng hình ấy mới thật là điều thần bí biết bao. Dần dà hình thái ấy mỗi lúc một mong manh hơn trông như thể sắp sửa tan vỡ, nó rung rinh và run rẩy. Điều này thật hoàn toàn tự nhiên, bởi vì chính hình thái đoạn chính của bông cúc đã được đúc khuôn theo dục vọng của con ong và chính vẻ đẹp của nó đã bùng nổ trong dự cảm về dục vọng ấy. Bấy giờ là lúc ý vị của hình thái bông hoa sắp sửa chói rạng trong

cuộc đời. Chính hình thái ấy là sự đúc khuôn của cuộc đời. Luôn luôn trôi chảy không có khuôn đúc; đồng thời sự ibay lượn của cuộc đời không hình dáng lại là sự đúc khuôn cho tất cả mọi hình thái ở trần gian này... Cứ như thế con ong mật nhào đầu chìm sâu vào bông hoa và khi phấn hoa đã bám đầy mình, nó say sưa ngất lịm. Khi đã đón tiếp con ong mật vào trần thân thể mình, bông cúc mùa hè đã tự trở thành như một con ong vàng óng, rực rỡ, có mặc áo giáp và tôi ngắm bông hoa cúc lắc mình dữ dội như thể sắp lìa cuống hoa mà bay đi bất kỳ lúc nào.

Ánh sáng và cái việc làm dưới ánh sáng hầu như đã làm tôi choáng váng. Rồi đứng vào lúc rời bỏ cái nhìn của con ong để trở về với cái nhìn của chính mình, tôi chợt nhận thấy rằng con mắt tôi từ nãy đến giờ vẫn ngắm cảnh này ở đúng vị trí con mắt của Kim Các Tự. Quả thực là như thế. Cũng như tôi đã rời bỏ cái nhìn của con ong trở về cái nhìn của chính mình vào những giờ phút ấy cuộc đời nhích lại gần tôi, tôi lại từ bỏ con mắt của chính mình và đem con mắt Kim Các Tự làm mắt mình vậy. Và chính vào những giây phút như thế ngôi chùa thường chen vào giữa để ngăn cách thân tôi với cuộc đời.

Tôi trở về với con mắt của chính mình. Trong thế giới sự vật bao la, mông lung này, con ong mật và bông cúc mùa hè chỉ còn đó để được “phối liệt”. Con ong mật bay lượn và bông hoa cúc rung rinh chẳng khác nào ngọn gió rì rào lấy mảy may. Trong cái thế giới băng giá im lìm này mọi vật đều đồng cách với nhau, và cái hình thái đã tỏa ra một sức lôi cuốn mãnh liệt như thế đã chết rồi, tuyệt rồi. bông hoa cúc chẳng còn đẹp vì hình thái của nó nữa, nhưng vì cái tên gọi mơ hồ là “hoa cúc” mà chúng ta gán cho nó và vì sự hứa hẹn chứa đựng trong cái tên gọi ấy. Vì không phải là con ong nên tôi không bị bông hoa cúc quyến rũ và vì tôi không phải là bông cúc nên chẳng con ong nào thêm muốn tôi hết. Mỗi ràng buộc thân thiết của tôi trước đây đối với các hình thái và với dòng đời đến nay đã tan biến mất rồi, thế giới đã bị vứt bỏ vào trong tính cách tương đối và chỉ còn có thời gian là chuyển động mà thôi. Tôi không muốn nhiều lời kể lể dài dòng, tôi chỉ muốn nói là khi cái Kim Các Tự vĩnh viễn, tuyệt đối xuất hiện và khi con mắt tôi biến thành con mắt Kim Các Tự thì thế giới quanh tôi đã biến thành dạng theo chiều hướng tôi đã mô tả, và theo chiều hướng là trong cái thế giới biến đổi này chỉ có Kim Các Tự là giữ nguyên được hình thái cùng vẻ đẹp riêng biệt của nó, đồng thời biến tất cả những cái khác thành cát bụi. Kể từ khi giẫm chân lên bụng cô gái điểm ấy ở trong sân chùa và đặc biệt từ sau cái chết đột ngột của Tsurukawa, tôi vẫn hằng tự mình nhắc đi nhắc lại câu hỏi này: “Thế nhưng có thể nào vẫn có tội ác hay không?”

Một ngày thứ bảy tháng giêng năm Chiêu Hòa, thứ 24 (1948), lợi dụng một buổi chiều nhàn rỗi, tôi đến một rạp chiếu bóng hạng ba. Sau khi xem phim xong, đây là lần đầu tiên sau bao nhiêu lần tôi mới lại đi bộ một mình qua khu phố Shinkyogoku. Giữa đám người đông đúc, bất chợt tôi thấy mình đang đi cạnh một khuôn mặt rất quen thuộc, nhưng trước khi tôi có thể nghĩ ra người đó là ai, khuôn mặt ấy đã chìm vào trong làn sóng người đang cuồn cuộn trên hè phố rồi biến mất đằng sau lưng tôi.

Đầu đội mũ dạ mềm, mình khoác áo choàng hạng sang, cổ quấn khăn quàng, người ấy đang đi với một người con gái mặc chiếc áo nogai đỏ ửng, rõ ràng là một cô gái *geisha*. Khuôn mặt hồng hào mũm mĩm, dáng vẻ sạch sẽ như trẻ con của người đàn ông thật khác hẳn khuôn mặt, dáng vẻ của đa số các thân sĩ, trung niên thông thường, cái mũi dài - đúng rồi, tất cả là những

nét đặc biệt của Lão sư phụ và chỉ có cái mũi dẹt mềm là che giấu được những nét đặc biệt ấy đi trong chốc lát mà thôi. Tuy chẳng có gì phải xấu hổ vì chính mình, song tôi sợ rằng tôi đã bị thượng tọa nhìn thấy. Vì lẽ ngay sau đó tôi cảm thấy phải tránh sao cho khỏi trở thành nhân chứng cho cuộc chơi hoang của Lão sư phụ rồi âm thầm dây dưa tới truyện tin cậy hoặc không tin cậy đối với ông.

Rồi rồi thấy một con chó đi qua đám đông dưới trời đêm trong sáng. Con chó này to lớn, lông sù sì và hiển nhiên đã quen đi lại ở những chỗ đông người, vì nó len lách rất khéo qua chân những người đàn bà ăn vận hoa mỹ và những người đàn ông trong những bộ động phục quân đội chiếm đóng, rồi thỉnh thoảng dừng lại đánh hơi bên ngoài một cửa hiệu bán đồ cổ, chẳng hề thay đổi kể từ thời Shogoin Yatsunashi. Lúc đó là lần đầu tiên tôi có thể nhìn rõ khuôn mặt con chó dưới ánh đèn của hiệu ấy. Một mắt nó bị bẹp dí, máu và mủ đọng lại ở nơi đuôi mắt trông giống như một viên mã não. Con mắt lành lặn thì đang nhìn thẳng xuống mặt đất. Phần lông sù sì trên lưng kết chặt lại với nhau thành cụm lớn dẫn chắc.

Tôi không hiểu tại sao con chó này lại làm tôi chú ý. Có lẽ bởi vì khi lang thang ngoài phố nó đã bước bình mang theo trong mình một thế giới hoàn toàn khác hẳn đường phố phần hoa, sáng rực này. Nó đi qua một thế giới tối đen tràn ngập khứu giác. Thế giới này chùng chất lên thế giới phố xá của nhân gian và quả thực ánh đèn của đô thị, lời ca phát ra từ những đĩa hát, tiếng cười vang vang của con người đang bị những mùi tối tăm dai dẳng đe dọa. Vì lẽ trật tự của mùi ấy xác thật hơn, và mùi nước đái bám ở những cái chân ướt át của con chó quả thực có dây dưa với cái mùi khó ngửi thoang thoang do nội tạng con người tiết ra.

Trời rét như cắt. Mấy người thanh niên trông giống những tay chạy hàng chợ đen trong khi đi xuống phố đã bẻ những cây thông tang hoàn trong dịp đầu năm hầy còn bày ở ngoài một vài cửa hiệu mặc dù những ngày nghỉ lễ đã chấm dứt. Họ xòe lòng bàn tay đeo găng da để xem ai đã bút được nhiều nhất. Một người trong bọn chỉ nắm được vài chiếc lá thông trong tay; một người khác có cả một cành thông nho nhỏ. Họ phá ra cười rồi đi mất hút.

Tôi thấy mình đang đi theo con chó. Có lúc đã nghĩ là mất hút nó rồi, nhưng lại thấy nó hiện ra ngay tức khắc. Nó rẽ vào con đường dẫn tới Kawaramachi. Tôi cứ bước theo sau nó và đi tới chỗ đường xe điện chạy. Khu này tối hơn là khu Shikyogoku. Con chó biến đâu mất. Tôi dừng lại và đưa mắt nhìn quanh khắp bốn phía. Tôi đi đến góc phố và cứ tiếp tục kiếm tìm nó. Vừa lúc đó một chiếc xe hơi có tài xế lái thuê, khung xe bóng lộn dừng lại trước mặt tôi. Người tài xế mở cửa và liền đó một thiếu nữ bước lên xe, tôi nhìn nàng chăm chăm. Người đàn ông sắp sửa bước theo cô gái lên xe, nhưng khi nhận ra tôi, người ấy chôn chân tại chỗ.

Đó là Lão sư phụ. Tôi chẳng hiểu trời đất run rủi làm sao mà Lão sư phụ lúc nầy đã vượt qua tôi đến bây giờ lại đứng đầu tôi đánh đốp như thế này. Dù sao đúng là Lão sư phụ rồi, tôi còn nhớ rõ tấm áo người con gái mặc bước vào trong xe màu đỏ thẫm.

Lúc này thì không còn cách nào tránh né nữa. Những cuộc chạm trán đã làm tôi bàng hoàng chấn động cả người mà chẳng nói được câu nào. Trước khi tôi lắp bắp thốt ra được một lời thì những âm thanh ngọng nghịu cứ sôi lên ở trong miệng tôi. Cuối cùng khuôn mặt tôi phơ bầy

một tình cảm hoàn toàn ngoài ý muốn của mình. Thực ra, tôi đã làm một điều hoàn toàn không đúng chỗ: tôi đã nhìn về phía Lão sư phụ và bật ra một tiếng cười.

Tôi không thể giải thích tiếng cười này. Hình như nó đã từ bên ngoài đi tới rồi đột nhiên chui vào miệng tôi. Tuy nhiên, khi Lão sư phụ nhìn thấy tôi cười, nét mặt ông thay đổi hẳn.

“Thằng nhãi con điên khùng này!” ông nói “Có phải mày định theo dõi tao hay không thì bảo?”

Nói rồi ông bước vào xe, đóng cửa đánh sầm như đập vào mặt tôi. Khi chiếc xe đã đi rồi tôi mới biết ra Lão sư phụ quả thực đã nhìn thấy tôi lúc ông và tôi chạm trán nhau ở Shinkyogoku.

Ngày hôm sau tôi cứ chờ đợi mãi Lão sư phụ gọi mình lên mắng mỏ. Nếu vậy tôi sẽ có cơ hội để tỏ bày tự sự. Nhưng, cũng như lần trước, sau hôm tôi giẫm chân lên bụng con diêm, lần này Lão sư phụ cũng vẫn hành hạ tôi bằng cách bắt tôi chịu một cuộc khảo vấn không lời.

Vào đúng lúc đó tôi nhận được một lá thư nữa của Má. Bà cũng vẫn chấm dứt lá thư bằng những lời dặn dò thường lệ là chỉ sống trong hy vọng được nhìn thấy tôi trở thành sư trưởng trụ trì Kim Các Tự.

“Thằng nhãi con điên khùng kia có phải mày định theo dõi tao hay không thì bảo?” khi tôi nhớ lại những lời Lão sư phụ đã găm lên với tôi thì mỗi lúc tôi lại càng thấy những lời đó không xứng hợp chút nào. Nếu làmột tu sĩ Thiền tông thuần thành hơn, có đầu óc rộng rãi và hài hước hơn thì có lẽ Lão sư đã chẳng bao giờ dùng những lời mắng nhiếc tầm thường như thế đối với môn đệ của mình. Đáng lẽ ông phải ban ra một lời răn dạy đanh thép, hữu hiệu hơn. Dĩ nhiên, bây giờ Lão sư phụ chẳng làm sao rút lại lời nói của mình, nhưng tôi biết chắc thật ra ông đã hiểu lầm khi cho rằng tôi có dụng tâm theo dõi ông và đã tỏ ý cười nhạo ông như thể tôi đã gạp ông phạm vào một điều phi pháp nào đó; do vậy ông phát cáu và tự nhiên tỏ ra giận dữ một cách tầm thường.

Dù sự thực có thể nào đi nữa việc Lão sư phụ không nói một lời lại trở nên mằm mống khó chịu cứ càng ngày càng đè nặng lên tôi. Sự tồn tại của Lão sư phụ đã trở thành một sức mạnh vĩ đại, nó đã trở thành y như hình bóng của con bướm đêm bay lượn chập chờn trước mắt như trên tức người ta.

Khi có người mời đi làm lễ ở bên ngoài, Lão sư phụ có thói quen mang theo một hoặc hai thị tăng. Ngày trước vào những dịp này lúc nào cũng có mặt ông Phó ti, nhưng mới đây, do đường lối gọi là dân chủ hóa nên thường thường năm người chúng tôi - ông Phó ti, ông Điện ti, tôi và hai đồ đệ nữa - thay phiên nhau tháp tùng Lão sư phụ. Ông quản liêu, vốn nổi tiếng nghiêm khắc trong bọn chúng tôi, đã bị gọi nhập ngũ và đã bị chết trận rồi. Công việc của ông ta nay đã có ông Phó ti bốn mươi lăm tuổi kiêm nhiệm. Sau khi Tsurukawa qua đời, có một đồ đệ mới xuất gia đến bổ sung trong chùa.

Đúng lúc ấy có một thượng tọa trụ trì một ngôi chùa (chùa thuộc cùng một phái với Tướng quốc tự) mới qua đời và Lão sư phụ của chúng tôi được mời đến dự những nghi thức nhập viện

của vị trụ trì tân mệnh. Thì ra đã đến phiên tôi theo hầu Lão sư. Vì Lão sư phụ không tỏ ý gì tránh né việc tôi theo hầu nên tôi hy vọng là có dịp may để giải bày cho ông nghe trên đường đi hoặc lúc trở về. Thế nhưng vào đêm trước buổi lễ lại có sự sắp đặt cho người đồ đệ mới cùng đi. Thế là mọi hy vọng của tôi bị đe dọa nặng nề.

Những ai đã từng quen đọc văn học Ngũ sơn hẳn còn nhớ bài thuyết pháp nhân dịp Ishimuro Zenkyu nhập viện ở Vạn Thọ tự tại Kyoto vào Khang An nguyên niên (1361). Những lời thuyết pháp hoa mỹ và vị tân mệnh trụ trì nói ra khi nhập viện và khi đi từ sơn môn tới Phật điện qua Thổ Địa đường, Tổ Sư đường và sau cùng đến biệt phòng Phương trượng đã được truyền lại cho chúng tôi. Chỉ tay về hướng sơn môn ông đã đồng dục nói những lời giọng đầy vui thích khi gánh vác trách nhiệm của vị tân mệnh trụ trì: “Đứng trong Thiên vực cửu trùng, đứng trước cổng Đế thành Vạn thọ, hai tay không ta mở khóa cổng, hai chân không ta trèo lên đỉnh Côn Lôn linh thiêng.”

Lễ dâng hương bắt đầu. Thoạt tiên vị tu sĩ làm lễ Tự pháp hương để tỏ lòng báo ân vị Tự pháp sư. Thời xưa, khi Thiền tông chưa bị giam hãm trong quán lệ và khi người ta coi trọng hơn hết sự tỉnh ngộ của mỗi cá nhân thì người đệ tử thường lựa chọn sư phụ của mình hơn là sư phụ chọn lựa đệ tử. Vào thời đó, không những người đệ tử thụ nghiệp nơi vị sư phụ đầu tiên đã dẫn dắt cho mình mà còn ở nhiều vị sư phụ khác nữa; và trong buổi lễ *Tự pháp hương* này, thường nêu tên vị sư phụ mình nguyện sẽ tiếp nối nghiệp cho ai nấy cùng biết.

Trong khi đứng xem nghi thức dâng hương trang trọng này, tôi tự hỏi khi đến lượt mình hành lễ tự pháp hương ở Lộc Uyển tự liệu tôi có theo tục lệ mà nêu tên Lão sư phụ hay không. Có lẽ tôi sẽ phá vỡ cái tục lệ đã kéo dài trong bảy trăm năm và nêu tên một vị nào khác. Sự giá lạnh trong Phương trượng vào buổi chiều đầu xuân này, mùi thơm ngào ngạt của năm loại hương, vòng anh lục lấp lánh đằng sau bộ Tam cụ túc (bình hoa, đài nến và lò hương) và vòng hào quang rực rỡ bao quanh pho tượng Phật, vẻ tươi sáng và những tấm cà sa trên mình các tu sĩ được mời đến dự lễ... và nếu một ngày kia tôi thấy chính mình phải làm lễ dâng hương theo nghi lễ Tự Pháp? Tôi tưởng tượng ra dáng vẻ của mình trong buổi lễ tân mệnh trụ trì. Làn không khí giá lạnh buổi đầu xuân sẽ cổ vũ cho tôi vui vẻ làm nghịch lại tập quán cổ truyền. Lão sư phụ sẽ đến dự lễ; và ông sẽ ngỡ ngàng không nói nên lời và sẽ giận dữ đến xám xanh mặt. Vì lẽ tôi sẽ đọc một tên không phải tên ông. Một tên khác? Nhưng vị sư phụ khác đã dậy dỗ tôi bước vào con đường tỉnh ngộ chân thực là ai? Tôi đang tắc tị. Tật nói lắp của tôi đã bít lối không cho cái tên vị sư phụ đó thoát ra khỏi miệng tôi. Tôi lắp bắp; và trong lúc lắp ba lắp bắp thì một cái tên khác bắt đầu buột ra - tôi bắt đầu nói “Cái Đẹp” và “Hư Vô”. Thế là tất cả mọi người hiện diện trong buổi lễ đều phá ra cười, và tôi đứng như trời trồng, vụng về, cứng ngắc giữa tiếng cười của mọi người.

Tôi bất chợt tỉnh mộng. Lão sư phụ có vài việc phải làm; và với tư cách một thị tăng, tôi có bốn phận tiếp tay cho ông. Đối với một thị tăng được hiện diện trong một dịp lễ như thế này thật là một điều rất đáng tự hào; đặc biệt là trong trường hợp tôi, vì lẽ Thượng tọa trụ trì Lộc Uyển tự là bậc thượng thủ trong hàng tân khách. Khi Lão sư phụ của tôi đã niệm hương xong, ông lấy cái chùy gọi là “bạch chùy” gõ một tiếng để chứng minh rằng vị tân mệnh trụ trì hôm nay không phải là một *Nhạn phù đồ*, nghĩa là, một nhận phùng chủ hay một anh tăng sĩ tiềm

vị. Ông ê a tụng “*Pháp duyên long tượng chúng Đương quan đệ nhất nghi*” rồi cầm bạch chùy gõ khẽ một tiếng nữa. Lúc đó tôi mới thấy được quyền lực huyền diệu của Lão sư phụ.

* * *

Tôi không thể làm sao chịu được cảnh Lão sư phụ cứ lặng lẽ buông trôi câu truyện vừa qua mà không nói một lời, nhất là tôi không biết rồi ra sự im lặng này sẽ kéo dài bao lâu. Nếu tôi được trời phú cho tình cảm nào đó của con người thì tại sao tôi lại không hy vọng tìm thấy ở người đời như ở Lão sư phụ mà tôi thường tiếp xúc, những tình cảm tương ứng. Dù là yêu hay ghét cũng được. Gần đây tôi có cái thói quen đồn mạt là mỗi khi có dịp cứ quan sát về mặt Lão sư phụ, nhưng chẳng một lần nào có thể phát hiện những tình cảm đặc biệt trên khuôn mặt ấy. Nét mặt thản nhiên của ông chẳng phải là lạnh lùng. Có thể là khinh miệt, nhưng nếu quả như vậy, thì đó không phải là sự khinh miệt đối với tôi như một cá nhân mà với một cái gì tổng quát, một cái gì chẳng hạn ông đã hướng về nhân gian nói chung hoặc về những khái niệm trừu tượng khác nhau.

Vào khoảng thời gian này tôi cố ép mình gọi ra hình ảnh cái đầu tựa đầu loài thú của Lão sư và những hành vi nhục thể khó coi của ông. Tôi tưởng tượng ra ông đang làm việc bài tiết và tôi cũng mừng tượng ra ông khi ông nằm ngủ với người con gái mặc tấm áo choàng đỏ rực ấy! Tôi nhìn thấy những nét thản nhiên, không chút tình cảm trên khuôn mặt ông và một dáng vẻ có thể là tươi cười, có thể là đau đớn chột lộ trên khuôn mặt ông khi khuôn mặt ấy dờ dãi vì khoái cảm.

Da thịt ông mềm mại, mịn mát khi tan biến vào da thịt cũng mịn mát, mềm mại của người con gái và khi hai thân hình ấy quyện chặt vào nhau không làm sao phân biệt được. Cái bụng phưỡn của ông áp chặt vào cái bụng phình của cô gái. Tuy nhiên, kể cũng kỳ lạ, dù có tưởng tượng đến đâu đi nữa lúc nào tôi cũng chỉ thấy nét mặt lạnh lùng thản nhiên không lộ chút tình cảm nào của Lão sư phụ với dáng vẻ như loài thú trong khi bài tiết hoặc lúc tính giao và chẳng bao giờ có một cái gì lấp kín khoảng trống giữa hai cái này cả. Cực đoan này được trực tiếp biến sang cực đoan kia, ở giữa chẳng hề có một sắc hợp tình cảm nào trong cuộc sống thường nhật mớ nổi. Chỉ có một điều duy nhất có chút xíu liên hệ đó là lời mắng mỏ có vẻ thô lỗ của Lão sư phụ vào chiều hôm ấy: “Thằng nhãi con điên khùng kia, có phải mày định theo dõi tao hay không thì bảo?”

Sau khi suy nghĩ và chờ đợi đến mệt dừ cả người, cuối cùng tôi thấy mình có một thèm muốn hết sức mạnh mẽ, dai dẳng: chỉ cần làm sao bắt gặp được một cái nhìn ghét bỏ rõ rệt trên mặt Lão sư phụ. Kết quả của tất cả những ý nghĩ đó là một sự sắp đặt hết sức điên rồ, trẻ con và bất lợi rõ rệt cho tôi; nhưng tôi không làm sao còn có thể tự kiềm chế nữa. Tôi cũng chẳng thèm để ý là cái trò chơi ác này sẽ chỉ làm cho Lão sư phụ hiểu lầm tôi thêm khi trước kia ông đã nghĩ rằng tôi đã dụng tâm theo dõi ông.

Tôi gặp Kashiwagi ở đại học và hỏi nó tên cùng địa chỉ cửa hiệu ấy. Kashiwagi cho tôi biết liền mà chẳng hề hỏi đến lý do. Tôi đi ngay đến cửa hiệu ấy xem xét tỉ mỉ một lô ảnh khổ bưu thiếp chụp các cô danh kỹ trong khu Kỳ viên. Mới đầu tôi thấy những bộ mặt trát phấn dày cộm

của các cô gái ấy trông đều giống hệt như nhau, nhưng nhìn kỹ một lúc tôi thấy nhiều nét khác biệt nhỏ nhất bắt đầu hiện rõ. Qua lớp son phấn lơ lửng bây giờ tôi có thể phân biệt rõ những sắc điệu biểu hiện bản chất từng khuôn mặt ấy - tối tăm hoặc sáng sủa, lạnh lợi thông minh hoặc đẹp dễ dàng độn, ủ dột hoặc hớn hởi, bất hạnh hoặc may mắn. Cuối cùng tôi giở tới tấm hình mình đang muốn tìm. Dưới ánh đèn điện sáng trưng của cửa hiệu, hình ảnh phản chiếu lấp lánh trên mặt giấy bóng lộn thật khó mà nhìn rõ tấm ảnh, nhưng khi đã soi theo đúng chiều ánh sáng tôi có thể nhận ra đích thực đây là khuôn mặt cô gái mặc áo choàng đỏ chót.

“Xin cho tôi tấm ảnh này,” tôi nói với người bán hàng.

Sự táo bạo đặc biệt của tôi vào lúc này tương ứng hoàn toàn với việc tôi đã hoàn toàn thay đổi và thấy trong lòng nhẹ nhõm, ngập tràn một niềm vui sướng không thể giải thích được kể từ lúc quyết tâm thực hiện sách lược của mình. Mới đầu tôi có ý định chọn lúc nào Lão sư phụ đi vắng để cho ông không biết được là ai đã làm việc đó, nhưng bây giờ nỗi hăm dọa mới có của tôi đã dẫn dắt tôi đến chỗ lựa chọn cái phương pháp nguy hiểm là làm thế nào để không ai có thể làm lẫn về trách nhiệm của tôi cả.

Tôi vẫn có bốn phen đem báo buổi sáng tới phòng Lão sư phụ. Một buổi sớm tháng ba, khi trời hãy còn giá lạnh, như thường lệ tôi đi ra cổng ngoài lấy báo đem vào. Tim tôi đập thình thịch lúc tôi rút trong túi ra tấm ảnh cô gái ở khu Kỳ viên để đem nhét vào trong tờ báo.

Mặt trời buổi sáng chiếu vào cây tô thiết mộc ngay giữa tiền đình có hàng rậu vây quanh. Vỏ cây tô thiết cứng dần sù sì biến màu rõ rệt dưới ánh sáng mặt trời. Bên trái là cây bồ đề nhỏ. Một vài con chim nhước cuối màu đậu trên cành cất mấy tiếng hót êm nhẹ nghe như tiếng tràng hạt cọ vào nhau. Vào lúc này trong năm vẫn còn chim nhước thì kể cũng lạ, nhưng cái mớ lông tơ vàng vàng, li ti ấy mà tôi nhìn thấy trước ánh mặt trời xuyên qua cành cây, thực chẳng thể thuộc về loài chim nào khác. Những hòn sỏi trắng óng nằm lạng lẽ trong tiền đình.

Tôi cẩn thận đi men theo hành lang, cho chân khỏi bước vào những vũng nước còn sót lại đó đây khi vừa lau nhà xong. Cửa phòng Lão sư phụ trong Đại Thư Viện đóng kín mít. Hãy còn sớm quá nên tấm liếp kéo bằng giấy trắng còn chiếu sáng chói lọi.

Tôi quì ở ngoài hành lang và nói như thường lệ: “Thưa, con có thể vào được không?” Nghe tiếng Lão sư phụ cho phép tôi ần tấm cửa kéo bước vào phòng rồi đặt tờ báo gấp nhẹ vào một góc bàn giấy. Lão sư phụ đang bận đọc một cuốn sách nên không nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi lui bước, khép cửa lại và vừa từ từ đi theo hành lang trở lại phòng mình vừa cố gắng hết sức để giữ bình tĩnh.

Khi tới phòng riêng, tôi ngồi xuống hoàn toàn buông mình theo kích động rộn rã cho tới lúc rời chùa đi học. Chưa bao giờ trong đời mình tôi lại trong chờ một cái gì với hy vọng như thế. Mặc dù đã dụng ý làm cho Lão sư phụ tức giận, song cái khung cảnh lúc này đây tôi đang đợi chờ lại chỉ chứa đầy nguồn nhiệt tình của giây phút mà hai con người đi đến chỗ hiểu biết lẫn nhau.

Có lẽ Lão sư phụ sẽ bất thành linh nhảy bổ vào phòng tôi và tha thứ cho tôi. Và nếu ông tha

thứ cho tôi, có lẽ lần đầu tiên trong đời mình tôi sẽ đạt tới cái tình cảm trong sáng, thuần khiết trong đó Tsurukawa đã luôn luôn sống. Lão sư phụ và tôi sẽ ôm lấy nhau, và tất cả những gì còn lại sau đó chỉ là sự tiếc rằng sao chúng tôi đã hiểu nhau quá chậm.

Giấc mơ này không kéo dài lâu, nhưng thực khó mà giải thích rằng tại sao tôi lại có thể buông mình theo những không tưởng dờ dẩn như thế dù chỉ trong một thời gian ngắn ngủi. Khi lạnh lùng bằng cái hành vi ngu dại này tức là tôi đã tự gạt bỏ tên mình khỏi danh sách những người có thể kế nghiệp ông và như thế, tự mình tôi đã dọn đường cho việc vĩnh viễn không bao giờ có hy vọng trở thành chủ nhân Kim Các Tự nữa - trong suốt thời gian này tôi bị cái mục tiêu tức thời lôi cuốn, chấp trước đến nỗi quên hết sự tha thiết trọn đời của mình đối với Kim Các Tự.

Tôi vểnh tai nghe ngóng phía phòng Lão sư phụ trong Đại Thư Viện. Tôi chẳng nghe thấy một tiếng động nào hết.

Bây giờ tôi bắt đầu chờ đợi con thịnh nộ của Lão sư phụ, chờ đợi tiếng la hét như sấm rền của ông. Về phần mình, tôi cảm thấy nếu có bị đánh đập, đá cho ngã lăn xuống sàn nhà và nện cho chảy máu lênh láng thì chẳng có gì đáng hối tiếc nữa. Nhưng về phía Đại Thư Viện vẫn hoàn toàn im lặng; trong lúc tôi ngồi trong phòng chờ đợi không một tiếng động nào tới gần.

Rồi lúc rời Lộc Uyển tự để đi đến trường, tôi thấy lòng mình hoàn toàn trống rỗng, rã rời và hoang lạnh. Tôi không thể tập trung tư tưởng vào bài giảng và khi vị giáo sư hỏi tôi một câu thì tôi đã trả lời sai bét chẳng ăn thua gì đến câu hỏi khiến cho ai nấy đều bật cười. Tôi liếc mắt nhìn Kashiwagi và thấy rằng có mình nó là thờ ơ với việc này và đang nhìn ra cửa sổ. Hẳn là nó cũng biết cái bi kịch đang diễn ra trong lòng tôi.

Khi tôi trở về chùa vẫn chẳng có gì thay đổi hết cả. Nếp sinh hoạt vĩnh viễn, ngọt ngào, đen tối trong chùa đã trở thành khuôn phép chắc chắn đến nỗi giữa ngày này với ngày khác chẳng làm sao có được sự khác biệt nào cả.

Mỗi tháng có hai buổi giảng nghĩa giáo điển; hôm nay chính là ngày có buổi giảng bài như thế. Mọi người trong chùa đều tụ tập ở phòng Lão sư phụ để nghe ông thuyết giảng. Tôi trộm nghĩ là ông sẽ khéo léo lấy cớ giảng kinh *Vô Môn Quan* để trách mắng tôi trước mặt tất cả mọi người. Tôi có lý do đặc biệt để tin tưởng điều này. Tôi cảm thấy có một thứ can đảm đầy nam tính đã thúc đẩy tôi tôi ngồi ngay trước mặt Lão sư phụ trong buổi thuyết giảng tối nay. Tôi thấy Lão sư phụ sẽ đáp lại bằng cách chính ông bày tỏ một đức tính tốt đẹp của bậc nam nhi: ông sẽ giẫm chân lên sự đạo đức giả và cáo bạch cho mọi người trong chùa biết rõ hành trạng của mình rồi sau đó sẽ chinh tôi một trận vì cái hành vi tồi tệ của tôi.

Tất cả mọi người ở trong chùa đã tụ tập xong đâu vào đấy dưới ngọn đèn lò mờ, ai nấy đều cầm trong tay một bản kinh *Vô Môn Quan*. Đêm tối lạnh lẽo, song chỉ có một cái bếp lò nhỏ đặt ngay cạnh Lão sư phụ để sưởi ấm. Tôi nghe thấy tiếng người hắt hơi. Họ ngồi đó, cả già lẫn trẻ, bóng hình lúc đậm lúc nhạt in trên các khuôn mặt cúi khom, và trên nét mặt họ có cái gì hết sức dờ dẩn. Người đồ đệ mới, ban ngày đi dạy ở một trường tiểu học, là một anh chàng cận thị

và cái kính trắng cứ tuột mãi xuống sống mũi xương xương của anh ta.

Chỉ riêng tôi cảm thấy được sức mạnh trong cơ thể mình. Ít nhất đó là điều tôi đã tưởng tượng. Lão sư phụ mở cuốn kinh của ông, rồi đưa mắt nhìn quanh khắp một vòng hết chúng tôi. Tôi đưa mắt nhìn theo cái nhìn của ông. Tôi muốn ông thấy rõ là tôi hoàn toàn không hề cúi mặt nhìn xuống. Nhưng khi cặp mắt có những múi thịt múp míp bao quanh đưa đến chỗ tôi, chúng lại chẳng tỏ ra có mấy may cảm hứng nào và rồi lướt nhìn qua các bộ mặt khác.

Bài thuyết giảng bắt đầu. Tôi chỉ những chờ đợi cái giây phút khi bắt chợt bài giảng chuyển vào vấn đề của mình. Tôi chăm chú lắng nghe. Giọng lão sư phụ cao vút kéo dài. Không có một tiếng nói nào phát ra từ nội tâm ông hết.

Đêm hôm đó tôi không sao ngủ được. Trong lúc trần trọc, tôi thấy lòng mình tràn ngập một sự khinh miệt đối với Lão sư phụ và một niềm ước muốn chế diễu cái thói đạo đức giả của ông. Thế nhưng, sau đó dần dần một cảm giác hối hận chỗi dậy trong lòng tôi và bắt đầu xoa dịu những ý nghĩ ngạo mạn của tôi. Sự khinh miệt của tôi đối với thói đạo đức giả của Lão sư phụ, kỳ diệu thay lại liên hệ với sự suy nhược dần dần của tâm hồn tôi, và kết cục tôi đâm ra có ý nghĩ là riêng đối với tôi thực ra Lão sư phụ chẳng là cái quái gì hết, vì vậy dù cho tôi có năn nỉ xin ông tha thứ thì cũng chẳng phải là một sự thất bại. Tâm hồn tôi sau khi đã trèo lên tận đỉnh một con dốc thật cao bây giờ đang lao xuống chân dốc thật nhanh.

Tôi định tâm vào sáng hôm sau sẽ tới xin lỗi Lão sư phụ. Sáng hôm sau, tôi lại quyết định sẽ tới xin lỗi vào một lúc nào đó trong ngày. Tôi nhận thấy nét mặt Lão sư phụ chẳng mấy may thay đổi.

Đó là một ngày lộng gió. Sau khi ở đại học về, bắt đầu tôi mở ngăn kéo ra. Tôi nhìn thấy một cái gì gói kín trong bao giấy trắng. Đó là tấm ảnh. Trên tờ giấy không có một chữ nào. Hiển nhiên, Lão sư phụ đã chủ tâm dùng phương pháp này để kết thúc vấn đề. Ông không có ý hoàn toàn bỏ qua hành vi tôi, nhưng muốn tôi thấy rõ là hành vi đó chẳng có hiệu lực gì hết. Tuy nhiên cung cách đem trả lại tấm ảnh lạ kỳ của ông đã khiến cho trí óc tôi tưởng tượng đến hàng chuỗi hình ảnh.

“Như vậy Lão sư cũng đã đau khổ rồi!” tôi nghĩ vậy. Trước khi xử sự như thế này hẳn ông đã phải trải qua bao nỗi ưu phiền ghê gớm. Hẳn là bây giờ ông phải ghét tôi kinh khủng. Chắc không phải ông đâm ra ghét tôi vì tôi đã làm cho ông bó buộc phải cư xử một cách khó coi như vậy. Chỉ vì một tấm ảnh này mà Lão sư phụ bó buộc phải hành động lén lút ngay trong ngôi thiền tự của riêng ông. Ông đã phải lén lút men theo hành lang vào lúc không có một ai ở đó. Rồi lén vào phòng một tên đồ đệ, nơi từ trước đến nay ông chưa bao giờ đặt chân tới và mở ngăn kéo của tôi ra y như một kẻ phạm tội. Đúng thế, bây giờ ông đã có đủ thập phần lý do để mà ghét tôi.”

Nghĩ vậy tôi chợt thấy lòng mình tràn ngập một niềm vui khó tả. Rồi tôi bắt tay vào một công việc thích thú. Tôi lấy kéo cắt tấm ảnh cô gái ra thành nhiều mảnh nhỏ. Xong đâu đấy tôi lấy một tờ giấy cứng ở cuốn vở của tôi gói ghém cẩn thận những mảnh vụn ấy trong hai lớp

giấy rồi nắm chặt gói giấy trong tay đi ra tới chỗ gần Kim Các Tự. Sự quân xúng u uất thường lệ vẫn tràn ngập ngôi chùa nhô cao dưới bầu trời đêm sáng trắng lộng gió. Hàng cột mảnh mai đứng xích lại gần nhau; dưới ánh trăng rọi thẳng xuống những hàng cột trông tựa các sợi dây đàn còn chính ngôi chùa lại giống như một nhạc khí khổng lồ dị dạng. Mặt trăng lúc thấp lúc cao đã gây nên ấn tượng khác thường này. Đêm nay thấy thực là rõ. Tuy vậy, gió lùa qua khoảng trống giữa các sợi dây đàn cầm nín ấ lại chẳng tạo nên một tiếng đàn nào cả.

Tôi cúi xuống nhặt một hòn đá, gói vào trong tờ giấy rồi buộc thật chặt vào gói giấy. Thế rồi những mảnh vụn của tấm hình khuôn mặt cô gái, do sức nặng của hòn đá, chìm xuống đáy Kính Triều trì. Sóng nước lăn tăn trải dài khắp bốn phía chẳng mấy lúc đã lan tới bờ nước ngay dưới chân tôi.

Việc tôi đột nhiên chạy trốn khỏi chùa vào tháng mười một năm ấy là kết quả của sự tích lũy những sự việc này. Về sau nghĩ lại tôi nhận ra rằng sự trốn chạy có vẻ đột ngột thực ra đã được tiến hành từ lâu qua biết bao thời kỳ phân vân và ưu lự. Tuy nhiên, tôi lại thích nghĩ rằng đó là vì một vài rung động đột ngột thôi thúc. Vì tự căn bản, trong con người tôi thực hoàn toàn thiếu sót những xung động mô phỏng. Chẳng hạn trong trường hợp một người tối hôm trước đã dự định đi thăm một thân phụ vào ngày hôm sau, nhưng tới lúc ra khỏi nhà đứng trước nhà ga, người đó lại đột nhiên đổi ý và quyết định tới thăm một người bạn chèn chén của mình, như vậy trong trường hợp này người đời có thể nào nói là có một xung động thuần túy hay không? Phải chăng sự đổi ý đột nhiên của người đó là thứ hành vi phục thù đối với ý chí của mình? Thực ra, có phải đó là cái gì có *ý thức hơn* sự chuẩn bị từ lâu để đi thăm mộ hay không?

Cái động cơ trực tiếp đã khiến tôi phải bỏ chùa chạy trốn là việc hôm trước Lão sư phụ đã nói rõ cho tôi hay: “Trước đây đã có lúc ta định bụng cho con kế vị ta sau này, nhưng bây giờ ta có thể nói thẳng cho con hay là ta không còn giữ ý định đó nữa.”

Đó là lần đầu tiên tôi nghe thấy một lời tuyên cáo như thế, song lẽ ra tôi nên đoán trước và đợi chờ một lời tuyên cáo như vậy mới phải. Tôi không thể làm rabộ là lời nói của Lão sư phụ như một tiếng sét đánh ngang tai hoặc đã làm cho tôi sững sờ hoảng hốt. Tuy vậy, tôi vẫn thích nghĩ là những lời nói của Lão sư phụ đã va chạm làm nổ bùng và một xung động đột nhiên đã gây ra việc tôi bỏ chùa trốn chạy.

Sau khi đã chắc chắn là làm cho Lão sư phụ ghét bỏ mình vì cái trò chơi ác về tấm hình, tôi bắt đầu xao lãng việc học hành tại trường; điều đó thực rành rành ai cũng thấy rõ. Thành tích của tôi trong năm dự bị là 84 điểm trong khi hai môn khá nhất: Hoa ngữ và Lịch sử và 748 điểm tổng cộng tất cả các môn; như vậy được xếp hạng 24 trong lớp học 84 người cả thảy. Tôi chỉ vắng mặt tất cả có 4 giờ trong số 464 giờ học. Sang năm thứ nhì, tổng cộng tôi chỉ được có 693 điểm và tụt xuống thứ 35 trong 77 sinh viên. Nhưng sang đến năm thứ ba tôi mới thực sự xao lãng việc học hành - chẳng phải vì có tiền để rong chơi mà chỉ vì thích biếng lười không chịu học. Và tình cờ học kỳ mới trong năm thứ ba lại bắt đầu ngay sau câu truyện về tấm ảnh.

Khi học kỳ thứ nhất chấm dứt, nhà trường gửi giấy về chùa yêu cầu chú ý đến sự thụt lùi của tôi và tôi bị Lão sư phụ gọi lên trách mắng và thành tích quá tệ, số giờ vắng mặt quá nhiều,

nhưng điều làm Lão sư phụ giận dữ nhất là trong một học kỳ chỉ có ba ngày giảng dạy về “Tiếp tâm” (môn học đặc biệt cho tăng sĩ Thiền tông) thì tôi đều trốn học cả ba. Cả một năm chỉ có chín ngày giảng dạy về “Tiếp tâm” chia làm ba lần, mỗi lần ba ngày trước những dịp nghỉ đầu mùa hạ, mùa đông và mùa xuân, và mọi việc đều theo đúng các hình thức trong những đạo trường chuyên môn.

Lão sư phụ đặc biệt cho gọi tôi lên tận phòng riêng của ông để nghe ông trách mắng, việc này tự nó là một điều hiếm thấy. Tôi cúi đầu đứng yên. Trong thâm tâm tôi đang chờ đợi Lão sư sẽ xoay sang một câu chuyện nào đó; nhưng không, ông đã chẳng hề dả động tí gì đến câu chuyện tầm ảnh cả, mà ông cũng chẳng nhắc nhở gì tới câu chuyện cô gái điếm cùng việc cô này đến làm tiền ông.

Chính từ đạo này trở đi Lão sư phụ có thái độ lãnh đạm rõ rệt đối với tôi. Nói cho đúng ra đó thực là điều tôi hằng mong đợi, là chứng tích tôi thêm được thấy và tôi coi điều này như là một thứ thắng lợi. Tuy nhiên, muốn đạt được sự thắng lợi ấy thì tôi chỉ cần cứ việc lười biếng. Trong học kỳ đầu tiên của năm thứ ba tôi vắng mặt 60 giờ - gấp năm lần tổng số giờ vắng mặt trong cả năm thứ nhất. Trong suốt những giờ vắng mặt ấy tôi không hề đọc một quyển sách nào, mà tôi cũng chẳng có tiền để đi tìm thú vui. Đôi khi tôi cũng có nói chuyện với Kashiwagi, song thường thường tôi chỉ ngồi một mình không làm gì hết; và như vậy những ký ức của tôi về đại học Otani thường pha trộn một cách thân mật với những ký ức về sự vô vi lười biếng. Sự vô vi lười biếng này có lẽ là một lối thực tập “Tiếp tâm” đặc biệt của tôi về Thiền học, và khi đã đắm mình vào sự thực tập ấy, chẳng có một lúc nào tôi cảm thấy chán nản hết.

Có một lần tôi ngồi hàng giờ trên bãi cỏ ngắm một đàn kiến thi nhau khênh những mẩu đất nhỏ xíu. Thực không phải đàn kiến đã làm cho tôi thích thú. Một bạn khác tôi đang ngó ngần không biết trong bao lâu bên ngoài đại học ngắm đọt khói mong manh bốc lên từ ống khói xưởng máy ở đằng sau nhà trường. Thực không phải làn khói đó đã lôi cuốn cảm hứng của tôi. Vào những giờ phút như thế, tôi cảm thấy dường như đã đắm mình trọn vẹn vào cuộc sống của chính *cái tôi*. Thế gian bên ngoài nhiều phần đã nguội đi và từ lúc ấy lại được hâm nóng lại. Tôi biết nói ra sao nhỉ? Tôi cảm thấy thế giới bên ngoài đã lốm đốm loang lổ và lại có dọc vằn ngang nữa. Bản thân bên trong của tôi và thế giới bên ngoài đã thay đổi vị trí một cách từ từ không theo một quy tắc nào cả. Cái phong cảnh vô ý vị vẫn hằng bao quanh tôi chợt sáng rực lên trước mắt tôi; trong lúc sáng rực, phong cảnh ấy xông xáo, len lách tìm đường chui vào trong tôi và chỉ những phần còn lại không chui vào được là tiếp tục óng ánh ngoài xa một cách sinh động. Những phần chói sáng ấy có thể là lá cờ trên nóc một xưởng máy hoặc một vết dơ trên tường hay chiếc guốc cũ kỹ nát mục vứt bỏ trên bãi cỏ. Dần dần tất cả sống dậy trong tôi - và rồi chúng lại chết đi. Hoặc giả liệu tôi có nên nói, tất cả mọi hình thức tư tưởng không thành hình? Những sự việc trọng yếu dắt tay đi đôi với những việc tầm thường nhất, và những sự kiện chính trị ở châu âu mà tôi đọc thấy trong báo sáng nay trở nên có liên hệ khăng khít với chiếc guốc gỗ cũ kỹ đang nằm ở dưới chân tôi đây.

Tôi suy nghĩ hàng giờ về cái góc nhọn do đầu một ngọn cỏ tạo thành. Có lẽ từ ngữ “suy nghĩ” không được thích đáng cho lắm. Cái quan niệm lạ lùng, vớ vẩn này của tôi không có quá trình sinh hoạt liên tục, nhưng cứ xuất hiện rồi lại biến đi như một điệp khúc trong bản nhạc

nào đó. Tại sao cái góc nhọn ấy lại phải nhọn hoắt đến thế? Giả như nếu nó là một góc bẹt thì liệu sự xếp loại của “cỏ” có bị mất đi không và liệu thiên nhiên có tránh khỏi bị băng hoại từ một góc bẹt trong toàn thể hay không? Khi một cái cực tiểu lấy ra khỏi thiên nhiên thì liệu toàn thể thiên nhiên có biến dạng hay không? Cứ theo phương pháp này tâm trí tôi vẫn vơ suy nghĩ hết từ quan điểm này đến quan điểm khác.

Việc Lão sư phụ trách mắng tôi chẳng mấy chốc trong chùa ai ai cũng biết, do đó đối với tôi họ có thái độ thù nghịch rõ rệt hơn. Người đồ đệ đã từng ghen ghét tôi về việc tôi được gửi lên đại học bây giờ bất kỳ lúc nào nom thấy tôi hắn cũng hình hích cười một cách đắc ý.

Tôi tiếp tục sống ở trong chùa trong suốt mùa hè và mùa thu, và ít khi hé miệng chuyện trò với ai. Vào buổi sáng trước ngày tôi bỏ chùa trốn đi Lão sư phụ bảo ông Phó ti gọi tôi vào phòng Lão sư phụ. Hôm đó là ngày mồng chín tháng mười một. Vì sắp sửa rời chùa lên trường nên tôi mặc bộ đồ đồng phục.

Khuôn mặt phúng phính của Lão sư phụ vẫn tươi tắn như thường lệ, nhưng để sửa soạn nói cho tôi hay điều gì không vui, khuôn mặt ấy chợt đanh lại một cách lạ kỳ. Tuy nhiên, với riêng tôi thì tôi lại lấy làm thích thú là được thấy Lão sư phụ nhìn tôi như thể đang nhìn một tên hủi. Đó chính là nét mặt tôi thật tình mong được nhìn thấy nơi ông một ánh mắt có mang tình cảm của con người.

Lão sư phụ quay mặt nơi khác không nhìn tôi. Trong lúc nói, ông xoa hai bàn tay vào nhau hơ trên lò sưởi. Hai bàn tay ông thịt da mềm mại chỉ tạo nên một âm thanh khe khẽ, thế nhưng tôi lại nghe thấy như vang vang và hình như phá tan vẻ trong sáng của làn không khí buổi sáng sớm đầu mùa đông. Sự cọ sát giữa da thịt một ông hòa thượng với chính da thịt ông ta tạo nên một cảm giác thân mật không cần thiết.

“Ba con ở dưới tuổi vàng sẽ buồn rầu xiết bao khi biết sự thể đã đến như thế này!” Ông nói. “Hãy xem lá thư này! Một lần nữa nhà trường lại gửi một lá thư lời lẽ rất gay gắt. Con nên suy ngẫm xem nếu cứ tiếp tục như thế này thì sự thể sẽ ra sao.” Và rồi ông bắt thẳng sang những điều ông muốn nói. “Trước đây đã có lúc ta định bụng cho con kế vị ta sau này, nhưng bây giờ ta có thể nói thẳng cho con hay là ta không còn giữ ý định đó nữa.”

Tôi ngồi im lặng một lúc lâu. Rồi tôi nói: “Như vậy tức là thầy bỏ rơi con phải không?”

“Có thực là con nghĩ rằng ta sẽ không bỏ rơi con sau vụ này không?” Lão sư phụ nói sau một lúc im lặng.

Tôi không trả lời, nhưng ngay sau đó tôi nghe thấy chính mình lắp bắp thốt ra một điều gì về một việc hoàn toàn khác biệt. “Bạch thầy, thầy biết rõ con từng chân tơ kẽ tóc. Con nghĩ con không biết rõ về thầy từ kẽ tóc chân tơ.”

“Và giả như thực sự con biết hết thì đã sao đâu.” Hòa thượng nói, trong mắt ông hiện ra một ánh u ám. “Con có biết hết thì cũng chẳng đi đến đâu. Thật hoàn toàn vô ích mà.”

Từ trước đến giờ chưa lần nào tôi nhìn thấy một khuôn mặt nào lại hoàn toàn xa rời cuộc đời này đến như vậy. Từ trước đến giờ chưa lần nào tôi nhìn thấy khuôn mặt một con người mặc dù đã nhúng tay vào mọi thú vị của cuộc sống, nào bạc tiền, nào đàn bà con gái, lại hoàn toàn khinh miệt cuộc đời này cho đến thế? Lòng tôi tràn ngập những hiềm ố như thể tôi đang đứng trước một cái xác chết nhưng hãy còn âm ấm, da dẻ hãy còn hồng hào.

Vào lúc ấy tôi thấy lòng mình tràn ngập ước muốn mãnh liệt, thống thiết xa lánh tất cả mọi khung cảnh bao quanh mình, dù chỉ trong một chốc lát. Sau khi lui gót khỏi phòng Lão sư phụ, tôi thấy cái ước muốn đó lại càng dữ dội hơn nhiều khiến tôi chẳng thể nghĩ đến điều gì khác nữa.

Tôi lấy cái khăn gói cuộn quyển từ điển Phật giáo và chiếc sáo Kashiwagi đã cho tôi lại. Khi tới trường mang theo cặp sách và khăn gói này tôi thấy ý định ra đi cứ ám ảnh mãi đầu óc.

Bước vào cổng trường, tôi vui lòng hết sức khi thấy Kashiwagi đang đi đằng trước, tôi kéo tay nó lại và dẫn ra vệ đường. Tôi bảo nó cho tôi vay ba nghìn *yen* và giữ lấy cuốn từ điển và chiếc sáo muốn làm gì thì làm. Lúc này, trên khuôn mặt nó không hề có một dấu vết nào của cái dáng vẻ sáng khoái triết học quen thuộc nó hằng có mỗi khi đưa ra một nghịch thuyết. Nó neho mắt lại nhìn tôi, ánh mắt như có lò mờ sương khói.

“Mày có nhớ lời khuyên con trai của ông bố anh chàng Laerter trong bi kịch *Hamlet* hay không? ‘Đừng bao giờ cho ai vay tiền mà cũng đừng bao giờ đi vay tiền ai, vì cho vay tiền thì thường mất cả tiền lẫn bạn.’

“Tớ đâu còn bố nữa mà nói,” tôi đáp. “Nhưng hãy cùng nhau bàn tính lại xem nào. Tớ không biết liệu có thể cào cấu đâu được đủ ba ngàn *yen* hay không?

Tôi đã định bụng nói phăng cho Kashiwagi nghe những lời thiếu phụ dậy cảm hoa kể lại về cái mảnh khoe móc tiền đàn bà con gái của nó nhưng rồi đột nhiên tôi cố tự kiềm chế lại.

“Trước hết mình nên thu xếp cho xong cuốn từ điển và chiếc sáo này đi đã.”

Nói rồi Kashiwagi quay ngoát lại đi ra phía cổng trường. Tôi cũng quay lại và bước theo, cất bước thật chậm để khỏi vượt qua nó. Nó bắt đầu kể cho tôi nghe truyện thằng bạn sinh viên làm chủ tịch câu lạc bộ Quang Minh đã bị bắt vì bị tình nghi buôn tiền chợ đen. Thằng này đã được phóng thích vào tháng chín và sau đó gặp nhiều khó khăn ghê gớm, vì không được thiên hạ tin dùng như trước nữa. Ngay từ mùa xuân, Kashiwagi đã đặc biệt chú ý đến thằng chủ tịch hội Quang Minh và hai đứa chúng tôi vẫn thường hay nói chuyện về thằng ấy! Cả hai chúng tôi đều tin chắc rằng thằng ấy đối với xã hội hãy còn mạnh thế lắm; và hiển nhiên là chúng tôi không thể ngờ rằng chỉ hai tuần lễ sau thằng ấy đã tự tử.

“Cậu cần món tiền ấy để làm gì vậy?” Kashiwagi đột nhiên hỏi. Dường như nó đặt một câu hỏi thực là kỳ cục.

“Tớ muốn đi lang thang đến một nơi nào đó.”

“Thế rồi cậu có trở lại không?”

“Có lẽ.”

“Tại sao cậu lại chuồn vậy?”

“Tớ muốn chạy trốn tất cả những gì vây bọc thân tớ, chạy trốn cái mùi vô lực mà mọi người quanh tớ tiết ra nồng nặc. Lão sư phụ cũng vô lực. Vô lực một cách khủng khiếp. Tớ cũng biết rõ điều ấy nữa.”

“Thế cậu cũng muốn xa lánh cả Kim Các Tự nữa ư?”

“Đúng thế! Xa lánh cả Kim Các Tự nữa.”

“Thế Kim Các Tự cũng vô lực à?”

“Không, tất nhiên là Kim Các Tự không vô lực! Nó là căn nguyên tạo ra sự vô lực của mọi người.”

“Phải rồi, cậu nghĩ đến điều đó là phải,” Kashiwagi nói; và nó vừa nhún nhảy bước ra vừa chặc lưỡi một cách vui vẻ. Tôi theo nó bước vào một cửa hiệu bán đồ cổ nho nhỏ, giá lạnh, nơi nó bán chiếc sáo. Người ta chỉ trả nó bốn trăm *yen* thôi. Sau đó, chúng tôi dừng lại ở một cửa hiệu bán sách cũ và xoay xỏa bán cuốn từ điển được có một trăm *yen*. Hầy còn thiếu hai nghìn năm trăm *yen* nữa. Kashiwagi dẫn tôi về nhà trọ để lấy. Sau khi đã đưa cho tôi mượn tiền nó mới đưa ra một đề nghị thực là kỳ lạ. Nó giải thích, cái sáo là vật nó cho tôi mượn nên tôi phải hoàn lại còn cuốn từ điển thì có thể coi như món quà tặng. Vậy là tôi mới chỉ trả lại nó những gì vốn là của nó, và số tiền bán đồ được năm trăm *yen* cũng thuộc về nó nốt. Khi thêm vào hai ngàn năm trăm *yen* thì số tiền cho vay đương nhiên là ba nghìn *yen*. Về số tiền ba nghìn *yen* này, mỗi tháng Kashiwagi muốn nhận được mười phần lãi đến khi nào tôi trả hết nợ. Theo lời Kashiwagi, so với số tiền lời thực là cao ba mươi tư phần trăm của câu lạc bộ Quang Minh thì vay lãi như thế này còn nhẹ hơn nhiều. Và tính tiền lãi thấp như thế này ấy là nó đã ban cho tôi một ân huệ. Nó rút ra một tờ giấy dày, một nghiên mực rồi thịnh trọng ghi lại các điều kiện cho vay. Đoạn nó bảo tôi điểm chỉ vào tờ giấy chứng vay tiền đó. Vì chán chường buồn nghĩ đến tương lai, tôi liền nhúng tay cái vào nghiên mực rồi ấn mạnh lên tờ biên nhận vay nợ.

Tim tôi đập thành thịch vì sốt ruột. Rồi nhà trọ Kashiwagi với ba nghìn *yen* trong túi tôi lên xe điện đến tận trước công viên Thuyền Cương mới xuống xe. Tôi lao đầu chạy lên các bậc thềm đá vòng vèo dẫn đến thần xã Kiến Huân. Tôi định xin một quẻ thẻ để xem thánh dậy ra sao về cuộc hành trình của mình. Ngay từ dưới chân các bậc thềm đá người ta đã có thể nhìn thấy chính điện của thần xã Nghĩa Chiếu Đạo Hà, màu đỏ sặc sỡ và cả hai con cáo có lưỡi sắt vây quanh. Mỗi con cáo ngoạm một cuốn giấy và bên trong những vành tai vểnh lên nhọn hoắt của chúng cũng sơn màu đỏ choét.

Hôm ấy trời giá lạnh. Thỉnh thoảng gió lại rập rờn len lách qua những làn ánh sáng mặt trời

mỏng manh. Ánh nắng yếu ớt xuyên qua các hàng cây làm cho những bậc thềm đá trông như có rải một lớp tro mịn. Trông như là tro bắn vì ánh sáng mờ nhạt quá.

Tôi chạy thẳng một hơi ngược lên các bậc thềm đá, và khi tới cái tiền đình rộng rãi trước Kiến Huân thần xã thì người tôi ướt đầm mồ hôi. Ngay trước mắt tôi là một hàng thềm đá nữa dẫn thẳng tới Bái điện. Mái ngói bằng phẳng chạy dài xuống phía các bậc thềm. Hai bên lối đi dẫn tới ngôi đền có những cây thông nho nhỏ uốn éo vươn mình dưới bầu trời mùa đông. Xã vụ sở với vách gỗ màu đã cũ thì ở bên phải và trên cửa có treo một tấm biển ghi những chữ: “Sở Nghiên Cứu Vận Mệnh”. Giữa Xã vụ sở và Bái điện là căn Thổ tàng màu trắng. Phía ngoài có mấy cây sam cành lá thưa thớt, nhô lên dưới những đám mây trắng đục, giá lạnh đang lửng lơ, rải rác trên đầu tôi chứa đầy một thứ ánh sáng tang tóc. Từ đây người ta có thể nhìn thấy những ngọn núi phía tây thành phố Kyoto.

Vị thần chủ tế ở Kiến Huân thần xã là Nobunaga (Tín Trường). Ngay con cả của vị thần này là Nobutada (Tín Trung) cũng được thờ ở bên cạnh. Đây là một miếu thờ đơn giản chỉ có hàng lan can màu đỏ chót vây quanh bái điện là làm tăng thêm màu sắc.

Tôi trèo lên các bậc thềm và cúi đầu vái lạy. Sau đó tôi nhắc cái ống hình lục giác cũ kỹ đặt trên một cái giá gần ngay hộp đựng tiền cúng tạ. Tôi lắc mạnh cái ống gỗ, một thanh tre vót nhọn có khắc chữ nhô ra khỏi miệng ống. Trên đó có viết con số “14” bằng mực Tàu. Tôi lui gót quay lại.

“Một bốn, một bốn,” tôi lẩm bẩm một mình trong lúc đi xuống các bậc thềm. Âm thanh của các con số dường như đông đặc lại trên lưỡi tôi và dần dần có một vài ý vị.

Tôi đi đến cổng ngoài của xã vụ sở và đánh tiếng. Một người đàn bà đứng tuổi hiện ra. Hiển nhiên, mục đang giặt giũ gì đó và đang vội vã chùi tay vào cái khăn quần trước người. Mặt lạnh lùng như tiền, mục nhận ở tay tôi số tiền mười *yen* đã quy định trước.

“Số bao nhiêu?” mục hỏi.

“Mười bốn.”

“Xin đứng đợi đằng kia.”

Tôi ngồi xuống đầu hè và đợi. Tôi chợt nghĩ nếu mà vận mệnh tôi lại được quyết định bởi những bàn tay sần sùi, ướt át của mục đàn bà này thì thực là vô nghĩa quá chừng. Tuy vậy cũng chẳng sao vì tôi tới thần xã này đúng là để đánh bạc mà tìm kiếm một sự vô nghĩa như thế. Phía bên trên kia cánh cửa kéo bằng giấy, tôi nghe tiếng chuông ở ngăn kéo cổ lỗ kêu leng keng trong lúc rõ ràng là mục đàn bà đang gắng sức lôi ngăn kéo ra một cách khó khăn. Rồi tôi lại nghe thấy tiếng xé giấy và một lúc sau cánh cửa kéo hé mở.

“Đây cậu ơi.” Người đàn bà vừa nói vừa đưa ra một tờ giấy mỏng dính rồi sau đó đóng cửa lại. Ngón tay trở ướt át của mục ta đã để lại một vệt ướt trên một góc tờ giấy.

Tôi đọc quẻ thẻ “Số mười bốn - Hung,” quẻ thẻ ghi vậy. *“Nhữ hữu thử gian giả loại vi bát thập thần sở diệt. - Nếu còn lẫn quất nơi này, người sẽ bị tám mươi vị thần tiêu diệt.* Sau khi đã bị đem dí những hòn đá nung vào người, những mũi tên nhọn cắm sâu vào thịt và nhiều cực hình khác nữa, theo lời dạy của tổ thần, hoàng tử Okuri đã rời bỏ xứ này. Đây là điềm triệu người phải lén lút trốn đi.”

Lời giải thích in dưới toàn nói đến những điều bất an và bất như ý trên con đường trước mặt tôi. Những lời giải thích ấy không làm tôi hoảng sợ. Tôi tìm những điều khá ghi ở phía dưới cùng tờ giấy và khoản mục nói về xuất hành.

“Xuất hành - Hung. Hết sức tránh đi về hướng Tây Bắc.”

Đọc thấy thế rồi, tôi bèn quyết định đi về hướng Tây Bắc.

Xe lửa đi Tsuruga rời ga Kyoto lúc bảy giờ kém năm sáng. Ở chùa cứ năm giờ rưỡi sáng là lúc thức dậy ra khỏi giường. Vào sáng mồng mười khi tôi thức dậy và thay ngay quần áo, mặc bộ đồng phục sinh viên không một ai tỏ vẻ nghi ngờ gì hết. Mọi người trong chùa vẫn có thói quen làm ra vẻ không thèm nhìn đến tôi.

Trong ánh sáng lờ mờ của buổi bình minh công việc trong chùa luôn luôn hỗn độn một chút. Người thì bận quét dọn, người thì lo lau chùi, công việc quét dọn lau chùi kéo dài cả tiếng đồng hồ cho tới sáu giờ rưỡi. Tôi ra ngoài và bắt đầu quét tiền đình. Tôi dự định ra đi ngay khỏi chùa không mang theo vật gì hết, như thế tôi đã đột nhiên biến mất một cách thần kỳ. Cái chổi và tôi lướt nhẹ trên lối đi trải đá sỏi tủa màu trắng nhợt dưới ánh sáng buổi sớm tinh sương. Rồi bất chợt chiếc chổi sẽ rơi xuống, tôi sẽ biến đi và không còn gì sót lại trong ánh bình minh nhạt mờ ngoại trừ những viên sỏi trắng nằm im trên lối đi. Đó, tôi tưởng tượng sự ra đi của mình phải như thế đó! Chính cái lý do này tôi đã không cáo biệt Kim Các Tự. Cần nhất là tôi phải bất chợt dứt mình khỏi toàn cảnh đã vây hãm tôi và - cái toàn cảnh giam hãm này gồm có cả Kim Các Tự. Tôi hướng ngọn chổi dần dần về phía tổng môn. Qua các cảnh thông tôi còn nhìn thấy những ngôi sao lấp lánh.

Tim tôi đập thành thạch trong lồng ngực. Bây giờ tôi phải *ra đi*. Từ ngữ này hình như đang rập rờn bay trong không khí. Dù cho nó có xảy ra điều gì đi nữa tôi vẫn phải ra đi - ra đi khỏi cái hoàn cảnh, cái quan niệm của tôi về cái đẹp đã từng kìm kẹp tôi bấy lâu, cái nỗi khảm kha bất ngộ, cái tật nói lắp và mọi điều kiện trong cuộc sống của tôi.

Cái chổi buột khỏi tay tôi rơi vào bóng tối của làn cỏ giống như một quả chín rụng khỏi cành cây. Tôi len lết bước về phía tổng môn, núp mình sau các thân cây. Khi đã qua khỏi tổng môn rồi, tôi bắt đầu co giò vắt chân lên vai mà chạy. Chuyển xe điện đầu tiên buổi sáng chạy tới gần. Tôi bước lên. Trên xe chỉ vền vện có mấy người; trong có vẻ là những người lao động. Tôi dầm mình ngay dưới ánh ngọn đèn điện chói chang trong toa xe. Tôi cảm thấy đường như suốt cả đời chưa bao giờ mình đã ngồi vào một chỗ sáng sủa như thế.

Tôi ghi nhớ rõ mồn một từng chi tiết của cuộc hành trình. Tôi đã trốn đi và biết rõ mình sẽ tới nơi nào. Tôi quyết định đến một quận mà đã có lần tôi tới thăm trong một cuộc du ngoạn

với cả trường khi tôi còn ở trung học. Thế nhưng trong lúc dần dần tiến tới nơi đó, những cảm xúc của tôi về *ra đi* và *giải phóng* lại mạnh mẽ đến nỗi tôi cảm thấy như thể đang tiến về một nơi chưa bao giờ biết tới.

Tôi đang đi trên toa tàu chạy trên con đường quen thuộc từng dẫn tôi về cố quận của mình; những dưới mắt tôi, con tàu cũ kỹ đen mầu bồ hóng này chưa bao giờ lại có vẻ xa lạ như lúc này và cũng chưa bao giờ có những màu tươi mát đến như thế. Nhà ga, tiếng loa phóng thanh rè rè vang âm trong không khí bình minh, tất cả lặp lại cùng một tình cảm duy nhất, gia tăng cường độ tình cảm ấy và phát tỏa ra trước mắt tôi một triển vọng hết sức trữ tình. Ánh sáng ban mai cắt sân ga rộng lớn thành nhiều khu. Tiếng giày dép chạy lẹp kẹp trên sân ga, tiếng chuông nhà ga dai dẳng đều đều, tiếng guốc gỗ khua lẹp kẹp, màu sắc một quả cam mật mà một người bán hàng ở sân ga nhặt trong thúng giơ lên - tất cả hiện ra đối với tôi như là một ám thị hoặc điềm báo của một sự vật to lớn mà từ đây tôi đã đem trao phó hết cả thân mình.

Từng mảnh nhà ga đơn độc, dù nhỏ bé đến thế nào, cũng đều tập trung vào cái tình cảm nổi bật của tôi về sự biệt ly và xuất phát. Sân ga bắt đầu lui lại phía sau tôi với một dáng vẻ rất chững chạc. Tôi cảm thấy rõ ràng như vậy. Đúng thế, tôi cảm thấy cái mặt phẳng xi măng cốt sắt không có chút tình cảm đã được rọi sáng ra sao bởi cái vật đang chuyển động, xa rời và ra đi.

Tôi ngả lưng vào thành tàu. Đây thực là một lối nói buồn cười; tuy nhiên, không có một lối nói nào khác để bảo chứng cho cái ý nghĩ mơ hồ và vị trí của tôi đang dần dần xa cách và di chuyển khỏi nhà ga xe lửa Kyoto. Đã bao đêm rồi, trong khi nằm trong Lộc Uyển tự, tôi đã từng nghe thấy tiếng còi những chuyến tàu chở hàng hóa rúc lên khi chạy qua gần vườn hoa trong chùa và tôi không khỏi lấy làm lạ là chính mình lúc này lại đang ngồi một trong những con tàu ấy ngày đêm cứ vun vút lao mình về phía không biết mỗi mệ.

Bây giờ chúng tôi đang đi mau men theo gần dòng sông Hozu mà trước đây lâu lắm tôi đã nhìn thấy khi đi trên con tàu này cùng với ông bố bệnh tật ốm đau. Miền đất nằm giữa nơi này và Sonobe về phía tây dãy núi Atago và dãy núi Arashi có một khí hậu hoàn toàn khác hẳn thành phố Kyoto. Có thể đó là do ảnh hưởng của các luồng không khí. Trong ba tháng mười, mười một và chạp cứ vào khoảng mười một giờ đêm luôn luôn có một lớp sương mù từ mặt sông Hozu dâng lên bao phủ khắp địa phương cho đến khoảng mười giờ sáng hôm sau. Thật hiếm khi lại thấy một khoảng trống trong lớp sương mù ấy khi nó từ mặt đất dâng lên rồi bỗng bành trôi về phía xa.

Cái mảnh ruộng vườn trải rộng mờ mờ ở hai bên con tàu, và những thửa ruộng đã gặt hái rồi và bây giờ đang khoác một màu xanh thẫm. Một vài gốc cây rải rác, to nhỏ ngăn cách những thửa ruộng với nhau. Người ta chặt hết những cành lá sà thấp xuống và lấy những tấm chiếu rơm quấn quanh: các thân cây khẳng khiu (trong quận gọi là “chưng lung” hay nôi nấu hơi) để khi các thân cây lần lượt nhô ra khỏi sương mù chúng sẽ trông giống như hồn ma của những thân cây. Có lần một cây liễu to lớn hiện ra hết sức rõ rệt ngay sát cửa sổ con tàu. Ở dưới là cánh đồng lúa màu tro hầu như không nhìn thấy rõ; những cành liễu ướt át, buông nặng rủ xuống một cách buồn thảm và toàn thân cây liễu nhẹ nhàng đu đưa trong làn sương mù.

Lúc mới ra khỏi Kyoto thì lòng tôi thật là vui thích, đến lúc này đang bị những truy ức về những người đã chết đè nặng. Khi tôi nhớ lại Uiko, ba tôi và Tsurukawa thì một niềm thương yêu triu mến khó tằn hai dâng lên trong lòng tôi và tôi tự hỏi phải chăng trên đời này tôi chỉ có thể thương yêu những người đã chết mà thôi. Dù sao đi nữa, đem so với những người còn sống, những con người đã chết mới thực dễ yêu làm sao.

Toa xe lửa hạng ba không đông người lắm, người ta ngồi đó - những con người sống mà mình thực khó lòng thương yêu nổi - đang bận hút thuốc lá hoặc bóc vỏ cam mật mà ăn. Bên cạnh tôi là một người viên chức già chắc là làm việc ở một công đoàn nào đó. Ông ta đang nói tiếng oang oang với một người đàn ông khác. Cả hai đều mặc những bộ quần áo cũ kỹ, nhàu nát mà tôi nhìn thấy cả phần vải rách mướp, vằn sọc lòi ra khỏi ống tay áo mỗi người. Một lần nữa tôi lại thấy rõ rệt là khi người ta trở nên già nua, vẻ tầm thường chẳng hề giảm bớt chút nào. Những bộ mặt xạm nắng, nhăn nheo con nhà bách tính ấy, những giọng nói khàn khàn vì hơi rượu ấy có thể nói đã tiêu biểu cho tinh hoa của một loại tầm thường nào đó.

Họ đang bàn bạc xem phải tìm đến những ai để xin gia công đóng góp cho công đoàn của họ. Một ông lão hói đầu ngồi đó, nét mặt điềm nhiên. Ông lão không góp lấy một lời nào vào một câu truyện mà chỉ lấy cái khăn mặt bông lau đi lau lại hai bàn tay khiến cho ban đầu chiếc khăn trắng toát song bây giờ vì lau mãi nên đã hóa ra thành màu vàng khè.

“Nhìn hai bàn tay đen xì của tôi này!” ông lão khẻ nói. “Khói than làm bẩn hết cả rồi vì tôi ngồi ở đây. Thật khó chịu quá chừng!”

“Có lần cụ viết thư cho báo phản nản về truyện khói tàu có phải không, thưa cụ?” Một người đàn ông khác, lúc này đã bắt đầu góp chuyện lên tiếng.

“Dạ, thưa không,” ông lão hói đầu nói, “Nhưng thật nó làm mình khó chịu quá đi - cái khói tàu này!”

Tuy không lắng tai nghe, song tôi vẫn phải nghe những lời chuyện trò của họ. nghe thấy trong câu truyện, những người này cứ nhắc đi nhắc lại mãi đến Kim Các Tự và Ngân Các Tự. Họ đều đồng ý với nhau là phải đòi hỏi cho kỳ được sự đóng góp cụ thể của hai ngôi chùa này. Tiền thu vào cửa của Ngân Các Tự chỉ bằng nửa ở Kim Các Tự, vậy mà cũng đã là một món tiền khá lớn rồi. Một người đưa ra tỉ dụ là hàng năm Kim Các Tự thu vào có lẽ tới hơn năm triệu *yen*. Chi phí thực sự cho ngôi chùa Thiền tông, kể cả tiền điện nước, cũng không thể vượt quá hai mươi vạn *yen* trong một năm. Vậy thử hỏi số tiền thừa trữ lại để làm gì? Thật là dễ hiểu quá mà. Hòa thượng trụ trì đã bắt các chú tiểu của mình ăn cơm nguội trong khi mỗi đêm ông đem tiền cho gái ở xóm Kỳ Viên. Hơn nữa, chùa chiền lại được miễn thuế. Thật là như thể chùa chiền ở xứ này đã được hưởng trị ngoại pháp quyền vậy. Mình phải đốc thúc cho thật dữ dội để yêu cầu những ngôi chùa ấy đóng góp mới được!”

Câu truyện họ nói cứ thế mà tiếp diễn. Khi họ ngừng, ông lão đầu hói, vẫn lấy cái khăn mặt bông lau chùi tay mình, lúc đó mới cất tiếng: “Chà, khó chịu quá đi thôi!”. Lời ông đã kết luận thay cho mọi người. Bấy giờ tay ông không còn một vệt than đen nào nữa; hai bàn tay ấy đã

được lau chùi, đánh bóng và toát ra cái ánh bóng lộn giống như một đồ gỗ chạm trổ đẹp mắt. Những bàn tay đã làm sẵn của ông lão thực giống như một đôi găng tay hơn bất kỳ một cái gì khác.

Nghe có vẻ lạ, nhưng đây thực là lần đầu tiên tôi có dịp được nghe những lời phê bình của thế gian. Sống trong Kim Các Tự, chúng tôi thấy đều thuộc về thế giới tăng lữ, và ngay trường đại học cũng nằm trong thế giới ấy. Chưa bao giờ chúng tôi trao đổi với nhau những lời phê bình liên quan đến ngôi chùa cả. Vậy mà câu chuyện giữa những người viên chức già nua này chẳng hề làm tôi ngạc nhiên chút nào hết. Những điều họ nói với nhau đối với tôi chỉ là sự thực rành rành. Chúng tôi thì phải ăn cơm nguội. Hòa thượng thì đi chơi ở xóm Kỳ Viên. Sự thực rành rành ra đấy. Nhưng điều làm cho tôi tức tối không sao chịu nổi ấy là chính bản thân tôi đã phải được hiểu bằng cái phương pháp hiểu biết mà những viên chức già này vừa mới phơi bày ra. Nếu tôi đã được người ta hiểu bằng *những lời nói của thiên hạ* thì thật là không chịu nổi. Vì lẽ *những lời nói của tôi* thì khác hẳn. Xin nhớ cho rằng ngay cả khi nhìn thấy Lão sư phụ đi chơi với cô danh kỹ xóm Kỳ viên ấy tôi cũng chẳng hề vì đạo đức mà có ý ghét bỏ ông lấy một mảy may.

Vì những lý do này cuộc nói chuyện của mấy ông viên chức già đã bay ra khỏi tâm trí tôi, chỉ còn rơi rớt lại một sự ghét bỏ mơ hồ và một mùi vị tầm thường khó tan biến. Tôi không có ý định cầu mong thiên hạ ủng hộ những tư tưởng của chính mình. Mà tôi cũng chẳng có ý định tạo nên một khuôn khổ cho những tư tưởng của mình để cho thế gian có thể hiểu được dễ dàng hơn. Như tôi đã nói nhiều lần, việc không được người khác hiểu thấu chính là lý do tồn tại của tôi.

Đột nhiên cánh cửa toa tàu mở ra và một người bán hàng xuất hiện, trước ngực đeo lưng lẳng một cái rổ lớn. Anh ta rao hàng bằng một giọng khàn khàn. Bất giác tôi thấy bụng rỗng và mua một hộp đồ ăn trưa. Bữa ăn gồm có miến màu lục trong đó hải thảo hiển nhiên đã được dùng thay cho bột gạo. Sương mù đã tan, nhưng bầu trời vẫn chưa sáng. Ở phía chân ngọn núi Tamba, tôi nhìn thấy những cây dâu tằm mọc lên trên mặt đất khô cằn và những căn nhà trong đó người ta đang làm giấy viết.

Vịnh Maizuru. Cái tên này đã làm cho lòng tôi xốn xang, cảm động y như trong quá khứ vậy. Kể từ thời niên thiếu trong thôn Shiraku gần đó, “Maizuru” đã trở nên một thứ tên gọi chung để nói đến vùng biển mà mình không nhìn thấy và về sau từ ngữ này dùng tiêu biểu cho một dự cảm về biển cả.

Cái vùng biển vô hình ấy không thể nhìn thấy rõ rệt từ đỉnh núi Thanh Diệp, nhô lên đằng sau thôn Shiraku. Tôi đã hai lần trèo lên đỉnh núi ấy. Vào lần thứ hai chẳng ngờ tôi đã nhìn thấy một hạm đội liên hiệp đang hạ neo tại quân cảng Maizuru. Những chiếc tàu chiến đang cắm neo trong vịnh nước óng ánh ấy rất có thể nằm trong một thể phân phối bí mật nào đó. Tất cả mọi thứ xung quanh hạm đội này đều chìm trong một màn cơ mật khiến mình không khỏi nghi ngờ tự hỏi là liệu hạm đội ấy có thực sự tồn tại hay không. Kết quả là nhìn xa hạm đội liên hiệp này trông giống như một đàn chim biển uy nghi màu đen mà người ta đã biết tên trong ảnh mà thôi. Chúng có vẻ dường như đang vui thích với cuộc tắm gội bí mật trong vịnh này, dưới con

mắt canh chừng che chở của một con chim già lão oai nghi và hình như hơn hở vui đùa mà không biết rằng đang có người nhìn ngấm.

Tiếng người soát vé kéo tôi trở về thực tại khi ông ta bước vào toa xe và báo cho biết chuyến tàu sắp đến ga Tây Maizuru. Trong đám hành khách bây giờ không còn một người nào thuộc đám thủy binh ấy trước đây đã vội vã khoác quân trang sắp sửa xuống tàu.

Tất cả đều đã thay đổi. Nơi này đã biến thành một hải cảng ngoại quốc. Các bảng tên đường phố bằng tiếng Anh ngạo mạn xuất hiện ở những ngã tư và quân đội Mỹ đi lại đông như kiến. Dưới bầu trời đầy mây đầu mùa đông như một làn gió lạnh đượm mùi muối biển thổi hắt xuống con đường trước kia đã được thiết bị đặc biệt để cho quân đội sử dụng. Làn gió có mùi vị của chất vô cơ, có mùi sắt hoen rỉ hơn là mùi hương của một làn gió biển. Giải nước biển nhỏ hẹp, tựa như một kênh đào, chạy sâu vào trung tâm thành phố; mặt nước phẳng lặng như chết, một chiếc tiểu hạm đình Hoa Kỳ đang nằm hạ neo sát ngay bờ biển - tất cả đều phẳng phất một hương vị hòa bình, thật thế, nhưng một chính sách vệ sinh thái quá đã cướp mất của quân cảng này cái sức sống nhục thể hỗn độn xưa kia của nó và làm cho toàn thể thành phố trông giống như một thứ bệnh viện.

Tôi không hề nghĩ là mình sẽ gặp mặt biển ở đây trong một thân tình nào hết, nhưng dĩ nhiên là rất có thể một chiếc xe Jeep nào đó từ đằng sau chạy tới và hất tôi lăn tòm xuống biển để đùa chơi. Khi nghĩ về điều này vào giây phút này, tôi mới nhận ra rằng cái xung động đã hối thúc tôi ra đi đã chứa đựng một thân tình với biển cả; tuy nhiên, đó không phải là chỗ biển có hải cảng nhân tạo giống như ở Maizuru, nhưng mà là một chỗ biển dữ dằn dậy sóng vẫn còn duy trì sinh lực hoang dại ban đầu, giống như vùng biển mà tôi đã được tiếp xúc trong thời niên thiếu tại quê cũ ở mũi Nariu. Đúng thế, đó là vùng biển sóng cồn, giận dữ luôn luôn phần nộ điên cuồng mà người ta vẫn thấy dọc theo bờ Nhật Bản hải.

Do đó, tôi quyết định đi về phía Yura. Về mùa hè, bãi biển này đông nghịt những người đi tắm biển, nhưng vào mùa này thì vắng teo chẳng có ma nào trừ mặt biển cùng mặt đất đang dùng sức mạnh tối tăm mà vật lộn với nhau. Từ Tây Maizuru đến Yura phải đi mất chừng mười cây số. Chân tôi hãy con mang máng nhờ đường đi.

Con đường men theo vùng bể thấp ở phía Tây Maizuru băng qua đường xe lửa Miyazu theo góc thước thợ, vượt qua đèo Takajiri và đổ tới sông Yura. Rồi thì, sau khi đã qua cầu Okawa, nó chạy theo sông Yura tiến về hướng bắc dọc theo bờ sông phía Tây. Từ chỗ này trở đi, nó chỉ việc chạy theo dòng sông mà ra tới cửa biển.

Tôi rời thành phố và bắt đầu đi dọc theo con đường. Trong lúc bước đi, chân cẳng tôi mỗi như và tôi tự hỏi: "Mình sẽ tìm thấy gì ở Yura? Mình hy vọng tìm được một minh chứng nào mà mình đã phải khổ công đến như thế này? Hẳn rằng ở đó chẳng có gì hết chỉ trừ một vùng biển Nhật Bản và một bãi biển vắng tanh?" Tuy nhiên, chân cẳng tôi lại không muốn chậm bước. Tôi đang cố gắng đi tới một nơi bất cứ là một nơi nào cũng được. Địa danh cái nơi tôi đang cầm đầu đi tới chẳng hề có một ý nghĩa gì hết. Tôi cảm thấy trong lòng nảy sinh một niềm hăng hái - một thứ hăng hái hầu như vô đạo đức - để đối đầu với nơi mình đi tới bất kể là nơi nào.

Thỉnh thoảng ánh nắng dịu dàng lại rực lên và chiếu qua cái ngọn cây cử to lớn bên vệ đường một cách mời mọc. Tuy nhiên, không biết vì lý do nào đó, tôi cảm thấy không thể trùng trình chậm trễ được. Tôi không có thì giờ để nghỉ ngơi nữa.

Thay vì thấy phong cảnh một mặt dốc thoải dẫn xuống một lưu vực rộng rãi, đột nhiên tôi lại nhìn thấy dòng sông Yura xuất hiện từ một đường hẹp triền núi. Nước xanh biếc, và tuy mặt sông khá rộng, song dòng nước cứ lững lờ trôi xuôi dưới bầu trời đầy mây và trông như thể nó đang miễn cưỡng bò ra ngoài biển.

Khi tôi tới bờ sông phía Tây thì trên đường chẳng còn một chiếc xe hơi hoặc một khách bộ hành nào nữa. Chốc chốc tôi lại nhìn thấy một vườn cam mật gần bên vệ đường, nhưng chẳng thấy một bóng người nào cả. Khi qua một ngôi làng nhỏ bé tên là Kazue, tôi nghe tiếng rē cō sōt soạt. Đó là một con chó và chỉ có mặt nó là nhô ra khỏi đám cỏ. Râu nó đen nhánh.

Tôi biết vùng này sở dĩ được nổi tiếng (theo lời đồn không đáng tin cậy cho lắm) vì là nơi cư ngụ của một thổ hào ngày xưa tên Sansho Dayu; tuy nhiên, tôi không có ý định dừng chân lại ở chỗ này và tôi cứ đi qua mà chẳng buồn để ý nữa. Vì lẽ tôi đang mãi mê nhìn dòng sông. Giữa sông đang có một cồn đất lớn có hàng tre bao bọc xung quanh. Tuy trên mặt đường chẳng có tí gió nào, song hàng tre trên cồn đất đang nghiêng ngã trước gió. Cồn đất có bốn năm mẫu ruộng tưới bằng nước mưa; Tuy vậy tôi chẳng nhìn thấy một nông phu nào cả. Người duy nhất tôi nhìn thấy là một người đàn ông đứng quay lưng về phía tôi, tay cầm cần câu. Đã lâu lắm rồi tôi chưa nhìn thấy một bóng người nào nên tôi cảm thấy thân thiện với người này liền. Đường như ông ta đang câu cá đối. Tôi nghĩ bụng như vậy là tôi chưa xa cửa sông được bao nhiêu.

Thế rồi tiếng bụi tre cọt kẹt, ngả nghiêng vì gió, đã làm chìm cả tiếng dòng sông. Có cái gì giống như một làn sương mù đang dâng lên trên cồn đất: chắc là mưa đang bắt đầu rơi. Hạt mưa đang tẩm ướt bờ sông khô nứt trên cồn đất; và trước khi tôi nhận ra thì cơn mưa đã đổ ào ào trên đầu tôi. Trong lúc đang ngắm cồn đất và dần dần bị ướt hết người, tôi nhận thấy bây giờ ở bên đó không có dấu vết gì của cơn mưa cả. Người đàn ông đang đứng chẳng hề nhúc nhích tí nào kể từ lúc tôi thoát nhìn thấy ông ta đến giờ. Chẳng mấy chốc cơn mưa cũng tạt qua khỏi chỗ tôi đang đứng.

Cứ mỗi lúc rẽ trên một khúc đường tôi lại chỉ nhìn thấy toàn là những cỏ dại và cây thu thảo. Nhưng liền sau đó khi đã tới gần, tôi thấy cửa sông hiện ra ngay trước mặt tôi. Vì lẽ một luồng gió biển hết sức mạnh đã tạt mạnh vào mũi tôi. Càng gần đến khúc cuối dòng sông Yura càng có lắm cồn đất quanh hiu. Nước sông đang đổ ra cửa biển nên đã bị nước mặn lấn át: tuy nhiên, riêng mặt sông thì càng ngày lại càng êm lặng hơn và không cho thấy một điềm báo trước nào về những gì sắp xảy ra cả - thật giống hệt một người vừa bị ngất xỉu và rồi nhắm mắt lìa đời mà không lúc nào tỉnh lại.

Cửa sông hẹp lạ lùng. Mặt biển pha trộn mịt mờ với những đám mây đen chùng chất trên cao, chen lộn và lấn át cả dòng sông. Muốn nhìn thấy rõ mặt biển hơn, tôi phải đi bộ một quãng đường khá xa nữa trong khi gió từ đồng ruộng ào ào thổi về phái tôi. Gió đang hất mạnh trên

khấp mặt biển mênh mông. Chính vì mặt biển mà trận gió đã lãng phí sức lực trên những thửa ruộng vắng người này. Và biển này là một vùng biển đầy hơi nước đã bao phủ cả miền đất lạnh lẽo lộng gió này. Một vùng biển hách dịch có sức chi phối mãnh liệt.

Ra khỏi cửa sông những đợt sóng đè lên nhau, hết đợt này đến đợt khác và để lộ dần dần cái mặt biển xám ngắt mênh mông. Một hòn đảo trông giống như một cái mũ dạ nổi bồng bênh trên dòng sông. Đó là đảo Kammuri được dùng làm đất nương thân cho một loài chim hiếm được giữ gìn làm vật kỷ niệm của thiên nhiên gọi là *omizunagi*.

Tôi quyết định bước vào một thửa ruộng. Tôi nhìn xung quanh. Đây là một mảnh đất hoang lạnh. Vào lúc ấy trong óc tôi lóe lên một ý nghĩ mơ hồ. Nhưng tôi chưa kịp ý thức được thì nó đã biến mất và tôi cũng không nắm được ý nghĩa nữa. Tôi đứng đó một lúc, nhưng ngọn gió lạnh buốt thốc vào người tôi đã đánh tan hết mọi ý tưởng trong tôi. Tôi bắt đầu đi trong gió. Những thửa ruộng khô cằn cứng như đá tạo thành một miền đất hoang vu. Màu cỏ vàng úa; màu xanh duy nhất không úa vàng ấy là màu của những cây cỏ trông giống như rêu bám chặt vào mặt đất, và cả những cây cỏ này nữa cũng có một vẻ quắt queo, rập nát. Đất đã trộn lẫn với cát mất rồi.

Tôi nghe thấy một âm thanh đục cùn run rẩy. Rồi tôi nghe thấy tiếng người. Chính vào lúc này quay lưng lại luồng gió dữ dội và ngược mắt nhìn đỉnh Yuragateke ở sau lưng mà tôi nghe thấy tiếng này.

Tôi nhìn xem có ai quanh đó hay không. một con đường nhỏ men theo các bờ đá thấy chạy xuống biển. Tôi biết người ta đang dần dần làm những công sự để che chở cho những vách đá ấy chống lại sức xâm thực. Những cột xi măng dựng lên khắp đó đây trông giống như những bộ xương người trắng hếu và có một cái gì vô cùng tươi mát quanh những cây cột xi măng mới cắm xuống đất ấy. Tiếng động run rẩy đục cùn phát ra từ cái máy trộn xi măng. Lắc nghiêng cho xi măng rơi xuống cái khuôn. Một nhóm công nhân mặt mũi đỏ gay nhìn tôi một cách tò mò khi tôi đi qua trong bộ đồng phục sinh viên. Tôi liếc mắt nhìn về phía họ. Ấy, chúng tôi chỉ đưa mắt chào hỏi nhau như vậy mà thôi.

Cuồn cuộn theo hình nón, nước biển rút mạnh và mau ra khỏi bãi cát. Lúc bước qua bãi cát mang chất đá hoa cương đỏ về phía bờ nước, tôi thấy lòng mình tràn ngập niềm vui khi nghĩ rõ ràng là tôi đang tiến dần từng bước về phía cái ý nghĩa duy nhất đã lóe sáng qua đầu óc tôi trong giây lát trước đây. Gió thổi lạnh buốt, và vì tôi không đeo găng nên hai bàn tay hầu như tê cóng nhưng vẫn chẳng làm tôi để ý đến mấy may.

Đúng, đích thực đây là bờ biển Nhật Bản! Đây là cội nguồn của tất cả mọi bất hạnh, đủ mọi tư tưởng hắc ám của tôi. Đó là mặt biển hoang dại. Sóng cuộn cuộn không ngừng dâng về phía trước thành từng khối lớn ít khi để cho mình có thể nhìn thấy những vực sâu xám xám, bằng phẳng nằm giữa đợt sóng này với đợt sóng kia. Những đám mây đen chồong chất trên mặt biển bao la, và đồng thời vừa cho thấy một dáng vẻ xinh xắn. Vì rằng những đám mây chồong chất nặng nề, mênh mang ấy có một đường viền nhẹ nhàng lạnh lẽo như đường viền chạy quanh cái lông vũ mảnh mai nhất nhưng ở chính giữa nó bao bọc một khoảng trời xanh xám mà mình không chắc là có thực hay không nữa. Phía sau mặt biển xám ngắt như chì dầy núi tím sẫm nhô

lên dâng mũi biển. Tất cả đều thấm đượm mùi dao động và bất động, với một sức mạnh tối tăm luôn luôn chuyển động, với cái cảm giác ngưng kết của khoáng vật.

Bất giác tôi nhớ lại điều Kashiwagi nói với tôi vào hôm hai đứa chúng tôi mới gặp lần đầu. Chính vào lúc khi người ta ngồi trên một bãi cỏ cắt tỉa cẩn thận vào một buổi chiều Xuân đẹp trời, mơ màng ngắm mặt trời rơi qua lá cây và tạo thành những hoa nắng trên mặt cỏ - chính vào những lúc như thế trong lòng chúng ta đột nhiên trỗi dậy cái ý tàn ác.

Bây giờ tôi đang đối đầu với sóng biển và ngọn gió bắc hoang lạnh. Ở đây không có buổi chiều Xuân đẹp đẽ, không có bãi cỏ cắt tỉa gọn gàng. Nhưng cái thiên nhiên hoang lạnh trước mắt tôi nay lại mơn trớn lòng tôi, xoắn xuýt thân mật với cuộc sống của tôi hơn bất cứ một bãi cỏ nào vào một buổi chiều Xuân. Ở đây tôi có thể tự túc. Ở đây tôi không bị bất cứ cái gì uy hiếp hết cả.

Có phải cái tưởng niệm lúc này đây xấy đến trong tôi là một tưởng niệm *tàn ngược* theo nghĩa của Kashiwagi không? Tôi không rõ, nhưng dù sao đi nữa thì tưởng niệm đột nhiên trỗi dậy trong tôi cũng đã phát lộ cái ý nghĩ của điều khải thị đã từng lóe sáng thoáng qua óc tôi trước đây và chính nó đã làm cho tôi rực sáng từ bên trong. Tôi vẫn chưa cố gắng nghĩ cho sâu, song đã bị cái tưởng niệm ấy nằm trọn như thể bị ánh sáng tràn ngập. Tuy nhiên, tưởng niệm ấy cho đến lúc đó chưa bao giờ có trong tôi, đang bắt đầu lớn mạnh kinh khủng ngay khi mới chào đời. Chẳng những không hề khống chế, chính tôi lại còn bị cuốn tròn trong tưởng niệm ấy. Và đây là cái tưởng niệm đang bao trùm thân tôi: “Ta phải hỏa thiêu Kim Các Tự.”

8

Tôi vẫn tiếp tục cất bước đi tới trước nhà ga Tango-Yura trên đường xe lửa Miyazu. Ngày trước trong cuộc du ngoạn do trường trung học Đông Maizuru tổ chức, chúng tôi đã tới đây cũng theo con đường này và khi về cũng đáp tàu ở nhà ga này. Trên con đường cho xe hơi chạy trước cửa nhà ga không có một bóng người khiến ta có thể thấy ngay dân miền này kiếm ăn vào những ngày hạ ngắn ngủi khi có nhiều du khách lũ lượt đổ về đây.

Tôi quyết định dừng chân trong một quán trọ nhỏ bé, nơi tôi thấy treo một tấm bảng: “Quán Yura - Lữ quán dành cho người tắm biển.” Tôi kéo tấm cửa kính mài ở cổng và đánh tiếng. Nhưng không có ai trả lời. Cát bụi phủ đầy các bậc thềm trước cửa. Cửa sổ khép kín và trong nhà tối om. Chẳng thấy một bóng người nào hết.

Tôi đi ra cửa sau. Có một mảnh vườn nho nhỏ, gọn ghẽ với vài khóm cúc úa tàn. Một xô nước ngắt ngưỡng trên một giá gỗ cao dành cho khách đi nghỉ hè dùng thay cái hoa sen để dội hết những hạt cát bám vào mình mẩy sau khi tắm biển lên.

Cách căn nhà chính một khoảng ngắn có một căn nhà nhỏ, chắc là nơi chủ quán sống với gia đình. Tôi nghe thấy tiếng máy thu thanh lọt qua những khung cửa kính khép kín. Trong tiếng máy mở to một cách vô ích có một vẻ trống rỗng khiến tôi nghĩ rằng thực ra không có một người nào ở trong nhà cả. Trước cửa ngoài ra có đôi ba đôi guốc gỗ nằm lẫn lóc. Tôi đứng ở ngoài và cứ mỗi lần tiếng máy thu thanh bót rầm rĩ là lại lên tiếng gọi. Nhưng, như tôi đã đoán trước, trong nhà cũng chẳng một ai trả lời hết.

Một bóng người hiện ra ở đằng sau. Mặt trời mờ nhạt thấm qua bầu trời đầy mây. Mãi đến khi chợt nhìn thấy đường vân gỗ trên cái hộp đựng người đàn bà đang nhìn tôi chăm chăm. Bà ta béo múp nên đường nét tấm thân trắng nõn hơi phệ ra; hai mắt ti hí bé đến nỗi mình khó có thể nói là bà ta có mắt hay không nữa. Tôi hỏi thuê một phòng. Cũng chẳng thêm bảo tôi đi theo, người đàn bà lẳng lặng quay gót bước về phía cổng ngoài của lữ quán.

Người ta dẫn tôi lên một căn phòng nhỏ trong góc tầng nhìn, quay mặt ra biển. Phòng này đã đóng kín từ lâu và ngọn lửa yếu ớt từ cái lò sưởi mà người đàn bà đã đem vào cho tôi chẳng mấy lúc bốc khói um lên làm không khí trong phòng khét lẹt hầu như không chịu nổi. Tôi mở cửa sổ rồi vươn cả thân mình ra ngoài hưởng về làn gió từ phương bắc thổi lại. Về phía mặt biển các đám mây này hình như là phản ánh của một xung động vô mục đích nào đó của thiên nhiên. Ở một vài chỗ giữa các đám mây mình có thể nhìn thấy những mảng trời - những kết tinh nho nhỏ, xanh xanh - của lý trí minh mẫn. Còn chính biển cả thì lại chẳng thấy đâu hết.

Đứng gần cửa sổ, tôi bắt đầu theo đuổi những tưởng niệm trước kia của mình. Tôi tự hỏi tại sao tôi lại không nghĩ đến việc giết chết Lão sư phụ trước khi nghĩ đến việc hỏa thiêu Kim Các Tự nhỉ. Bấy giờ tôi mới thấy là ý định giết chết Lão sư phụ đã có lần thoáng qua óc tôi; nhưng tôi tức thời hiểu ngay làm như vậy thực là vô hiệu. Vì lẽ giả như tôi có giết được Lão sư phụ đi nữa thì cái đầu thầy chùa trọc lóc và cái ác tính vô lực ấy của ông vẫn sẽ cứ ẩn ẩn hiện hiện mãi mãi ở chân trời tối om. Thường thường, sự vật như Kim Các Tự được phú cho một cuộc sống thì không có cái nhất hồi tính nghiêm mật là chỉ hiện hữu có một lần vào rồi cho mãi mãi. Nhân gian chỉ được chia cho có một phần những thuộc tính của thiên nhiên, và nhờ phương pháp thay thế hữu hiệu, con người đã đem phần ấy ra truyền bá và làm cho nó sinh sôi nảy nở. Nếu đối tượng của sự giết người là tiêu diệt cái nhất hồi tính của nạn nhân, thì sự giết người ấy đã căn cứ trên một sự tính toán vĩnh viễn sai lầm. Cứ thế tư tưởng của tôi đưa tôi tới chỗ nhận định càng lúc càng rõ ràng hơn rằng giữa sự tồn tại của nhân gian có một sự tương phản hoàn toàn. Một mặt, có một ảo tưởng về sự bất tử thoát ra từ dáng vẻ khả diệt của nhân gian; mặt khác, vẻ đẹp dường như bất hoại của Kim Các Tự lại làm cho nhân gian thấy được khả năng tiêu diệt chính ngôi chùa ấy. Chẳng thể làm sao mà tuyệt trừ tận gốc những sinh vật có sống có chết như con người, nhưng những sự vật bất diệt như Kim Các Tự thì lại có thể bị tiêu diệt. Tại sao chưa ai nhận ra điều này nhỉ? Không ai có thể nghi ngờ tính chất độc sáng trong kết luận của tôi cả. Nếu rồi đây tôi có nổi lửa hỏa thiêu Kim Các Tự từng được chỉ định là Quốc bảo từ năm Minh Trị thứ ba mươi (1897) tức là tôi đã có một hành vi phá hoại thuần túy và một hành vi phá diệt không sao cứu chữa được, một hành vi thực sự đã làm suy giảm trong số khối lượng của cái đẹp mà nhân gian đã tạo tác trên cõi đời này.

Trong khi tiếp tục suy nghĩ về những dòng này, tôi lại còn thấy hài hước nữa mới lạ chứ. Tôi tự nhủ nếu thiêu hủy Kim Các Tự thì tức là tôi đang làm một việc có hiệu quả giáo dục lớn lao. Bởi lẽ việc làm này của tôi sẽ dạy cho người đời biết suy loại mà thấy rằng nói đến bất diệt thực là vô nghĩa. Người đời sẽ hiểu rằng Kim Các Tự vẫn tiếp tục tồn tại, vẫn tiếp tục đứng sừng sững gần Kính Triều trì trong suốt năm trăm năm mươi năm qua thật chẳng phải là một sự bảo chứng nào cho nó hết. Người đời sẽ đắm chìm trong một không khí bất an khi ý thức rằng cái tiền đề tự - mình mà cuộc sống chúng ta đã gán trước cho ngôi chùa có thể sụp đổ chỉ

trong sớm tối mà thôi.

Quả thực như vậy, cuộc đời chúng ta được bảo tồn là nhờ đã được bao quanh bằng chất ngưng đọng của thời gian kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định. Hãy lấy ví dụ một cái ngăn kéo nhỏ mà người thợ mộc đã đóng để làm đồ gia dụng. Với thời gian trôi qua hình thái thực sự của cái ngăn kéo này đã bị chính thời gian vượt qua, và sau vài chục năm, vài trăm năm thì dường như thời gian đã trở nên ngưng đọng và mang lấy hình thái ấy. Một khoảng không gian nhỏ bé nhất định mà vật thể này chiếm cứ ban đầu bây giờ bị thời gian kết đặc thay thế. Thật ra nó đã trở thành hóa thân của một thứ linh thần nào đó. Trong phần mở đầu cuốn *Phó Tang Thần Ký*, một tập truyện thần tiên Trung cổ, có đoạn sau đây: “Âm Dương tạp ký có viết rằng qua một trăm năm thì khí vật hóa thành tính linh, lòng người đã bị lừa dối, và cái đó được gọi tên là Phó tang thần ký. Thế tục vẫn có thói quen mỗi năm trước ngày lập xuân đều dọn dẹp các đồ dùng cũ kỹ trong nhà rồi đem vất những thứ đó và ngõ hẹp và người ta gọi việc ấy là ‘Môi phất’ hay ‘Quét dọn trong nhà’. Cũng theo khuôn phép đó cứ trong một trăm năm thì có một trăm con người phải chịu những tai nạn của Phó tang thần.” Như vậy hành vi của tôi sẽ làm loài người mở mắt trước những tai nạn của Phó tang thần và cứu nạn cho họ. Bằng hành vi của mình, tôi sẽ nhét cái thế giới có Kim Các Tự vào trong một thế giới không có Kim Các Tự. Ý nghĩa của thế giới chắc chắn sẽ đổi thay.

Càng nghĩ về việc đó tôi càng cảm thấy vui thích là sự sụp đổ và chấm dứt của thế giới - của cái thế giới lúc này đang bao vây và nằm trước mắt tôi kia - không còn xa nữa. Ánh mặt trời lặn nằm vắt ngang mặt đất. Kim Các Tự hẳn là sẽ tuột rơi khỏi kẽ tay người ta vậy.

* * *

Cuộc nghỉ chân dừng bước của tôi tại quán Yura chấm dứt ba ngày sau, khi bà chủ quán nghi ngờ, vì thấy trong suốt thời gian này chẳng lúc nào tôi bước ra khỏi phòng, bèn đi gọi cảnh sát. Khi nhìn thấy người cảnh sát sắc phục đằng hoàng bước vào phòng, tôi sợ là ông ta có thể sẽ phác giác ra kế hoạch của tôi; nhưng sau đó tôi thấy liền là chẳng có lý do gì để tôi sợ điều đó cả. Để trả lời những câu hỏi của ông ta, tôi kể hết đầu đuôi những việc đã xảy ra - tôi muốn xa lánh nếp sinh hoạt trong chùa trong một thời gian ngắn và tôi đã đi trốn. Rồi tôi đưa cho ông ta xem giấy tờ chứng minh tôi là sinh viên và sau đó tôi lại dụng ý trả tiền thuê phòng ngay trước mặt ông ta nữa. Kết quả là người cảnh sát đã có thái độ che chở đối với tôi; ông ta tức khắc gọi điện về Lộc Uyển tự để hỏi xem câu truyện tôi kể có đúng hay không, rồi bảo tôi rằng chính ông ta sẽ đưa tôi về chùa. Để tránh mọi sự tai hại có thể xảy ra cho “tương lai của tôi”, theo lời ông ta, ông ta sẵn lòng thay đổi bộ sắc phục trong chuyến đi này.

Trong khi chúng tôi đứng chờ xe lửa ở ga Tango Yura thì mưa rào đổ xuống, và vì không có mái nên nhà ga lập tức ướt sũng nước mưa. Người cảnh sát, lúc này mặc thường phục, dẫn tôi vào trong phòng bán vé; tại đây ông ta tỏ ra hết sức hãnh diện mà cho tôi biết rằng người xếp ga và các nhân viên đều là bạn của ông ta cả. Thế mà vẫn chưa hết truyện; ông ta lại còn giới thiệu với mọi người rằng tôi là thằng cháu từ Kyoto đến thăm ông ta nữa.

Tôi hiểu rõ tâm lý những nhà cách mạng. Những người viên chức miền quê này, ông xếp ga và ông cảnh sát, bây giờ đang cười cười nói nói tán gẫu với nhau quanh đám than hồng trong chiếc hỏa lò bằng sắt, chẳng hề linh cảm thấy sự biến động lớn lao của cái thế giới đang tiến

dẫn đến ngay trước mắt họ, về sự băng hoại của cái trật tự nằm ngay trước mắt họ.

Một khi Kim Các Tự đã bị thiêu hủy rồi - phải một Kim Các Tự đã bị thiêu hủy thì thế giới của những con người này sẽ thay đổi hẳn bộ mặt, cái trật tự vàng son trong nếp sống của họ sẽ bị đảo lộn, cái thời khắc biểu ghi các chuyến tàu tới tàu đi sẽ rơi vào hỗn loạn hoàn toàn, luật pháp của họ sẽ trở nên vô hiệu. Tôi thấy sung sướng khi nghĩ những con người này đã hoàn toàn không biết rằng thằng bé đáng vẻ ngây thơ, vô tội đang ngồi giờ hai tay sưởi ấm trên bếp lò ngay cạnh họ đây là một phạm nhân tương lai.

Một nhân viên hỏa xa trẻ tuổi, hoạt bát đang oang oang kể cho mọi người nghe về một cuốn phim anh ta sắp sửa đi xem vào ngày nghỉ sắp tới. Đó là một cuốn phim thật hay thế nào cũng làm người ta nhỏ lệ và lại có tình tiết ly kỳ nữa. Đúng thế, vào ngày nghỉ sắp tới thế nào anh ta cũng sẽ đi xem chớp bóng! Người thanh niên này, trông lực lưỡng hơn tôi nhiều, tràn trề nhựa sống hơn tôi nhiều, sắp sửa đi xem chớp bóng vào ngày nghỉ sắp tới; anh ta sẽ ngồi trong rạp chiếu bóng quàng tay ôm một thiếu nữ nào đó và rồi sẽ đi ngủ với cô ta. Anh ta cứ tiếp tục vừa trêu chọc ông xếp ga vừa kể truyện bông đùa vừa nhận những lời trách mắng nhẹ nhàng của cấp trên và lảng xãng chạy đi chạy lại hết bỏ thêm than vào lò sưởi rồi lại viết những con số lên tấm bảng đen. Trong một chốc lát tôi cảm thấy mình một lần nữa sắp sửa thành thằng tù làm tôi mọi cho cái vòng mị hoặc của cuộc đời hoặc cho sự ghen ghét đối với cuộc đời. Xét ra tôi vẫn có thể tự ngăn chặn ý định hỏa thiêu Kim Các Tự, tôi có thể vĩnh viễn xa rời ngôi chùa, cởi áo thầy tu hoàn tục và vui mình vào cuộc sống giống như anh chàng trẻ tuổi này. Nhưng tức khắc những sức mạnh đen tối đã đưa tôi trở lại với chính tôi và cưỡng bách tôi dứt bỏ những ý tưởng như thế. Đúng vậy, thế nào tôi cũng phải hỏa thiêu Kim Các Tự. Chỉ đến lúc đó một cuộc đời chưa từng nghe thấy đặt riêng cho tôi mới thực sự bắt đầu.

Người xếp ga trả lời điện thoại. Sau đó ông ta đi ra đứng trước gương soi và cẩn thận đội lại cái mũ thêu kim tuyến trên đầu. Ông ta hậm hộc ho rồi ưỡn ngực bước ra sân ga như thể đang bước vào phòng đại lễ. Trời đã tạnh mưa. Liền sau đó người ta có thể nghe tiếng đoàn tàu ầm ầm, ướt át khi lao mình chạy trên đường sắt xuyên qua vách đá và một lúc sau lướt vào nhà ga.

Tôi đến Kyoto lúc tám giờ thiếu mười, người cảnh sát trong bộ thường phục dẫn tôi tới tổng môn Lộc Uyển tự. Đêm tối giá lạnh. Vừa nhô đầu ra khỏi rừng thông tối tăm và đi tới tổng môn sừng sững nghe nghe, tôi thấy mẹ tôi đang đứng ở đó. Bất đồ bà lại đang đứng ngay cạnh tấm biển có viết chữ: "Kẻ nào vi phạm những luật lệ này sẽ bị xử phạt theo quốc pháp." Dưới ánh đèn ngoài cổng, trông như thể từng sợi tóc bạc phơ đang dựng đứng thẳng tắp trên cái đầu rối bù của bà. Ánh đèn phản chiếu làm cho tóc bà thêm bạc phơ đang dựng đứng thẳng tắp trên cái đầu rối bù của bà. Ánh đèn phản chiếu làm cho tóc bà trông bạc trắng hơn thường lệ. Đóng khung trong mái tóc bạc phơ dựng đứng này, khuôn mặt nhỏ bé của bà trông không có một nét chuyển động nào hết.

Thân hình nhỏ nhắn của Má trông có vẻ to lớn một cách lạ lùng. Sau lưng bà bóng tối trải dài khắp tiền đình mà tôi nhìn thấy qua cánh cửa bỏ ngỏ. Vóc dáng to lớn của bà hiện ra lơ mơ trước bóng tối; bà mặc chiếc áo rách tả tơi trông thật ngớ ngẩn, bên ngoài quấn một dải lưng thêu chỉ vàng đến bây giờ đã nát bươm. Bà đứng đó trông chẳng khác gì một người đã chết.

Tôi ngần ngại không muốn tiến lại gần bà. Lúc ấy tôi không hiểu làm thế nào mà bà ta lại đến đó được, nhưng về sau hỏi ra tôi mới biết khi phác giác ra là tôi đã bỏ trốn. Lão sư phụ đã thăm dò tin tức nơi Má ở, bà đã hết sức chấn động và đã tới Lộc Uyển tự ở lại chờ cho đến lúc tôi về.

Người cảnh sát đẩy tôi đi tới. Lạ thay, khi tôi càng tiến lại gần, thân mình Má lại càng nhỏ bé dần dần. Mặt bà ở phía dưới mặt tôi. Và khi bà ngược lên nhìn tôi thì khuôn mặt bà nhăn nhó, xấu xí không sao chịu nổi.

Hiếm khi tôi lại bị cảm giác đánh lừa, nhưng bây giờ nhìn rõ những con mắt sâu hoắm, giáo hoạt, nhỏ bé của bà tôi thấy rõ rằng mình thực có lý làm sao khi đem lòng ghét bỏ Má. Sự ghét bỏ dằng dai thứ nhất là đối với việc bà đã sinh ra tôi ra làm người, những hồi tưởng điều ô nhục sâu xa ấy mà bà đã bắt tôi phải chịu - một sự ô nhục như tôi đã giải thích nhiều lần không dành một miếng đất thừa nào để cho tôi phục thù, nhưng thay vào đó chỉ làm cho tôi tuyệt tình với má. Thật khó mà cởi gỡ được những sợi dây ràng buộc ấy. Tuy nhiên, lúc này đây trong lúc phỏng chừng thấy rằng bà đã chìm đắm tới nửa người trong nỗi bi thương của một người mẹ, tôi đột nhiên cảm thấy là mình đã được tự do. Không hiểu vì sao, song tôi cảm thấy Má chẳng bao giờ còn có thể ăn hiếp tôi được nữa.

Có tiếng nước nổ nghẹn ngào nghe như thể có ai đó đang bị thắt cổ đến chết. Thế rồi Má đưa tay ra và bắt đầu phát nhẹ vào má tôi.

“Thằng con bất hiếu! Thế con không biết tri ân ai hết sao?”

Người cảnh sát đứng lặng nhìn trong lúc tôi chịu đựng những cái tát. Những ngón tay Má đã bắt đầu rối loạn và dường như không còn một tí sức mạnh nào nữa; vì vậy đầu móng tay bà đã lách cách đập vào má tôi như những hạt mưa đá rơi rơi. Tôi nhận thấy mặc dù đang đánh tôi, Má vẫn nhìn tôi với con mắt ai oán, van lơn và tôi quay nhìn đi nơi khác.

Sau một lúc bà đổi giọng: “Con đã như thế - con đã như thế và đã đi xa trên con đường ấy,” bà nói. “Con làm như thế nào để có tiền được?”

“Tiền? Má muốn biết ư? Con vay một thằng bạn đấy!”

“Có thực không?” Má nói. “Con không ăn cắp rồi trốn đi đấy chứ?”

“Không, con không có ăn cắp.”

Má buông một tiếng thở dài nhẹ nhõm làm như thể đó là điều duy nhất đã khiến bà thắc mắc lo âu.

“Thực không? Như vậy thì con chưa làm điều gì bậy bạ hết, có phải không?”

“Không. Không đâu, Má.”

“Thực hả? Vậy thì cũng chưa đến nỗi nào. Dĩ nhiên, dù sao con cũng phải đến năn nỉ xin lỗi Phương trượng. Chính Má đã xin lỗi người rồi, nhưng bây giờ con phải đến căn rơm căn cỏ mà xin Phương trượng tha thứ cho. Phương trượng là người rộng lượng và Má nghĩ người sẽ bỏ qua câu chuyện này. Nhưng rồi ra con sẽ phải ăn năn sửa mình hẳn không thì người mẹ già yếu, đáng thương của con chắc đến chết mất thôi! Má nói thật đấy, con ạ. Nếu con không chịu sửa mình thì chắc Má chẳng sống làm gì. Và con còn phải trở thành một tu sĩ tiếng tăm nữa chứ... Nhưng, trước tiên con phải đến và van lạy người đi đã.”

Tôi và người cảnh sát lẳng lặng bước theo Má. Bị quá khích động nên bà quên cả những lời chào hỏi thường lệ đối với người cảnh sát. Bà bước những bước ngắn và nhanh. Khi nhìn đến dải lụa mỏng nhẹ buông thõng đằng sau lưng bà, tôi tự hỏi không biết cái gì đã làm Má trông xấu xí đến thế. Và rồi tôi hiểu. Cái đã làm cho bà trông xấu xí chính là - hy vọng. Niềm hy vọng bất trị, ngoan cố, giống như những vẩy nhọt cứng dần, ươn ướt và đỏ ửng ăn sâu vào lớp da nhiễm độc, tạo nên sự nhức nhối thường xuyên nhất định, không chịu lùi bước trước bất cứ một ngoại lực nào.

* * *

Mùa đông đã tới. Quyết tâm của tôi càng ngày càng trở nên vững chắc hơn. Biết bao lần tôi phải trì hoãn việc thi hành kế hoạch; tuy nhiên, tôi không thấy chán nản vì sự trì hoãn mãi mãi này. Suốt nửa năm ấy điều làm cho tôi bận tâm lại là một việc hoàn toàn khác hẳn. Cứ cuối mỗi tháng Kashiwagi lại thúc dục tôi trả lại món tiền nó đã cho tôi vay. Nó thường báo cho tôi biết tổng số món tiền kể cả vốn lẫn lời, rồi lại còn dùng đủ lời lẽ tục tĩu để sỉ vả tôi nữa. Tuy thế, tôi vẫn không có ý định trả lại món tiền đã mượn nó. Nếu mà tránh mặt không đến trường nữa thì tôi đâu còn sợ phải gặp mặt Kashiwagi nữa.

Mỗi khi đã quyết tâm như vậy xem ra thì có vẻ kỳ lạ là tôi đã không giải thích, tôi đã sớm trở nên nôn nả và xốn xang làm sao. Sự thực là những sự nôn nả, xốn xang như thế bây giờ đã thuộc về quá khứ. Trong suốt thời gian nửa năm này mắt tôi cũng đắm đắm dán chặt vào một điểm duy nhất trong tương lai. Rất có thể là vào giai đoạn tôi hiểu biết ý nghĩa hạnh phúc.

Trước hết là đời sống của tôi trong chùa trở nên vui thú hơn. Khi tôi nghĩ rằng dù cho nó xảy ra việc gì đi nữa, Kim Các Tự cũng sẽ bị thiêu hủy, thì tôi lại thấy những điều có vẻ không sao chịu đựng nổi lại trở nên hoàn toàn chịu đựng được. Cũng như một người dự cảm là mình sắp chết, bây giờ tôi bắt đầu tìm cách làm đẹp lòng tất cả những người khác ở trong chùa. Cách ứng đối của tôi trở nên trong sáng, dễ chịu hơn và tôi cố gắng hòa giải lòng tôi với tất cả mọi việc. Tôi cũng hòa giải với cả thiên nhiên nữa. Hết buổi sáng này đến buổi sáng khác trong mùa đông khi nhìn mấy con chim bé nhỏ đến rỉa những gì còn sót lại trên cây mai, tôi đều nhìn cái ức mìn lông của chúng với con mắt thực là thân thiện.

Tôi cũng quên cả sự ghét bỏ của mình đối với Lão sư phụ! Tôi thấy mình được tự do - tự do đối với mẹ tôi, đối với bạn bè, tự do đối với tất cả mọi thứ. Tuy nhiên, tôi cũng không đến nỗi quá điên rồ mà nghĩ rằng cái nếp sống an vui mới tìm thấy này là do sự thành tựu của tôi trong việc làm thay đổi bộ mặt thế giới mà không cần phải mớ tay vào việc. Khi nhìn từ điểm chung cục thì bất kỳ cái gì cũng thấy có thể tha thứ được. Khi khiến cho chính mình nhìn sự vật từ điểm chung cục, khi khiến cho chính mình cảm thấy rằng cái quyết định thực hiện chung cục

này nằm ngay trong tay mình - ý thức tự do của tôi căn cứ ở điểm đó.

Tuy quyết định hỏa thiêu Kim Các Tự của tôi đã nảy sinh từ một tưởng niệm một cách đột nhiên như thế, song nó lại rất thích hợp với tôi hoàn toàn, giống như một bộ âu phục được đo cắt cho thực vừa với thân mình tôi vậy. Thật như thế đã ôm ấp cái chí ấy ngay từ khi mới lọt lòng mẹ. Ít nhất thì ý nghĩ này dường như vẫn đang nảy nở trong con người tôi chờ đợi ngày khai hoa ngay từ lúc tôi còn nhỏ theo Ba đến văn cảnh Kim Các Tự lần đầu. Việc Kim Các Tự làm một thằng bé như tôi phải lóe mắt vì vẻ đẹp tuyệt vời tự nó cũng đã chứa đựng mọi thứ lý do để đưa tôi đến việc phóng hỏa đốt chùa rồi.

Ngày 17 tháng 3 năm Chiêu Hòa thứ 25 (1950) tôi học xong khóa dự bị ở Đại học Otani. Ngày 19 là ngày tôi vừa tròn hai mươi một tuổi. Thành tích của tôi trong ba năm theo học Dự khoa thật quá ư rực rỡ. Trong số 79 sinh viên tôi đã cố gắng đứng tới hạng bảy mươi chín. Điểm thấp nhất của tôi trong các môn học là về môn Quốc văn, vì về môn này tôi được có 42 điểm. Trong số 616 giờ học tôi đã vắng mặt 218 giờ - tính ra hơn 1/3 tổng số giờ. Tuy nhiên, vì ở đại học này tất cả đều dựa vào lòng từ bi của nhà Phật nên không có truyện đánh trượt ai, và nhờ thế ngày từ đầu tôi được phép học lên khóa chính. Lão sư phụ cũng mặc nhiên chấp nhận điều này.

Tôi vẫn tiếp tục xao lãng việc học, và trong những ngày đẹp trời từ cuối xuân đến đầu hạ, tôi thường đi chơi các đền chùa ở nhiều nơi khác nhau mà vào cửa không phải trả tiền. Tôi thường cuốc bộ cho đến khi nào chán thì thôi. Tôi nhớ rõ một ngày như thế.

Đang đi trên con đường chạy qua trước cửa chùa Diệu Tâm thì tình cờ tôi để ý tới một sinh viên đang thả bộ ở đằng trước cũng một nhịp bước như tôi. Người này dừng lại ở một cửa hiệu bán thuốc lá nhỏ hẹp trong một tòa nhà với những mái hiên cổ kính, và tôi để ý tới nét mặt nhìn nghiêng dưới vành mũ sinh viên trong lúc anh chàng này đứng đó mua một gói thuốc lá. Nét mặt nhìn nghiêng ấy với cặp lông mày hẹp trông có vẻ trắng trẻo, sắc sảo. Nhìn cái mũ anh chàng tôi có thể biết anh chàng là sinh viên đại học Kyoto. Anh chàng liếc mắt nhìn tôi. Thật như thế là hình ảnh đen ngòm các luồng ánh mắt đang chụm lại với nhau. Trong thâm tâm tôi cảm thấy ngay rằng: "Đây là một thằng mắc chứng điên ham phóng hỏa đốt nhà."

Lúc đó là ba giờ chiều - chẳng phải thời gian thuận hợp cho việc phóng hỏa. Một con bướm bống cánh bay khỏi mặt đường nhựa, nơi xe buýt qua lại rồi là đà bay đến đậu trên một bông hoa xuân trà ủ rũ cắm trong một cái bình ở trước cửa hiệu bán thuốc lá. Những cánh hoa khô héo của bông hoa xuân trà trắng phau trông như thể đã bị một ngọn lửa vàng khè đốt cháy. Mãi sau mới có một chiếc xe buýt chạy tới. Cái đồng hồ treo lưng lơ trên con đường đã ngưng chạy.

Tôi không hiểu tại sao, nhưng tôi biết chắc người sinh viên này đang từ từ đi từng bước một tới chỗ đi phóng hỏa đốt nhà. Tôi nghĩ chỉ vì hắn trông có vẻ một thằng điên ham mê phóng hỏa. Hắn đã táo bạo chọn ngay giữa ban ngày, thời gian khó khăn nhất để phóng hỏa. Và bây giờ hắn đang từ từ cất bước về chỗ hắn đã quyết chí thực hiện hành vi đó. Trước mặt hắn là lửa đỏ và phá hoại; đằng sau hắn là cái thế giới của trật tự mà hắn đã rời bỏ ra đi. Đằng sau bộ đồng phục của hắn có một cái gì nghiêm khắc, ảm đạm đã khiến tôi cảm thấy điều này. Có lẽ

vì từ ít lâu nay tôi vẫn tưởng tượng rằng cái lưng một thằng điên ham nổi lửa đốt nhà trông phải giống như thế; cái lưng áo bằng nỉ xec đen ngòm của hắn - trên đó ánh mặt trời đang chiếu rọi - chứa đầy những sự bất tường và hiểm độc.

Tôi chậm bước lại và quyết định đi theo người sinh viên này. Trong khi theo sau hắn và thấy vai trái của hắn hơi sệ xuống thấp hơn vai phải một chút, tôi cảm thấy lưng hắn quả thật giống hệt lưng tôi. Hắn trông đẹp mã hơn tôi nhiều, nhưng tôi biết chắc chắn cũng đang bị thúc đẩy nhúng tay thực hiện một hành vi giống như chính tôi vì có cùng một nỗi cô độc như tôi, một niềm bất hạnh như tôi, có cùng những vọng niệm về cái đẹp như tôi. Trong lúc bước theo hắn tôi bắt đầu cảm thấy mình đang tự mình nhìn thấy trước hành vi của chính mình.

Những sự việc như thế rất dễ xảy ra vào một buổi chiều xuân muộn vì ánh sáng trong trẻo và không khí buồn thảm. Tôi phân thân trở thành hai con người và con người kia của tôi đã mô phỏng trước những hành vi tôi sẽ làm như thế đã cho tôi thấy rõ cái con người mà tôi không làm sao thấy được một khi đã đến lúc thi hành kế hoạch của mình.

Xe buýt vẫn chưa tới, tuyệt đối không có một bóng người đi trên đường. Cổng Nam Môn to lớn ở chùa Chính Pháp Diệu Tâm dần dần lại gần. Hai cánh cửa to phía bên trái và bên phải đều mở rộng và tổng môn hình như sẵn sàng nuốt trọn đủ mọi hiện tượng có thể xảy ra. Ở trong cái khung cảnh tráng đại của nó, như tôi ngấm nhìn theo khía cạnh đặc biệt của con mắt mình, cổng này đã tập trung các hàng cột chập trùng của Sắc Sứ Môn với Sơn Môn hai tầng, với những mái ngói Phật điện, những hàng thông, một mảnh trời xanh bị tách hẳn khỏi toàn bộ và vô số những cụm mây nhạt màu. Càng tiến lại gần cổng tôi càng thấy thêm nhiều thứ khác nữa - lối đi trải đá chạy dọc chạy ngang bên trong khuôn viên rộng lớn của ngôi chùa, các bức tường bao quanh những ngọn tháp và biết bao nhiêu thứ khác nữa. Và một khi đã bước qua cổng chính, mình thấy ngay rằng kiến trúc thần bí này chứa đựng bên trong nó cả bầu trời xanh xanh lẫn từng đám mây lẻ loi lơ lửng trên bầu trời ấy. Một đại thần đường tất nhiên phải như thế.

Người sinh viên bước qua cổng. Hắn đi vòng phía bên ngoài Sắc Sứ Môn rồi dừng chân bên cạnh ao sen đằng trước Sơn Môn. Rồi hắn ra đứng trên cây thạch kiều theo lối kiến trúc đời Đường bắc ngang qua cái ao và ngược mắt nhìn lên Sơn Môn sừng sững trên đầu hắn. Tôi nghĩ Sơn Môn này hẳn phải là mục tiêu cho hắn phóng hỏa.

Cái Sơn Môn tráng lệ thực rất đáng để cho ngọn lửa bao vây. Vào một buổi chiều trong sáng như thế này có lẽ người ta sẽ không nhìn thấy ngọn lửa. Làn khói sẽ cuộn cuộn quanh cái cổng và bốc lên cao trong không khí; tuy nhiên mình chỉ có thể nói những ngọn lửa vô hình ấy đang liếm tới bầu trời khi quan sát xem nền trời trong xanh đã bị vít xuống và đang run rẩy làm sao. Khi người sinh viên tới gần Sơn Môn thì tôi đi tránh sang phía đông để khỏi bị hắn nhìn thấy và để có thể dòm ngó hắn thật sát. Chính vào lúc này các tăng sĩ khất thực trở về chùa và tôi nhìn thấy một nhóm ba người trong bọn họ đang đi trên con đường nhỏ phía đông. Họ bước đi song hàng trên lối mòn nhỏ, chân đi giầy cỏ và tay cầm nón mây đan. Lúc đi qua mặt tôi, họ rẽ sang bên phải. Họ tiếp tục cất bước trong im lặng hoàn toàn, giữ đúng qui luật của tu sĩ khất thực theo đó họ không được phép đưa mắt nhìn quá ba bốn thước về đằng trước cho đến khi trở về phòng kín.

Người sinh viên vẫn còn lẫn quần gần Sơn Môn. Thế rồi hắn dựa lưng vào cây cột và móc gói thuốc lá vừa mới mua từ trong túi ra. Hắn nhìn quanh có vẻ lúnh quýnh. Thấy có một làn khói tỏa chợt nghĩ là, không còn nghi ngờ gì nữa, hắn sắp sửa đốt cái cổng này. Như tôi đã đoán trước, sau đó hắn liền đưa một điếu thuốc lá lên miệng quay mặt về đằng trước và bật một que diêm.

Trong nháy mắt chiếc diêm bùng lên một tia lửa sáng trong nho nhỏ. Trong như thế, ngay cả người sinh viên ấy cũng không trông thấy màu lửa. Như vậy là vì vào lúc ấy mặt trời chiều đã bao trùm ba mặt Sơn Môn chỉ có một mặt quay về phía tôi chìm trong bóng tối. Vì chỉ trong một chớp mắt que diêm đã sinh ra một cái gì giống như một bong bóng lửa, lóe sáng gần ngay khuôn mặt người sinh viên trong lúc hắn đứng đó tựa người vào cột cổng chùa bên ao thả sen. Thế rồi hắn vung tay thật nhanh và tắt que diêm đi.

Ngay cả khi que diêm đã tắt rồi, người sinh viên có vẻ vẫn chưa hài lòng. Hắn vứt que diêm xuống một hòn đá xây móng chùa rồi chăm chỉ lấy chân đi đi lại lại. Sau đó rút điếu thuốc lá một cách thích thú, hắn băng qua thạch kiều rồi đi qua Sắc Sứ Môn, hoàn toàn vô tình đối với sự thất vọng của tôi đang đứng đó trong cô đơn và vắng lặng. Sau cùng hắn mất hút sau Nam Môn mà qua đó người ta có thể nhìn thấy đại lộ và một dãy nhà mập mờ thấp thoáng chạy dài mãi về phía xa.

Đây không phải là thằng điên ham phóng hỏa mà chỉ là một sinh viên đi tản bộ phát phơ. Rất có thể đây là một thanh niên hơi nghèo túng, hơi chán chường.

Tôi đã đứng ngẩn nhìn hắn từng ly từng tí và tôi có thể nói là trong con người hắn cái gì cũng làm tôi bức mình hết - tính nhút nhát đã khiến hắn phải cẩn thận nhìn quanh nhìn quẩn - không phải vì hắn sắp sửa phá bỏ quy luật để hút một điếu thuốc lá; sự vui thích tầm thường, rất điển hình của bọn sinh viên khi thoát khỏi khuôn phép và cái cách hắn đã lấy chân cẩn thận đi đi lại lại que diêm đã tắt lửa rồi; và nhất là cái “dáng vẻ con người có văn hóa có giáo dục” của hắn. Thật chính nhờ cái dáng vẻ rẻ tiền của con nhà có giáo dục này mà ngọn lửa nhỏ bé của hắn đã được kiểm soát an toàn. Có lẽ hắn đã lấy làm đặc ý rằng chính hắn đã là người kiểm soát được que diêm của mình, người kiểm soát mau mắn, vẹn tròn đủ che chở xã hội khỏi những ngọn lửa của nguy hiểm.

Một điều lợi của lối dật dờ này là kể từ thời Duy Tân tới nay, những ngôi chùa cổ ở trong hay ngoài thành phố Kyoto ít khi bị thiêu hủy. Ngay trong những dịp hiếm hoi khi chẳng may có bùng lên đám cháy nào thì ngọn lửa cũng bị bao vây, chia cắt và dập tắt ngay tức khắc. Trong quá khứ chẳng bao giờ được như thế cả. Tri ân viện đã bị cháy rụi vào năm Vĩnh Hựu thứ ba (1431) và sau đó còn bị thần hỏa thăm viếng nhiều lần nữa. Chính điện của Nam Thiên tự bốc cháy vào năm Minh Đức thứ tư (1389), thiêu rụi mất Phật điện, Pháp đường, Kim Cương điện, Đại Vân am và nhiều tòa nhà khác nữa. Năm Nguyên Qui thứ nhì (1571) Diên Lịch tự biến thành tro bụi. Kiến Nhân tự trở thành hoang địa vì ngọn lửa vào năm Thiên Văn thứ 21 (1552). Năm Kiến Trường nguyên niên (1249) Tam Thập Tam Gian đường cháy rụi, Bản Năng tự bị thần hỏa thiêu hủy trong cơn binh lửa năm Thiên Chính thứ 10 (1582).

Vào thời đó những ngọn lửa thường thân thiện với nhau lắm. Chúng không bị phân chia thành những mảnh nhỏ và bị coi thường như ngày nay, mà đã được phép bắt tay nhau đến độ vô số ngọn lửa cách biệt nhau có thể hợp lại thành một biển lửa to lớn. Con người thời đó có lẽ cũng như vậy. Bất kỳ lúc nào hề có một ngọn lửa ở nơi này thì nó có thể kêu gọi ngay một ngọn lửa ở nơi khác và tiếng gọi của nó được đáp lại tức thì. Trong các cuốn ký lục về những đám cháy không bao giờ người thời đó cho là vì có kẻ phóng hỏa mà luôn luôn cho là vì tai nạn hoặc vì cháy lan hoặc vì binh lửa. Ví dụ thời đó có thằng nào giống như tôi nữa thì chắc hẳn cũng chỉ cần nén hơi nấp mình ở một chỗ nào đó mà chờ đợi. Chẳng chóng thì chầy các ngôi chùa cũng phải bị cháy rụi. Lửa thì rất nhiều và luôn luôn được buông thả. Nếu hẳn biết chờ đợi thì ngọn lửa đang rình mò cơ hội sẽ bùng lên dễ dàng, ngọn lửa này sẽ nắm tay ngọn lửa khác và chúng sẽ chung sức làm xong công việc phải làm. Thật là nhờ may mắn ngẫu nhiên hiếm có mà Kim Các Tự đã không bị làm mồi cho Thần hỏa. Vì những nguyên lý và phép tắc của Phật giáo đã chi phối chặt chẽ thế giới - lửa có bùng lên cũng là sự tự nhiên, sự diệt vong và phủ định vẫn là những việc xảy ra hàng ngày, những ngôi chùa lớn lao đã được xây cất từ lâu chẳng làm sao tránh khỏi bị cháy rụi. Dù cho có những thằng điên thích phóng hỏa đốt nhà đi nữa chúng cũng buộc lòng phải kêu gọi sức mạnh của Thần hỏa một cách tự nhiên đến nỗi không một sử gia nào có thể tin rằng sự tàn phá xảy ra sau đó lại là kết quả của việc có kẻ nổi lửa đốt nhà.

Mặt đất thời đó là một nơi bất an. Bây giờ năm Chiêu Hòa thứ 25 (1950) mặt đất cũng bất an không kém. Giả sử có bao nhiêu ngôi chùa bị cháy rụi vì sự bất an này thì bây giờ có lý nào Kim Các Tự lại không bị thiêu hủy được nhỉ?

Mặc dầu lười biếng không chịu đến nghe giảng ở đại học, nhưng tôi vẫn thường lui tới thư viện, và một ngày tháng năm tôi chạm trán với Kashiwagi mà từ lâu tôi đã cố ý tránh mặt. Khi thấy tôi cố ý lánh mặt, nó liền hớn hở đuổi theo. Thấy rằng nếu tôi bỏ chạy thì với đôi chân què quặt nó không tài nào đuổi kịp, nên tôi ngừng chân đứng lại. Kashiwagi chộp lấy vai tôi. Nó thở chẳng ra hơi. Hôm ấy bài giảng đã chấm dứt và tôi đoán chừng lúc đó vào khoảng năm giờ rưỡi. Để khỏi gặp Kashiwagi, sau khi rời thư viện, tôi đã đi vòng phía sau trường rồi rẽ vào con đường nhỏ nằm giữa bức tường đá cao và những căn nhà trại rộng lớn, xấu xí dùng làm lớp học. Những cây cúc dại mọc chi chít trên mảnh đất hoang, rải rác đó đây là những mảnh giấy bẩn và những vỏ chai không mà người ta vất ra đó. Một vài đứa trẻ lén chui vào trong và đang chơi trò bắt bóng. Những tiếng la hét ầm ĩ của chúng làm người ta cũng chẳng để ý đến những lớp học vắng không mà người ta có thể nhìn thấy qua các khung cửa kính vỡ. Sau giờ học tất cả sinh viên đã ra về hết và trong lớp học chỉ còn lại hàng bàn ghế đầy bụi im lìm.

Tôi đi qua dãy nhà trại và tới tòa nhà chính của đại học bên phía tây. Tôi dừng chân bên ngoài một căn phòng nhỏ trên đó ban day cắm hoa có treo một tấm biển đề chữ “Công phòng”. Mặt trời chiếu trên hàng cây nam mộc trồng theo bức tường và bóng lá nhỏ nhắn dịu dàng phản ánh khắp mái căn phòng nhỏ tới bức tường gạch đỏ của tòa nhà chính. Những hòn gạch đỏ trông thật tươi tắn dưới ánh tà dương.

Kashiwagi đứng tựa người vào bức tường, thở hổn ha hổn hển. Bóng lá cây nam mộc rọi sáng đôi má nó vốn đã tiêu tụy trông lại càng thêm tiêu tụy hơn và làm đôi má nó có một vẻ

rập rờn lay động lạ lùng. Có lẽ vì phản ánh của bức tường gạch đỏ, rất không thích hợp với Kashiwagi nên đã làm cho tôi thấy thế.

“Năm nghìn một trăm *yen* hồi đó cậu nhớ chứ!” nó nói “Tính đến cuối tháng năm này là 5100 *yen* rồi đấy. Cậu tự làm cho càng ngày càng khó trả lại tiền cho tớ hơn.”

Nó móc tờ chứng vay nợ tôi đã ký từ túi áo trước ngực, nơi lúc nào nó cũng dắt mang theo, rồi trải ra ngay trước mặt tôi. Đoạn hẳn là nó sợ tôi sẽ thò tay ra cướp lấy mà xé vụn tờ giấy nên nó vội vã gấp lại và bỏ vào túi áo như cũ. Trước mắt tôi không còn thấy gì ngoại trừ cái dự ảnh của vệt in tay độc địa, đỏ chót, cái vệt in tay ấy của tôi trông thực thê thảm hết chỗ nói.

“Trả tiền cho tớ sớm đi!” Kashiwagi nói. “Càng sớm càng lợi cho cậu. Tại sao cậu không dùng tiền học hoặc món nào đó để trả nợ cho xong có được không?”

Tôi im lặng không trả lời. Liệu người ta có nghĩa vụ phải trả nợ trả nần trước khi thế giới sụp đổ không nhỉ? Tôi có ý định thoáng gợi cho Kashiwagi biết về điều tôi đang ấp ủ trong đầu óc, nhưng rồi tôi tự ghìm lại được.

“Tớ không hiểu nổi cậu cứ nhất định không nói năng gì cả.” Kashiwagi nói. “Làm sao vậy? Cậu xấu hổ vì tạt nói lấp u? Bây giờ cậu còn sợ gì nữa. Chúng tôi nói lấp của cậu ai mà không biết - kể cả cái này nữa. Đúng. Kể cả cái này nữa! Nó dấm mạnh tay vào bức tường gạch màu đỏ đang phản chiếu ánh mặt trời lặn. Năm tay nó đánh một làn phấn gạch nâu nâu, vàng vàng.

“Kể cả bức tường này cũng biết thế nữa. Khắp trong trường này có ai là người không biết điều đó đâu!”

Tôi vẫn đứng im lặng đối diện với nó. Vào lúc ấy trong đám trẻ con có một đứa bắt hụt quả bóng nên quả bóng lăn tới giữa hai đứa chúng tôi. Kashiwagi bèn cúi gập người xuống cố nhặt quả bóng lên để ném trả về cho lũ trẻ con. Nhìn thấy thế lòng tôi tràn ngập một hứng thú tai ác là muốn nhìn xem Kashiwagi sẽ loay hoay với cặp chân què để hất quả bóng đang nằm cách đó chừng một thước xa ra làm sao để nó có thể lấy tay mà với tới được. Mắt tôi hình như đã nhìn về phía cặp chân nó một cách vô ý thức. Kashiwagi nhận thấy liền, nhanh chóng hầu như thần tốc. Trước khi mình có thể nói liệu nó có thực sự cố gắng cúi mình xuống hay không thì nó đã vươn thẳng người lên, lạnh lùng nhìn tôi chằm chằm với một ánh mắt ghét bỏ ghê gớm hết sức xa lạ đối với nó. Một đứa trẻ trong bọn rút rè tiến lại gần chúng tôi nhặt quả ở giữa hai đứa rồi chạy vụt đi. Cuối cùng Kashiwagi nói với tôi: “Thôi được. Nếu cậu có thái độ như thế thì tớ cũng có cách. Trước khi trở về nhà vào tháng tới, thế nào tớ cũng lấy được món tiền của tớ càng nhiều càng tốt cho mà xem. Rồi cậu sẽ mở mắt ra. Cậu nên sửa soạn sẵn đi thì vừa.”

Sang tháng sáu những giờ giảng trọng yếu càng ngày ít đi và các sinh viên đang lục tục trở về quê. Ngày mồng mười tháng sáu là ngày tôi sẽ bao giờ quên được. Trời mưa rả rích từ sáng sớm và đến chiều thì lại mưa to như thác đổ. Sau bữa được thạch, tôi vào phòng riêng đọc một cuốn sách. Vào khoảng tám giờ tối tôi nghe thấy tiếng chân người tiến lại gần dọc theo hàng

hiên giữa Khánh điện và Đại Thư Viện. Đây là một trong những buổi tối hiếm hoi mà Lão sư phụ lại không đi ra ngoài. Hiển nhiên là ông có khách viếng thăm. Nghe những tiếng chân ấy thấy có gì thực là kỳ dị. Vang vang như tiếng những hạt mưa lộp độp nện vào một cánh cửa gỗ. Tiếng chân người đồ đệ mới đi trước dẫn khách đến phòng Lão sư phụ thường êm nhẹ, đều đều và hầu như luôn luôn bị những bước sải dài của người khách nhận chìm làm cho những tấm ván cũ kỹ lát hàng hiên kêu cọt két một cách hết sức kỳ lạ.

Tiếng mưa rơi vang âm khắp Lộc Uyển tự. Mưa đêm đổ xuống ngôi chùa cổ kính rộng lớn và tiếng mưa rơi tràn ngập những căn phòng mốc thối, trống rỗng, bao la. Ở trong nhà bếp, trong am ông chấp sự, ông Điện ti, trong Khách điện không nghe tiếng gì khác ngoài tiếng mưa rơi. Bây giờ tôi nghĩ tới trận mưa đã đổ ụp xuống Kim Các Tự. Tôi khẽ đẩy tấm cửa kéo phòng tôi. Cái sân giữa nhỏ bé, chỉ có toàn đá, lúc đó đang ngập tràn nước mưa và có thể nói là tôi nhìn thấy cái lưng của làn nước lấp loáng đen ngòm khi nó len lỏi từ phiến đá này sang phiến đá khác.

Người đồ đệ tân nhập từ khu phòng Lão sư phụ trở về thò đầu vào phòng tôi.

“Ở đó có thằng sinh viên tên là Kashiwagi đến thăm lão sư. Có phải nó là bạn cậu không?”

Tôi thấy xốn xang cả người. Người đồ đệ tân nhập đeo kính trắng, ban ngày đi dậy ở một trường tiểu học, sắp sửa cáo lui, nhưng tôi nín hấn lại và bảo hấn vào phòng tôi. Tôi đang tưởng tượng ra đủ mọi thứ truyện về cuộc đối thoại diễn ra trong Đại Thư Viện và tôi thấy nếu ngồi một mình thì không thể làm sao chịu nổi.

Năm sáu phút trôi qua. Bất chợt chuông phòng Lão sư phụ reo vang. Tiếng chuông lạnh lạnh giục giã át hẳn tiếng mưa rơi, rồi ngưng bật. Người đồ đệ và tôi nhìn nhau.

“Chuông gọi cậu đó,” hấn nói. Tôi gắng gượng đứng dậy.

Khi tới phòng Lão sư phụ, tôi quì ở bên ngoài. Tôi có thể nhìn thấy tờ giấy vay nợ với dấu tay của tôi nằm trên bàn giấy của ông. Lão sư phụ cầm một đầu tờ giấy lên đưa cho tôi xem. Ông cứ để mặc tôi quì dưới hàng hiên bên ngoài căn phòng.

“Đây có phải là dấu tay của con không?”

“Thưa phải”

“À, thế ra con đã làm một việc hay thật là hay, phải vậy không? Từ giờ trở đi nếu vì con ta còn phải gặp những chuyện rắc rối như thế này nữa thì ta sẽ không làm sao có thể để cho con ở lại trong chùa nữa đâu. Con nên thức tỉnh nghĩ lại mà coi. Đây không phải là lần đầu tiên...” Có lẽ vì có cả Kashiwagi ở trong phòng nên ông bỏ lửng câu nói. “Ta sẽ bỏ tiền túi ra trả,” ông tiếp lời, “nên bây giờ con có thể lui về phòng.”

Nghe những lời này tôi mới dám nhìn thẳng vào mặt Kashiwagi. Nó đang ngồi trên sàn nhà, nét mặt nhơn nhơn như vừa làm xong một việc rất đáng ca ngợi. Tuy nhiên, nó cũng phải nhìn

đi phía khác. Khi làm một việc gì ác độc, Kashiwagi luôn luôn có dáng vẻ hết sức thuần khiết, như thể người ta đã hút ra cái nhụy trong tính chất của nó mà nó hoàn toàn không hay biết gì cả. Chỉ có mình tôi là biết được điều này.

Khi trở về phòng riêng, tôi mới ý thức rằng đêm nay trong tiếng mưa rơi dữ dội trong nỗi cơ đơn của riêng mình, tôi đã được giải thoát.

“Ta cũng không làm sao có thể để con ở lại trong chùa thêm nữa đâu - lần đầu tiên tôi được nghe Lão sư phụ nói ra lời này, lần đầu tiên ông đã nói cho tôi nghe lời đoán quyết này. Đột nhiên, mọi sự đều trở nên rõ ràng. Lão sư phụ đang nghĩ đến truyện tống cổ tôi khỏi chùa. *Mình phải cấp tốc thi hành quyết định mới được.*

Nếu Kashiwagi đã không hành động như nó đã hành động đêm ấy thì có lẽ tôi đã không có cơ hội được nghe Lão sư phụ thốt ra những lời nói ấy và tôi vẫn còn trì hoãn chưa thi hành quyết định của mình. Nghĩ rằng chính Kashiwagi là người đã đem lại cho tôi sức mạnh để vượt qua sự trì trệ của mình tôi thấy biết ơn nó một cách thực lạ lùng.

Không có dấu hiệu gì là cơn mưa sẽ tạnh cả. Trời tháng sáu mà thế này thì lạnh quá và căn hậu phòng nhỏ bé vách gỗ bốn xung quanh trông thực hoang lạnh dưới ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn điện. Đây là nơi tôi đang ở và có lẽ sắp bị trục xuất khỏi phòng. Chẳng có một vật trang trí nào cả. Cái mép đen đen của cái chiếu nhạt màu trên sàn nhà đã rách mướp, xoắn lại quăn queo để lộ từng sợi cói cứng nhắc. Thường thường khi bước vào căn phòng tối om này và bật đèn lên tôi thường vớ những ngón chân vào cái mép chiếu rách nát ấy, nhưng tôi đã không buồn khâu vá lại. Sự tha thiết của tôi đối với cuộc đời không có quan hệ gì với chiếu cói cả.

Bây giờ sắp tới mùa hè, căn phòng nhỏ bé này nồng nực mùi khen khét từ thân thể tôi tiết ra. Kể cũng buồn cười mặc dù tôi là một thầy chùa ấy thế mà thân mình tôi lại vẫn có cái mùi riêng biệt của thân mình những thanh niên tầm thường. Mùi này đã thấm vào những cây cột đen bóng, cũ kỹ ở bốn góc phòng và vào cả bức vách gỗ nữa. Bây giờ cái mùi hôi hám của một sinh vật trẻ tuổi rỉ ra ở giữa những mắc gỗ mà thời gian đã làm cho bóng lên. Những cây cột, những bức vách đã biến thành những vật sống động - bất động nhưng tiết ra mùi gây gấy, tanh tanh.

Thế rồi những bước chân là lạ tôi đã nghe thấy lúc trước bây giờ đang tiến lại gần dọc theo hành lang Kashiwagi đang đứng sững ở đó, giống như một bộ phận cơ giới bất chợt dừng lại. Phía sau nó, ánh đèn từ khu phòng Lão sư phụ chiếu sáng cây lục chu từng hình chiếc thuyền ở trong vườn và tôi có thể thấy cái lùm cây như mũi thuyền ở trong vườn và tôi có thể nhìn thấy cái lùm cây như mũi thuyền xanh đen, ướt át vươn cao trong màn tối.

Tôi nhoẻn một nụ cười thấy thật thỏa mãn khi nhận ra rằng lúc nom thấy nụ cười này Kashiwagi lần đầu tiên đã để lộ nét mặt gần như là hoảng hốt.

“Sao cậu không vào phòng tớ chơi cái đã!” tôi nói.

“Ừ ừ. Đừng có làm cho tớ hoảng sợ chứ! Cậu thực là một con người kỳ lạ, có phải không?”

Kashiwagi bước vào phòng tôi; và liền sau đó nó loay hoay nghiêng người ngồi xuống cái bồ đoàn với những động tác chậm chạp quen thuộc khiến người ta tưởng nó đang cố gắng nằm bò ra. Nó ngẩng đầu lên và nhìn quanh căn phòng. Bên ngoài, tiếng mưa rơi vây chặt lấy chúng tôi giống như một tấm màn dày. Giữa tiếng nước bắn tung tóe trên đầu hàng hiên không có mái che mình có thể nghe thấy những hạt mưa từ những tấm cửa kéo giấy bồi dội bật ra khắp mọi nơi trong nhà.

“Phải,” Kashiwagi nói, “cậu cũng chẳng nên oán tớ, cậu ạ. Kết cục chỉ tại cậu mà tớ đã phải làm như thế. Thôi bỏ qua đi là hết.” Nó rút từ trong túi ra một cái phong bì trên đó có in hình Lộc Uyển tự rồi đếm các tờ giấy bạc đựng ở bên trong. Tất cả chỉ có ba nghìn *yen* tiền giấy - những tờ giấy bạc mới tinh rõ ràng là mới phát hành từ tháng giêng năm nay.

“Những tờ giấy bạc ở chùa này đều đẹp và sạch, có phải không?” tôi nói. “Lão sư phụ của chúng tớ rất ư khó tính nên cứ ba ngày một lần, ông lại bắt ông Phó ti ra ngân hàng đem bạc lẻ đổi lấy tiền mới.”

“Nhìn đây này!” Kashiwagi nói. “Tất cả chỉ có ba tờ. Cậu có một ông hòa thượng tính toán thật xít xao, có phải vậy không? Ông ấy bảo ông ấy không chấp nhận việc anh em bạn học mà lại cho nhau vay tiền lấy lãi. Tuy vậy, chính ông ta thì lại bóp hầu bóp cổ thiên hạ bằng thích.”

Thấy Kashiwagi bị thất vọng bất ngờ, tôi cảm thấy hết sức khoái ý. Tôi phá ra cười và Kashiwagi cũng cười theo. Trong giây lát hai đứa chúng tôi làm lành với nhau nhưng bỗng dưng Kashiwagi nín bật tiếng cười và nhìn chằm chằm vào một chỗ nào đó trên trán tôi rồi nói như thể nó đang lộ trần hết con người tôi ra. “Tớ biết”, nó nói, “mấy ngày gần đây trong đầu óc cậu đã nảy sinh ra một kế hoạch phá hoại nào đó, có phải không?”

Tôi thấy khó khăn lắm mới chịu đựng được cái ánh mắt nặng nề của nó. Rồi tôi nhận thấy rằng nó hiểu chữ “phá hoại” theo một nghĩa hoàn toàn khác với sự tính toán của tôi, và tôi lấy lại dáng vẻ bình thường. Tôi trả lời thật trơn tru, không hề có một dấu vết gì của tật nói lắp. Tôi nói: “Không làm gì có.”

“Có thực thế không?” Cậu là một thằng kỳ cục. Cậu thực là thằng kỳ cục nhất từ xưa đến giờ tớ mới thấy lần đầu.”

Tôi biết nhận xét này đã bắt nguồn từ nụ cười thân thiện vẫn chưa tàn hằn trên miệng tôi. Rõ ràng là chẳng bao giờ Kashiwagi hiểu được ý nghĩa của sự cảm tạ bùng nổ trong lòng tôi; nghĩ như vậy tôi lại càng mỉm cười thích thú hơn nữa.

“Kỳ này cậu có trở về quê nhà không?” tôi hỏi nó với giọng bạn bè thân thiết.

“Có chứ, ngày mai tớ sẽ về. Mùa hè ở Sannomiya. Tuy vậy ở đó cũng chán lắm”.

“Ờ, hai đứa mình sẽ không gặp nhau ở đại học một thời gian”.

“Sao? Cậu có bao giờ đến trường đâu mà nói.”

Vừa nói Kashiwagi vừa vội vã cởi khuy áo trước ngực ra rồi mò tay vào cái túi bên trong.

“Trước khi về quê tớ quyết định mang cho cậu những cái này,” nó nói. “Tớ nghĩ những cái này sẽ làm cho cậu vui lòng. Cậu vẫn hằng đánh giá hẵn cao lắm, có phải không?”

Nó vút xuống bàn học của tôi bó thư nho nhỏ. Tôi ngỡ ngàng đọc tên người gửi trên phong bì.

“Hãy đọc hết đi”, Kashiwagi nói với một giọng tự nhiên. “Đó là tập lưu niệm Tsurukawa gửi cho tớ.”

“Thế ra Tsurukawa và cậu là bạn bè với nhau hả?” tôi hỏi.

“Ừ, xem nào. Đúng, tớ nghĩ là một người bạn theo cách riêng của tớ. Hồi sinh tiền chính Tsurukawa rất ghét ai coi nó là bạn của tớ. Đồng thời tớ cũng là người duy nhất nó có thể thổ lộ nỗi lòng. Nó qua đời đã được ba năm rồi, nên tớ nghĩ rằng đem những lá thư này cho mọi người xem thì cũng chẳng sao. Cậu thân với nó lắm, nên tớ nghĩ để riêng một mình cậu xem mà thôi. Từ trước tớ đã có ý vào một ngày nào đó để cho cậu xem những lá thư này.”

Ngày tháng ghi trên những lá thư này đều vào khoảng tháng năm Chiêu hòa thứ 22 (1947) ngay trước khi nó chết. Nó viết những lá thư ấy từ Tokyo và gửi cho Kashiwagi hầu như đều đặn mỗi ngày. Nó chẳng gửi một lá nào cho tôi, nhưng đã viết cho Kashiwagi đều đặn mỗi ngày sau khi trở về Tokyo. Chắc chắn là những lá thư này là của Tsurukawa - làm sao mà làm được nét chữ trẻ con, gầy góc, vụng về của nó. Tôi cảm thấy hơi ghen tị. Hình như Tsurukawa chưa bao giờ thèm để ý dấu tôi những cảm tình trong sáng của nó; đôi khi nó đã nói xấu Kashiwagi và cố gắng ngăn cản tôi giao du với thằng này, vậy mà chính nó đã giao du bí mật với chính thằng này.

Tôi bắt đầu đọc những lá thư theo thứ tự ngày tháng. Những lá thư viết bằng thứ chữ nhỏ bé trên những tờ giấy chép bài mong mỏng. Văn chương rất là vụng về. Tư tưởng hình như hơi lộn xộn khiến cho người đọc khó có thể theo dõi một cách dễ dàng. Tuy nhiên, đằng sau những câu văn rối loạn, lộn xộn có cả một nỗi niềm thống khổ mịt mờ; và khi tôi đọc đến lá thư cuối cùng tất cả những thống khổ mà Tsurukawa đã trải qua hiện ra rành rành trước mắt tôi. Trong lúc tôi tiếp tục đọc thư, nước mắt tôi tuôn tràn và đồng thời tôi thấy bàng hoàng cả người trước nỗi bất hạnh, thống khổ tầm thường của Tsurukawa.

Chẳng qua chỉ là một truyện tình vụn vặt, tầm thường - mối tình đau đớn của một thanh niên thiếu kinh nghiệm trường đời với một người con gái nào đó mà cha mẹ không bằng lòng. Rồi trong lá thư có một câu đã làm tôi ngạc nhiên hết sức. Có thể là Tsurukawa đã vô tình nói quá để tả rõ tình cảm của mình, nhưng tác dụng chẳng kém phần mãnh liệt.

“Bây giờ mỗi khi nghĩ đến truyện ấy,” nó viết, “mối tình đau khổ của tớ dường như đã là hậu quả trực tiếp của tâm hồn bất hạnh của tớ. Tớ sinh ra đời với một tấm lòng u tối. Tớ nghĩ tớ chưa hề bao giờ biết vui vẻ và dễ chịu là thế nào.”

Lá thư cuối cùng có một giọng điệu sôi sục khiến khi đọc tới, tôi thấy lòng mình tràn ngập một nỗi nghi ngờ từ trước đến giờ chưa hề bao giờ tôi có thể tưởng tượng được.

“Có lẽ nào nó đã...” tôi nói.

Kashiwagi gật đầu và chặn lời tôi. “Phải, đúng thế. Nó tự tử đấy. Mười phần tứ tin chắc cả mười là như vậy. Gia đình nó có lẽ im truyện đó đi để giữ thể diện nên đã bịa ra câu truyện cái xe cam nhông và gì đó nữa.”

“Cậu viết thư trả lời nó, có phải không?” tôi tức giận lắp bắp hỏi dồn.

“Ừ, nhưng tớ biết khi thư tới thì nó đã chết rồi.”

“Cậu viết những gì?”

“Tớ chỉ viết là nó không được chết. Có vậy thôi.”

Niềm tin vững chắc của tôi cho rằng tôi không bao giờ có thể bị những cảm giác riêng tư của mình đánh lừa đã tỏ ra sai bét. Kashiwagi đã phá vỡ ảo tưởng này của tôi.

“Mà này, cậu thấy thế nào?” nó nói. “Những lá thư này đủ thay đổi quan điểm của cậu về cuộc đời phải không? Các kế hoạch của cậu đã vỡ tan vỡ nát hết rồi chứ gì?”

Bây giờ tôi hiểu Kashiwagi đã cho tôi xem những lá thư này sau ba năm dài dằng dặc. Tuy nhiên, mặc dù bị xúc động, tôi vẫn còn giữ vẹn một ký ức - ký ức về ánh mặt trời buổi sáng đỏ như suối tràn qua các cành cây rải những bông hoa nắng trên chiếc áo sơ mi trắng của người thanh niên nằm trên bãi cỏ rậm mùa hè. Tsurukawa đã chết và ba năm sau đó đã bị biến dạng ra như thế này. Thật dường như những gì tôi đã gửi gắm vào nó biến đi với cái chết của nó, nhưng thay vào đó chính vào khoảnh khắc này nó đã được tái sinh với một hiện thực tính mới mẻ. Thế rồi tôi đâm ra tin tưởng vào thực chất của ký ức hơn là vào ý nghĩa của ký ức ấy nữa, thì cuộc sống tự nó sẽ băng hoại. Trong khi Kashiwagi đứng đó nhìn tôi với con mắt kẻ cả, hiển nhiên nó hoàn toàn mãn nguyện là đã táo bạo giết chết mọi cảm xúc của tôi.

“Sao vậy?” nó nói. “Bây giờ đã có một cái gì sụp đổ trong lòng cậu có phải không? Nhìn một thằng bạn cứ ôm ấp mãi trong lòng một cái gì lúc nào cũng sẵn sàng đổ vỡ là tớ không sao chịu được. Tình thân thiết thực sự của tớ là ở chỗ phá vỡ những cái như thế.”

“Và nếu điều ấy vẫn chưa sụp đổ thì sao?” tôi hỏi.

“Thôi đừng có làm bộ làm tịch một cách trẻ con như thế nữa!” Kashiwagi nói với nụ cười chế nhạo. “Tớ chỉ có ý làm cho cậu hiểu mà thôi. Cái đã làm cho thế giới này thay đổi hình dạng - chính là sự hiểu biết. Cậu có hiểu tớ nói gì không? Chẳng có cái gì khác ngoài sự hiểu biết là có thể làm thay đổi thế giới này đồng thời lại vẫn để thế giới này trong trạng thái bất biến. Khi nhìn thế giới với con mắt của sự hiểu biết cậu sẽ thấy rằng thế giới thực ra vĩnh viễn bất biến và đồng thời cũng lại vĩnh viễn biến mao. Cậu có thể hỏi như vậy có lợi gì cho ta. Thôi hãy nói

theo cách này - con người có được sự hiểu biết làm vũ khí để có thể chịu đựng được cuộc sống. Đối với súc vật những cái đó không cần thiết. Súc vật không cần ý thức hoặc cái gì tương tự để có thể chịu đựng được cuộc đời. Nhưng con người cần phải có một cái gì đó và với sự hiểu biết con người có thể làm cho chính cái tính cách không sao chịu nổi cuộc đời trở thành một vũ khí mặc dù lúc ấy cái tính cách không sao chịu nổi của cuộc đời không hề giảm bớt lấy mảy may. Tất cả chỉ có vậy.”

“Cậu nghĩ có phương pháp nào khác để chịu đựng được cuộc sống không?”

“Không. Tôi không biết. Ngoài cái cách ấy ra thì chỉ còn điên cuồng hoặc cái chết.”

“Hiểu biết quyết chẳng bao giờ có thể làm thay đổi bộ mặt thế giới”, tôi buộc miệng nói, suýt nữa phơi gan rạch ruột một cách nguy hiểm. “Chỉ có hành động mới có thể làm thay đổi bộ mặt thế giới. Chỉ có cách ấy mà thôi.”

Đúng như tôi mong đợi, Kashiwagi tránh né câu nói của tôi với một nụ cười lạnh lùng trông có vẻ như được dán trên mặt nó.

“Cậu tin thế hả!” nó nói. “Hành động, cậu nói. Nhưng cậu không thấy rằng vẻ đẹp của thế giới mà cậu ham thích đang thêm khát muốn ngủ; mà muốn có thể ngủ được nó cần phải được sự hiểu biết che chở. Cậu có nhớ truyện “Nam Toàn Trảm Miêu” mà tớ đã có lần kể cho cậu nghe không? Con mèo trong truyện ấy đẹp tuyệt vời. Lý do khiến các tu sĩ lưỡng đường cãi lộn với nhau là vì cả hai đều muốn che chở con mèo, chăm nom săn sóc nó để cho nó ngủ ngon êm ấm bên trong những tấm áo hiểu biết riêng biệt của họ. Bấy giờ Thượng tọa Nam Toàn lại là một con người hành động, vì thế ông đã lấy cái liềm và cắt cổ con mèo đi. Nhưng đến khi Triệu Châu chợt tới, anh ta đã cởi giày và đội lên đầu. Ấy là Triệu Châu muốn nói thế này. Anh ta hiểu rõ rằng cái đẹp là một cái gì cần phải ngủ yên và khi ngủ cần phải có sự hiểu biết che chở. Tuy nhiên, không làm gì có sự hiểu biết riêng rẽ, một thứ hiểu biết riêng của một người hay của một nhóm nào. Hiểu biết là *biến cả* của nhân gian, cánh *đồng* của nhân gian, dạng thức tồn tại của tất cả cuộc sống nhân gian. Tớ nghĩ đó là điều anh ta muốn nói. Bây giờ cậu muốn đóng vai Nam Toàn phải không? Ừ, cái đẹp - cái đẹp mà cậu ham thích ghê gớm - là ảo ảnh của bộ phận còn lại, bộ phận thặng dư đã được ủy thác cho sự hiểu biết. Nó là ảo ảnh của ‘phương pháp khác để chịu đựng cuộc sống’ mà cậu đã nói. Người ta có thể nói thực ra không làm gì có cái gọi là đẹp. Điều đã đem cho ảo ảnh một sức mạnh như thế, điều đã làm cho ảo ảnh có nhiều hiện thực tính như thế, đích thực là sự hiểu biết rồi còn gì. Theo quan điểm của sự hiểu biết thì cái đẹp không bao giờ là một niềm an ủi cả. Nó có thể là một người đàn bà, có thể là một người vợ, nhưng chẳng bao giờ nó là một niềm an ủi hết. Tuy nhiên, từ sự kết hôn giữa cái đẹp vốn không bao giờ là niềm an ủi một bên với sự hiểu biết một bên đã có nảy sinh một cái gì đó. Nó thường mong manh như một cái bọt nước và tuyệt đối vô vọng. Song, đã có một cái gì đó ra đời. Đó là cái thế gian gọi là “*nghệ thuật*”.

“Cái đẹp...” tôi buột mồm lắp bắp một thôi một hồi thật là dữ dội. Nó là một ý tưởng không bờ cõi, không giới hạn. Trong óc tôi thoáng vụt một mối nghi ngờ rằng rất có thể chính quan niệm của tôi về cái đẹp đã khiến cho tôi mắc tật nói lắp. “Cái đẹp, những sự vật đẹp đẽ”, tôi tiếp

tục. “những cái ấy bây giờ là kẻ thù lớn nhất.”

“Cái đẹp là kẻ thù của cái xấu à?” Kashiwagi vừa nói vừa tròn đôi mắt. Thế rồi khuôn mặt đỏ ửng của nó lại có dáng vẻ sáng khoái, quen thuộc của nhà triết học. “Nghe cậu nói vậy tớ mới thấy trong con người cậu có một sự thay đổi thực là lớn lao! Quả tình tớ phải điều chỉnh lại cái lăng kính nhận thức của tớ mới được.”

Chúng tôi tiếp tục một hồi lâu. Đã lâu lắm hai đứa mới lại nghị luận với nhau một cách thân tình như thế. Mưa vẫn chưa tạnh. Lúc sắp sửa ra về, Kashiwagi đã nói cho tôi hay về Sannomiya và hải cảng Kobe. Tôi chưa bao giờ đến một trong hai nơi này và bây giờ nó một tả những chiếc tàu to lớn đang trôi hải cảng vào mùa hè. Hồi tưởng lại Maizuru tôi thấy những cảnh ấy thật là sống động. Ít nhất cũng có một lần ý kiến chúng tôi phù hợp với nhau. Hai thành viên nghèo kiệt xác chúng tôi đã cùng nhau chia xẻ những không tưởng và đồng ý với nhau rằng cả nhận thức lẫn hành động, chẳng có cái nào có thể đem đến niềm vui cho bằng niềm vui được giương buồm vượt biển đi xa.

9

Có lẽ chẳng phải ngẫu nhiên mà thay vì răn dạy tôi như ông thường làm. Lão sư phụ, lần này đúng ngay vào lúc cần phải răn dạy, lại ban cho tôi một ân huệ. Năm ngày sau khi Kashiwagi tới đòi tiền, Lão sư phụ gọi tôi vào phòng ông và đưa cho tôi ba ngàn bốn trăm *yen* để đóng học phí trong phân kỳ thứ nhất, ba trăm năm mươi *yen* để đi xe điện và năm trăm *yen* để mua giấy bút. Theo khuôn phép nhà trường, lẽ ra chúng tôi phải nộp học phí trước dịp hè, nhưng sau những gì đã xảy ra, tôi chẳng lúc nào có thể tưởng tượng là Lão sư phụ lại sẽ cho tôi tiền cả. Tôi nghĩ là dù cho có ý định trả học phí cho tôi đi nữa nhưng lúc này thừa biết là tôi chẳng đáng tin cậy lúc nào, lẽ ra ông nên gửi thẳng tiền đến đại học mới phải.

Tôi biết rõ hơn ông rằng dù cho bây giờ có trao tiền cho tôi, sự tin cậy của ông đối với tôi cũng là sự tin cậy giả dối. Ân huệ Lão sư phụ đã ban cho tôi mà không thêm nói một lời, tôi thấy na ná giống như làn thịt da hồng hào, mềm mại của ông. Cái làn da thịt tràn đầy giả dối, cái làn da thịt tin cậy vào cái gì xứng đáng được tin cậy, cái làn da thịt không hề bị sự hủ bại phạm tới, cái làn da thịt hồng hồng, âm ẩm lạnh lẽo sinh sôi nảy nở.

Cũng y như lúc nhìn thấy người cảnh sát ở lữ quán Yura, tôi đã sợ hết hồn e rằng đã bị phát giác, bây giờ tôi lại lo sợ hết hồn, sợ rằng Lão sư phụ đã thấy rõ kế hoạch của tôi và đang cố gắng làm cho tôi bỏ lỡ cơ hội quyết ý thành động bằng cách cho tôi tiền. Tôi cảm thấy mình sẽ chẳng bao giờ có đủ can đảm để quyết ý hành động chừng nào còn cất giữ món tiền mà ông đã cho. Tôi phải tìm đủ cách để tiêu hết món tiền ấy càng sớm càng tốt. Tôi phải tìm cách tiêu hết bég món tiền ấy để một khi biết được Lão sư phụ sẽ nổi giận dùng đòn roi tống cổ tôi ra khỏi chùa ngay tức khắc.

Hôm ấy đến phiên tôi làm bếp. Trong khi đang rửa bát sau bữa được thạch, vô tình tôi nhìn về hướng phòng ăn. Ai nấy đều đã đi hết, và căn phòng vắng lặng im lìm. Ngay cửa vào có một cây cột lớn đen bóng màu bồ hóng. Trên cột có treo một tấm bảng hoàn toàn đổi màu vì ám khói. Tôi đọc thấy:

A-đa-cổ tự phù

Cẩn thận phòng hỏa

Tôi có thể mừng tượng tấy được hình dạng xanh xao, mờ nhạt của ngọn lửa bị tù hãm trong tấm bùa hộ mệnh này. Có cái gì tươi đẹp trước đây lúc này đang rập rờn sau tấm hộ phù nhạt mờ và bệnh hoạn. Tôi tự hỏi liệu người ngoài có ai tin tôi hay không khi tôi nói rằng trong những ngày này ảo ảnh của ngọn lửa đã thúc đẩy tôi với một sức mạnh không thua gì nhục dục. Tuy vậy, có phải là điều tự nhiên hay không khi ý chí sống còn của tôi hoàn toàn dựa vào ngọn lửa là nhục dục của tôi nữa cũng phải hướng về phía ấy? Dục vọng của tôi đã un đúc hình dáng dịu dàng, mềm mại của ngọn lửa; và ý thức được rằng tôi đang ngắm nhìn chúng qua cây cột đen xì, bóng lộn những lưỡi lửa đang dịu dàng, uốn éo trong lúc này. Thực là mong manh những bàn tay, bàn chân, lồng ngực của ngọn lửa ấy.

Tối 18 tháng 6 tôi nhét tiền vào trong túi lên ra ngoài chùa và cầm đầu đi về khu Bắc Tân Địa, thường được gọi là Gobancho. Tôi đã nghe nói là ở đây người ta tính tiền rất rẻ và đối đãi rất thân thiết đối với các bọn chú tiểu trong chùa. Từ Lộc Uyển tự đến Gobancho phải đi bộ mất hơn nửa giờ. Trời đêm ẩm ướt. Mặt trăng lơ mờ chiếu qua nền trời đầy mây mỏng. Tôi mặc áo chên, quần kaki và đi guốc. Dĩ nhiên một vài giờ sau tôi phải trở về chùa vẫn ăn mặc quần áo y hệt như thế. Làm sao tôi có thể thuyết phục được chính mình rằng cái thằng tôi gói mình trong những quần áo như thế lại là một con người hoàn toàn khác biệt.

Thật rõ ràng chỉ vì muốn sống nên tôi đang dự định thiêu hủy Kim Các Tự, nhưng việc tôi đang làm lúc này thì lại đúng là sự chuẩn bị để chết. Cũng như một thằng trai tân đã quyết ý tự sát phải mò đến nhà thổ cho nên bây giờ tôi hớn hờ đến xóm lầu xanh. Nhưng xin cứ an tâm. Khi một thằng con trai như thế mò tới một ổ điểm thì thật chẳng khác gì hấn đã ký tên mình vào một tờ giấy để những khoảng trống, mặc dù có thể mất tâm, song hấn quyết chẳng bao giờ trở thành “một con người khác.”

Bây giờ tôi không còn phải sợ cái sự nhỡ tàu ấy nữa - cái sự nhỡ tàu mà tôi đã nhiều lần trải qua vào giây phút khẩn trương khi Kim Các Tự len vào giữa tôi với đàn bà con gái. Bởi lẽ tôi chẳng còn có một mộng mơ hoặc mục đích nào tham dự vào nhân sinh bằng đàn bà con gái nữa. Cuộc đời tôi bây giờ đã đóng chặt vào cái vật khác ấy, do đó, tất cả hành vi của tôi trước kia chỉ là những thủ tục âm u, thăm đạm đã đưa đẩy tôi tới tình trạng hiện tại.

Cứ thế tôi vừa nói với mình vừa đi về phía Gobancho. Nhưng rồi thì những lời nói của Kashiwagi vang dậy trong tôi: “Bọn buôn phấn bán hương chẳng có lên giường với khách tìm hoa vì thương yêu gì cả. Những ông già lụ khụ, những tên ăn mày, những thằng chột mắt, những cậu bánh trai - cả ngay những thằng hủi một khi chưa biết sự thực. Sự đối đãi bình đẳng này đã khiến cho nhiều người cảm thấy yên lòng và khiến họ sẽ ưng chịu ngay người đàn bà đầu tiên mà họ gặp. Tuy nhiên, cái bình đẳng tính này không làm tởn ưng ý chút nào cả. Tởn không sao chịu được cái ý nghĩ rằng một người đàn bà lại tiếp đón bình đẳng một người đàn ông hoàn toàn bình thường và một người nào đó giống như chính tởn làm như thể hai đứa có cùng một tư cách như nhau. Tởn thấy việc đó chẳng khác gì sự tự mình bôi nhọ, khinh nhờn hết sức đáng sợ.”

Nghĩ đến những lời nói này bây giờ tôi thấy bức mình vô kể. Thực vậy, trường hợp khác hẳn trường hợp Kashiwagi. Ngoài tật nói lắp ra, tôi là một con người đều đặn, bình thường, và không có lý do gì tôi lại chẳng coi sự thiếu hấp dẫn của mình chỉ là một thứ xấu xí hết sức tầm thường.

Tôi tự hỏi không biết đàn bà có một trực giác nào khiến họ nhận thấy ngay những dấu vết của kẻ tội phạm có thiên tài trên vầng trán xấu xí của tôi hay không? Ý nghĩ ngớ ngẩn này tức khắc làm tôi khó chịu. Tôi chậm bước chân lại. Cuối cùng tôi thấy chán nghĩ ngợi và chẳng còn rõ liệu mình có còn nuôi dưỡng ý định làm cho mình mất tâm rồi thiêu hủy Kim Các Tự hoặc thiêu hủy Kim Các Tự để rồi mất tâm hay không nữa. Thế rồi chẳng ra đâu vào đâu tôi chợt nghĩ đến lời nói cao đẹp *tempa kannan* (“Thiên bộ gian nan”) và trong lúc cất bước trên đường tôi cứ lẩm nhẩm mãi *Thiên bộ gian nan, Thiên bộ gian nan*. Chẳng mấy chốc tôi tới một chỗ mà các phòng chơi bi da ồn ào, sáng choáng và các quán rượu nhường chỗ cho một dãy phố dài tối om, im lìm từng quãng đều đặn lại có những ngọn đèn sáng trưng và những ngọn đèn giấy trắng đục rọi sáng. Từ lúc ra khỏi chùa, tôi không làm sao xua đuổi được cái không tưởng là Uiko hãy còn sống và nàng đang nấu mình chính ở nơi cái không tưởng này. Điều đó đã đem lại cho tôi nhiều sức mạnh. Vì đã quyết tâm thiêu hủy Kim Các Tự nên tôi quay lại cái trạng thái tươi mới, trắng trong vào thời kỳ niên thiếu của mình và tôi nghĩ rằng bây giờ nếu mình có gặp lại những con người và sự vật mà mình đã gặp ngay từ buổi đầu cuộc sống thì lại càng hay càng tốt chứ sao.

Từ bây giờ trở đi tôi sẽ *sống* thực. Tuy nhiên kể cũng lạ lùng là hết ngày nay sang ngày khác đủ thứ ý nghĩ không lành đã dồn đến tụ tập trong tôi, và tôi cảm thấy rằng thần chết có thể đến thăm tôi vào bất cứ lúc nào. Tôi chỉ cầu mong cái chết buông tha cho tôi cho đến khi nào tôi phóng hỏa đốt xong Kim Các Tự cái đã. Trước kia tôi ít khi đau ốm và bây giờ tôi không thấy dấu hiệu ốm đau nào cả. Tuy vậy, càng ngày tôi càng cảm thấy rõ rệt là sự kiểm soát những điều kiện khác nhau khiến cho tôi sống trên đời là cái trách nhiệm đè riêng trên vai tôi. Riêng mình tôi phải chịu đựng cái gánh nặng của trọng trách này.

Hôm trước, khi đang quét dọn, tôi đã bị một cái dầm tre ở cán chổi đâm vào ngón tay, và cứ riêng một vết thương nhỏ xíu này thôi cũng đã đủ làm cho tôi khó chịu. Tôi nhớ đến tuyền một thi nhân đã chết chỉ vì bị một cái gai hoa hồng đâm vào ngón tay. Những con người tầm thường quanh tôi chẳng bao giờ chết vì những lý do như thế. Nhưng tôi đã trở nên một con người quý giá và thực không thể nói trước là vận mệnh đã dành sẵn cho tôi một cái chết như thế nào. May thay ngón tay tôi không sưng mủ; và hôm nay khi bấm mạnh vào, tôi chỉ cảm thấy hơi đau một chút mà thôi.

Tôi chẳng cần nói thêm là trước khi đến xóm Gobancho, tôi đã chú ý không xao lãng một sự giữ gìn vệ sinh nào hết. Hôm trước tôi đã tới một hiệu thuốc tại khu khá xa thành phố, nơi không ai biết mặt tôi hết và đã tự mình mua một gói ống bọc băng cao su phòng ngừa vi trùng. Nhưng cái màng ống bọc cao su bọt bọt mỏng teo này có một màu sắc thực là ốm yếu. Tối hôm trước tôi đã lấy ra một cái và lắp thử. Vì cái “vật đó” của tôi ngổng lên giữa những đồ vật khác trong phòng - bức tranh Phật trên đó tôi đã nghịch ngợm lấy bút chì đỏ bôi quét nguệch

ngoạc, tấm lịch của Hiệp Hội Du Lịch Kyoto, những bản kinh văn dùng trong các khóa lễ Thiền lâm chẳng may đã giở ra đúng vào đoạn có bài kệ Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni, những chiếc quần đùi bẩn thỉu, chiếc chiếu rơm rách nát của tôi - trông nó giống như một bức tượng Phật ỉu ê nào đó, nhẵn thín, xám xám, không có mắt mũi gì cả. Hình dạng xấu xí của nó làm tôi nhớ tới cái hành vi hung bạo gọi là “La thiết” - cắt của quý - mà ngày nay chỉ còn thấy ghi chép trong những cuốn sách sử nào đó từ xưa để lại.

Tôi đi vào một phố hẻm hai bên đèn giấy treo thành hàng. Khoảng hơn một trăm căn nhà dọc theo phố này đều xây cất theo cùng một kiểu. Người ta bảo nếu một tội nhân nào đó muốn trốn tránh luật pháp, mà đem thân phận mình trao phó cho tay anh chị cai quản khu này thì sẽ có thể ẩn náu rất dễ dàng. Hiển nhiên là khi có người tìm bắt, tay anh chị ấy chỉ cần bấm vào một cái nút, chuông sẽ reo vang trong tất cả mọi căn nhà chứa báo nguy cho kẻ phạm tội biết là cảnh sát đang lùng bắt.

Nhà nào cũng có một cửa liếp tối om bên cạnh cửa ra vào, và nhà nào cũng có hai tầng. Những mái nhà lợp ngói thấy đều cao bằng nhau cũ kỹ, nặng nề vươn cao mãi lên dưới mặt trăng ảm áp. Những tấm màn xanh thẫm với những chữ “Tây Hiên” nhuộm trắng treo lủng lẳng ở mỗi cửa ra vào và phía sau những bức màn này người ta có thể nhìn thấy những mũ Tú trong các lầu xanh khác nhau mặc áo khoác ngoài màu trắng và đang khom người về phía trước để dòm ngó những người đi lại.

Tôi chẳng có một chút quan niệm nào về khoái lạc. Tôi cảm thấy dường như trật tự thông thường của sự vật đã xa lìa tôi hết, dường như tôi đã tự mình xa lìa tất cả mọi hàng ngũ; và giờ đây hình như tôi đang kéo lê đôi chân mỗi một qua một vùng đất hoang lạnh hoàn toàn. Cái dục vọng ẩn núp trong tôi đã ôm chặt đầu gối mà quỳ xuống chùa cho tôi thấy cái lưng lì lợm. Tôi nghĩ là mình có nghĩa vụ phải tiêu hết món tiền này tại chỗ này. Tôi đã tiêu hết món tiền mà Lão sư phụ đã cho tôi để trả học phí và như thế tôi sẽ cho Lão sư phụ một cái có rất là hợp lý để tổng cổ tôi ra khỏi chùa. Tôi thấy rõ ràng rành rành là không hề có một mâu thuẫn đặc biệt nào trong ý nghĩ này; tuy nhiên nếu bản tâm tôi như vậy điều đó có nghĩa là tôi hẳn phải yêu thương Lão sư phụ lắm lắm.

Có thể lúc đó vẫn còn quá sớm nên chưa có đông khách mò tới Gobancho. Dầu sao đi nữa ngoài đường phố có ít người một cách lạ kỳ. Tiếng guốc tôi đi vang lên lóc cóc trong làn không khí ban đêm.

Giọng nói đều đều của mũ Tú dường như kéo theo qua làn không khí ẩm ướt giăng mắc trong mùa mưa khi họ réo gọi những người tình cò đi qua. Ngón chân tôi bám chặt lấy đôi quai guốc đã lỏng lẻo. Và tôi nghĩ thế này. Giữa đám đèn sáng muôn màu muôn vẻ ấy mà tôi đã nhìn thấy từ đỉnh núi Fudo vào cái đêm chiến tranh chấm dứt, chắc hẳn tôi đã ngắm những ngọn đèn của chính đường phố này.

Tại chính chỗ lúc này tôi đang đi tới hẳn có Uiko đang chờ đợi tôi. Tại một ngã tư tôi nhìn thấy một căn nhà gọi là Otaki (Đại Lang). Chẳng chút đắn đo tôi chọn bừa chỗ này và bước qua những tấm màn cửa màu xanh đi vào trong. Tôi chợt thấy mình đứng trong một căn phòng lát

gạch. Có ba cô gái đang ngồi ở cuối phòng. Trông họ thật giống như những người đang chán chường, mỗi một người chờ xe lửa vậy. Một người trong bọn mặc quốc phục quần một chiếc khăn quàng quanh cổ. Hai người kia mặc đầm. Một người đang cúi xuống; cô ấy đã kéo chiếc bút tất dài xuống thấp và đang gãi lấy gãi để bấp chân. Không có Uiko ở đây. Việc nàng không có mặt ở đây khiến tôi cảm thấy an lòng dễ chịu.

Cô gái đang gãi chân ấy ngẩng mặt lên trông giống một con chó được ai gọi đến. Lốp phấn trắng dày và lớp sơn đỏ chát trên khuôn mặt tròn xoe đầy đặn của nàng trông nổi bật lên như trong bức vẽ một đứa trẻ con. Tuy nhiên nói ra thì có vẻ kỳ cục, nàng đã nhìn tôi với dáng vẻ có thiện ý thực sự. Đó đúng là cái nhìn đối với một người đi qua trước mặt mình ở góc đường. Ánh mắt nàng tuyệt nhiên không hề nhận thấy cái dục vọng đang tràn dâng trong tôi.

Vì không có Uiko ở đó, nên tôi thấy chọn cô gái nào cũng vậy mà thôi. Tôi vẫn chưa hết mê tín là nếu tôi mà chọn lựa hay đợi chờ trước là thế nào tôi cũng lại sẽ thất bại. Cũng như những cô gái này không hề chọn lựa khách hàng tôi cũng không thể chọn lựa cô gái nào cả. Tôi phải chắc bụng rằng cái quan niệm khủng khiếp về cái đẹp, thường làm cho con người trở nên bất lực khi hành động, vào lúc này sẽ không len vào ngăn cách tôi với ý định của tôi.

"Cậu thích em nào?" mụ Tú nói. Tôi chỉ người con gái lúc này ngồi gãi chân. Sự ngứa ngáy ở chân người con gái ấy - có lẽ vì bị một con muỗi vo ve bay lượn quanh sàn nhà đốt chân, thực đã là cái tơ duyên giữa tôi với lại cô nàng. Vì sự ngứa ngáy đó, nàng sẽ được quyền làm chứng nhân cho tôi sau này. Người con gái đứng dậy và đi tới gần tôi, nhẹ nhàng vuốt tay áo chèn của tôi. Tôi nhận thấy nàng chum môi cười.

Trong khi trèo những bậc thang tối om, cũ kỹ để lên tầng hai, một lần nữa tôi lại nghĩ đến Uiko. Tôi lan man nghĩ vào lúc này nàng đã đi ra khỏi cái thế giới đang tồn tại vào lúc này nàng đã đi ra khỏi cái thế giới đang tồn tại vào lúc này như thế nào. Vì nàng đã đi khỏi nơi này, cho nên dù cho có đưa mắt tìm kiếm nàng ở bất cứ chỗ nào chắc chắn là tôi chẳng thể tìm ra nàng nữa. Tôi thấy hình như Uiko đã đi ra ngoài thế giới này của chúng ta để đi tắm hoặc làm một việc gì đại khái cũng tầm thường đơn giản như thế.

Trong lúc Uiko hãy còn sống tôi cảm thấy dường như nàng có thể tự do ra vào cái thế giới nhị trùng như thế này. Ngay cả vào lúc xảy ra tấn bi kịch ấy, đúng vào lúc tưởng như nàng đang cự tuyệt thế giới, nàng đã hơn một lần chịu đựng thế giới. Đối với Uiko có lẽ cái chết chỉ là một việc tầm thường. Chỗ máu nàng để lại trên độ điện của Kim Cương viện có lẽ đã là một cái gì giống như bụi phấn trên cánh con bướm bướm rơi rớt lại vào buổi sáng khi mình mở cửa sổ ra và con bướm bướm ấy tức khắc bay đi.

Ngay giữa tầng nhì có một lan can vây quanh một khoảng trống nơi luồng không khí thường từ dưới sân trong bốc lên; một dây phơi quần áo giăng suốt từ đầu gò này tới đầu gò kia trên đó treo một cái váy đỏ, một vài tấm quần áo lót của đàn bà và một cái áo ngủ. Căn phòng tối như bùng và cái áo ngủ lơ mờ buông xuống trông giống như một hình người.

Một cô gái đang ca hát trong một căn phòng. Tiếng ca của cô bé bình bằng êm nhẹ; thỉnh

thoảng có giọng đàn ông lạc lõng chen vào. Lời ca chấm dứt và một lúc im lặng ngán ngùi tiếp theo. Rồi người con gái phá lên cười như thể một sợi dây đã bị giựt đứt.

“Haruka đó,” người con gái ngồi với tôi quay về phía mẹ chủ mà nói.

“Con ấy lúc nào cũng thế mà,” mẹ chủ nói, “lúc nào cũng thế.” Nói rồi mẹ quay phắt tấm lưng vuông như cánh phản về phía căn phòng, nơi phát ra tiếng cười. Họ chỉ cho tôi một căn phòng nhỏ bé chán ngắt. Một thứ bực gỗ chiếm chỗ của cái giường và trên đó ai đã tình cờ đặt một bức tranh thần đem may mắn Hoteil (Bồ Đai) và hình một con mèo đang uốn éo. Trên tường có dán một bản điều lệ tỉ mỉ và còn có treo cả tấm lịch nữa. Qua cửa sổ mở toang thỉnh thoảng mình có thể nghe thấy tiếng chân những khách tìm hoa khi họ lang thang qua đường phố này.

Mẹ chủ hỏi liệu tôi muốn ở lại chốc lát hay suốt cả đêm. Đi một lần phải trả bốn trăm yen. Tôi gọi đem ít rượu và bánh ngọt. Mẹ chủ đi xuống dưới nhà lấy những thứ tôi gọi nhưng người con gái vẫn chưa đến ngồi bên tôi. Mãi đến lúc mẹ chủ mang rượu đi lên và cô gái đến ngồi cạnh bên tôi trên chiếc chiếu rơm. Bấy giờ nhìn nàng gần hơn tôi mới thấy dưới mũi nàng hơi đỏ vì xoa gãi dữ quá. Hiển nhiên, cô ả có thói quen giết thì giờ bằng cách xoa gãi không những đôi chân và khắp cả mình mẩy. Rồi ngấm kỹ, tôi thấy cái màu đỏ đỏ này có thể chỉ là một vệt quệt của lớp son dày đặc. Xin đừng ngạc nhiên về truyện tôi đã quan sát tỉ mỉ đến thế. Xét cho cùng, đây là lần đầu tiên tôi mò đến nhà chứa và tôi háo hức tìm kiếm tất cả những chứng cứ của sự khoái lạc mà tôi có thể nhìn thấy. Tôi nhìn thấy mọi vật rõ ràng rành rành như một bảng khắc bằng đồng; từng chi tiết đều hiển hiện rõ ràng tại một cự li nhất định trước mắt tôi.

“Trước đây em đã gặp cậu rồi phải không?” người con gái nói sau khi xưng tên là Mariko.

“Tôi mới tới đây lần đầu tiên cô ạ.”

“Thực hả? Lần đầu tiên cậu tới một chỗ thế này ư?”

“Phải, cứ cho là thế đi. Thảo nào tay cậu cứ run lập cập.”

Cho đến lúc nàng nói câu này tôi mới nhận ra rằng bàn tay đang nâng ly rượu của tôi đang run lẩy bẩy.

“Nếu quả như vậy, Mariko ạ,” mẹ chủ xía lời “đêm nay may gặp may rồi phải không?” “Vâng, con sẽ biết có thực thế hay không ngay đây mà,” Mariko lững lờ nói. Trong lối nói của cô ả không có lấy một tí gì là khêu gợi cả, và tôi nhận thấy tâm hồn Mariko đang thờ thần rong chơi ở một nơi nào đó chẳng hề quan hệ tới thân xác tôi hoặc thân thể nàng hết, giống như một đứa trẻ gái bị tách ra khỏi đám bạn bè đang chơi với nó vậy. Mariko mặc một chiếc áo *bluse* xanh lơ và một cái áo màu vàng. Nhìn hai bàn tay nàng, tôi thấy chỉ có hai ngón tay cái bôi thuốc đánh móng tay màu đỏ. Có lẽ nàng đã mượn người bạn cái bàn chải đánh móng tay và đánh móng tay của mình chơi cho vui.

Thế rồi hai đứa chúng tôi leo lên giường. Mariko gác một chân lên cái nệm trải rộng trên

chiếc chiếu rơm và kéo sợi dây dài lủng lẳng bên cạnh chiếc chụp đèn. Màu sắc rực rỡ của chiếc nệm vải bông in hình lòe loẹt hiện rõ mồn một dưới ánh đèn điện. Một con búp bê của Pháp núp mình trong hốc tường lộng lẫy.

Tôi cởi quần áo một cách vụng về. Mariko choàng qua vai một cái áo ngủ rộng thùng thình màu hồng nhạt và khéo léo trút bỏ xiêm áo ở bên trong. Gầm giường ngủ có một bình nước lã, tôi làm một hơi mấy cốc liền. Đang quay mặt phía khác, Mariko nghe thấy tiếng uống nước ừng ực.

“Ồ, anh là thằng bọm nước hả!” nàng vừa nói vừa cười sảng sặc.

Khi hai đứa đã vào giường và nằm quay mặt vào nhau, cô ả khế đặt ngón tay lên đầu mũi tôi vừa cười vừa hỏi: “Có thực đây là lần đầu tiên anh đi chơi không đấy?”

Dù ánh đèn cạnh giường lờ mờ tôi cũng không quên lơ mắt ngắm nhìn. Vì nhìn như thế này mới chứng tỏ rằng tôi đang sống. Ngoài ra, đây là lần đầu tiên tôi được nghe nhìn thấy mắt người khác gần ngay mắt mình cho đến thế. Cái viễn cận pháp vẫn hằng chi phối thế giới của tôi đến lúc này đã bị sụp đổ. Một kẻ lạ mặt đã táo bạo xông vào cuộc sống của tôi. Cái hơi ấm áp, mùi thơm rẻ tiền trên da thịt tấm thân người lạ mặt ấy đã phối hợp lại dần dần tràng dâng cho đến khi nhận chìm toàn thể con người tôi trong đó. Lần đầu tiên tôi *nhìn thấy* rằng thế giới của tha nhân có thể tan biến giống như thế này.

Tôi đang bị đưa đẩy, giống như một đơn vị phổ biến thông thường của toàn thể. Chưa bao giờ tôi tưởng tượng rằng có một ai đó lại có thể đưa đẩy tôi như thế này. Sau khi tôi đã cởi hết quần áo, trút bỏ nhiều thứ phụ thuộc khác nữa - cả cái tật nói lắp, vẻ xấu xí cùng sự nghèo nàn nữa - tối hôm đó, tôi đã thực sự đạt được khoái cảm thể xác, tuy nhiên tôi vẫn không tin chính tôi là người đã hưởng niềm khoái cảm ấy. Xa xa một cảm giác từ lâu từng tránh né tôi bây giờ dâng lên tràn trề và sụp đổ ngay sau đó. Tôi vội tách mình ra khỏi thân thể cô gái rồi tựa cằm lên chiếc gối. Cả một bên đầu tê tê vì lạnh, tôi lấy nắm tay vỗ nhẹ vào chỗ ấy. Thế rồi tôi hoàn toàn có cảm giác rằng tất cả đều bỏ rơi tôi trong tình trạng vật vờ. Tuy nhiên, tất cả vẫn chưa đủ sức làm tôi rơi nước mắt.

Sau khi hai đứa đã hành sự xong xuôi, chúng tôi nằm bên nhau trò chuyện. Tôi mơ màng nghe tiếng cô gái kể chuyện nàng đã từ Nagoga trôi dạt tới nơi này như thế nào. Nhưng tất cả ý nghĩ của tôi đều hướng thẳng về Kim Các Tự. thực ra đấy chỉ là những ý nghĩ trừu tượng về ngôi chùa hoàn toàn khác hẳn những ý nghĩ quen thuộc, tù đọng, cặn bã, đầy nhục cảm của tôi.

“Anh không trở lại nơi này nữa, phải không?” Mariko hỏi, và qua lời nói của nàng, tôi cảm thấy nàng già hơn tôi ít ra một hai tuổi. Đúng, rõ ràng là nàng phải già hơn tôi. Hai bầu vú nàng ngồn ngộn trước mắt tôi, ướt đầm mồ hôi. Chỉ là hai khối thịt, hai bầu vú Mariko và quyết chẳng bao giờ có thể trải qua sự biến mạo lạ kỳ để trở thành Kim Các Tự. Tôi lấy đầu ngón tay rứt rề sờ vào cặp vú nàng.

“Chắc là anh thấy những cái này lạ mắt lắm phải không?” Mariko nói. Sau đấy, nàng ngồi nhòm dậy chăm chăm nhìn vào một bên ngực rồi đưa tay nâng vú lên và lắc nhẹ như thể đang

chơi đùa với một con vật nhỏ bé. Thịt da nàng rung rinh nhẹ nhàng làm tôi nhớ lại mặt trời chiều trên vịnh Maizuru. Cung cách mặt trời chiều biến sắc thật nhanh hình như kết hợp trong lòng tôi cùng với tính chất biến đổi mau lẹ của thịt da người con gái. Tôi cảm thấy yên lòng khi tưởng tượng rằng giống như mặt trời chiều đang bị chôn vùi trong những lớp mây chập chùng, dày đặc, lớp da thịt rung trước mắt tôi kia chẳng mấy chốc rồi cũng sẽ vùi sau trong nắm mồi âm u của đêm tối.

Hôm sau tôi lại mò đến cùng “cửa hiệu” ấy và đòi cho được cũng cô gái ấy. Chẳng phải vì tôi hãy còn khối tiền, mà còn vì cái hành vi tôi mới làm lần đầu tiên ấy hình như chẳng thấm thía vào đâu so với sự sướng khoái ngây ngất mà tôi vẫn hằng tưởng tượng, vì thế tôi thấy cần là phải thử lại một lần nữa và mang cái hành vi ấy gần hơn chút nữa với nguồn vui thú ngây ngất trong tưởng tượng của tôi. Một trong nhiều điểm khác người của tôi là những hành vi tôi thực hiện trong cuộc đời luôn luôn có khuynh hướng kết liễu y như những bản sao trung thực của những gì tôi vẫn tưởng tượng. Hoặc hơn thế, tôi muốn nói không phải sự tưởng tượng mà là nguồn gốc những ký ức của mình. Tôi không làm sao vượt qua được cái cảm giác là mỗi thí nghiệm mà tôi trải qua trong đời đều là được chính tôi thí nghiệm trước đó dưới một hình thức thú vị hơn. Ngay cả trong trường hợp một hành vi nhục thể như thế này, tôi cảm thấy rằng vào lúc nào đó và tại nơi nào đó mà tôi không thể nhớ rõ nữa - có lẽ cùng với Uiko - tôi đã được biết một hình thức khoái lạc nhục thể mãnh liệt hơn, một khoái cảm đủ khiến cho sướng đến tê dại cả người. Việc này đã khơi nguồn những niềm vui sau này của tôi, và thực thể, những niềm vui ấy chỉ có nghĩa như là việc lấy tay vốc từng vốc nước ra khỏi quá khứ.

Thực vậy tôi cảm thấy rằng một lúc nào đó trong quá khứ xa xôi tôi đã mục kích tại nơi nào đó một ánh hoàng hôn trắng lợt không gì sánh kịp. Có phải vì tội của tôi nên những buổi mặt trời lặn đã nhìn thấy về sau chẳng nhiều thì ít luôn luôn nhạt mờ?

Hôm qua cô gái đã tiếp đãi tôi rất nồng hậu như thể tôi là khách hàng quen thuộc vì thế trong lần viếng thăm ngày hôm nay tôi đã mang theo một quyển sách nhét vào túi áo. Quyển này thuộc loại sách bỏ túi mà tôi đã mua được mấy hôm trước ở một hiệu sách cũ. Đó là quyển *Tội Phạm và Hình Phạt* của Bequaria. Cuốn này do một học giả người Ý chuyên về hình pháp ở thế kỷ mười tám viết; nó đã trở thành một món ăn cổ điển và Khải mông chủ nghĩa và Hợp lý chủ nghĩa; sau khi đọc được mấy trang tôi đã vất nó sang một bên. Tuy vậy, tôi chợt nghĩ ra rất có thể cô bé lại thích thú nhan đề cuốn sách ấy.

Mariko chào đón tôi cũng với nụ cười mუმ mუმ như hôm qua. Vẫn nụ cười ấy, nhưng “hôm qua” thì chẳng hề để lại một dấu vết nào. Vẻ thân thiện của nàng đối với tôi là sự thân thiện mà thiên hạ bày tỏ với một người lạ khi tình cờ nhìn thấy ở một góc đường phố. Có lẽ chỉ vì thân hình cô gái này tự nó cũng giống như một góc phố.

Tôi ngồi trong một phòng nhỏ với Mariko và mụ chủ. Chúng tôi nhắm nháp chút rượu và tôi cũng tỏ ra khéo léo trong cách trao đổi ly rượu theo cổ lệ.

“Cậu truyền ly rất đúng cách khi đưa cho cô bạn tình của cậu, có đúng không nào?” Mụ chủ nói: “Trông cậu hãy còn trẻ nhưng tôi nhận thấy cũng ra dáng lắm đấy!”

“Nhưng, nếu mỗi ngày anh đều mò đến đây như thế này”, Mariko góp truyện, “liệu có bị Hòa thượng trách mắng hay không?”

Như vậy là họ đã biết rõ tông tích tôi rồi, tôi nghĩ; họ biết tôi là người trong một ngôi chùa.

“Này, đừng tưởng em không khám phá ra đâu!” Mariko nói khi nhận thấy tôi có vẻ ngạc nhiên. “Bây giờ tất cả thanh niên đều để tóc dài theo lối công tử. Hễ thấy chàng nào cắt tóc cụt lún sạt da đầu như anh đây này là mình có thể nói ngay là anh chàng là người trong một ngôi chùa nào đó. Tụi em biết đủ mọi truyện về bọn họ trong những nhà như thế này. Vì lẽ đây là nơi những người bây giờ đã trở nên những tu sĩ nổi tiếng thường tới lui khi họ còn trẻ tuổi. Mà này có nên hát một bài nghe chơi không nhỉ?” Thế là Mariko liền hát ngay một bài dân ca nói về những công việc khác nhau của một người đàn bà con gái nào đó ngoài hải cảng.

Sau đó hai đứa chúng tôi leo lên giường và tôi đã hành sự thật trơn tru trong cái khung cảnh bây giờ đã trở nên quen thuộc. Lần này tôi thực sự cảm thấy đã thấp thoáng thấy niềm lạc thú; tuy nhiên, đó không phải thứ khoái lạc tôi hằng tưởng tượng, nhưng chỉ là cảm giác thỏa mãn hỗn độn, ồn ào mà tôi đang tự thích ứng với sự độn lạc.

Khi hành sự xong xuôi Mariko mới cho tôi một lời răn dạy giọng đầy cảm thương khiến càng thấy rõ là nàng lớn tuổi hơn tôi. Lời nàng nói làm tôi cụt hứng trong chốc lát.

“Em nghĩ là anh chẳng nên đi lại quá nhiều một nơi như thế này”. Mariko nói. “Anh là người đứng dẫn đàn hoàng. Em dám chắc như vậy. Không nên say đắm với loại thú vui này, anh ạ. Anh nên đem nghị lực dồn hết vào công việc của mình. Đó là điều duy nhất chao anh. Dĩ nhiên, em thích anh lại đây chơi với em. Nhưng anh hiểu tại sao em lại đang nói với anh như thế này chứ? Vì em coi anh như một người em trai vậy”.

Có lẽ Mariko đã học được lối nói năng này trong một cuốn tiểu thuyết ba xu nào đó. Lời nói của nàng chẳng có một chút cảm xúc sâu xa đặc biệt nào hết. Mariko chỉ bịa ra một câu truyện tình tự nho nhỏ hy vọng lôi cuốn tôi vào thôi. Hẳn là cô nàng đang chờ đợi tôi đáp lại bằng những giọt nước mắt.

Nhưng tôi đã không làm như vậy. Thay vì thế, tôi chộp lấy cuốn *Tội Phạm và Hình Phạt* ở bên gối và dí vào trước mắt nàng. Mariko ngoan ngoãn giở đọc lướt mấy trang. Rồi chẳng nói chẳng rằng nàng đặt quyển sách lại chỗ cũ. Nàng hoàn toàn không thèm để ý đến nó nữa.

Tôi chỉ ước mong sao Mariko sẽ cảm thấy một vài dự tưởng nào đó về sự run rủ của vận mệnh đã khiến nàng gặp tôi. Tôi ước mong rằng nàng sẽ đi gần tới chỗ ý thức thêm chút nữa là nàng đang giúp một tay vào sự phá hủy thế giới. Dù sao đi nữa cả cô gái này cũng không thể coi câu truyện này là câu truyện không đáng quan tâm. Tôi thấy sốt ruột và sau đã phải buột ra điều đáng lẽ tôi không nên nói: “Trong một tháng - phải, trong vòng một tháng thôi, em sẽ thấy báo chí nói nhiều đến anh. Xin hãy nghĩ đến anh khi việc ấy xảy ra”.

Nói xong tôi thấy tim mình nện thành thịch. Nhưng Mariko lại phá ra cười. Nàng cười to

đến nổi rung rinh cả hai bầu vú, và nàng liếc tôi và cố gắng cắn ống tay áo để nín tiếng cười, nhưng một lần nữa nàng lại phá ra cười sảng sặc đến độ run rẩy cả người. Tôi biết chắc chính Mariko cũng chẳng thể nào cắt nghĩa được tại sao nàng lại thấy buồn cười cho đến thế. Thấy vẻ mặt tôi ngơ ngàng, nàng mới dứt tiếng cười.

“Có cái gì buồn cười thế hở?” Tôi hỏi. Thực là một câu hỏi ngớ ngẩn.

“Anh là thằng nói dối chính tông, có phải không? Ô, thực buồn cười quá! Anh thực là thằng nói dối kinh khủng!”

“Anh đâu có nói dối điều gì”.

“Ô, thôi xin ngừng lại đi!” Mariko vừa nói vừa phá ra cười một lần nữa. “Cười đến chết mất. Anh đang giết chết em đó! Toàn là những lời nói láo. Ấy thế mà cái mặt anh cứ nhơn nhơn ra được.”

Tôi nhìn nàng cười. Có lẽ nàng buồn cười chỉ vì tôi đã nói lấp một cách lạ lùng khi đặc biệt nói đến tương lai. Rõ ràng là nàng hoàn toàn không hề tin những lời tôi đã nói ra một chút xíu nào.

Mariko chẳng có một chút tin tưởng nào hết. Giả như có một trận động đất nổi lên ngay trước mắt, thì nàng cũng chẳng tin nào. Nếu cả thế giới này có sụp đổ, riêng người con gái này có lẽ sẽ thoát nạn. Bởi vì Mariko chỉ tin vào những sự việc xảy ra theo lối lý luận riêng của mình. Cái lối lý luận này không chấp nhận sự sụp đổ của thế giới và vì thế nhất định chẳng bao giờ có một cái gì có thể tạo cơ hội khiến Mariko nghĩ đến một điều như thế. Về điểm này nàng giống Kashiwagi. Mariko là một Kashiwagi đàn bà, một Kashiwagi không biết suy tưởng.

Câu truyện giữa hai đứa chúng tôi chấm dứt thì Mariko nhồm dậy, hai vú vẫn phơi trần và nàng bắt đầu ngân nga giọng mũi mà cất tiếng hát. Tiếng ngân nga giọng mũi của nàng hòa điệu với tiếng vỗ cánh vù vù của một con ruồi đang bay lượn quanh đầu nàng. Bay được một lúc tình cờ con ruồi nhào xuống đậu trên một bầu vú nàng.

“Ồ, nhột quá!” nói vậy xong nàng lại không có ý muốn xua đuổi nó đi.

Mỗi khi con ruồi đậu vào bầu vú nàng nó cứ bám chặt lấy. Tôi lấy làm ngạc nhiên Mariko không tỏ vẻ khó chịu chút nào hết khi bị một côn trùng âu yếm, vuốt ve, vỗ về theo lối này.

Tôi nghe tiếng mưa rơi trên mái hiên. Tiếng mưa rơi ào ào như thể trời chỉ mưa ở riêng một nơi này mà thôi. Tôi nghe tiếng mưa rì rì hình như đã sợ hãi đến mê lịm đi vì đã lang thang tới khu phố riêng biệt và đã hoàn toàn lạc lối không biết đường về. Tiếng mưa rơi dường như bị cắt rời khỏi đêm tối bao la, cũng như tôi vậy; đó là âm thanh thuộc về một thế giới cục hạn, giống như cái thế giới nhỏ bé đang được ánh đèn lò mờ để đầu giường soi sáng.

Vì loài ruồi ưa thích sự rửa nát liệu Mariko đã bắt đầu rửa nát hay chưa? Có phải việc người con gái này hoàn toàn không tin tưởng gì hết đã chứa đựng sự tan rã ung thối không? có phải

vì thể nàng đã sống trong một thế giới tuyệt đối của riêng mình mà con ruồi đã bay tới hỏi thăm nàng hay không? Thật khó mà tôi hiểu nổi.

Rồi đột nhiên Mariko lăn ra ngủ như chết. Nàng nằm đó giống như một xác chết, và trên bầu vú tròn trặn lập lòa dưới ánh đèn đầu giường, cả con ruồi nữa cũng nằm bất động; hiển nhiên là nó cũng đã ngủ thiêu thiêu.

Tôi không bao giờ trở lại Otaki. Tôi đã làm xong những việc cần phải làm. Bây giờ chỉ còn có việc chờ Lão sư phụ khám phá ra là tôi đã tiêu sạch tiền học phí ra làm sao và tổng cổ tôi khỏi chùa.

Tuy nhiên, tôi không gọi cho Lão sư phụ biết tí gì cách tôi tiêu nhẵn cả món tiền ấy. Tôi chẳng cần phải thú tội; Lão sư phụ phải đánh hơi thấy hành vi của tôi mà tôi chẳng cần phải thú tội gì hết.

Kể ra tôi cũng thấy khó mà giải thích cho chính mình nghe tại sao tôi muốn nhắm mắt tin tưởng, ỷ lại trọn vẹn vào sức mạnh của Lão sư phụ một khi sự thể đã như thế. Tại sao tôi lại muốn mượn sức mạnh của Lão sư phụ? Tại sao tôi lại để cho quyết định tối hậu của mình phải căn cứ vào việc bị Lão sư phụ tổng cổ ra khỏi chùa? Bởi lẽ, như tôi đã nói từ lâu, tôi đã sớm thấy cái bản chất vô lực của Lão sư phụ.

Vài ngày sau khi mò đến nhà chứa lần thứ hai, tôi đã có dịp thấy rõ cái khía cạnh đặc biệt này của Lão sư phụ. Sáng sớm hôm đó, trước khi cổng vườn mở, Lão sư phụ đi tản bộ một vòng quanh Kim Các Tự. Đây là điệu thật hân hỷ đối với ông. Ông đi lên về phía tôi và những chú tiểu khác đang quét sân chùa và nói đôi ba lời thường lệ cảm ơn sự cố gắng của chúng tôi. Thế rồi, trong tấm áo trắng bong lạnh lẽo, ông bước lên những bậc thềm đá dẫn đến Tịch giai đình. Hiển nhiên ông lên đó ngồi nghỉ một mình, sửa soạn trà uống cho thanh thoi tâm thần.

Bầu trời mang dấu vết của một buổi bình minh chói lọi. Đó đây, những đám mây hầy còn phản ánh đỏ rực đang băng qua nền trời màu xanh. Trông thật như thể những đám mây ấy vẫn chưa khắc phục được nỗi e thẹn, rụt rè của chúng.

Khi chúng tôi đã quét dọn xong xuôi, những người khác trong nhóm quay về chính điện. Riêng mình tôi đi theo con đường dẫn qua Tịch giai đình phía sau Đại Thư Viện. Tôi cầm chổi và trèo lên các bậc thềm dẫn tới một điểm gần trà thất trong Tịch giai đình. Cảnh lá hầy còn ướt sũng nước mưa đổ xuống từ đêm hôm trước. Ánh sáng chói chan buổi sớm phản chiếu trên vô số những giọt sương mai lốm đốm màu hồng nhạt trên các bụi cây gần đó, trông như loại dâu đỏ trái mùa đã mọc ở đây. Những cái mạng nhện dăng từ giọt sương mai này sang giọt sương mai khác cũng hơi nhuốm hồng và tôi thấy chúng đang rung rinh.

Sau khi ngắm nhìn hết một lượt, tôi thấy một nỗi cảm động tràn ngập cõi lòng không biết vì sao những sự vật trên trái đất này lại có thể phản ánh những màu sắc trên trời một cách mẫn cảm cho đến thế. Ngay cả màn mưa thấm đượm giăng mắc quanh khắp ngôi chùa cũng được hưởng những gì từ trên trời cao buông xuống. Mọi vật đều ướt át như thể chúng đã được hưởng nguồn ân sủng tràn trề nào đó sự rửa nát đã pha trộn với vẻ mát tươi. Bởi lẽ những sự

vật trên trái đất này không hề biết một phương thuật nào để cự tuyệt bất kỳ cái gì.

Sát ngay bên Tịch giai đình ngọn Củng Bắc lâu nổi tiếng đứng ngẫu nhiên; tên gọi tháp này bắt nguồn từ câu: “Bắc thần chi cư kỳ sở. Chúng tinh củng chi - sao Bắc Đẩu ngự đến nơi này trên các vì sao khác đều tới chào phục”. Tuy nhiên, Củng Bắc lâu bây giờ không còn giống cái tháp thời xưa khi Yoshimitsu đang cầm quyền. Nó đã được tái thiết khoảng một trăm năm trước đây theo hình tròn cho thích hợp với các trà tịch. Vì Lão sư phụ không có ở trong Tịch giai đình chắc hẳn ông phải ở trong Củng bắc lâu.

Tôi không muốn một mình gặp Lão sư phụ. Tôi lặng lẽ đi theo hàng rậu, cúi khom người để khỏi bị người nào ở phía bên kia nhìn thấy.

Cửa Củng Bắc lâu mở toang. Trong học tường tôi nhìn thấy bức họa quen thuộc của Tanyama Okyo. Trong hốc tường cũng còn có một bàn thờ Phật nho nhỏ đeo bằng gỗ bạch đàn nhưng đã bị năm tháng biến thành màu đen kể từ khi được rước từ xứ Thiên Trúc về. Bên trái tôi nhìn thấy cái giá bằng gỗ tang bằng đóng theo kiểu Rikyu, tôi cũng còn nhìn thấy bức họa trên tấm cửa kéo nữa. Mọi vật đều ở đó như tôi đã đoán trước chỉ trừ hình bóng Lão sư phụ là tôi chẳng thấy đâu. Bất giác tôi nhô đầu khỏi hàng rậu và nhìn quanh.

Trong một góc phòng tối tăm gần cây cột lớn tôi nhìn thấy một cái gì trông giống một cái bao lớn màu trắng. Nhìn kỹ hơn, tôi thấy đó là Lão sư phụ, thân hình ông cúi gập hẳn xuống trong chiếc áo màu trắng; ông ngồi đó khom người úp đầu xuống gối và hai ống tay áo dài phủ lên kín mặt.

Lão sư phụ vẫn ngồi trong tư thế cũ hoàn toàn bất động. Nhưng tôi là đứa đang đứng đó ngấm nhìn ông thì lại thấy nôn nao cả người vì một tình cảm dạt dào.

Ban đầu tôi nghĩ là Lão sư đã lâm bệnh kịch liệt cấp kỳ và hiện đang mê sảng. Tôi phải đến bên ông ngay tức khắc và sẵn sàng giúp đỡ ông. Thế nhưng vừa có ý nghĩ như thế thì có một cái gì nắm giữ tôi lại. Tôi chẳng còn chút yêu thương nào đối với Lão sư và kể từ ngày mai trở đi tôi có thể thi hành cái quyết tâm phóng hỏa đốt chùa vào bất cứ lúc nào. Trong những trường hợp như thế này mà đến giúp đỡ ông thì thật chỉ là đạo đức giả. Hơn nữa, lại có sự nguy hiểm là nếu quả thực là tôi mà giúp đỡ ông thì hòa thượng sẽ cảm tạ và yêu thương tôi và kết quả là tôi sẽ mềm lòng không thực hiện được quyết định của mình nữa.

Bây giờ thì tôi đã ngấm Lão sư phụ kỹ lưỡng rồi; ông không có đáng vẻ gì là bị đau yếu hết. Dù cho việc gì đã xảy ra với ông đi nữa trong cái tư thế gục đầu khom mình trong căn trà thất nhỏ bé, ông đã hoàn toàn mất hết uy tín mất rồi. có một cái gì ti tiện, xấu xa trong cái tư thế đó, giống như tư thế một con thú đang ngủ thiếp đi vậy. Tôi nhận thấy tay áo ông hơi hơi run run và quả tình như thể có một sức nặng vô hình nào đó đang tì mạnh lên lưng ông.

Sức mạnh vô hình này là cái gì vậy? Nó có làm cho mình khổ não hay không? Hoặc giả, phải chăng Lão sư phụ đã tự mình cảm thấy không sao chịu đựng nổi sự vô lực của mình?

Khi đã quen tai với sự im lặng này, tôi mới nhận thấy Lão sư phụ đang thấp giọng thì thầm

một điều gì đó. Tiếng thì thầm ấy nghe giống như một đoạn kinh văn, tuy nhiên tôi không biết đó là một đoạn kinh nào. Đột nhiên một ý nghĩ vụt hiện làm tan vỡ niềm kiêu căng của tôi. Lão sư phụ có một sinh hoạt tinh thần tối tăm mà bọn chúng tôi chẳng đứa nào hay biết gì hết; và so với cuộc sống này những sự xấu xa nho nhỏ, những điều tội lỗi nho nhỏ, những sự biếng lười nho nhỏ mà tôi đã ra công phạm vào xét ra thực tầm thường không thể nào tả được.

À, thế ra vậy đó. Cái thế ngồi khom mình của Lão sư phụ trong lúc này thật giống hệt cái tư thế “định cật” nghĩa là tư thế của một hành cước tăng chỉ muốn năn nỉ xin nhập chúng tăng đường nhưng đã bị cự tuyệt và đang gục đầu ngồi trên khăn gói tay nải suốt cả ngày ngoài cửa huyền quan. Nếu một cao tăng như Lão sư phụ thực sự bắt chước lối điều hành của một tu sĩ lang thang mới tới, hẳn là ông phải được trời ban cho một mức độ khiêm hư khủng khiếp. Nhưng cái sự khiêm hư này của người ấy hướng về cái gì? Cũng y như sự khiêm hư của cọng lá trên cây, của sương mai vương mắc trên mạng nhện đã hướng thẳng về ánh mặt trời vì thế có lẽ Lão sư phụ đang tự mình hướng về sự khiêm hư của mình về nguồn gốc cũng điều ác và những tội nghiệp; có lẽ ông đang để mặc cho những điều này phản ánh một cách tự nhiên trên con người ông trong khi ông ngồi đó khom mình trong tư thế của một con thú.

Nhưng không phải thế. Bỗng dưng tôi thấy ông đang tỏ bày thái độ khiêm hư đối với chính tôi. Chẳng còn có thể nghi ngờ gì nữa. Ông đã biết là tôi sắp sửa đi qua nơi này và chính tôi mà ông đã lựa cái tư thế này để cho tôi nhìn thấy. Lão sư phụ đã hoàn toàn ý thức được sự vô lực của chính mình và sau cùng ông đã chọn lựa phương pháp huấn giới lặng lẽ cực kỳ mỉa mai này để âm thầm vò xé tim tôi ra từng mảnh nhỏ, để đánh thức cho tình thương xót chỗi dậy trong tôi, để khiến tôi phải quỳ gối khẩn nguyện.

Trong khi ngắm Lão sư phụ khom mình ngồi đó trong dáng vẻ tôi cho là khiêm hư, thật khó lòng mà tôi tránh khỏi đắm chìm trong xúc động. Mặc dù tôi cố gắng đem hết sức mình phủ nhận nguồn xúc động ấy song sự thật vẫn là tôi đang sắp sửa gục ngã trước sự ái mộ đối với Lão sư phụ. Nhưng cái ý nghĩ ông đã lựa chọn tư thế này chính vì đặc biệt muốn cho tôi nhìn thấy đã làm mọi truyện thay đổi ngược hẳn lại và khiến tôi thấy lòng mình lại càng cứng rắn hơn trước nhiều.

Đúng vào lúc này tôi quyết định thi hành kế hoạch phóng hỏa không cần dựa vào một điều kiện tiên quyết nào chẳng hạn như việc bị Lão sư phụ tống cổ ra khỏi chùa. Tôi và Lão sư phụ đã trở nên hai con người sống trong hai thế giới khác biệt và không còn ảnh hưởng tí gì đến nhau nữa. Tôi thoát khỏi tất cả mọi trở ngại. Bây giờ tôi có thể thi hành mọi quyết định của mình theo bất cứ cách nào và vào bất cứ lúc nào tôi thích chứ không còn mong đợi bất kỳ cái gì từ một sức mạnh bên ngoài nào khác nữa.

Ánh hồng chói chan của buổi sớm nhạt dần trên nền trời, đồng thời mây đã tụ lại từng đám và ánh mặt trời tươi sáng đã rút ra khỏi Củng Bắc lâu. Lão sư phụ vẫn khom mình ngồi đó. Tôi vội vã rảo bước rời khỏi nơi này.

Vào ngày 25 tháng 6 chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Điều tôi linh cảm rằng thế giới sắp sửa sụp đổ tan tành trở thành sự thực. Tôi phải vội vã mau tay lên mới được.

Mở đến Gobancho hôm trước, ngày hôm sau tôi đã thực hành một thí nghiệm. Tôi nhổ hai cái đinh dài khoảng năm phân ở cửa sổ phía bắc Kim Các.

Có hai lối vào Pháp Thủy Viện ở tầng dưới Kim Các. Cả hai đều là cửa gấp, một hướng về phái đông, một hướng về phía tây. Đêm nào ông lão dẫn đường cho khách đến văn cảnh chùa cũng lên Kim Các; thoát tiên từ bên trong lão đóng cửa hướng tây và từ bên ngoài lão đóng cửa hướng đông lại rồi mới khóa. Tuy nhiên, tôi biết mình không cần khóa cũng vẫn có thể đi vào Kim Các được. Vì ở mặt bắc có một cửa gỗ cũ kỹ không còn dùng nữa. Nếu mình nhổ đi độ nửa tá đinh từ trên xuống dưới thì có thể nhấc cánh cửa này ra dễ dàng. Những cái đinh này đã long hết cả và mình có thể lấy tay nhổ ra thật dễ dàng. Do đó tôi đã nhổ thử hai cái đem gói trong một miếng giấy nhỏ và cẩn thận nhét xuống dưới đáy ngăn kéo. Vài ngày trôi qua. Hình như không ai để ý gì hết. Một tuần trôi qua. Vẫn không có dấu hiệu gì chứng tỏ có ai nhận thấy những cái đinh ấy đã bị nhổ đi. Đến tối hôm hai mươi tám tôi lén lút lên vào trong chùa và nhét những đinh ấy vào chỗ cũ.

Vào cái hôm nhìn thấy Lão sư phụ khom mình trong căn trà thất và đi đến quyết định không cần nương tựa vào sức mạnh của một ai khác, tôi đã tới một hiệu thuốc gần ty cảnh sát Nishigin ở đường Chimoto Imaidegawa mua một ít thạch tín, thoát tiên người ta đưa cho tôi một cái chai nhỏ đựng không đầy 30 viên thuốc. Tôi đòi lấy một chai lớn hơn và kết cục phải trả một trăm *yen* để mua lấy chai 100 viên. Sau đấy tôi tới một cửa hiệu bán đồ sắt phía nam ty cảnh sát và mua một con dao díp lưỡi dài độ 10 cm. Mua thêm cái bao tôi phải trả chín mươi *yen* cả thảy.

Tôi đi đi lại lại trước ty cảnh sát Nishigin. Lúc đó trời tối rồi và trên nhiều cửa sổ đã có ánh đèn sáng trưng. Tôi để ý thấy một người cảnh sát hình sự mặc chiếc sơ mi hở cổ, tay xách một chiếc vali nhỏ vội vàng đi vào tòa nhà. Chẳng có ai chú ý đến tôi. Chẳng có ai chú ý đến tôi trong suốt hai mươi năm qua và trong hoàn cảnh này, trạng thái này tất nhiên vẫn còn tiếp tục như cũ. Trong lúc này tôi vẫn còn là một con người tầm thường không quan trọng một chút nào. Ở cái xứ Nhật Bản này có hàng trăm vạn, nghìn vạn con người sống âm thầm trong xó tối chẳng được một ai chú ý tới cả. Tôi vẫn còn thuộc về lớp người đó. Những người này còn sống hay đã chết thiên hạ không hề bận trí lấy mảy may và vì thế thường thấy an tâm đối với họ. Do đó người cảnh sát hình sự cảm thấy yên lòng và không thêm bận trí nhìn đến tôi lần thứ hai. Ánh sáng đèn đỏ sương khói mịt mờ chiếu rọi tấm bảng đá đeo ngay trước ty cảnh sát Nishigi; chữ *sát* đã rơi mất và chẳng ai buồn nghĩ đến việc đem chữ khác thay thế.

Trên đường về chùa tôi cứ lẩn quẩn nghĩ mãi đến những món đồ mới mua tối hôm ấy. Đó là những món đồ làm lòng tôi rộn rã. Mặc dù đã mua thạch tín và con dao để phòng xa trường hợp phải tìm lấy cái chết, song tôi vẫn cảm thấy hết sức bằng lòng đến những thứ này đến độ tôi không khỏi băn khoăn tự hỏi phải chăng niềm vui của một người có gia đình và đang mua đồ đạc sắp đặt kế hoạch cho cuộc sống tương lai. Ngay cả sau khi đã về tới chùa rồi, tôi vẫn đem hai thứ đã mua ra mà ngắm nhìn không chán mắt. Tôi rút con dao ra khỏi bao và le lưỡi liếm dao. Tức thời chất thép mờ đi và sau khi thấy mát lạnh đầu lưỡi tôi cảm thấy một mùi vị dịu ngọt, xa xôi. Cái mùi vị dịu ngọt từ trong cái thực chất khó mà đạt tới của lưỡi thép đã lan

nhẹ sang lưỡi tôi. Hình thù sáng loáng, chất sắt bóng lộn giống như màu lam sậm của biển sâu - chính chúng đã mang cái hương vị dịu ngọt dần dần phai nhạt xa mờ. Sung sướng, tôi hình dung ra cái ngày mà hương vị dịu ngọt ấy tràn lan tung tóe làm da thịt tôi ngầy ngất say sưa. Bầu trời của chết chóc sáng rực cùng lúc đó, tôi thấy hầu như bầu trời của sự sống thì tôi đang quên dần. Những ý nghĩ đen tối đều rời bỏ tôi. Cuộc sống trên đời này bây giờ không còn thống khổ nữa.

Sau chiến tranh một máy phòng hỏa tự động tối tân đã được đặt bên trong Kim Các. Khi nào nhiệt độ bên trong Kim Các lên tới một mức độ nhất định thì chuông báo động sẽ reo vang trong hành lang Sự vụ thất của Lộc Uyển tự. Vào tối ngày 29 tháng 6 bộ phận báo động bị trục trặc. Chính ông lão dẫn đường cho khách vãn chùa đã khám phá ra. Lúc ấy tình cờ tôi ở lại trong nhà bếp và nghe thấy tiếng ông già báo cáo sự việc trong nhà liêu của ông Chấp sự. Tôi cảm thấy mình khẩn trương và tập trung ý chí tinh thần tôi sẽ căng thẳng tới mức nào, thế nhưng tôi cũng tưởng tượng rằng dạ dày tôi sẽ bị bỏ rơi trong tình trạng cô độc ấy. Tôi cảm thấy nội tạng của tôi giống như con chó khốn khổ nào đó của tôi chưa bao giờ được huấn luyện thuần thục. Tôi biết vậy. Tôi biết dù cho tấm lòng tôi có thể hăng hái đến đâu đi nữa song dạ dày và khúc ruột của tôi - những tạng khí trơ trơ, trì độn ấy ẩn náu trong thân thể tôi - vẫn sẽ réo đòi một đường lối riêng rẽ và bắt đầu mơ một giấc mơ tầm thường nào đó về cuộc sống thường nhật.

Tôi tự biết dạ dày tôi sẽ mộng mơ. Nó sẽ mơ đến cái bánh mì ngọt và những chiếc bánh đậu xanh. Trong khi tinh thần tôi mơ đến vàng bạc châu báu, thì cái dạ dày tôi cứ khẳng khẳng một mực mơ đến cái bánh mì ngọt và những chiếc bánh đậu xanh. Dù sao đi nữa, những cái bánh ngọt này của tôi cũng có thể làm cho thiên hạ tìm ra một cách giải thích khi vò đầu vắt óc cố tìm ra lý do phạm tội của tôi. Họ sẽ bảo: "Cái thẳng khốn khổ này bị dối. Nghe mới có vẻ tự nhiên thích hợp với con người làm sao!"

* * *

Ngày ấy đã đến. Mồng một tháng bảy năm Chiêu Hòa thứ 25 (1950). Như tôi đã nói trước đây không có một dấu hiệu nào cho thấy bộ máy báo động phòng hỏa sẽ được sửa chữa trong suốt ngày hôm ấy. Điều này được xác định lúc 6 giờ chiều. Ông lão đưa đường lại gọi điện thoại đến nhà máy và thúc giục họ phái người đến sửa chữa cho xong. Người thợ máy nói rằng anh ta chẳng may bị bận quá nên tối hôm ấy không đến được, nhưng chắc chắn anh ta sẽ tới làm xong công việc trong ngày hôm sau.

Ngày hôm đó khoảng một trăm du khách đến vãn cảnh chùa nhưng vì cửa chùa đóng lúc sáu giờ rưỡi nên các đợt sóng người đã bắt đầu giảm dần. Khi đã gọi điện thoại xong, ông lão đưa đường đứng ngăn người ra trước cửa nhà bếp, lơ đãng nhìn thửa ruộng nhỏ bé ở bên ngoài. Ông đã làm xong hết mọi công việc trong ngày.

Trời lất phất mưa. Từ sáng đã có nhiều trận mưa rào. Cũng có một làn gió nhẹ; tuy nhiên, vào lúc này trong năm trời cũng không đến nỗi nóng bức, ngọt ngào cho lắm. Tôi nhìn thấy những bông hoa nam qua nở rải rác đó đây trên cánh đồng dưới mưa. Những cây đậu nành, trồng từ tháng trước, đã bắt đầu nẩy mầm nhô lên dọc theo bờ ruộng đen nhánh phía bên kia cánh đồng.

Trong những lúc mải mê suy nghĩ, ông lão này thường có thói quen banh hàm răng giả khắp khểnh lung lay mà nghiêng trèo treo. Ngày nào lão cũng tuôn ra cùng những lời chỉ dẫn cho khách vãn cảnh nghe, nhưng vì cái hàm răng giả của lão càng ngày người ta càng khó mà hiểu được lão muốn nói gì. Thế là lão ta tuyệt đối không thèm để ý gì tới những lời bao nhiêu người khuyên mời, thúc giục lão đi chữa lại hàm răng. Lão già vừa nhìn cánh đồng vừa lẩm bẩm một mình. Lão im lặng một lúc và tôi nghe rõ riếng răng lão va chạm vào nhau kêu lách cách. Thế rồi lão lại lẩm bẩm. Có lẽ lão cầu nhàu vì sự chậm trễ trong việc sửa chữa chiếc máy báo động phòng hỏa. Khi lắng nghe tiếng thì thầm khó hiểu của lão, tôi có cảm tưởng lão đang nói với hoặc hai hàm răng của lão hoặc cái máy báo động phòng hỏa rằng sửa chữa bây giờ thì cũng quá muộn mất rồi.

Đêm hôm đó Lão sư phụ có một người khách lạ ít khi thấy tới Lộc Uyển tự. Đó là Hòa thượng Kuwai Zenkai trụ trì Long Pháp tự ở huyện Fukui, bạn học của Lão sư trong những ngày còn tu học với nhau trong tăng đường. Vì thượng tọa Zenkai là bạn thân của Lão sư phụ nên cũng chơi thân với ba tôi.

Khi thượng tọa Zenkai tới thì Lão sư phụ đi vắng. Có người gọi điện thoại báo cho ông biết hiện có một khách quý đang chờ; ông nói sẽ trở về trong vòng một tiếng đồng hồ. Hòa thượng Zenkai tới Kyoto và nghỉ chân tại chùa chúng tôi trong một hai ngày.

Tôi nhớ trước kia Ba thường vui vẻ kể chuyện về Hòa thượng Zenkai và tôi nhận thấy Ba hết sức kính yêu ông. Vị Hòa thượng này có dáng vẻ rất đàn ông, cả về dung mạo lẫn tính tình và điển hình cho các Thiền tăng sừng sỏ. Ông cao đến một thước tám, da đen sì, lông mày rậm, tiếng nói nghe như sấm rền.

Khi một trong những thằng bạn tới bảo tôi rằng Hòa thượng Zenkai có ý muốn nói chuyện với tôi trong khi chờ đợi Lão sư phụ trở về, tôi cảm thấy hơi ngần ngại. Tôi sợ rằng con mắt đơn thuần trong sáng của vị Hòa thượng này sẽ nhìn thấu kế hoạch của tôi hiện nay đang sắp tiến mau tới giây phút thực hiện.

Tôi thấy ông đang ngồi bắt chân chữ ngũ trong căn khách điện rộng lớn trong căn nhà chính. Ông đang uống rượu mà ông Phó ti đã nhanh nhẩu mang đến mời ông và ông đang nhắm nháp một vài cuống rau. Thằng bạn tôi đã đứng hầu rượu cho đến lúc tôi tới, nhưng bây giờ thì tôi thay thế hẳn ta và ngồi xuống tấm chiếu ngay trước mặt Hòa thượng theo đúng khuôn phép; tôi bắt đầu rót rượu hầu ông. Tôi ngồi xoay lưng ra bóng tối của màn mưa thăm lặng. Bởi thế hoàn toàn Zenkai nhìn thấy hai bối cảnh âm u trước mắt ông - khuôn mặt tôi và khu vườn đêm tối tăm ướt sũng vì đang mùa mưa. Tuy nhiên, Hòa thượng Zenkai chẳng phải là người dễ bị giam hãm trong cảnh này hoặc bất kỳ gì khác. Tuy là lần đầu chúng tôi gặp nhau, song ông đã chuyện trò một cách vui vẻ và cởi mở. Hết nhận xét này đến nhận xét khác: “Trông con giống Ba con quá”. “Con đã lớn khôn rồi đấy. Ba con lại qua đời rồi, thật buồn quá!”

Hòa thượng Zenkai có vẻ chất phác thật thà khác với Lão sư phụ và ông có sức mạnh mà ba tôi chẳng bao giờ có được. Mặt ông sạm nắng, cái mũi hết sức to, những múi thịt quanh cặp

lông mày rậm nhô lên châu đầu vào nhau, bởi thế khuôn mặt ông trông như thể được nặn theo những mặt nạ Obeshimi dành cho những vai quỷ dạ xoa trong những vở tuồng *Nô* vậy.

Rõ ràng là khuôn mặt ông không có những nét đều đặn thông thường. Trông Hòa thượng Zenkai có thừa quá nhiều sức lực. Sức mạnh này mặc tình phát lộ và phá hoại hết bất kỳ sự đều đặn nào có thể có. Hai gò má ông nhô cao giống như tranh vẽ vách núi dốc thẳng của những nghệ sĩ Trung Hoa trường phái Nam họa.

Tuy nhiên, trong tiếng nói oang oang như sấm, vị Hòa thượng này vẫn có giọng dịu dàng vang âm mãi mãi trong lòng tôi. Đó không phải là thứ dịu dàng thông thường, nhưng là vẻ dịu dàng của những cái rễ cứng cáp, gân guốc của một thân cây to lớn mọc bên ngoài thối và là chỗ trú mưa nắng cho khách lữ hành. Vẻ dịu dàng của ông không nhẵn mịn; sờ vào thấy nó gai góc, sù sì. Trong khi đó trò chuyện, tôi cứ phải canh chừng sợ rằng trong đêm nay, cái đêm của muôn vàn đêm khác, quyết tâm của tôi sẽ bị cùn nhứt đi vì va chạm với sự dịu dàng này. Tôi chợt nảy ý nghi ngờ rằng Lão sư phụ có thể đã hỏi Hòa thượng Zenkai riêng về trường hợp tôi; tuy nhiên, tôi nhận thấy khó có thể là Lão sư phụ đã cho mời Hòa thượng Zenkai lặn lội từ huyện Fukui tới đây chỉ vì riêng tôi mà thôi. Không, vị Hòa thượng này chỉ là một khách quý ngẫu nhiên, diệu kỳ, sắp sửa là nhân chứng của một cuộc phá hoại khủng khiếp.

Cái nệm rượu bằng sứ trắng đựng độ hơn nửa lít lúc này đã cạn khô. Tôi theo thường lệ cúi đầu xin phép đi ra, xuống bếp tìm một nệm khác. Khi trở lại với nệm rượu hâm nóng, tôi thấy lòng tràn ngập một tình cảm mà từ trước tới giờ tôi chưa hề biết đến. Chưa một lần nào tôi thấy có xung động muốn được người khác hiểu mình, nhưng đến lúc này tôi lại ước mong riêng Hòa thượng Zenkai sẽ hiểu tôi. Hẳn ông phải nhận thấy rằng trong lúc tôi quì gối xuống đó trước mặt ông rượu mời ông trong mắt tôi đã bùng lên một tia sáng chân thành mà chỉ trước đó một lát vẫn không hề có.

“Thưa thầy, Thầy nghĩ gì về con?” tôi nói.

“Hừm, Thầy cho rằng con trông giống một sinh viên ngoan ngoãn, chăm chỉ học hành. Dĩ nhiên là con đã lén lút đi vào con đường khoái lạc nào chưa thì Thầy chẳng biết. Nhưng, ấy quên mất rồi. Bây giờ không giống như ngày xưa có phải không? Thầy không nghĩ ngày nay tại thanh niên các con lại có đủ tiền để sống trác táng. Khi thầy và ba con cùng thầy con ở đây còn trẻ, bọn ta hay đâm đầu vào đủ mọi trò xấu xa.”

“Thưa Thầy, trong con có giống một sinh viên tầm thường không ạ?” tôi nói.

“Giống chứ,” Hòa thượng Zenkai trả lời, “và đó là cái đáng vẻ tốt nhất. Trông có vẻ tầm thường lại là điều hay hơn hết cả. Thiên hạ sẽ không còn nghi ngờ gì mình hết, thấy không?”

Hòa thượng Zenkai không hề có vẻ ham chuộng hư vinh. Những tăng sĩ có địa vị cao luôn luôn bị yêu cầu phê phán mọi thứ từ nhân vật tới hội họa và các món đồ cổ thường có cái tật là không bao giờ đưa ra được một lời đoán định dứt khoát về bất kỳ cái gì, vì sợ rằng sau này nếu tỏ ra lầm lẫn sẽ bị thiên hạ chê cười. Song le, lại có một loại Thiên tăng sẽ tức khắc đưa ra một nhận định độc đoán về bất cứ việc gì đang được bàn cãi, nhưng họ sẽ cẩn thận chọn lựa câu trả

lời sao cho có thể hiểu theo hai nghĩa hoàn toàn trái ngược với nhau. Hòa thượng Zenkai không phải là người như thế. Tôi biết rõ là nhìn thấy và cảm thấy làm sao thì ông nói làm vậy. Ông không đòi hỏi để tìm kiếm một ý nghĩa đặc biệt nào trong những sự vật phản ánh trong đôi mắt đơn thuần, sắc sảo của ông. Đối với Hòa thượng thì có nghĩa hay không cũng không thành vấn đề và hơn hẳn những cái khác, điều đã khiến tôi thấy Hòa thượng có vẻ vĩ đại như thế ấy và khi ngắm nhìn một vật nào đó - như khi nhìn tôi chẳng hạn - ông không hề cố ý làm ra vẻ khác người bằng cách nhìn đời theo một lối đặc biệt của riêng mình, trái lại luôn luôn có một lối nhìn y hệt người khác. Đối với vị Hòa thượng này thế giới chủ quan tự nó chẳng có ý nghĩa gì hết. Tôi hiểu điều ông cố gắng nói cho tôi nghe và dần dần tôi bắt đầu cảm thấy dễ chịu. Chừng nào người khác còn thấy tôi có vẻ tầm thường thì tôi còn tầm thường thực sự, và dù cho tôi có bạo dạn thực hiện một hành vi dị thường đến đâu đi nữa tôi cũng cứ giữ được cái vẻ tầm thường này giống như hạt gạo được sàng qua một cái sàng vậy.

Chẳng cần chút chủ tâm cố gắng nào tôi đã đi đến chỗ tưởng tượng ra chính mình là một lùm cây nhỏ bé, thâm lặng đứng sững trước mặt Hòa thượng.

“Bạch Thầy,” tôi nói, “có lúc nào cũng hành động theo đường lối mà thiên hạ chờ đợi nơi mình hay không?”

“Làm vậy không lúc nào cũng dễ dàng đâu. Tuy nhiên, bắt đầu hành động theo một đường lối khác, thì người đời cũng lại sẽ thấy thế là chẳng có gì là lạ lùng hết. Người đời dễ quên lắm, con ạ.”

“Bạch Thầy,” tôi hỏi, “giữa con người của con dưới mắt người đời và con người của con dưới mắt chính con, con người nào thực sự vững bền?”

“Chẳng mấy chốc cả hai sẽ cùng đi tới chỗ trù tuyệt. Dù cho con có cố gắng tự mình thuyết phục là con người của mình bền vững đến đâu đi chẳng nữa, cái con người của con chẳng chóng thì chầy cũng sẽ phải trù tuyệt. Trong khi con tàu đang chạy thì hành khách đứng im một chỗ; nhưng khi con tàu ngừng lại thì hành khách lại bắt đầu đi từ điểm ấy. Chạy mãi cũng có lúc chấm dứt rồi ngừng mãi rồi cũng có lúc chấm dứt. Cái chết mới là sự nghỉ ngơi tối hậu, song ngay cả sự nghỉ ngơi tối hậu ấy, mình cũng không thể biết là sẽ tiếp tục trong bao lâu nữa”.

“Xin thầy nhìn vào trong con người của con,” cuối cùng tôi nói, “con không phải hạng người như người đời nghĩ đâu. Xin Thầy hãy nhìn vào bản tâm của con.”

Hòa thượng đưa chén rượu lên miệng và nhìn tôi chăm chăm. Một sự trầm mặc đè nặng lên tôi giống như cái mái ngói Lộc Uyển tự đen ngòm to lớn, ướt sũng nước mưa. Tôi rùng mình run bần người lên. Thế rồi bất thành lình Hòa thượng nói bằng một giọng cười hết sức rõ ràng: “Chẳng cần phải nhìn vào lòng con làm gì. Chỉ cần nhìn vào mặt con là người ta có thể thấy hết.”

Nghe lời nói của Hòa thượng tôi cảm thấy mình đã hoàn toàn được hiểu thấu tới tận đáy lòng. Lần đầu tiên trong đời tôi trở nên hoàn toàn trống rỗng. Giống như nước thấm nhập vào

sự trống rỗng này, sự hăng hái thực hiện cái hành vi đó lại bắt đầu vọt lên mạnh mẽ.

Lão sư phụ trở về chùa. Lúc đó gần chín giờ tối. Như thường lệ, một nhóm bốn đứa sẽ đóng vai cảnh bị đi tuần lần cuối. Chẳng có vẻ gì là khác thường cả. Lão sư phụ uống rượu với lão Hòa thượng Zenkai. Quá nửa đêm khoảng nửa giờ một trong những thằng bạn tôi đến dẫn vị khách về phòng riêng của ông. Sau đó Lão sư phụ đi tắm - hoặc “khai dục” theo lối nói trong chùa - và vào lúc một giờ sáng hôm sau, khi phiên canh đêm đã chấm dứt, ngôi chùa hoàn toàn yên tĩnh. Bên ngoài mưa vẫn lặng lẽ rơi.

Tôi trải tấm mền trên sàn nhà. Tôi ngồi đó một mình, trầm tư ngắm màn đêm phủ kín ngôi chùa. Bóng đêm mỗi lúc một dày đặc hơn, nặng nề hơn. Những hàng cột lớn và khung cửa gỗ của căn phòng nhỏ bé nơi tôi đang ngồi trông có vẻ đang chịu đựng một cái đêm xưa cũ này một cách trang nghiêm, khắc khổ.

Tôi thì thầm lắp bắp trong miệng. Như thường lệ trên môi tôi chỉ có một tiếng gọn thon lớn làm tôi bực tức vô cùng; chẳng khác gì khi mình thọc tay vào một cái bị tìm mãi một thứ mà không thấy lại cứ vớ mãi một thứ khác mà mình không muốn tìm. Trọng lượng và nồng độ của nội giới tôi thật giống trọng lượng và nồng độ của đêm nay, và lời nói của tôi kêu cọt kẹt giống như một thùng nước nặng đang được kéo lên từ một cái giếng sâu của đêm tối.

Bây giờ chẳng còn bao lâu nữa, tôi nghĩ; mình chỉ cần làm sao kiên tâm thêm một chút nữa thôi. Chiếc chìa khóa hoen rỉ mở tấm cửa nằm giữa nội giới và ngoại giới của tôi sẽ xoay yên ở trong ổ khóa. Nội giới của tôi sẽ được quạt mát khi có một làn gió tự do nhẹ thổi giữa nó và ngoại giới. Chiếc thùng mức nước giếng sẽ được kéo lên, nhẹ nhàng đưa đẩy trong gió và tất cả sẽ mở rộng ra trước tôi trong hình dạng một cánh đồng rộng lớn, bao la và mật thất sẽ bị hủy diệt... Bây giờ nó ở ngay trước mắt tôi và tôi sắp sửa vươn tay với lấy nó...

Tôi thấy lòng tràn ngập hạnh phúc khi ngồi đó trong bóng tối khoảng một tiếng đồng hồ. Tôi cảm thấy suốt đời hứa bao giờ tôi được sung sướng đến như thế. Đột nhiên tôi đứng lên rời bỏ bóng tối.

Tôi lén lút mò mẫm đi về phía sau Đại Thư Viện và xỏ chân vào đôi giày cỏ mà tôi đã dụng ý xếp sẵn từ trước. Thế rồi dưới làn mưa lất phất, tôi cất bước dọc theo rãnh nước đằng sau Lộc Uyển tự hướng về phía tác sự trường. Trong tác sự trường không có gỗ xẻ rồi, song sàn nhà thì đầy những mảnh vụn mà mùi nước mưa ướt sũng còn phảng phất khắp gian phòng. Phòng làm việc cũng còn được dùng để chứa rơm rạ. Người ta thường mua một lúc bốn mươi bó rơm loại này, nhưng đêm ấy trong đồng rơm cũ chỉ còn sót có ba bó thôi.

Tôi ôm ba bó đem về men theo bờ ruộng. Nhà bếp hoàn toàn im lặng. Tôi đi vòng vèo theo góc nhà bếp và tới phía sau cái liêu của ông Chấp sự. Bất thành linh ánh đèn bật sáng trong khung cửa sổ nhà xí. Tôi ngồi thụp xuống.

Tôi nghe tiếng người khạc nhổ trong nhà xí. Nghe giống tiếng như ông Phó ti. Rồi tôi lại nghe thấy ông đi tiểu. Nghe như kéo dài không bao giờ dứt.

Tôi sợ là rơm có thể bị mưa ướt hết. Trong lúc ngồi thụp xuống tôi ôm chặt mấy bó rơm trong lòng cho rơm khỏi ướt. Mùi hôi từ nhà xí xông ra lại bị nước mưa làm cho thêm nồng nặc và lúc này nặng nề bám trên những cành cây dương xỉ. Tiếng nước tiểu trong nhà đã ngưng bật, và rồi tôi nghe tiếng chân người va vào vách gỗ. Hiển nhiên là ông Phó ti vẫn chưa hoàn toàn tỉnh rượu nên bước đi hầy còn chệch choạng. Ánh đèn trong khung cửa sổ tắt ngúm. Tôi ôm bó rơm lên và đi về phía sau Đại Thư Viện.

Tài sản của tôi vốn vẹn chỉ gồm có một cái giỏ mây trong đó tôi để những đồ riêng và một cái va ly nhỏ cũ kỹ. Tôi định tâm đốt hết cả mấy thứ này. Lúc sắp tối tôi đã gói hết sổ sách, áo quần cùng nhiều thứ lặt vặt rẻ tiền khác trong hai thứ này. Tôi hy vọng người ta sẽ nhận thấy là tôi thu xếp tất cả cẩn thận đến đâu. Những thứ như bộ cộc màn rất có thể còn gây nên tiếng động nếu tôi vác theo, và những đồ vật không bắt lửa nữa như cái đựng tàn thuốc, cái cốc và lọ mực - những thứ sẽ để lại làm chứng cho hành vi của tôi - tôi đã gói kẹp vào giữa mấy cái đệm ngồi và cuốn trong một tấm khăn tắm. Tôi để những thứ này riêng ra một chỗ. Thêm vào đó, tôi phải đốt một cái nệm và hai cái mền. Tôi chuyển tất cả những đồng hành lý công kênh này, từng cái một, tới phía sau Đại Thư Viện, rồi đem chất thành đống trên mặt đất. Sau đó tôi đi vào Kim Các để nhắc cánh cửa gỗ mặt bắc ra theo cách tôi đã nói trước đây.

Những cái đan, hết cái này đến cái khác, bật ra dễ dàng như thể chúng đã được đóng vào một cái giường bằng đất thó. Tôi đưa cả người để đỡ cánh cửa gỗ xiêu nghiêng, mặt phiến gỗ ướt át mục nát phồng lên nhẹ nhàng cọ nhẹ vào má tôi. Cánh cửa không đến nổi nặng như tôi tưởng. Sau khi đã nhắc được cánh cửa ra, tôi đặt ngang xuống đất. Bây giờ tôi có thể nhìn vào bên trong Kim Các. Bên trong tối mịt mù.

Cánh cửa rộng vừa đủ để mình có thể nghiêng người mà lách vào trong. Tôi đâm mình vào bóng tối mịt mù của Kim Các. Thế rồi một khuôn mặt lạ kỳ chợt xuất hiện làm tôi sợ run bắn cả người. Vì tôi cầm một que diêm đang cháy, nên khuôn mặt tôi phản chiếu trên tủ kính đựng mô hình Kim Các.

Lúc này không hẳn là lúc làm những việc như thế, nhưng bây giờ tôi dừng chân đứng lại và trừng trừng nhìn mô hình Kim Các bên trong tủ kính. Ngôi Kim Các nhỏ bé này đã được ánh sáng que diêm tôi đang cầm chiếu sáng rực lên, hình ảnh nó rung rinh và cái khung gỗ xinh đẹp của nó khom mình đứng đó đầy vẻ bất an, khó chịu. Rồi bất chợt nó bị bóng tối nuốt chửng. Que diêm tôi cầm đã tắt ngúm.

Kể cũng lạ lùng thực, cái đốm lửa đo đỏ ở cuối que diêm đã làm tôi hồi hộp, luống cuống và tôi đã cẩn thận giẫm chân dập tắt nó đi, y như cái canh chàng sinh viên tôi đã từng nhìn thấy ở chùa Diệu Tâm hôm nọ. Tôi lại đánh que diêm khác nặng nề đó ra tận bờ ao phía đông Kim Các. Từ đây tôi có thể nhìn thấy mỏm Dạ Bạc thạch ở giữa ao ngay trước mặt. Tôi đứng dưới một khóm thông khó khăn lắm mới tránh khỏi bị mưa ướt.

Bầu trời đêm phản ánh làm cho mặt ao có một màu trắng đục mờ. Đám cây sùng dày rậm làm cho mặt ao trông như thể mặt đất liền và chỉ nhờ thỉnh thoảng có một vài khoảng trống người ta mới biết là có nước dưới lớp màn dày đặc ấy. Chỗ tôi đứng mưa không rơi nặng hột

lắm để có thể tạo thành những gợn sóng lăn tăn. Mặt ao bốc hơi dưới làn mưa và có vẻ hình như trải dài về phía xa xa tới vô tận. Không khí đầy hơi ẩm.

Tôi nhặt hòn sỏi ném xuống mặt nước. Hòn sỏi rơi đánh tồm một cái làm cho tôi tưởng như không khí quanh tôi hình như đã rạn nứt. Tôi khom mình ngồi trong bóng tối một lúc, nín hơi hoàn toàn, hy vọng là nhìn sự im lặng của mình tôi có thể đánh tan cái tiếng động mà tôi đã vô tình tạo nên.

Tôi nhúng tay xuống nước, những cọng hoa súng âm ỉm bám chặt vào ngón tay tôi. Thoạt tiên tôi buông cái cọc màn khỏi những ngón tay ướt át của mình cho tuột xuống nước. Sau đó tôi nhận chìm cái đựng tàn thuốc xuống ao làm như thể đang cọ rửa. Tôi thả cái cốc và lọ mực xuống ao cũng theo cách đó. Như thế là đã lo liệu xong xuôi cho tất cả những thứ gì cần phải ném xuống nước. Bên tôi chỉ còn lại cái nệm ngồi và tấm khăn ăn trong đó tôi gói những vật này. Bây giờ chỉ còn có việc đem hai vật này đến trước pho tượng Yoshimitsu và sau hết phóng hỏa đốt chùa.

Đúng như tôi đoán trước, vào chính lúc này bỗng dưng tôi chợt thêm ăn lạ lùng; nhưng chẳng những không làm cho tôi dễ chịu, cơn đói lại còn khiến tôi cảm thấy như đã bị phản bội. Tôi vẫn còn mang theo cái bánh mì ngọt và những miếng bánh đậu xanh mà tôi đã ăn dở từ hôm trước. Tôi lau hai bàn tay ướt vào gấu áo chèn rồi lấy bánh ra ăn ngấu ăn nghiến. Chẳng thấy mùi vị gì cả. Dạ dày tôi gào thét đòi ăn và chẳng để ý tí gì tới mùi vị. Tôi còn có thể chăm chú nhét lấy nhét để từng bánh ấy vào miệng kể cũng lạ thực. Tim tôi đập thình thịch. Khi nuốt xong chỗ bánh, tôi vò tay vốc nước ao mà uống.

Chỉ còn chút xíu nữa tôi bước vào môi trường hành động. Tôi đã chuẩn bị xong xuôi để hành động, và bây giờ tôi đang ở mức cuối cùng của những sự chuẩn bị ấy. Bây giờ chỉ còn có một mỗi việc là lao mình vào hành động thực sự. Chỉ cần cố gắng chút xíu thôi là tôi có thể đạt tới hành động ấy rồi.

Không một lúc nào tôi lại có thể mộng tưởng là một cái vực sâu rộng đủ để nuốt chửng đòi tôi lúc này đang mở rộng ra giữa tôi và điều tôi đã dự định làm.

Vì vào lúc ấy tôi ngẩng nhìn Kim Các Tự để vĩnh biệt nó lần cuối. Ngôi chùa đường nét không rõ rệt mịt mờ trong bóng tối đêm mưa. Nó đứng đó trong màn đêm dày đặc như thể chính nó là kết tinh của đêm sâu. Cố gắng trợn mắt mà nhìn tôi có thể nhận ra Cửu Cánh dính trên tầng ba, nơi toàn bộ tòa kiến trúc bất chợt thót nhỏ lại và cả rừng cột mảnh mai vây quanh Triều Âm động và Pháp Thủy viện. Tuy vậy, những bộ phận bé nhỏ khác nhau của ngôi chùa trong quá khứ đã từng làm tôi say mê rung động biết bao nhiêu đến lúc này đã tan biến vào bóng tối một màu mờ mịt.

Tuy nhiên, mỗi lúc tôi lại thấy những hồi niệm về cái đẹp một mạnh mẽ hơn, nên chính cái màn tối này đã bắt đầu tạo nên một bối cảnh mà trên đó tôi có thể mặc tình gọi ra đủ mọi ảo ảnh. Toàn bộ những ý nghĩ của tôi về cái đẹp ẩn núp bên trong hình thái u ám, lom khom này. Nhờ sức mạnh của hồi tưởng, những nét đẹp khác nhau bắt đầu lần lượt lấp lánh nhô khỏi bóng

tối bao quanh; rồi lấp lánh mỗi lúc một lan rộng hơn cho đến khi nhìn dần dà toàn bộ ngôi chùa nhô lên trước mắt tôi dưới chính cái ánh sáng kỳ lạ của chính thời gian chẳng ra ban ngày mà cũng chẳng ra ban đêm. Từ trước đến giờ chưa lúc nào Kim Các Tự lại hiện ra trước mắt tôi dưới một dáng vẻ hoàn toàn như thế, chưa lúc nào tôi nom thấy nó lấp lánh từng chi tiết cho đến thế. Thật như thế tôi đã vớ một thị lực của một người mù. Ánh sáng từ chính ngôi chùa phát ra đã làm cho tòa nhà trở thành trong suốt và đang lúc đứng bên bờ ao tôi có thể từ bên ngoài nhìn thấy thực rõ những bức tranh trên trần nhà vẽ các vị tiên tấu nhạc bên trong Triều Âm động và những phần còn lại của phiến lá vàng xưa cũ trên tường Cửu Cánh đỉnh. Phần bên ngoài xinh xinh của Kim Các Tự đã hòa lẫn với phần bên trong. Đưa mắt thu lấy toàn cảnh, tôi có thể thấy rõ đường nét sáng tỏ của chủ đề cấu tạo và sự cụ thể hóa chủ đề ấy trong các cố gắng khẳng khẳng lập đi lập lại, trong lối trang trí kỳ khu, trong hiệu quả của những sự đối chiếu và đối xứng. Hai tầng dưới, Pháp Thủy viện và Triều Âm động cùng một kích thước với nhau, và tuy có khác nhau đôi chút song cả hai cùng có mái hiên sâu thẳm phủ che thực giống như hai giấc mộng sóng đôi, như những kỷ niệm của hai niềm khoái lạc chập chùng.

Hai tầng dưới, khi tầng này vừa muốn chìm trong lãng quên thì tầng kia liền nhẹ nhàng nhắc nhở sự hiện hữu của mình khiến cho mộng mơ trở thành thực tại và khoái lạc hiện hình nên kiến trúc.

Nhưng rồi hình dáng chột thót lại của Cửu Cánh đỉnh ở tầng ba, ngắt ngưỡng trên hai tầng dưới giống nhau như đúc này, lại làm sụp đổ ngay sự hiện thực vừa một lần rõ rệt và dẫn dắt nó tuân theo nền triết học cao kỳ của một thời đại vàng son rực rỡ. Và chót vót trên mái gỗ, con chim phượng hoàng bằng đồng thau vàng óng đang quay mặt nhìn đêm dài tăm tối âm u.

Tuy vậy, nhà kiến trúc vẫn chưa thỏa mãn. Ở phía tây Pháp Thủy viện ông ta còn xây thêm Thấu Thanh nhỏ xíu nhô ra bên ngoài như một điệu điện. Thật như thế nhà kiến trúc đã đem hết sức mạnh thẩm mỹ của mình để đập nát nét cân xứng của tòa nhà. Vai trò của Thấu Thanh trong toàn thể kiến trúc này là một sự phản kháng siêu hình. Tuy rõ ràng là nó không vươn ra quá xa trên mặt ao, song trông như thể nó đang vĩnh viễn chạy đi khỏi trung tâm của Kim Các Tự. Thấu Thanh giống như một con chim cất cánh từ phần chính của tòa kiến trúc bay vút lên cao, giống như một con chim chỉ một lát trước đây đã giang rộng đôi cánh và đang bay thoát về phía mặt ao, về phía tất cả những gì thuộc về hiện thế. Ý nghĩa của Thấu Thanh là bắc một nhịp cầu giữa những trật tự quy định thế giới và những sự vật hoàn toàn không có quy định gì hết, như quan năng hoàn toàn thiếu trật tự. Đúng thế. Linh khí của Kim Các bắt đầu từ Thấu Thanh này, giống hệt một nhịp cầu đã bị cắt đứt ở chính giữa; với nó tạo thành một lầu gác ba tầng, rồi một lần nữa lại bay đi trốn khỏi cầu này. Vì lẽ sức mạnh bao la của quan năng từng lấp lánh trên mặt ao này là nguồn gốc của cái sức mạnh tàng ẩn đã cấu tạo thành Kim Các; nhưng sau khi đã được xếp đặt vào trật tự và ngọn tháp ba tầng xinh đẹp đã thành hình, thì sức mạnh này chỉ còn một cách là men theo Thấu Thanh mà trốn trở lại mặt ao, trở lại vẻ óng ả vô hạn của quan năng, trở lại cố hương của nó. Trong quá khứ mỗi lần nhìn sương mù buổi sáng hoặc sương mù buổi chiều vẫn vơ trên Kính Triều trì là tôi lại bị vấn cái ý nghĩ này ám ảnh - nghĩ rằng đây là nơi trú ngụ của cái sức mạnh quan năng tràn trề khởi đầu xây nên Kim Các.

Và cái đẹp đã bao gồm những tranh giành, những mâu thuẫn cùng những điều bất hòa ở các

bộ phận của tòa nhà này - và hơn thế nữa, chính cái đẹp đã ngự trị lên tất cả! Kim Các đã được cây cất bằng bụi vàng trong đêm tối dày đặc, âm u giống hệt như một bài kinh đã được tỉ mỉ khắc từng chữ một bằng chất bụi vàng lên những trang sách xanh đậm. Tuy thế, Tôi không rõ có phải cái đẹp một mặt đã có tính cách đồng nhất với chính Kim Các hay không, hoặc mặt khác có tính cách đồng chất với đêm tối hư vô đang bao quanh ngôi chùa hay không. Có lẽ cái đẹp là cả hai thứ đó. Nó vừa là bộ phận nhỏ bé vừa là toàn thể tòa kiến trúc, vừa là Kim Các vừa là đêm tối bao trùm Kim Các. Nghĩ đến đây tôi cảm thấy vẻ đẹp không thể giải thích của Kim Các, trong quá khứ đã từng day dứt, hành hạ tôi quá nhiều, đang được giải thích một nửa rồi. Nếu mình quan sát vẻ đẹp của từng bộ phận nhỏ bé - những cây cột gỗ, những hàng song sắt, những cửa chớp, những bản đường hộ, những hoa đầu song, cái mái làm theo lối Bảo hình - Pháp Thủy viện, Triều âm động, Cửu Cánh đỉnh, Thấu Thanh - bóng ngôi chùa soi trên mặt ao, những cây thông, phải, ngay cả chỗ đậu thuyền nữa - cái đẹp chưa bao giờ có đủ trong bất kỳ một bộ phận nhỏ bé nào, vì mỗi bộ phận nhỏ bé lại gọi ra vẻ đẹp của mỗi bộ phận nhỏ bé kế tiếp. Chính vẻ đẹp của mỗi bộ phận nhỏ bé tự nó đã luôn luôn chứa đầy sự bất an. Nó mơ đến sự toàn bích nhưng nó không hề biết đến thế nào là toàn bích và cứ luôn luôn bị vẻ đẹp tiếp theo - cái vẻ đẹp chưa ai hay biết - lôi cuốn. Điềm báo này gắn liền với điềm báo khác, và chính như thế những điềm báo khác nhau của một *vẻ đẹp không có thực* đã làm chủ đề sâu kín cho Kim Các Tự. Những dự triệu như thế là điềm báo của hư vô. Hư vô là cấu tạo thực sự của vẻ đẹp này. Do đó từ sự chưa hoàn toàn bị nằm trong những bốn phận nhỏ bé khác nhau của cái đẹp này dự triệu của hư vô tự động xuất hiện và tòa kiến trúc tiêm tể này, kiến tạo bằng những tấm gỗ mảnh mai, đã run rẩy báo trước hư vô, giống như một chuỗi hạt ngọc đeo trên cổ rung rinh trong gió vậy.

Tuy nhiên, chưa một lúc nào vẻ đẹp của Kim Các chấm dứt cả! Vẻ đẹp của nó luôn luôn vang âm ở một chỗ nào đó. Giống như một người nhả nhó vì ù tai, dù ở nơi nào, bất cứ lúc nào tôi cũng nghe thấy âm hưởng vẻ đẹp của Kim Các và tôi đã thấy quen tai. Nếu mình so sánh một vẻ đẹp này với âm thanh thì tòa kiến trúc giống như một quả chuông nhỏ bé bằng vàng đã ngân vang đến năm thế kỷ rồi, hoặc giả giống như một cây đàn nhỏ. Nhưng nếu âm thanh ấy mà tắt đi thì sao?

Tôi thấy mệt mỏi quá chừng.

Bên trong Kim Các trong bóng tối, tôi vẫn có thể nhìn thấy rõ ràng Kim Các trong mộng ảo của tôi. Nó vẫn còn chưa hết lấp lánh. Hàng song sắt của Pháp Thủy viện ở bên bờ nước lui lại một cách hết sức khiêm cung, trong khi trên mái hiên, hàng song sắt của Triều Âm động có các đòn tay theo lối Thiên Trúc chống đỡ mơ màng ưỡn hẳn ngực ra về phía mặt ao. Phản ánh trên mặt ao, các mái hiên rọi sáng lấp lánh, và mặt nước rung rinh đã tự rập rờn phản chiếu lên các mái hiên ấy. Khi Kim Các phản ánh mặt trời chiều và rạng rỡ dưới ánh trăng thì chính ánh sáng của mặt nước đã làm cho toàn thể tòa kiến trúc này trông giống như đang bí mật bùng bình trôi xa và đang vỗ cánh bay. Do phản ánh cả mặt nước đã làm cho toàn thể tòa kiến trúc này trông như đang bí mật bùng bình trôi xa và đang vỗ cánh bay. Do phản ánh của mặt nước rập rờn, những sợi dây kiên cố buộc giàng hình thái Kim Các đã bị nói lỏng ra, và vào những lúc đó Kim Các hình như đã được kiến tạo bằng những vật liệu giống như gió, nước và lửa vĩnh viễn giao động.

Vẻ đẹp này thật không có gì sánh kịp. Và bây giờ thì tôi hiểu vì đâu mà tôi thấy mỗi một gómg ghê đến thế. Vẻ đẹp ấy đang chớp lấy cơ hội cuối cùng để ra sức nắm lấy tôi và trói buộc tôi bằng sự bất lực đã biết bao lần trói tay tôi trong quá khứ. Tay chân tôi co rút hẳn lại. Một phút trước đây, chỉ còn một bước nữa là tôi đi tới cái hành vi ấy, nhưng bây giờ một lần nữa tôi đã thụt lùi lại mãi tới đằng sau.

“Mình đã chuẩn bị hết rồi,” tôi thì thầm tự nhủ, “và chỉ còn một bước nữa là đạt tới hành động. Sau khi đã mơ tưởng hành động trọn vẹn đến như thế, sau khi đã sống giấc mơ ấy trọn vẹn đến như thế, thì thực ra liệu có còn cần phải thực hiện hành vi ấy nữa không? Tới mức độ này liệu một hành vi như thế có lẽ sẽ hoàn toàn vô ích hay chẳng?”

“Có lẽ Kashiwagi đã nói đúng khi bảo rằng điều làm thay đổi thế giới không phải là hành động mà là nhận thức. Cùng các loại nhận thức đã cố gắng mô phỏng hành động tới mức tối đa. Nhận thức của tôi thuộc về loại này. Và đó là loại nhận thức đã làm cho hành động thực sự trở nên vô hiệu. Vậy thì, phải chăng chính cái nhận thức tối hậu là *tôi chẳng cần phải thực sự hành động* đã là lý do tất cả những chuẩn bị vô cùng chu đáo của tôi.

“Đúng, đúng thế. Hành động bây giờ chỉ là một việc thừa thãi. Nó đã nhô ra khỏi cuộc sống, nó đã nhô ra khỏi ý chí của tôi và lúc này đang đứng trước mặt tôi, giống như một bộ máy bằng thép tách rời, giá lạnh chờ lúc bắt đầu chạy máy. Xét ra như thế thì không có một chút gì ràng buộc nào giữa tôi và hành động của tôi. *Cho tới điểm này* từ trước đến nay Tôi vẫn còn là Tôi, từ đây trở đi Tôi không còn là Tôi nữa. Làm sao tôi lại dám không còn là tôi nữa nhỉ?”

Tôi ngã người vào gốc cây thông. Lớp vỏ cây ướt lạnh làm tôi say sưa, ngây ngất. Tôi thấy cảm giác này. Sự mát lạnh này chính là tôi. Thế giới đã ngừng lại nguyên hình dạng; chẳng bao giờ còn có một thêm khát nào nữa và ở chính tôi cũng thỏa mãn hoàn toàn.

Tôi nghĩ mình phải làm thế nào đối với sự mỗi một gómg ghê này? Dầu sao tôi cũng cảm thấy gầy gầy trong người và lờ lờ một mỗi, hai tay tôi chẳng buồn cử động theo ý tôi nữa. Chắc chắn là tôi ốm mất rồi.

Kim Các hầy còn đang lấp lánh trước mắt tôi giống như cảnh sắc của Nhật Tướng Quan mà Shuntokumaru đã có lần nhìn thấy. Trong màn tối âm u của cặp mắt mù Shuntokumaru đã nhìn thấy mặt trời lặn nô đùa trên mặt biển Namba. Ông đã nhìn thấy Awagi Ishima, Suma Akashi và cả biển Kii nữa phản chiếu ánh tịch dương dưới một bầu trời không mây.

Toàn thân tôi hình như đã tê liệt và nước mắt luôn tuôn trào mãi mãi không thôi. Dù cho có ngồi mãi đến sáng và bị người ta phát hiện đi nữa tôi cũng chẳng cần. Tôi sẽ không nói lấy một lời để bào chữa.

Cho đến lúc này tôi đã kể dài dòng về trí nhớ kém cỏi của tôi ra làm sao từ lúc tôi còn thơ ấu, tuy nhiên tôi cũng cần nói rõ rằng một ký ức đột nhiên sống lại thường chứa đựng một sức mạnh khởi tử hồi sinh hết sức mạnh mẽ. Không phải là quá khứ mà thôi đâu. Có những ký ức về quá khứ lại có những lò so bằng thép rất mạnh, và khi chúng ta, những kẻ đang sống trong

hiện tại, sờ mó vào những lò xo ấy thì bất thành linh chúng bắn vọt ra rồi hất tung chúng ta về tương lai.

Trong khi thân xác tôi hình như tê dại thì tâm trí tôi đang mò mẫm ở nơi nào đó bên trong ký ức của mình. Một vài tiếng bồng bênh nổi lên trên mặt rồi lại biến mất. Tôi có vẻ như đã với tới chúng bằng đôi tay của tâm hồn, nhưng rồi một lần nữa chúng lại lẩn trốn đâu mất. Những tiếng ấy đang gọi tôi. Chúng đang tìm cách tiến tới gần tôi để cổ vũ cho tôi.

“Hãy nhìn đằng sau, hãy nhìn ra ngoài và nếu có bắt gặp thì mi hãy giết ngay.”

Đúng. Câu đầu tiên nghe giống như thế. Đoạn văn danh tiếng trong một tiết của cuốn *Lâm Tế Duyên Thị Chúng*. Rồi những tiếng còn lại cuồn cuộn dâng lên: “Gặp đức Phật, giết phút Phật đi! Gặp ông bà, giết phăng ông bà đi! Gặp La Hán, giết bếng La Hán đi! Gặp cha mẹ, giết quách cha mẹ đi! Gặp thân quyến, giết tuốt thân quyến đi! Chỉ khi nào làm được như thế, người mới mong đạt được giải thoát. Chỉ khi nào làm được như thế, người mới mong thoát khỏi những câu thúc của sự vật và mới được thung dung tự tại.”

Những lời nói này đã xô đẩy tôi thoát khỏi sự bất lực mà tôi đã rơi vào. Bất chợt toàn thân tôi tăng thêm sức mạnh. Một phần tâm hồn tôi vẫn còn nhắc nhở tôi rằng bây giờ mà làm việc ấy thì vô ích quá rồi; tuy nhiên, cái sức mạnh tôi mới tìm thấy lại không hề sợ vô ích nên tôi phải làm cho xong việc ấy.

Tôi cuộn chặt tấm khăn tắm trải bên cạnh tôi rồi kẹp vào nách cùng với chiếc gối. Thế là tôi đứng dậy. Tôi nhìn về phía Kim Các. Ngôi chùa lấp lánh trong mộng ảo của tôi đã bắt đầu nhạt màu. Bóng tối đang dần dần nuốt chửng hàng song sắt, và hàng cột mảnh mai cũng không còn sáng sửa rõ ràng. Ánh sáng tan chìm trên mặt nước và phản ảnh của nó dưới mái hiên cũng tan biến đi rồi. Chẳng mấy chốc mọi chi tiết đều chìm ngập trong màn đêm tối tăm và Kim Các không để lại gì ngoại trừ một đường nét mịt mờ, mơ hồ.

Tôi chạy. Tôi chạy quanh hướng bắc Kim Các. Chạy đã quen nên chân tôi không còn vấp ngã nữa. Màn tối cứ mở rộng mãi trước mắt tôi và chỉ đường cho tôi.

Từ bên bờ Thấu Thanh tôi nhảy sang Kim Các qua cánh cửa bản lề ở cổng chính phía tây mà tôi đã bỏ ngỏ. Tôi ném chiếc gối và tấm vải vào vào cái đồng tôi đã sửa soạn từ trước.

Tim tôi đập rộn rã và hai bàn tay ướt át của tôi đang run rẩy. Hơn nữa, bao diêm đã ướt sũng. Que diêm thứ nhất không cháy. Que diêm thứ hai sắp cháy thì lại gãy. Que diêm thứ ba bùng cháy và trong lúc tôi giơ tay che gió thì nó rọi sáng những kẻ tay tôi.

Sau đấy tôi phải tìm những bó rơm. Bởi vì, mặc dù chính tay tôi đã lôi ba bó rơm ra đây và đặt chúng ở ba nơi khác nhau, nhưng tôi đã quên bẳng đi mất không nhớ đã để ở những nơi nào. Đến lúc tôi tìm thấy những bó rơm đó thì que diêm đã tắt ngóm. Tôi cúi khom gần chỗ các bó rơm và lần này bật hai que diêm liền một lúc.

Ngọn lửa vẽ nên những hình bóng phức tạp của các bó rơm; và trong khi tiết ra cái màu sắc

rực rỡ chỉ thấy ở những miền hoang dã, ngọn lửa đã lan rộng bốn phía. Trong khi khói cuộn cuộn bốc lên tan vào không khí thì ngọn lửa ẩn mình trong đám khói trắng. Thế rồi, cách chỗ tôi đang đứng một chút, ngọn lửa bất chợt bùng lên, thổi phồng cái màn muối màu xanh. Tôi cảm thấy dường như tất cả chung quanh tôi đều trở đều bất thần trở nên sống động.

Vào lúc này đầu óc tôi hoàn toàn sáng suốt. Tôi chỉ còn có mấy que diêm. Tôi chạy tới góc phòng khác, cẩn thận bật một que diêm rồi châm vào bó rơm kế tiếp. Những ngọn lửa mới bùng lên làm cho tôi vững lòng. Trong quá khứ khi đi chơi với bạn bè và khi chúng tôi đốt lửa trại tôi luôn luôn tỏ ra hết sức khéo tay trong việc nổi lửa.

Bên trong Pháp Thủy viện một bóng đen to lớn lung linh đã vươn cao lên. Ba pho tượng của đức Phật Di Đà, Quan Âm và Thế Chí đều sáng rực. Pho tượng gỗ của Yoshimitsu lóe sáng đôi mắt, và hình bóng pho tượng rập rờn phía sau.

Hầu như tôi không hề cảm thấy hơi nóng. Khi nom thấy những ngọn lửa ngàn ngụt chuyển tới cái hộp đựng tiền cúng dường, tôi mới vững bụng là mọi việc đều trôi chảy cả.

Tôi quên bẳng mất chất thạch tín và con dao ngắn. Bỗng dưng tôi có ý muốn chết trong Cứu Cánh đỉnh ngập chìm giữa lửa đỏ. Thế rồi tôi chạy trốn ngọn lửa và leo lên cái cầu thang nhỏ hẹp. Tôi cũng chẳng còn thì giờ để tự hỏi vì sao cánh cửa dẫn tới Triều Âm động lại mở toang. Ông lão quản gia có lẽ đã quên đóng cửa tầng nhì.

Khói cuộn cuộn lửa đến sau lưng tôi. Vừa ho tôi vừa ngắm pho tượng Quan Âm mà người ta bảo là tác phẩm của Keishin và hình vẽ các thiên tiên đang tấu nhạc trên trần nhà. Dần dần làn khói lan rộng ngập Triều Âm động. Tôi chạy ngược lên cầu thang kế tiếp và cố sức mở Cứu Cánh đỉnh. Cánh cửa nhất định chẳng chịu mở cho. Cửa lên tầng thứ ba đã khóa chặt.

Tôi đập cửa. Hẳn tiếng đập phải dữ dội lắm, tuy nhiên vẫn không dội vào tai tôi. Tôi lấy hết sức mà đập cửa. Tôi cảm thấy ai đó ở bên trong có thể mở cửa cho tôi vào Cứu Cánh đỉnh, nhưng vì khói đang lừa theo sau nên tôi cuống quýt đập cửa ùng ùng như thể đang cố gắng tìm nơi lánh nạn. Đằng sau cánh cửa ấy chỉ có thể là một căn phòng nhỏ. Và vào lúc ấy tôi thấy ước mơ thống thiết là các bức tường của căn phòng nhỏ bé ấy hẳn phủ đầy những phiến lá vàng, mặc dù trong thực tế tôi thừa biết những phiến lá bằng vàng ấy đã rơi rụng hết rồi. Tôi không thể giải thích là không mơ ước căn phòng nhỏ bé sáng sủa ấy một cách tuyệt vọng đến mực nào trong khi đứng đó đập cửa ầm ầm. Tôi nghĩ ước gì mình tới đó được thì đầu đầy đều yên ổn hết. Ước gì tôi có thể tới căn phòng nhỏ bé lát những phiến lá vàng óng ấy.

Tôi lấy hết sức đập ầm ầm. Hai tay tôi không mạnh lắm nên tôi đã lao cả người vào cánh cửa. Thế mà cánh cửa vẫn không chịu bật ra.

Triều Âm động đã tràn ngập những khói. Tôi có thể nghe ngọn lửa kêu răng rắc dưới chân. Tôi bị ngập khói và gần như bất tỉnh. Vừa ho tôi vẫn vừa đập cửa ùng ùng. Thế mà cánh cửa vẫn không chịu bật ra.

Tôi chợt có ý thức rõ ràng là mình đã bị cự tuyệt và rồi tôi không còn lưỡng lự nữa. Tôi lao

mình xuống các bậc thang. Tôi đâm đầu chạy qua các lớp khói cuộn cuộn trong Pháp Thủy viện. Chắc là tôi đã chạy băng qua cả ngọn lửa nữa. Cuối cùng khi tới cửa phía tây, tôi lao mình ra ngoài. Thế rồi tôi cắm đầu chạy như bay như biển, chẳng cần biết là mình chạy tới nơi nào nữa.

Tôi chạy. Thật không sao tưởng tượng được là tôi đã chạy xa đến thế mà không ngừng lại nghỉ chân chút nào. Tôi chẳng nhớ rõ đã chạy qua những nơi nào nữa. Hẳn là tôi đã băng qua cổng hậu gần ngay Cung Bắc lâu ngay phía bắc ngôi chùa và tôi phải qua Minh Vương điện rồi ngược lên đường mòn trên núi hai bên có cỏ gianh và cây đỗ quyên mọc thành hàng, sau cùng lên tới tận đỉnh núi Tả Đại Văn Tự. Phải, chính khi tới gần đỉnh núi này, tôi mới ngả lưng nằm trong đồng cỏ bắc dưới bóng hàng cây xích tùng và cố gắng giữ cho tim mình khỏi đập như trống làng nữa. Đó là ngọn núi trấn bắc cho Kim Các Tự.

Tiếng kêu của mấy con chim giạt mình sợ hãi đã làm cho tôi hoàn hồn. Hoặc đó có thể là tiếng một con chim đập cánh bay sát mặt tôi.

Tôi nằm ngửa mặt nhìn bầu trời đêm. Tiếng bầy chim lao mình bay vút lên trên cá cảnh xích tùng và những tàn lửa mong manh, nho nhỏ, bây giờ thì đã thưa dần, bay bồng bênh trong bầu trời phía trên đầu tôi.

Tôi ngồi dậy và nhìn xuống dòng suối nhỏ chảy về phía Kim Các Tự. Một âm thanh kỳ lạ vang ngân từ đó tới chỗ tôi ngồi. Nghe như tiếng vô số người cùng một lượt bẻ lỏng tay kêu răng rắc.

Từ chỗ tôi ngồi mà nhìn về cũng không thấy rõ ngay cả hình ảnh Kim Các. Tôi chỉ còn thấy được làn khói cuộn cuộn vươn cao và ngọn lửa bốc thẳng lên bầu trời. Những bụi tro tản mát tạt qua tạt lại giữa những hàng cây và bầu trời của Kim Các Tự hình như chất nặng cát vàng.

Tôi bắt chéo hai chân ngồi ngắm cảnh ấy trong một lúc lâu.

Khi đã hoàn hồn, tôi thấy nhiều chỗ sưng bầm, sứt sẹo trên khắp thân mình và máu đang tuôn sôi sả. Các ngón tay tôi cũng nhuộm đầy máu, hiển nhiên là bị chảy máu từ lúc tôi lấy hết sức đập tay thành linh vào cánh cửa trong chùa. Tôi lè lưỡi liếm các vết thương y hệt một con thú vừa chạy thoát khỏi các tay thợ săn đang thè lưỡi liếm máu.

Tôi nhìn vào túi áo móc ra chai thuốc thạch tín, gói kỹ trong chiếc khăn tay và con dao díp. Tôi ném hết xuống đáy khe nước.

Sau đó tôi thấy trong túi bên kia còn bao thuốc lá. Tôi rút ra một điếu thuốc và bắt đầu hút. Tôi cảm thấy giống như một người vừa làm xong công việc đang ngồi vắt chân nghỉ ngơi hút thuốc phì phèo. Tôi muốn sống.

Hết

[1]Nguyên tác dùng chữ này và phiên âm. Tiếng Anh có nghĩa là tính dâm dật dâm dăng

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>